

JEFFREY ARCHER



A N O V E L

Truy Tìm Bức Tranh Thánh

iSach.info

Truy tìm bức tranh Thánh

Jeffrey Archer

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

<u>PHẦN MỘT</u>
<u>CHƯƠNG MỘT</u>
<u>CHƯƠNG 2</u>
<u>CHƯƠNG 3</u>
<u>CHƯƠNG 4</u>
<u>CHƯƠNG 5</u>
<u>CHƯƠNG 6</u>
<u>CHƯƠNG 7</u>
<u>CHƯƠNG 8</u>
<u>CHƯƠNG 9</u>
<u>CHƯƠNG 10</u>
<u>CHƯƠNG 11</u>
<u>PHẦN HAI</u>
<u>CHƯƠNG 12</u>
<u>CHƯƠNG 13</u>
<u>CHƯƠNG 14</u>
<u>CHƯƠNG 15</u>
<u>CHƯƠNG 16</u>
<u>PHẦN 3</u>
<u>CHƯƠNG 17</u>
<u>CHƯƠNG 18</u>
<u>CHƯƠNG 19</u>
<u>CHƯƠNG 20</u>
<u>CHƯƠNG 21</u>
<u>PHẦN BỐN</u>
<u>CHƯƠNG 22</u>
<u>CHƯƠNG 23</u>

Tóm tắt nội dung:

Khi chết, cha của Adam Scott chẳng để lại gì ngoài một bức thư mà chính ông chưa bao giờ mở ra. Adam e rằng chính bức thư sẽ mang lại tai họa cho gia đình anh. Không thực hiện lời hứa với mẹ, Adam đã mở bức thư này và ngay lập tức anh đã phải thừa nhận rằng cuộc đời anh sẽ không còn được như xưa nữa. Anh không còn có quyền lựa chọn, bởi đây là vấn đề, như cha anh nói: Danh dự. "...

Adam đọc lại bức thư một lần nữa, nhận ra bố đã tin cậy anh biết chừng nào. Tim anh thổn thức khi nghĩ đến bố đã uống phí cả một cuộc đời vì những lời xì xào bóng gió của những kẻ thuộc cấp - chính những kẻ đso cũng đã đưa sự nghiệp của anh sớm chấm dứt như thế này. Cuối cùng, sau khi đọc bức thư đến lần thứ ba anh gấp nhỏ lại và nhét lại vào phong bì. Rồi anh cầm chiếc phong bì trên bàn lên. Dòng chữ Đại tá Gerald Scott được viết bằng chữ đậm ngang qua phong bì, màu mực đã phai. Adam rút chiếc lược trong túi áo trong ra và luồn vào mép chiếc phong bì, chậm rãi rọc ra. Anh lưỡng lự một lát trước khi lấy ra hai trang giấy, cả hai đều đã ngả màu vàng vì thời gian. Một tờ có vẻ là một bức thư, còn tờ kia hình như là một loại chứng từ gì đó. Chữ thập ngoặc của Đức Quốc xã in trên đầu tờ giấy viết thư, phía trên là tên Reismarshal Hermann Goering. Tay Adam hơi run khi anh đọc dòng đầu tiên...".

-----oOo*oOo-----

MỤC LỤC

PHẦN MỘT

CHƯƠNG MỘT

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

PHẦN HAI

CHƯƠNG 12

CHƯƠNG 13

CHƯƠNG 14

CHƯƠNG 15

CHƯƠNG 16

PHẦN 3

CHƯƠNG 17

CHƯƠNG 18

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[PHẦN BỐN](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24](#)

[ĐOẠN KẾT](#)

PHẦN MỘT

KREMLIN MOSCOW

Ngày 19 tháng năm năm 1966

CHƯƠNG MỘT

KREMLIN, MOSCOW

19 tháng Năm 1966

- Đây là tranh giả.

Vị lãnh đạo nói và nhìn bức tranh nhỏ tuyệt đẹp ông đang cầm trong tay.

Đồng sự của ông đáp:

- Không thể thế được. Bức tranh *Thánh George và Con Rồng* của Sa hoàng vẫn được bảo vệ cẩn mật trong Cung điện Mùa đông suốt hơn năm mươi năm nay kia mà.

Người đàn ông luống tuổi đáp:

- Hẳn là như vậy rồi, Yuri. Nhưng suốt hơn năm mươi năm qua chúng ta chỉ bảo vệ một bức tranh giả. Nhất định Sa hoàng đã đem bức tranh thật đi đâu đó trước khi quân ta tiến vào St.Peterburg và chiếm Cung điện Mùa đông rồi.

Yuri cựa quậy không ngừng trong chiếc ghế bành trong khi trò mèo vờn chuột vẫn tiếp tục như vậy. Sau nhiều năm, với tư cách là một nhà lãnh đạo, Yuri biết rõ rằng ai đã trở thành con chuột từ lúc chuông điện thoại nhà ông réo vang vào lúc bốn giờ sáng hôm nay, báo tin vị lãnh đạo cấp cao yêu cầu ông đến ngay lập tức.

Người đàn ông nhỏ bé hỏi:

- Tại sao lại chắc chắn đó là tranh giả, Leonid Ilyich?

Yuri yêu quý của tôi ơi, bởi vì trong mười tám tháng qua người ta đã tiến hành thẩm định lại tuổi của tất cả các báu vật trong Cung điện Mùa đông bằng phương pháp phóng xạ Các bon, phương pháp hiện đại nhất và không bao giờ sai lầm – Vị lãnh đạo nói, cho thấy những hiểu biết của ông về các phát minh mới – Và cái mà chúng ta luôn cho là một trong những kiệt tác lớn nhất của quốc gia hoá ra được chép lại sau thời đại Rublev những năm trăm năm.

Yuri ngờ vực hỏi:

- Nhưng ai chép và chép để làm gì kia chứ?

Vị lãnh đạo nói:

- Các chuyên gia nói với tôi có thể đó là bản chép của một họa sĩ triều đình. Một tháng trước khi Cách mạng nổ ra, người ta giao cho ông ta nhiệm vụ chép lại bức tranh. Người phụ trách Bảo tàng ở Cung điện Mùa đông vốn luôn luôn lo rằng vành vương miện bằng bạc của Sa hoàng không được gắn chặt vào khung tranh, cũng như tất cả các báu vật quốc gia khác.

- Nhưng tôi luôn nghĩ rằng vành vương miện bạc ấy đã bị một tay săn đồ lưu niệm nào đó đánh cắp trước khi chúng ta tiến vào St.Petersburg.

Vị lãnh đạo nói, đôi lông mày chổi sể của ông nhướn lên như mỗi khi đã nói xong một vấn đề nào đó.:

- Không. Không phải là vành vương miện bạc của Sa hoàng bị đánh tráo, mà là bức tranh này.

- Yuri nói như tự hỏi mình:

- Vậy thì Sa hoàng có thể làm gì với bức tranh thật kia chứ?

Leonid đặt tay lên bức tranh nhỏ trước mặt nói:

- Đó chính xác là điều tôi muốn biết, anh bạn thân mến ạ - Ông nói thêm – Và anh chính là người được chỉ định để trả lời câu hỏi ấy.

Lần đầu tiên Yuri tỏ ra không tự tin lắm:

- Nhưng các anh có chút manh mối nào để tôi tiếp tục không?

Vị lãnh đạo thừa nhận:

- Rất ít ỏi.

Ông lật lật một tập hồ sơ lấy từ ngăn kéo trên cùng của bàn làm việc xuống và nhìn vào những dòng chữ đánh máy sin sít, đọc:

- Ý nghĩa của các bức tranh thánh trong lịch sử Nga.

Có ai đó đã đánh dấu trước trong suốt mười trang báo cáo, so đó vị lãnh đạo chỉ cần đọc lướt qua. Leonid có vẻ đặc biệt thích thú trang bốn. Sau khi giở nhanh ba trang đầu ông bắt đầu đọc to:

- Vào lúc Cách mạng nổ ra Sa hoàng Nicolas II coi tuyệt tác của Rublev như một tấm hộ chiếu để chạy sang phương Tây tự do. Chắc chắn Sa hoàng phải đã làm một phiên bản và để lại trong phòng làm việc cũ của mình, nơi vẫn thường treo bức tranh thật – ông nhìn lên – Ngoài điều này ra chúng ta chẳng có gì trong tay nữa cả.

Yuri có vẻ lúng túng. Ông vẫn thấy bối rối trước việc tại sao Leonid lại yêu cầu Ủy ban của ông tham gia vào vấn đề một bảo vật quốc gia không quan trọng lắm bị đánh cắp. Ông hỏi, cố tìm một dấu vết nào đó:

- Vậy việc chúng ta tìm ra bức tranh thật có tầm quan trọng như thế nào?

Leonid nhìn người đồng sự của mình:

- Không có gì có thể quan trọng hơn – câu trả lời vang lên thật kiên quyết – Và tôi sẽ đảm bảo cho anh mọi sự tài trợ mà anh thấy là cần thiết trong phạm vi nhân lực cũng như tài chính để điều tra ra bức tranh đó của Sa hoàng hiện ở đâu.

Yuri hỏi, cố giấu vẻ nghi hoặc:

- Nhưng nếu như quả là tôi hiểu đúng lời anh thì tôi có thể làm được những việc đáng giá hơn cái bức tranh ấy.

Leonid nói:

- Không thể thế được – Ông hơi ngừng lại để nhấn mạnh – Bởi vì tôi không quan tâm đến bản thân bức tranh – ông quay lưng lại Yuri và nhìn ra cửa sổ, ngừng lại một lúc mới nói tiếp – Số tiền Sa hoàng có được nhờ bán một kiệt tác như vậy chỉ đủ cho gia đình hắn với những thói quen xa hoa có thể sống vài tháng, nhiều nhất tới một năm là cùng. Không, điều mà chúng ta tin là Sa hoàng đã giấu trong bức tranh thánh đó một cái gì đó đủ có thể bảo đảm được an toàn cho bản thân hắn cùng gia đình trong những ngày còn lại. – Hơi nước đọng thành một vòng tròn mờ mờ trên khuôn cửa sổ trước mặt Leonid.

Yuri hỏi:

- Liệu có cái gì có thể giá trị như vậy?

- Anh có nhớ Sa hoàng đã đề nghị điều gì để đổi lấy mạng sống không?

- Vâng, nhưng hoá ra đó chỉ là một sự bịp bợm, bởi vì chẳng hề có một mẫu tài liệu nào được

giấu trong ... - Ông ta dừng lại trước khi buột ra mấy lời cuối “trong bức tranh Thánh ấy”.

Yuri đứng im nên không thể nhìn thấy nụ cười thắng lợi nở trên môi Leonid.

-Ồ, cuối cùng thì anh cũng đã nắm được ý tôi. Anh thấy chưa, tài liệu đó hiện vẫn còn ở trong bức tranh thật.

Vị lãnh đạo chờ thêm một lúc nữa mới quay lại và đưa cho Yuri một tờ giấy và nói:

- Trong bản tuyên thệ này Sa hoàng nói rằng chúng ta sẽ tìm thấy một vật được giấu trong bức tranh *Thánh George và Con Rồng*. Hồi đó người ta không tìm thấy gì cả và người ta đã cho rằng đó chỉ là một trò bịp của Sa hoàng để cứu cho gia đình hắn khỏi bị hành hình.

Yuri chậm rãi đọc bản tuyên thệ viết tay có chữ ký của chính Sa hoàng vài giờ trước khi bị xử tử. Chưa đọc xong dòng cuối cùng hai tay ông đã run lên bần bật, những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán. Ông nhìn lại bức tranh nhỏ tí có lẽ không to hơn một quyển sách, nằm trên bàn của Leonid.

- Từ đó đến giờ không một ai tin lời khai đó của Sa hoàng. Nhưng lúc này có thể đặt một chút nghi vấn là nếu chúng ta biết được nguyên bản của kiệt tác này nằm ở đâu, thì rất có thể chúng ta sẽ chiếm lại được tài liệu mà Sa hoàng đã hứa.

Yuri nói:

- Và với chữ ký của Sa hoàng kia sẽ không ai có thể khiếu nại chúng ta về quyền sở hữu hợp pháp đối với nó.

Vị lãnh đạo đáp:

- Điều đó sẽ được chứng minh một cách chắc chắn. Và tôi cũng tin rất chắc chắn rằng chúng ta sẽ nhận được sự ủng hộ của Liên hiệp quốc, cũng như của Tòa án Quốc tế một khi Hoa kỳ định chối bỏ quyền sở hữu hợp pháp đó của chúng ta. Nhưng tôi chỉ sợ thời gian sẽ chống lại ta mà thôi.

Yuri hỏi:

- Tại sao?

Vị lãnh đạo nói:

- Anh hãy nhìn vào thời gian cuối cùng trong bản tuyên thệ thì sẽ thấy chúng ta còn có được bao nhiêu nữa để tôn trọng những cam kết của mình.

Yuri nhìn xuống ngày tháng được viết nguệch ngoạc trên tờ giấy phía chữ ký của Sa hoàng. Hai mươi tháng Sáu, 1966. Ông đưa lại tờ tuyên thệ và hiểu rõ tầm quan trọng lớn lao của nhiệm vụ mà người lãnh đạo nhà nước đã tin cậy trao cho. Leonid tiếp tục:

- Như vậy, anh thấy đấy, chúng ta chỉ còn có một tháng nữa là hết thời hạn cuối cùng của thỏa thuận. Nhưng nếu như chúng ta tìm ra manh mối của bức tranh thật, thì chiến lược phòng ngự của Tổng thống Johnson sẽ trở thành vô nghĩa, và khi đó Hoa kỳ sẽ chỉ là một con tốt đen trên bàn cờ mà thôi.

CHƯƠNG 2

APPLESHAW, ENGLAND

Tháng Sáu, 1966

“Và cho con trai yêu quý duy nhất của tôi, Đại úy Adam Scott, Huân chương Chiến công, tôi để lại số tiền là năm trăm bảng”.

Mặc dù đã đoán trước là số tiền sẽ rất thảm hại, nhưng bất giác Adam vẫn nhੌm người lên một tí khi viên luật sư ngược mắt lên qua cặp kính hình bán nguyệt.

Viên luật sư già ngồi sau chiếc bàn rộng thênh thang ngẩng đầu nhìn người thanh niên đẹp trai trước mặt. Adam hồi hộp đặt tay lên mái tóc đen dày, chợt cảm thấy ý thức được cái nhìn chăm chăm của viên luật sư. Một lúc sau ngài Holbrooke lại đưa mắt nhìn xuống tờ giấy.

“Và cho con gái yêu dấu của tôi, Margaret Scott, tôi để lại số tiền bốn trăm bảng”.

Adam không thể kìm được khỏi mỉm cười. Thậm chí ngay cả trong những công việc cuối cùng cha anh vẫn là người theo chủ nghĩa Sôvanh

Ngài Holbrooke tiếp tục nói, không hề ái ngại cho cô Scott bất hạnh.

“Và cho Câu lạc bộ Cricket Hampshire, tôi để lại hai trăm bảng, với tư cách là một hội viên suốt đời” – Món đóng góp cuối cùng, Adam thầm nghĩ – “Cho bố già Contemplibles tôi để lại mười lăm bảng. Và cho nhà thờ Appleshaw Parish, tôi xin để lại mười bảng – Một quan hệ chết chóc, Adam giễu cợt – Cho Wilf Proudfoot, người làm vườn trung thành – mười bảng và cho bà Manx Cox, người quét dọn hàng ngày – năm bảng.

Và cuối cùng, cho Susan người vợ yêu quý của tôi, ngôi nhà và tất cả tài sản còn lại của tôi”.

Câu cuối cùng làm Adam bật cười thành tiếng bởi vì anh ngờ là tất cả tài sản của chẳng còn gì, thậm chí nếu người ta có bán công trái của ông cùng với cái Câu lạc bộ đánh gôn thời tiền chiến ấy, tổng số cũng không quá một nghìn bảng.

Nhưng mẹ là con gái của Trung đoàn, và sẽ không bao giờ kêu ca phàn nàn. Nếu Chúa có định ban tặng thánh hiệu để cân xứng với một số Đức giám mục La mã, thì thánh Susan của Appleshaw ắt sẽ sánh vai cùng Mary và Elizabeth. Suốt đời Bố - Adam thường gọi cha theo cách âu yếm ấy – đã đề ra những chuẩn mực đạo đức rất cao cho cả gia đình. Có lẽ chính vì thế mà Adam vẫn ngưỡng mộ cha hơn tất cả mọi người khác trên đời. Đôi khi chính ý nghĩ đó đã

khiến ông cảm thấy lạc lõng trong những năm sáu mươi chao đảo này.

Adam bắt đầu cựa quậy liên tục trong ghế, hy vọng mọi việc kết thúc nhanh. Anh cảm thấy càng sớm được rời khỏi căn phòng chật chội, lạnh buốt này bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Ông Holbrook một lần nữa ngẩng lên và hắng giọng tựa như sắp sửa thông báo ai sẽ được nhận một bức tranh của Goya, hoặc chuỗi kim cương của dòng họ Hapsburg không bằng. Ông đẩy đôi mắt kính hình bán nguyệt lên cao trên sống mũi và nhìn xuống đoạn cuối cùng trong bản di chúc của khách hàng của mình. Ba người còn sống của gia đình Scott ngồi im lặng. Adam nghĩ, không hiểu cha còn có gì thêm nữa nhỉ.

Dẫu cho đó là cái gì đi chăng nữa thì rõ ràng viên luật sư cũng đã cân nhắc nhiều lần trước khi nói, bởi vì ông đọc đoạn di chúc đó giống như một diễn viên giỏi nhập vai, ông chỉ phải liếc nhìn vào văn bản có mỗi một lần trong khi đọc.

- Và tôi cũng để lại cho con trai tôi – Ông Holbrookes ngừng lại một chút rồi đọc tiếp – chiếc phong bì kèm theo đây. Tôi chỉ có thể hy vọng chiếc phong bì này sẽ có thể đem đến cho con trai tôi những điều hạnh phúc hơn những gì nó đã đem lại cho tôi.

Adam gặp ánh mắt của em gái nhưng cô chỉ hơi lắc đầu chứng tỏ cũng bối rối chẳng kém gì anh. Anh liếc nhìn sang mẹ, rõ ràng bà vừa bị choáng váng. Liệu chiếc phong bì đó đáng sợ hay đáng lo buồn? Adam không thể nào đoán được. Không nói thêm một lời nào, ông Holbrookes đóng tập hồ sơ mỏng tanh đề tên đại tá Gerald Scott, huân chương Anh dũng, Sĩ quan Ngự lâm Vương quốc Anh, huân chương Quân công, Huân chương Chiến công. Ông đẩy lùi chiếc ghế và chậm rãi đứng lên đi về phía người vợ góa. Họ bắt tay nhau, bà nói: “Cám ơn ông”, một cách nhã nhặn nhưng yếu ớt. Adam cảm thấy dường như người duy nhất trong căn phòng này nhận được phần nào tí chút lợi ích trong cái nghi thức thực hiện di chúc này là ông Holbrookes, nghĩa là nhân danh hãng Holbrookes, Holbrooke Gascoigne.

Anh đứng dậy và vội vã bước đến bên cạnh mẹ, bà hỏi:

- Ông Holbrookes, ông vui lòng uống trà với chúng tôi chứ?

Viên luật sư nói:

- Thừa phụ nhân quý mến, tôi e là...

Nhưng Adam không buồn nghe tiếp. Rõ ràng phí dịch vụ đủ lớn để có thể miễn cho ông Holbrooke khỏi mất thì giờ đi uống trà với họ.

Khi mọi người đã ra khỏi văn phòng luật sư và yên tâm là mẹ và em gái đã ngồi yên ổn trên băng sau của chiếc xe con Moris Minor, Adam mới ngồi vào sau tay lái. Anh phải đỗ xe bên ngoài văn phòng của luật sư Holbrooke, ngay giữa phố. Các phố ở Appleshaw vẫn chưa có khu đỗ xe. Thậm chí trước khi anh mở chìa khóa điện để nổ máy, mẹ đã nêu lên một vấn đề thực tế:

- Chúng ta cần phải rũ bỏ cái xe này đi mới được. bây giờ mẹ không dám chạy xe nữa với cái giá sáu silling một galông xăng.

Margaret an ủi, nhưng trong giọng cô có cái gì đó thừa nhận mẹ nói đúng:

- Hôm nay mẹ không phải lo đến chuyện đó đâu – cô nói thêm muốn thay đổi đề tài câu chuyện – Adam, em thắc mắc không biết trong cái phong bì ấy có gì nhỉ?

Adam nói, muốn làm cho tâm trạng của cả ba người nhẹ bớt:

- Chắc là một bản chỉ dẫn tỉ mỉ phải điều tra xem năm trăm bảng của anh giấy ở đâu chứ gì.

Mẹ nói, nỗi sợ hãi lúc này lại trở lại trên gương mặt bà:

- Các con không được vô lễ trước cái chết như vậy. Mẹ đã van xin cha các con đốt cái phong bì ấy đi – bà nói thêm, giọng hầu như chỉ là thầm thì.

Adam mím môi khi nhận ra đó ắt phải là chiếc phong bì mà cha mẹ anh đã nhắc đến cách đây nhiều năm khi anh chứng kiến một cuộc cãi nhau giữa họ, điều anh chưa bao giờ thấy. Adam vẫn còn nhớ rõ cái hôm cha anh đã cao giọng và giận dữ đó là chỉ vài ngày sau khi ông từ Đức trở về.

Bố đã khẳng khái nói:

- Anh phải mở nó ra, em có hiểu không?

Mẹ anh đã đáp:

- Không bao giờ. Sau tất cả những gì em đã hy sinh vì anh, ít nhất anh cũng đền đáp lại bằng cách hứa với em điều đó chứ.

Kể từ cuộc cãi nhau ấy, suốt hai mươi năm qua, anh không hề nghe thấy bố mẹ nhắc đến vấn đề đó lần nào nữa. Lần duy nhất Adam nói chuyện đó với em gái cũng chẳng làm sáng tỏ thêm tí nào về vấn đề đã làm hai người cãi nhau ấy.

Adam đạp phanh khi họ đến một ngã ba.

Anh rẽ sang phải và tiếp tục lái xe ra vùng nông thôn dọc con đường nhỏ ngoằn ngoèo khoảng một dặm mới dừng chiếc Morris Minor lại. Adam nhảy xuống, mở chiếc cổng chắn ngang đường rồi đánh xe vào con đường nhỏ xuyên qua một bãi cỏ dẫn vào một ngôi nhà tồi tàn lợp tranh.

Mẹ anh nói:

- Chắc là con nên quay lại London ngay.

Đó là những lời đầu tiên của mẹ khi bà bước vào phòng.

- Mẹ, con không vội đâu. Chẳng có việc gì cần đến nỗi không thể gác đến mai được cả.

- Tùy con muốn thế nào cũng được, con yêu quý của mẹ ạ. Nhưng con không phải lo cho mẹ đâu.

Bà dăm dăm nhìn chàng thanh niên cao dong dỏng gọi nhớ cho bà biết bao về Gerald. Lẽ ra anh cũng đẹp trai không kém gì chồng bà nếu mũi anh không hơi gầy. Cũng mái tóc thẩm màu và đôi mắt sâu màu nâu, cũng khuôn mặt cởi mở, trung thực, thậm chí cũng vẻ lịch sự dễ gần đối với bất cứ người nào tiếp xúc với anh. Nhưng hơn tất cả là cũng vẻ thanh cao mà chính nó đã đưa gia đình họ đến tình trạng đáng buồn hiện nay.

- Với lại dù có thế nào thì lúc nào mẹ cũng đã có Margaret chăm nom rồi mà.

Adam nhìn sang em gái và băn khoăn không biết bây giờ làm thế nào cô có thể đương đầu với Thánh Susan của Appleshaw.

Margaret mới đính hôn với một anh chàng làm nghề mua bán cổ phiếu chứng khoán, và mặc dầu hôn lễ đã bị hoãn lại nhưng dù sao cô cũng vẫn muốn nhanh chóng bắt đầu cuộc sống mới của mình. Tạ ơn Chúa vì vị hôn phu của cô đã đặt cọc mua một ngôi nhà nhỏ chỉ cách đây có mười bốn dặm.

Sau khi uống trà và nghe một hồi độc thoại của mẹ về đức độ cùng với những bất hạnh của cha họ, Margaret rút lui để hai người ngồi lại. Cả hai đều yêu quý cha anh theo hai cách khác hẳn nhau, mặc dầu Adam cảm thấy rằng anh chưa hề để cho cha biết mình ngưỡng mộ ông đến thế nào.

Mẹ anh bút rút nói:

- Con yêu quý, bây giờ con không ở trong quân đội nữa, mẹ hy vọng con có thể tìm được một việc làm gì đáng giá.

Tựa như mẹ muốn nhớ lại điều đó đối với cha anh đã khó khăn như thế nào.

Anh đáp:

- Mẹ, con chắc là mọi chuyện sẽ tốt đẹp thôi – Anh nói thêm, hy vọng có thể làm mẹ yên tâm – Bộ Ngoại giao đã yêu cầu con đến để gặp lại.

Mẹ nói:

- Với lại con cũng còn có năm trăm bảng nữa. Điều đó sẽ làm con dễ hơn được phần nào.

Adam mỉm cười với mẹ, tự hỏi không biết lần cuối cùng mẹ ở lại London là từ hồi nào. Một căn phòng thuê chung với Lawrence với giá bốn bảng một tuần và thỉnh thoảng cũng còn phải ăn nữa. Mẹ nhướn mắt nhìn lên đồng hồ trên mặt lò sưởi và nói:

- Con ạ, mẹ nghĩ là con nên đi thôi. Mẹ không thích phải lo sợ vì con đi trên cái xe ấy khi trời tối đâu.

Adam cúi xuống hôn lên má mẹ:

- Mai con sẽ gọi điện cho mẹ.

Trên đường ra cửa anh thò đầu vào cửa bếp gọi em gái:

- Anh đi đây, và sẽ gửi cho em một cái séc năm mươi bảng.

Margaret như chột tỉnh từ một tâm trạng chìm đắm:

- Sao lại thế?

- Cứ tạm nói đó là một cú đấm của anh để ủng hộ nữ quyền đi.

Anh lịch sự đóng cửa lại để tránh không nhìn mớ quần áo lót trước mắt.

Adam khởi động chiếc BSA và lao xuống phố A 303, qua Andover rồi phóng về phía London. Bởi vì hầu như dòng xe cộ toàn từ thành phố đi ra và về phía tây, do đó anh dễ dàng phóng ngược lại, tới căn phòng của mình ở đường Ifield.

Adam quyết định chờ cho đến khi nào chỉ có một mình trong phòng mới mở cái phong bì. Thời gian gần đây cuộc sống của anh không có nhiều sự kiện sống động lắm, nên anh cảm thấy mình như bị kiệt sức bởi buổi lễ nhỏ nhỏ hôm nay. Rốt cuộc thì anh cũng đã chờ gần hết cả cuộc đời để khám phá ra trong cái phong bì đó có thể là cái gì.

Adam đã được nghe cha nhắc đến bi kịch gia đình đó hàng ngàn lần. Cha anh vẫn hay nhắc đi nhắc lại rằng: “Đó chỉ là một vấn đề danh dự, chuyện cũ mèm ấy mà”, rồi ông hất hàm, nhún vai. Cha Adam không nhận ra rằng ông đã gần như tốn cả đời để nghe những lời đàm tiếu nhỏ mọn của những người dưới quyền và chịu đựng những cái nguýt dài của những sĩ quan thường không hay có mặt ở nhiệm sở nhiều lắm. Rất nhiều người với rất nhiều kiểu suy nghĩ. Adam hiểu cha mình quá rõ và vô cùng tin tưởng vào ông cho nên không bao giờ, dù chỉ một giây nghi ngờ rằng cha mình có tham dự vào một chuyện dối trá ghê tởm như người ta xì xào. Một tay cầm tay lái, tay kia nắm chặt chiếc phong bì nằm sâu trong túi quần, hết như một cậu học trò trước ngày sinh nhật sờ nắn hình dạng món quà tặng, hy vọng đoán được đó sẽ là cái gì. Anh cảm thấy chắc chắn rằng dấu trong đó có là cái gì đi chăng nữa thì giờ đây khi cha anh đã chết, nó cũng chẳng thể đem lại lợi lộc cho bất cứ ai, nhưng điều đó không hề làm giảm sự tò mò của anh.

Anh cố gắng thử chấp nối những sự kiện ít ỏi đã được nghe suốt chừng ấy năm. Năm 1946, năm anh mười lăm tuổi, cha anh đã từ chức khỏi chức vụ của ông trong quân đội. Tờ *Time* đã miêu tả cha anh như một sĩ quan chiến thuật tài ba với nhiều chiến công dũng cảm. Việc ông từ chức khiến phóng viên tờ *Time* ngạc nhiên, làm cho mọi người trong gia đình kinh ngạc và cả trung đoàn choáng váng. Tất cả những ai biết ông đều cho rằng chỉ một vài tháng nữa là trên ve áo ông sẽ được thêu thêm hai thanh kiếm chéo và một cây gậy nữa.

Bởi vì sự ra đi đột ngột và không hề được giải thích của đại tá khỏi trung đoàn, thực tế càng làm tăng thêm những chuyện thêu dệt. Mỗi lần có ai hỏi thì tất cả những gì được đại tá đưa ra chỉ là ông đã chán chiến tranh và cảm thấy đã đến lúc kiếm một ít tiền để Susan và ông có thể yên hưởng tuổi già trước khi quá muộn. Thậm chí hồi đấy cũng đã có rất ít người tin vào câu chuyện của ông, và có tin thì cũng chẳng giúp được gì bởi vì công việc duy nhất mà ông làm được là một chân thư ký của một câu lạc bộ gôn địa phương.

Chỉ nhờ có lòng tốt của ông nội anh là Ngài Tư lệnh Peltham Westlake mà anh mới có thể tiếp tục theo học ở trường Cao đẳng Wellington, và nhờ đó mới có cơ hội để tiếp tục truyền thống gia đình là đeo đuổi binh nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp, người ta dành cho Adam một chỗ tại Học viện Quân sự Hoàng gia ở Sandhurst. Trong những ngày học ở Học viện Adam đã say mê nghiên cứu lịch sử quân sự, các chiến thuật, các quy trình của một trận đánh và vào những ngày nghỉ cuối tuần anh tập trung vào môn bóng bầu dục và bóng quần, luôn đạt được thắng lợi ở những khoá học trao đổi giữa các nước mà anh tham gia. Trong suốt hai năm trời các học viên ở Cranwell và Dartmouth lúc nào cũng nhìn thấy lưng anh bê bết bùn do chuẩn bị tranh chức Vô địch liên quân. Anh cũng

giành được chức vô địch quyền Anh hạng trung, mặc dầu bị một học viên người Nigeria đâm gậy mũi trong trận đấu của vòng chung kết. Anh chàng Nigeria đã phạm sai lầm khi tưởng rằng trận đấu đã kết thúc.

Tháng Tám năm 1956, Adam tốt nghiệp trường Sandhurst, anh đứng thứ chín trong số những người được nhận phần thưởng của Học viện, nhưng khả năng lãnh đạo của anh cũng như tấm gương sáng chói của anh ngoài lớp học khiến cho không một ai ngạc nhiên khi anh được nhận Thanh kiếm Danh dự của nhà trường trao tặng. Adam không hề nghi ngờ gì về việc kể từ nay anh sẽ nối tiếp cha để chỉ huy trung đoàn.

Trung đoàn Hoàng gia Wessex chấp nhận con trai của đại tá ngay sau khi anh nhận nhiệm vụ. Adam nhanh chóng chiếm được sự tôn trọng của binh lính cũng như chiếm được cảm tình của những sĩ quan vốn thông thường không thêm quan tâm đến danh tiếng của ai cả. Anh là một sĩ quan chiến thuật không ai sánh được và khi lâm trận rõ ràng là anh đã thừa hưởng một cách xứng đáng sự dũng cảm của người cha. Vậy mà sáu năm sau, khi Bộ Chiến tranh xuất bản cuốn Tạp chí London nêu tên những hạ sĩ quan được thăng lên lon đại úy lại không có tên Trung úy Adam Scott. Các bạn đồng ngũ của anh ở trung đoàn không giấu được ngạc nhiên, trong khi các sĩ quan lâu năm chỉ giữ im lặng. Đối với Adam thì như vậy đã quá rõ ràng là anh không được phép chuộc lại lỗi lầm mà người ta đã cho là cha anh đã phạm phải, dẫu cho đó có là lỗi gì đi chăng nữa.

Dĩ nhiên là cuối cùng Adam cũng được thăng cấp đại úy, nhưng đó là chỉ sau khi anh đã chiến đấu dũng cảm trong rừng rậm Malaysia với những đợt sóng không dứt của quân phiến loạn người Hoa. Anh đã bị bắt giữ làm tù binh và đã phải chịu đựng sự đơn độc và tra tấn – những điều mà không hề có một trường lớp nào từng huấn luyện cho anh. Mãi tám tháng sau khi bị bắt anh mới trốn thoát được và được biết rằng người ta đã truy tặng cho anh danh hiệu Anh dũng Bội tinh. Vậy mà ở tuổi hai mươi chín, sau khi đã qua được kỳ thi nhân viên đại úy Scott vẫn không được bổ nhiệm một chân nào ở ban tham mưu trung đoàn. Cuối cùng Adam đành chấp nhận một thực tế là sẽ không bao giờ có hy vọng trở thành trung đoàn trưởng. Mấy tuần sau đó Adam xin từ chức mà không cần phải nêu ra lý do cần kiếm tiền nhiều hơn giống như cha.

Trong những tháng cuối cùng còn phục vụ ở trung đoàn, Adam được mẹ cho biết là cha anh chỉ còn sống được vài tuần nữa. Anh quyết định không nói cho cha biết về việc anh từ chức. Anh biết cha anh sẽ chỉ tự trách mình và ít nhất anh cũng tạ ơn Chúa là cha anh đã chết mà không hề biết rằng nỗi hổ nhục đã trở thành một phần trong cuộc sống hàng ngày của con trai ông.

Về đến ngoại ô London, Adam lại nhớ đến vấn đề cấp bách là cần phải tìm được một chỗ làm, những ngày gần đây hầu như lúc nào anh cũng nhớ đến điều đó. Đã bảy tuần nay anh không có việc làm và Adam đã đến gặp chủ ngân hàng của mình nhiều hơn là với những nơi hứa hẹn cho anh việc làm. Sự thật là anh đã có một mối liên hệ khác với Bộ Ngoại giao, nhưng bị sức ép về khả năng rất cao của các ứng cử viên khác, để rồi nhận thức rất rõ là mình hoàn toàn thiếu một tấm bằng đại học. Mặc dầu vậy anh cảm thấy lần phỏng vấn đầu tiên có vẻ khá trôi chảy và nhanh chóng nhận ra rằng đã có khá nhiều cựu sĩ quan được nhận vào làm việc. Khi phát hiện ra rằng sếp của bộ phận tuyển chọn cũng là một sĩ quan có Huân chương Chiến công, thì Adam cho rằng có lẽ người ta không định chọn mình vào một công việc bàn giấy.

Lúc phóng mô tô vào đường Hoàng đế, một lần nữa Adam lại chạm ngón tay vào chiếc phong bì nằm trong túi trong và hy vọng là Lawrence vẫn chưa đi làm về. Adam không hề phàn nàn về bạn, bởi vì Lawrence đã vô cùng rộng lượng khi rủ anh thuê chung một căn phòng để chịu như vậy trong căn hộ rộng rãi với giá chỉ có bốn bảng một tuần.

Lawrence đã nói:

- Bao giờ người ta cho cậu là đại sứ thì cậu sẽ trả tớ nhiều hơn.

Adam đã nghe răng ra cười với người mà anh đã rất ngưỡng mộ ở Welling ton và đối đáp lại:

- Cậu đã bắt đầu có giọng của Rachmann rồi đấy.

Ngược lại với Adam, mọi thứ đối với Lawrence thì sao mà dễ dàng – những kỳ thi, việc làm, thể thao, đàn bà, đặc biệt là đàn bà. Khi anh thắng lợi rực rỡ tại vị trí của mình ở Ballion và đến nhận vị trí thứ nhất ở PPE, không một ai ngạc nhiên. Nhưng khi Lawrence chọn nghề ngân hàng thì các bạn đồng nghiệp của anh đã không giấu được vẻ không tin. Dường như đây là lần đầu tiên anh đặt chân lên một vấn đề có thể gọi là trần tục.

Adam đỗ chiếc mô tô ngay bên lề đường và nhận ra rằng, cũng giống như chiếc Morris Minor già nua của mẹ, chiếc mô tô này có lẽ nên đem bán đi nếu như chỗ làm ở Bộ Ngoại giao là hiện thực. Lúc đi vào căn hộ, một cô gái đi qua hơi liếc nhìn nhưng anh không nhận thấy. Anh nhảy ba bậc một lên cầu thang, lên đến tầng năm, anh vừa tra chìa khoá vào ổ thì một giọng nói từ trong nhà vọng ra:

- Chìa khoá ở trong ổ ấy.

Adam thầm nói:

- Mẹ kiếp.

Câu đầu tiên Lawrence hỏi khi anh bước vào nhà là:

- Mọi việc thế nào?

Adam đáp:

- Coi như là rất tốt.

Adam không biết nói gì thêm nữa, chỉ mỉm cười với anh bạn ở chung phòng. Lawrence đã thay bộ quần áo của nhân viên Trung tâm thương mại và Tài chính London bằng một chiếc áo sặc sỡ và chiếc quần len mỏng màu xám. Anh hơi thấp hơn và đậm người hơn, Adam với mái tóc cứng rất đẹp, vàng trái đồ sộ và đôi mắt trầm tư màu xám lúc nào cũng như đang đặt một câu hỏi. Lawrence nói thêm:

- Tớ rất ngưỡng mộ cha cậu. Lúc nào ông cũng nghĩ là mọi người ai cũng tốt như mình.

Adam vẫn còn nhớ là mình đã hồi hộp như thế nào khi giới thiệu Lawrence với cha mình trong một ngày lễ trao giải thưởng ở trường. Ngay lập tức hai người đã trở thành bạn của nhau. Nhưng đó là vì Lawrence không phải là người hay tin vào những lời đồn đại.

Lawrence hỏi nhẹ nhàng:

- Chúng ta vẫn có thể sống được chứ?

- Nếu mà cái ngân hàng đáng ngờ của cậu có cách nào có thể biến năm trăm bảng thành năm nghìn bảng trong vòng vài ngày được

- Anh bạn thân mến ơi, lúc này thì không thể nào làm điều đó, nhất là bây giờ khi mà Harold Wilson thông báo là không có gì thay đổi đối với đồng lương cũng như giá cả.

Adam mỉm cười nhìn bạn. Mặc dầu bây giờ anh đã cao hơn hẳn Lawrence, nhưng anh vẫn nhớ rõ hồi đó Lawrence giống như một người khổng lồ bên cạnh anh vậy.

Lawrence nói:

- Scott, lại muộn rôi.

Adam vẫn mong đến một ngày nào đó anh có thể làm mọi việc một cách thư thái, bề trên như vậy. Hay đó chỉ bởi vì Lawrence sinh ra đã thuộc về hạng người thượng lưu? Quần áo anh dường như lúc nào cũng được là rất phẳng, giày lúc nào cũng bóng loán và tóc không bao giờ rối. Đến bây giờ Adam vẫn không thể nào hiểu nổi tại sao Lawrence có thể làm như vậy một cách hết sức nhẹ nhàng không hề phải cố gắng.

Adam nghe thấy tiếng mở cửa buồng tắm, anh liếc nhìn về phía Lawrence vẻ thăm dò. Lawrence thì thào:

- Carolyn đấy mà. Tớ nghĩ là cô ấy sẽ ở lại đây đêm nay.

Khi Carolyn bước vào phòng, Adam bẽn lễn mỉm cười với cô gái dong dỏng cao và rất đẹp ấy. Mái tóc dài vàng óng của cô đung đưa ngang lưng trong khi cô bước về phía hai người, nhưng chính thân hình hoàn hảo của cô mới là điều khiến đàn ông không thể rời mắt được. Làm sao Lawrence có thể chế ngự được thân hình ấy nhỉ?

Lawrence quàng tay qua vai Carolyn, hỏi:

- Em sẽ ở lại ăn cơm với bọn anh chứ? – Giọng anh chợt *hơi quá* nhiệt tình – Anh vừa phát hiện ra một tiệm ăn Italia mới khai trương trên đường Fullham.

Adam nói:

- Có thể tớ sẽ đến chỗ các cậu sau, nhưng còn một hai thứ giấy tờ mới nhận được chiều hôm nay, tớ muốn xem qua một tý.

- Anh bạn ơi, hãy quên các chi tiết trong những cửa thừa kế của cậu đi. Tại sao lại không đi cùng chúng tớ và tiêu cho hết số của cải trời cho ấy đi trong một tiệm spaghetti hoang dã chứ?

Carolyn hỏi:

- Ôi, anh được thừa kế rất nhiều những đồng tiền đáng yêu ư?

Giọng cô rất cao với những trọng âm rất mạnh khiến cho một ai đó có thể ngạc nhiên khi biết cô vừa trở thành một cô gái nổi bật của năm nay

Adam nói:

- Không đâu, nhưng có thể coi là một sự tương phản với tình trạng lạm phát của tôi hiện nay.

Lawrence phá lên cười:

- Được, vậy cậu hãy đến sau, khi nào tìm ra đủ số tiền để trả cho một đĩa Pasta – anh nhả mặt với Adam – đó là mật hiệu có nghĩa là “hãy làm thế nào để cậu không có mặt ở nhà khi chúng tớ quay về, hay ít nhất cũng ở nguyên trong phòng cậu và làm ra vẻ đã ngủ”.

Carolyn nói:

- Vâng. Đi thôi.

Giọng cô tỏ vẻ hiểu rõ hai người vừa nói gì và ánh mắt vẫn gắn chặt vào Adam trong khi Lawrence kéo cô ra cửa.

Adam ngồi yên cho đến khi chắc chắn là không còn nghe thấy cái giọng kim chỏi chỏi của cô vang lên ở cầu thang nữa. Sau khi đã yên tâm, anh quay lại phòng mình, khoá trái cửa lại. Adam ngồi xuống một cái ghế bành rất dễ chịu và lấy chiếc phong bì của cha ra khỏi túi áo. Đó là một chiếc phong bì nặng và đắt tiền, loại văn phòng phẩm Bố vẫn thường dùng, mua ở cửa hàng Smythson phố Bond với giá đắt gấp đôi so với mua ở cửa hàng Smith địa phương. Dòng chữ gọn ghẽ và răn rỏi của cha anh viết: Đại úy Adam Scott, Bộ tinh Chiến công.

Adam thận trọng mở chiếc phong bì, tay hơi run run và rút tờ giấy bên trong ra: đó là một bức thư rõ ràng do chính tay cha anh viết và một chiếc phong bì nhỏ hơn đã rất cũ bởi vì nó đã bị ố vàng bởi thời gian. Trên chiếc phong bì cũ là một nét chữ lạ: Đại tá Gerald Scott. Nét mực đã phai không còn nhận ra màu gì. Adam đặt chiếc phong bì cũ lên chiếc bàn nhỏ bên cạnh, mở bức thư của cha và bắt đầu đọc. Bức thư không đề ngày tháng:

Adam yêu quý của bố.

Nhiều năm qua có lẽ con đã nghe thấy rất nhiều lời giải thích về việc bố đột ngột rời khỏi trung đoàn. Hầu hết những lời giải thích đó là khô cứng, một số ít là phỉ báng, nhưng bố luôn cho là tốt hơn hết bố nên giữ kín những ý kiến của mình. Tuy vậy bố vẫn cảm thấy nợ con một lời giải thích đầy đủ, chính vì thế nên mới có bức thư này.

Như con đã biết, địa điểm cuối cùng bố đóng quân trước khi rời khỏi trung đoàn là Nuremberg, từ tháng Mười một năm 1945 cho đến tháng Mười năm 1946. Sau bốn năm công tác liên tục ngoài mặt trận bố đã được giao nhiệm vụ chỉ huy đơn vị quân Anh tại Nuremberg, chịu trách nhiệm canh giữ một số tướng lĩnh cao cấp của quân đội Đức đang bị giam giữ chờ tòa án quốc tế xét xử vì tội ác chiến tranh. Mặc dầu người Mỹ chịu trách nhiệm chính, nhưng sau hơn một năm bố cũng biết khá rõ những tù nhân ở đó. Thậm chí bố bắt đầu tỏ ra khoan dung hơn đối với một số người trong bọn họ, và bố vẫn thường băn khoăn không hiểu người Đức sẽ đối xử với chúng ta như thế nào nếu như tình thế đảo ngược lại. Vào lúc đó những cách nhìn như vậy là không thể chấp nhận được. “Thân thiện” là từ cửa miệng dành cho những người không bao giờ được phép có những ý nghĩ thứ hai.

Trong số những tướng lĩnh cao cấp của Đức mà bố tiếp xúc thường xuyên có Riechsmarshal

Hermann Goering, đó là một người làm cho bố ghê tởm ngay từ phút đầu tiên đến gần hẳn. Bố thấy đó là một kẻ kiêu căng, hống hách và hoàn toàn không hề xấu hổ về những hành động man rợ hẳn đã làm dưới danh nghĩa chiến tranh. Và chưa bao giờ bố tìm thấy bất cứ một lý do nào để thay đổi ý kiến của mình về hẳn. Thực tế đôi khi bố còn tự hỏi làm sao mình lại có thể tự kiềm chế nổi mỗi khi hẳn hiện diện trước mặt.

Đêm trước ngày Goering bì hành quyết hẳn đề nghị được gặp riêng bố. Hôm đó là thứ hai, đến lúc này bố vẫn có thể nhớ lại chính xác từng chi tiết của buổi gặp gỡ đó như nó mới xảy ra ngày hôm qua. Bố nhận được lời đề nghị đó lúc đang nhận bàn giao ca gác từ người Nga, thiếu tá Vladimir Kosky. Thực tế là Kosky đã đích thân đưa cho bố lá thư yêu cầu. Ngay khi vừa kiểm tra việc canh gác và làm các công việc giấy tờ thường lệ xong, bố bèn cùng viên hạ sĩ trực ban đến gặp Reichsmarshal tại buồng giam của hẳn. Goering đang đứng vẽ chăm chú bên cạnh chiếc giường thấp và chào khi bố bước vào. Bốn bức tường gạch xây trơ trụi quét sơn xám bao giờ cũng làm bố rùng mình.

Bố hỏi:

- Ông yêu cầu được gặp tôi phải không? – Chưa bao giờ bố có thể dằn lòng để gọi hẳn bằng tên hay cấp bậc

Hẳn đáp:

- Phải. Đại tá, ông thật tử tế khi đến đây. Đơn giản là tôi chỉ muốn có một đề nghị cuối cùng của một người sắp chết. Liệu ngài hạ sĩ có thể để chúng ta lại với nhau không?

Nghĩ rằng đó là một việc rất cá nhân cho nên bố bảo viên hạ sĩ ra ngoài hành lang chờ. bố thừa nhận là đã không hề có một ý niệm về một việc gì có thể cá nhân đến thế khi người ta chỉ còn có vài giờ để sống, nhưng khi cửa đã đóng lại hẳn cúi chào một lần nữa và đưa cho bố chiếc phong bì mà hiện nay con đang giữ. Sau khi bố nhận bức thư hẳn chỉ nói vồn vẩn thế này: “Mong ông hãy rộng lượng và chỉ mở bức thư này ra vào sáng mai sau khi tôi đã chết” – Rồi hẳn nói thêm – “Tôi chỉ có thể hy vọng là nó sẽ đền bù lại phần nào những lời trách cứ sau này người ta có thể trút lên vai ông”. Lúc đó bố không hề có chút khái niệm là hẳn ám chỉ điều gì và chỉ nghĩ là có thể hẳn ở trong trạng thái thần kinh không thăng bằng. Trong những ngày cuối cùng trước khi chết, rất nhiều tù nhân thổ lộ với bố nhiều điều mà cuối cùng một số điều họ thổ lộ hoàn toàn chỉ là những ý nghĩ của người điên.

Adam dừng lại để nghĩ xem mình sẽ cư xử như thế nào trong hoàn cảnh đó, rồi quyết định đọc tiếp để biết cha anh đã biết được những gì.

Mặc dù vậy những lời cuối cùng mà Goering nói khi bố rời khỏi phòng giam không có vẻ gì là của một người điên. Hẳn nói: “Ông hãy tin đi. Đó là một kiệt tác. Chớ có coi thường nó”. Nói rồi hẳn châm một điếu thuốc, cứ như đang thư giãn trong câu lạc bộ của mình sau một bữa ăn tối ngon lành. Mọi người có những giả thuyết khác nhau về việc ai đã tuồn thuốc lá cho hẳn, và đồng thời cũng băn khoăn không hiểu còn những cái gì được chuyển ra ngoài nữa.

Bố bỏ cái phong bì vào túi và ra khỏi phòng giam để đi đến chỗ viên hạ sĩ. Sau đó bố và anh ta đi kiểm tra các buồng giam khác để chắc chắn là tất cả các buồng đều đã được khoá chặt cẩn thận. Kiểm tra xong bố quay lại văn phòng của mình. Khi đã yên tâm là không còn việc cần kíp nào

nữa, bố bèn ngồi xuống để viết báo cáo. Bố để chiếc phong bì trong túi áo với ý định là sẽ mở ra ngay sau khi Goering bị hành quyết vào sáng mai. Bố đang kiểm tra lại nhật lệnh ngày hôm đó thì viên hạ sĩ nhảy bố vào phòng không kịp gõ cửa. Anh ta nói: “Thưa ngài, Goering, Goering!”. Nhìn thấy vẻ hốt hoảng trên mặt anh ta bố không cần hỏi thêm gì nữa. Cả hai chạy đến phòng giam Reichsmashal.

Goering nằm úp trên giường. Bố lật hắt lại thì thấy hắt đã chết. Những chuyện xảy ra sau đó khiến bố quên hắt chiếc phong bì của Goering. Sau khi khám nghiệm pháp y, người ta phát hiện ra hắt chết vì thuốc độc. Tòa án kết luận là trong thi thể hắt có một lượng độc tố xyanua, chất độc đó chắc chắn là đã được tẩm trong miếng thuốc lá hắt hút.

Bởi vì bố là người cuối cùng gặp riêng hắt ngay trước khi hắt chết, cho nên có vài lời xì xào về việc tên bố có dính dáng đến cái chết của hắt. Dĩ nhiên là chẳng hề có chút sự thật nào trong lời kết tội đó. Bố chưa hề nghi ngờ lấy một giây nào về việc tòa án đã tuyên một bản án rất chính xác cho trường hợp của hắt, và hắt xứng đáng bị treo cổ để đền tội cho những gì đã làm trong chiến tranh.

Bố vô cùng đau đớn vì sau đó người ta kết tội sau lưng là bố có thể đã giúp đỡ cho Goering chết một cách dễ dàng, bằng cách tẩm thuốc lá miếng thuốc độc cho hắt. Vì vậy bố cảm thấy hành động duy nhất có thể làm là ngay lập tức từ chức, để tránh sẽ làm mất danh dự thêm cho trung đoàn. Cuối năm đó khi đã trở về Anh và quyết định quảng bộ quân phục đi bố lại nhớ đến cái phong bì. Khi bố giải thích cặn kẽ cho mẹ con hiểu về chuyện không may đó mẹ con đã van nài bố huỷ chiếc phong bì, mà mẹ con cho là đã đem lại đủ ô nhục cho gia đình. Và dù cho người ta có chỉ được rõ ai là kẻ thật sự chịu trách nhiệm về việc giúp cho Goering tự tử thì theo mẹ con việc đó cũng không đem lại bất cứ điều gì cho bất cứ ai. Bố đồng ý tuân theo ước nguyện của mẹ con, và mặc dầu chưa bao giờ mở cái phong bì ấy ra nhưng bố cũng không thể nào buộc mình huỷ nó đi được khi nhớ lại câu nói cuối cùng mà Goering đã lẩm bẩm về việc nó là một kiệt tác. Vì thế cuối cùng bố đã quyết định giấu nó trong đồng giấy tờ riêng.

Dù sao đi chăng nữa, bởi ý nghĩ rằng tội lỗi của người cha có thể sẽ tiếp tục đổ lên đầu thế hệ con cháu mình, bố cảm thấy không thể để nỗi đau vật ấy ảnh hưởng đến con. Nếu như chiếc phong bì này có đem lại cho con chút gì đó bố chỉ có một yêu cầu duy nhất là hãy để mẹ con là người đầu tiên được hưởng quyền lợi mà không bao giờ biết là tài sản ấy đến từ đâu.

Suốt bao năm nay, bố đã theo dõi những tiến bộ của con với một niềm tự hào to lớn và cảm giác chắc chắn rằng bố có thể để con tự chọn lấy quyết định đúng đắn cho mình.

Nếu như con còn chút ngần ngại về việc mở cái phong bì này ra thì hãy huỷ ngay nó đi mà không cần cân nhắc thêm. Nhưng nếu con mở nó ra mà thấy rằng mục đích của bức thư là kéo con vào những việc làm ô nhục thì hãy vứt nó đi, đừng nghĩ lại làm gì.

Có lẽ Chúa ở bên con.

Bố yêu dấu của con.

Gerald Scott

Adam đọc lại bức thư một lần nữa, nhận ra bố đã tin cậy anh biết chừng nào. Tim anh thốn

thức khi nghĩ đến bố đã uống phí cả một cuộc đời vì những lời xì xào bóng gió của những kẻ thuộc cấp – chính những kẻ đó cũng đã đưa sự nghiệp của anh sớm chấm dứt như thế này.

Cuối cùng, sau khi đọc bức thư đến lần thứ ba anh gấp nhỏ lại và nhét lại vào phong bì.

Rồi anh cầm chiếc phong bì trên bàn lên. Dòng chữ *Đại tá Gerald Scott được viết bằng chữ đậm ngang qua phong bì, màu mực đã phai.*

Adam rút chiếc lược trong túi áo trong ra và luồn vào mép chiếc phong bì, chậm rãi rọc ra. Anh lưỡng lự một lát trước khi lấy ra hai trang giấy, cả hai đều đã ngả màu vàng vì thời gian. Một tờ có vẻ là một bức thư, còn tờ kia hình như là một loại chứng từ gì đó. Chữ thập ngoặc của Đức Quốc xã in trên đầu tờ giấy viết thư, phía trên là tên Reissmarshal Hermann Goering. Tay Adam hơi run khi anh đọc dòng đầu tiên.

Nó bắt đầu bằng: *Sehr geehrter Herr Oberst Scott.*

*

* *

CHƯƠNG 3

Khi chiếc Chaika Limousine lao nhanh qua cổng Spasskaia Bashnia rồi phóng nhanh trên Quảng trường Đỏ, hai người lính vệ binh của điện Kremlin bật dậy và giơ thẳng hai tay. Một tiếng còi lạnh lạnh cho biết chắc chắn Yuri sẽ không bị chậm trễ trên đường trở về Quảng trường Dzerzinsky.

Yuri giơ một tay lên chạm vào chiếc mũ bằng một động tác chào máy móc, mặc dầu hình như ý nghĩ của ông đang để ở một nơi nào khác. Rõ ràng là quyết định đầu tiên ông cần có sẽ là điều quan trọng nhất: Ai trong những sĩ quan lão luyện của ông sẽ được giao nhiệm vụ lãnh đạo nhóm công tác tìm kiếm bức tranh Thánh của Sa hoàng? Ông tiếp tục cân nhắc vấn đề đó trong khi người lái xe cho xe lướt trên phố Neitsa Kuibysheva.

Chỉ mấy giây sau khi chia tay với vị lãnh đạo của mình, trong óc Yuri đã sơ bộ chọn được hai người. Ông vẫn chưa dứt khoát chọn ai trong hai người này, Valchek hay Romanov. Trong một hoàn cảnh thông thường, để quyết định một vấn đề như vậy ông phải mất ít nhất một tuần cân nhắc, nhưng thời hạn cuối cùng là ngày hai mươi tháng Sáu khiến ông không thể hành động một cách tự do như vậy, mà cần phải có một quyết định trước khi về đến văn phòng. Người lái xe lướt qua một con đường nhỏ xuyên qua Bộ Văn hóa và rẽ vào đường Cherkasskily Bolshoy

Pereuculok, một đường phố gồm toàn những ngôi nhà đơn điệu màu xám xịt trông như những cái hộp. Chiếc xe đỗ lại trên một bãi cỏ dành riêng cho các vị lãnh đạo cao cấp. Hồi ở bên Anh ông đã thấy buồn cười khi người ta có kế hoạch làm những khoảng đỗ riêng như vậy – nhưng là dành riêng cho xe buýt.

Chiếc xe dừng lại, người lái xe chạy sang mở cửa sau cho cấp trên bước ra nhưng Yuri vẫn không nhúc nhích. Vị tướng vốn rất ít khi thay đổi ý kiến này, đã hai lần thay đổi ý định trong quãng đường từ điện Kremlin về Quảng trường Dershinsky. Ông biết có thể gọi bao nhiêu nhân viên trong Cục để thực hiện nhiệm vụ khó khăn này cũng được, nhưng cần có một người thật sắc sảo và nhạy bén lãnh đạo họ và chịu trách nhiệm báo cáo lại cho ông biết.

Trực giác nghề nghiệp xui ông nên chọn Yuri Valchek, người đã có hàng chục năm tỏ ra rất mực trung thành và phục vụ nhà nước một cách đáng tin cậy. Anh cũng là một trong những trưởng bộ phận lâu năm nhất của ông. Từ tốn, có phương pháp và chắc chắn, anh đã hoàn thành nhiệm vụ ở tuyến trước mười năm tròn rồi mới lên làm công việc bàn giấy.

Ngược lại, Alex Romanov chỉ vừa mới trở thành trưởng bộ phận cách đây không lâu, bộ phận này trước đây khá nổi đình đám trong lĩnh vực của mình nhưng thường bị thiếu sự lãnh đạo của một cá nhân quyết đoán. Ở tuổi hai mươi chín, anh là lãnh đạo bộ phận trẻ tuổi nhất và không nghi ngờ gì, cũng là người có nhiều hoài bão nhất.

Yuri bước lên bậc thềm và đi về phía một cánh cửa khác đã mở sẵn chờ ông. Ông nện gót trên sàn nhà lát bằng đá cẩm thạch và đi thẳng đến tận cửa thang máy mới đứng lại. Rất nhiều người đang im lặng đứng chờ thang máy nhưng khi thang máy hạ xuống đến tầng trệt, vì vị Chủ tịch bước vào thì không một ai bước vào nữa. Chiếc thang đưa Yuri chậm chạp lên đến tầng ông làm việc, ông không khỏi so sánh với những thang máy của Mỹ đã từng được đi. Bọn chúng có thể kịp phóng quả tên lửa trước khi mình lên đến văn phòng, người tiền nhiệm của ông đã từng cảnh cáo như vậy. Khi Yuri lên đến tầng thượng và cánh cửa đã mở sẵn chờ ông, ông đã có được quyết định. Đó sẽ là Valchek.

Một thư ký giúp ông cởi áo khoác ngoài và bỏ mũ. Yuri nhanh nhẹn ngồi vào bàn. Hai tập hồ sơ ông yêu cầu đã nằm sẵn trên bàn. Ông ngồi xuống và bắt đầu đọc tập hồ sơ của Valchek. Sau khi đọc xong, ông gọi to ra lệnh cho người thư ký đang đứng đợi:

- Cho tìm Romanov.

Romanov đang nằm ngửa, đối thủ của anh đã đặt tay phải lên họng anh chuẩn bị làm động tác lên gối kép. Bài tập được trình diễn thật hoàn hảo và Romanov bật rên lên khi anh bị đập vào sàn huych một tiếng.

Một người chạy ào qua hai người và thì thầm gì đó vào tai người huấn luyện viên. Người huấn luyện viên miễn cưỡng buông học trò ra, Romanov chậm chạp đứng dậy như còn đang choáng vàng và cúi chào thầy giáo, rồi bằng một động tác của cánh tay phải và chân trái anh gỡ hai chân người huấn luyện viên để mặc ông nằm bẹp trên sàn phòng tập thể dục, rồi vội vã đi về văn phòng của mình để cầm máy điện thoại đang chờ trên bàn.

Romanov không để ý đến cô gái đưa cho anh cái ống nghe.

- Tôi sẽ đến ngay sau khi tắm qua loa một tý.

Cô chỉ nghe thấy anh nói ngắn gọn như vậy. Cô gái vẫn thường băn khoăn không biết trong phòng tắm thì Romanov trông như thế nào. Cũng như mọi cô gái khác trong cơ quan, cô trông thấy anh trong phòng tập thể dục hàng trăm lần rồi. Với chiều cao hơn một mét tám, mái tóc dài vàng nhạt – trông anh như một tài tử điện ảnh phương Tây. Và đôi mắt “xanh trong suốt” như cô bạn cùng bàn của cô vẫn thì thầm ca ngợi. Cô bạn còn nói “Anh ấy có một cái sẹo”.

Cô đã hỏi “Sao cậu lại biết?” Nhưng cô bạn chỉ cười khúc khích.

Trong lúc đó vị Chủ tịch đã mở tập hồ sơ cá nhân của Romanov ra lần thứ hai. Ông đọc những đề mục người ta lập ra để đánh giá phẩm chất của từng cá nhân, những điều mà Romanov sẽ không bao giờ được biết.

Alexander Petrovich Romanov. Sinh tại Leningrad ngày mười hai tháng Ba năm 1937, Cha: Peter Nicholevich Romanov, phục vụ tại mặt trận phía Đông năm 1942. Năm 1945 khi trở về Nga đã từ chối không vào Đảng Cộng Sản. Sau khi có nhiều hành động chống lại Chính quyền, đã bị kết án mười năm tù. Ngày 20 tháng Mười năm 1948 đã chết trong tù. Ông nội: Nikolai Alexandrovich Romanov, thương gia và là một trong những điền chủ giàu nhất Petrograd. Ngày 11 tháng Năm 1918 bị bắn chết trong khi có ý định trốn thoát khỏi lực lượng Hồng quân.

Alex, như người ta thường gọi không hề thừa hưởng những tham vọng của gia đình Romanov vì thế đã tham gia tổ chức Thiếu niên của Đảng từ năm lên chín tuổi. Mười một tuổi cậu đã được nhận vào học tại một trường đặc biệt ở Smolensk, Romanov đã nổi bật trong lớp học. Hầu hết các thành viên của ban giám hiệu nhà trường nhìn nhận năng lực của Romanov và chắc chắn là anh có thể được tiếp tục học lên đến đại học. Ở trường phổ thông anh luôn xuất sắc trong các môn học về ngôn ngữ, đặc biệt là môn tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức. Trí thông minh bẩm sinh và sự chăm chỉ cần cù đã giữ cho anh luôn ở vị trí đứng đầu trong tất cả các môn học.

Yuri cầm chiếc ống nghe bên cạnh lên, hỏi giọng gắt gỏng:

- Tôi đã yêu cầu gọi Romanov.

Người thư ký đáp:

- Romanov vừa xong bài tập thể dục buổi sáng ở phòng tập, thưa Chủ tịch, nhưng đã đi thay quần áo ngay khi nhận được lệnh đến gặp Chủ tịch.

Yuri đặt ống nghe xuống và quay lại tập hồ sơ trước mặt. Việc người ta luôn nhìn thấy Romanov tập hàng giờ trong phòng tập không phải là điều lạ lẫm: Sự dũng cảm và nhanh nhẹn của anh đã được chứng minh trong công tác.

Trong năm đầu tiên là sinh viên Romanov vẫn tiếp tục chuyên cần trong phòng tập, thậm chí còn tiếp tục tham gia đội tuyển cho đến khi người huấn luyện viên ở trường đại học phê một hàng chữ to tướng chéo suốt trang báo cáo về anh: Sinh viên này cao quá không thể tham

gia một cuộc thi Olympic thật sự được. Romanov nghe theo lời khuyên của huấn luyện viên và bắt đầu say mê judo. Trong vòng hai năm anh đã được chọn tham dự đại hội thể thao phương Đông tại Budapest, hai năm sau đó các đối thủ thường không thích chạm trán anh trong những vòng thi đấu cuối cùng. Sau chiến thắng vang dội của anh tại Đại hội thể thao, báo chí phương Tây đã gọi anh là “Cái Rìu”. Những vận động viên đã đặt ra cho mình một kế hoạch lâu dài cho tương lai thường không thích chạm trán anh tại các đại hội Olympic.

Khi Romanov tốt nghiệp đại học và được lĩnh bằng đồ, anh ở lại Moscow và bắt đầu làm việc cho ngành ngoại giao.

Yuri bắt đầu đọc đến đoạn hồ sơ về thời kỳ ông bắt đầu để ý đến chàng thanh niên trẻ. Mỗi năm Ủy ban của ông đều có quyền chọn từ lực lượng ngoại giao những người có tài năng xuất chúng. Rõ ràng Romanov là một ứng cử viên. Mặc dù vậy nguyên tắc của Yuri là không kết nạp những người nào không cho cơ quan ông là nơi làm việc tốt nhất. Những người không tự nguyện thường không bao giờ làm việc tốt. Trường hợp Romanov thì không có gì phải nghi ngờ.

Yuri đọc một số những nhận xét mà ông đã đích thân thêm vào hồ sơ của anh trong bốn năm gần đây nhất – đặc biệt là anh đã thay đổi nhiều thế nào trong thời gian trở thành nhân viên riêng của Chủ tịch ủy ban. Anh đã được thăng cấp lên thiếu tá, đã phục vụ rất thành công ở tuyến trước khi được chỉ định làm trưởng bộ phận. Hai vạch đỏ được đánh dấu ở tên anh cho thấy anh đã hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ. Một là chống lại dự định của một nhạc công vĩ cầm bỏ chạy khỏi Prague, và một đối với một viên tướng tự cho rằng y sẽ trở thành thống đốc một bang nhỏ ở Mỹ. Điều gây ấn tượng nhất đối với Yuri về những cố gắng của anh chính là do báo chí phương Tây tưởng rằng chiến công đầu là của người Tiệp, còn chiến công thứ hai là tác phẩm của người Mỹ. Tuy vậy thành tích đáng kể nhất của Romanov lại là việc anh đã tuyển chọn được một điệp viên trong Bộ Ngoại giao Anh, người này đã giúp Romanov được rất nhiều việc. Việc bổ nhiệm Romanov làm trưởng bộ phận không làm một ai ngạc nhiên, kể cả bản thân anh, mặc dầu sau đó chẳng mấy chốc Yuri nhận ra rằng anh mất đi niềm vui xốc nổi của công việc ở tuyến trước.

Chủ tịch Ủy ban lật sang trang cuối cùng, trên đó có nhận xét về khả năng công tác của Romanov: Đầy tham vọng, uyên bác, nhẩn tâm, kiên cường nhưng không luôn luôn đáng tin cậy, những từ này hầu như bao giờ cũng xuất hiện ở tất cả các tóm tắt.

Có tiếng gõ cửa dứt khoát. Yuri đóng tập hồ sơ lại và ấn một cái nút phía dưới bàn. Cánh cửa bật mở và Alexander Potrovich Romanov bước vào phòng.

Chàng thanh niên lúc này đã rất bảnh bao sạch sẽ đứng nghiêm trước mặt ông nói:

- Chào Chủ tịch.

Yuri ngược lên nhìn người đã được chọn và cảm thấy hơi ghen tị rằng, thượng đế quả là hơi thiên vị khi ban quá nhiều cho một chàng thanh niên như vậy. Và chính ông là người vẫn hiểu được một người như thế này cần được sử dụng như thế nào là tốt nhất.

Ông tiếp tục nhìn thẳng vào đôi mắt xanh trong và nghĩ rằng nếu như Romanov sinh ra ở Hollywood thì chắc là anh sẽ không khó khăn gì trong việc kiếm sống. Bộ quần áo anh mặc trên

người trông như được cắt may ở tiệm Savile Row – mà có khi như vậy cũng nên. Yuri phớt lờ không để ý đến bộ quần áo không mấy chính quy đó, mặc dầu ông cũng suýt nữa buột miệng hỏi anh xem chiếc sơ mi này được may ở đâu.

Romanov nói:

- Chủ tịch cho gọi tôi ạ?

Vị Chủ tịch gật đầu:

- Chúng ta vừa được trao một nhiệm vụ đặc biệt và vô cùng quan trọng – Yuri dừng lại – Nhiệm vụ này đặc biệt đến mức anh sẽ chỉ báo cáo trực tiếp với một mình tôi. Anh có thể chọn cho mình một nhóm công tác riêng và anh sẽ nhận được mọi sự giúp đỡ về mặt kinh tế.

Romanov nói:

- Tôi rất vinh dự - Giọng anh nghe chân thành một cách khác thường.

Chủ tịch đáp:

- Anh sẽ rất vinh dự nếu như anh phát hiện ra manh mối bức tranh Thánh của Sa hoàng.

Romanov nói:

- Nhưng tôi nghĩ...

CHƯƠNG 4

Adam bước sang bên kia giường và lấy từ giá sách cuốn Kinh Thánh mà mẹ đã tặng anh nhân lễ Kiên tín. Anh mở cuốn sách ra, một làn bụi bay lên từ cuốn sách bọc gáy vàng. Anh đặt chiếc phong bì vào chương Khải huyền rồi đặt cuốn Kinh vào giá sách.

Adam đi vào bếp, tự rán cho mình một quả trứng và hâm nóng nốt chỗ đậu còn lại từ hôm qua. Anh đặt bữa ăn chán ngắt lên bàn ăn và không khổ nghĩ đến những món ăn sang trọng mà hẳn là lúc này Lawrence và Carolyn đang thưởng thức ở tiệm ăn Italy. Sau khi ăn hết và rửa sạch đĩa bát Adam quay về phòng mình nằm trên giường nghĩ ngợi. Liệu chiếc phong bì đã ố vàng kia cuối cùng có chứng minh được sự vô tội của cha anh không? Trong óc anh dần hình thành một kế hoạch.

Khi chiếc đồng hồ đại trong phòng khách gõ mười tiếng, Adam giơ chân về phía cuối giường và khều cuốn Kinh Thánh khỏi giá sách. Anh hơi e ngại lấy cái phong bì ra. Rồi anh bật ngọn đèn ngủ trên chiếc bàn viết nhỏ kê cạnh giường, mở hai mẫu giấy ra và đặt lên bàn trước mặt mình.

Một tờ có vẻ là một bức thư riêng Goering gửi cho cha Adam, tờ kia trông có vẻ cũ hơn và trông giống một văn kiện chính thức. Adam đặt tài liệu đó sang một bên và bắt đầu đọc từng dòng. Nhưng không ăn thua gì.

Anh xé một mẫu giấy từ cuốn sổ trên bàn viết của Lawrence và bắt đầu chéo lại từng chữ trong bức thư của Goering. Anh chỉ bỏ qua câu chào và những chữ anh cho là lời từ biệt “hochachtungsvoll” – sau đó là chữ ký đậm và thoáng của Reichsmarshal. Anh kiểm tra kỹ càng từng chữ của bản sao trước khi bỏ bức thư vào chiếc phong bì đã ố vàng. Anh vừa bắt đầu chép tờ tài liệu vào một tờ giấy khác thì nghe thấy tiếng chìa khóa, sau đó là tiếng nói vang lên ngoài cửa trước. Cả Lawrence và Carolyn đều có vẻ như vừa không chỉ uồn cạn một chai rượu, và giọng Carolyn càng nhấn rõ các trọng âm rồi trở thành những tiếng khúc khích.

Adam thở dài tắt đèn để họ không biết là anh còn thức. Trong bóng tối anh trở nên càng nhạy cảm với từng âm thanh. Một trong hai người đi xuống bếp bởi vì anh nghe thấy tiếng mở tủ lạnh, rồi sau đó tiếng mở nút lie đầy chai – anh đoán đó là chai vang trắng anh vừa uống lúc nãy, và hình như họ thấy vẫn chưa đủ say cho nên cần uống thêm ít vang chua này nữa.

Anh miễn cưỡng ngồi nhồm dậy khỏi ghế và quờ quạng dò dẫm đi về giường. Anh chạm được vào góc giường và im lặng đặt mình xuống nệm rồi kiên nhẫn chờ đến khi cửa phòng ngủ của Lawrence khép lại.

Chắc anh đã ngủ thiếp đi bởi vì sau đó anh nghe thấy tiếng đồng hồ trong phòng khách điểm mấy tiếng. Adam dụi mắt để cố quen với bóng tối. Anh nhìn vào chiếc đồng hồ dạ quang đeo trên tay. Ba giờ mười phút. Anh trường người ra khỏi giường thật khế khàng, cảm thấy vô cùng mệt mỏi rồi chậm chạp mò mẫm đi ra bàn viết, đầu gối chạm phải ngăn kéo kê đánh cộp khiến anh không kìm được bật lên chửi thề. Mò mẫm mãi mới tìm được công tắc đèn, thoát tiên ánh đèn chói làm anh phải chớp mắt lia lịa. Chiếc phong bì đã phai mau trông thật tầm thường – mà có lẽ nó tầm thường thật. Trang tài liệu vẫn nằm giữa bàn, bên cạnh bản chép lại mà anh mới bắt đầu được vài dòng đầu tiên.

Adam ngáp và bắt đầu xem xét từng chữ một lần nữa. Tài liệu này không dễ chép lại như bức thư lúc nãy, bởi vì chữ viết rất nguệch ngoạc và ngoáy, tựa như người viết coi rằng tờ giấy này là một cái gì đó rất có giá trị. Adam bỏ qua địa chỉ trên góc phải và chép lại tám con số gạch chân ngay đầu những chữ viết, phần còn lại anh chép thật trung thành so với bản chính.

Công việc vất vả và mất thời gian một cách không ngờ. Anh viết từng chữ bằng chữ in hoa, những chỗ nào không chắc chắn lắm anh lại viết thêm bên cạnh chữ có thể là nó. Anh muốn bản dịch phải chính xác ngay từ lần đầu.

Có tiếng thì thầm phía sau lưng:

- Anh yêu, sao làm việc khuya thế?

Adam quay phắt lại, cảm giác như mình là tên ăn trộm đêm bị bắt quả tang đang thò tay lấy những món đồ bạc của gia đình.

Carolyn đứng cạnh cửa, nói:

- Anh không cần hốt hoảng làm gì, em đây mà.

Adam nhìn cô gái tóc vàng dong dỏng cao lúc này trông vô cùng hấp dẫn trong bộ pajama không cài cúc của Lawrence, chân mang đôi giày mềm đi trong nhà, hấp dẫn hơn nhiều so với lúc mặc quần áo chỉnh tề. Mái tóc dài mềm mại xõa lung tung xuống ngang lưng, anh bắt đầu hiểu Lawrence muốn nói gì khi miêu tả cô là một cô gái có thể biến một que diêm thành một điều xì gà Cuba.

Adam nói, hơi lắp bắp:

- Buồng tắm ở cuối hành lang ấy.

Cô cười khúc khích:

- Em có đi tìm buồng tắm đâu, anh ngố ọ. Em không thể nào đánh thức Lawrence dậy được. Sau khi uống chừng ấy rượu vang anh ấy đổ vật xuống như một võ sĩ đấm bốc hạng nặng bị đánh nốc ao. Không đầy mười lăm phút – Cô thở dài – Em nghĩ là từ giờ cho đến tận sáng mai thì không có gì đánh thức nổi anh ấy dậy cả.

Cô bước một bước đến gần anh.

Adam lắp bắp gì đó và có cảm giác như bị đánh mạnh vào người. Anh chỉ hy vọng lưng anh che khuất không để lộ ra những tờ giấy trên bàn.

Carolyn nói:

- Ôi, lạ Chúa. Anh không phải là người đồng tính luyện ái đấy chứ?

Adam nói, hơi điệu:

- Dĩ nhiên là không.

Cô hỏi:

- Vậy thì chỉ là không thấy em hấp dẫn thôi ư?

Adam nói:

Không hẳn như vậy.

Cô nói:

- Nhưng Lawrence là bạn thân của anh mà.

Adam không đáp.

- Chúa ơi, đây là những năm sáu mươi, Adam. Chia sẻ và chia sẻ chứ.

Adam nói:

- Chỉ là thế này...

Carolyn đáp:

- Thật là phí. Có lẽ một lần khác vậy.

Cô rón rén đi ra cửa và biến mất trong hành lang, không hề biết rằng đối thủ của mình sẽ là một cô gái Đức.

Sáng hôm đó, việc đầu tiên Romanov làm sau khi rời khỏi văn phòng của Chủ tịch ủy ban là quay về học viện và chọn một nhóm nghiên cứu đặc biệt gồm mười hai người. Kể từ lúc đó cứ bốn tiếng một, từng nhóm hai người một sẽ báo cáo tóm tắt những gì họ đã tiến hành nghiên cứu trong ca của mình, như vậy công việc có thể tiến hành suốt ngày đêm.

Các thông tin đầu tiên đã đến ngay trong giờ đầu tiên và những người nghiên cứu đã có thể xác định rằng, bức tranh Thánh của Sa hoàng vẫn ở trong cung điện riêng của Sa hoàng tại Cung điện Mùa đông ở Petrograd cho đến tận tháng Mười hai năm 1914. Romanov xem xét thật tỉ mỉ tấm ảnh chụp bức tranh nhỏ tuyệt đẹp vẽ Thánh George và Con Rồng. Thánh được ghép bằng những mảnh đá nhỏ màu xanh và vàng lá, còn con rồng màu đỏ rực và vàng. Mặc dầu không say mê nghệ thuật lắm, nhưng Romanov cũng có thể hiểu rằng vì sao người ta bị kiệt tác nhỏ này mê hoặc. Anh tiếp tục đọc kỹ lịch sử bức tranh Thánh nhưng vẫn không thể biết được vì sao nó lại có một giá trị quan trọng đến như vậy đối với Nhà nước. Anh băn khoăn không hiểu chính Yuri có biết lý do hay không.

Một năm sau khi cách mạng thành công, một người hầu trong cung điện đã khai trước tòa án nhân dân rằng, vào năm 1915 bức tranh Thánh có bị lấy đi mấy ngày sau khi Ernst Ludwig, Đại Công tước Hess đến viếng thăm cung điện. Lúc đó người hỏi cung đã hỏi rất lướt qua về việc bức tranh Thánh bị lấy đi đó bởi vì nó vẫn được treo trong phòng làm việc của Sa hoàng khi làn sóng cách mạng tràn vào Cung điện Mùa đông. Điều mà tòa án quan tâm hơn là vì sao trong khi đang có chiến sự dữ dội với quân Đức, Đại Công tước Hess lại muốn đến thăm Sa hoàng làm gì.

Ngay lập tức một giáo sư sử học của trường đại học được mời đến để hỏi ý kiến. Vị học giả vĩ đại cũng bị câu hỏi làm cho lúng túng. Tuy vậy ông ta cũng tóm tắt cho Romanov tất cả những điều biết được quanh sự việc đó. Romanov nghiên cứu lại báo cáo của ông ta một lần nữa. Người ta cho rằng Đại Công tước đã bí mật đến thăm em gái của ông ta là Alexandra, Hoàng hậu Nga. Cho đến nay các nhà nghiên cứu lịch sử cho rằng ý đồ của ông ta là tìm kiếm một cuộc ngưng bắn giữa Nga và Đức, với hy vọng là Đức có thể tập trung các nỗ lực chiến tranh của mình để chống lại Pháp và Anh.

Không hề có bằng chứng nào về việc Sa hoàng có nhân danh nước Nga hứa hẹn với Đức một điều gì, nhưng dường như Đại Công tước không trở về tay trắng. Các báo cáo tiếp theo của tòa án nhân dân cho biết, một người hầu khác trong cung điện khai rằng anh ta được lệnh gói bức tranh Thánh cùng đồ đạc của Đại Công tước. Mặc dầu vậy không một người hầu nào trong cung điện có thể khai được chính xác là bao nhiêu ngày sau bức tranh mới được trả về chỗ của nó trên tường phòng làm việc riêng của Sa hoàng.

Nhóm trưởng nhóm nghiên cứu của Romanov, Giáo sư Oleg Konstantinov đã nghiên cứu các nhận xét của các vị giáo sư kia, và của các thành viên khác trong nhóm, đã rút ra kết luận của mình, kết luận được viết bằng mực đỏ.

“Chắc chắn là Sa hoàng đã thay bức tranh đó bằng một phiên bản và đã chuyển bản chính cho Đại Công tước, em rể của ông ta để giữ cho an toàn.”

Romanov hỏi:

- Nhưng tại sao khi Sa hoàng đã có cả một bộ sưu tập đầy đủ những bức tranh của Goya, El Gredos, Titians, Rubens, ông ta còn phải tuồn một bức tranh Thánh ra ngoài làm gì?

Romanov yêu cầu các nhân viên nghiên cứu cùng với vị giáo sư chuyển hướng nghiên cứu sang bảo tàng hoàng gia Hess, hy vọng tìm thấy bức tranh Thánh còn xuất hiện ở đâu đó sau này. Trong vòng mười ngày họ đã tìm được thêm nhiều thông tin về Đại Công tước và gia đình ông ta hơn bất cứ giáo sư của bất cứ một trường đại học nào thu thập được trong suốt cuộc đời nghiên cứu của mình. Mỗi tập hồ sơ xuất hiện trên bàn Romanov đều được anh nghiên cứu suốt đêm, kiểm tra từng thông tin nhỏ có thể hứa hẹn dẫn đến manh mối của bức tranh thật. Anh đã lần đến một cái chết và sau cái chết của Đại Công tước, bức tranh được để lại cho con trai ông ta, anh con này cũng chết một cách bất ngờ trong một tai nạn nổ máy bay. Kể từ ngày ấy không ai nghe thấy gì về bức tranh Thánh nữa.

Vào đầu tuần thứ ba, Romanov đành miễn cưỡng rút ra kết luận rằng không hề tìm thấy manh mối gì của bức tranh. Anh đang viết báo cáo cuối cùng cho Chủ tịch thì Petrova, một người trong nhóm nghiên cứu, không làm việc trong các nhóm song phương đã đọc được một bài báo trên tờ Time của London ra ngày thứ Tư, 17 tháng Mười một năm 1937. Petrova đã bỏ qua không báo cáo cho người lãnh đạo nhóm nghiên cứu mà đến đưa tận tay Romanov một bản copy bài báo. Trong mấy giờ sau đó Romanov đã đọc đi đọc lại mẩu tin đến nỗi thuộc lòng.

Để giữ bí mật, người phóng viên đã giấu tên. Bài báo có đầu đề là: “Ostend, ngày 16 tháng Mười một năm 1937”. Bài báo viết:

Đại Công tước Hess George và bốn người trong gia đình đã chết thảm sáng nay khi chiếc máy bay Sabena chở họ đi từ Frankfurt đến London đã bị nổ trong màn sương mù dày đặc trên vùng trời.

Đại Công tước đang trên đường tới London để dự lễ cưới của em trai, Hoàng thân Louis với Công nương Joanna Geddes. Vị hoàng thân trẻ tuổi đang chờ ở sân bay Croydon để đón gia đình thì nhận được tin báo. Ông đã ngay lập tức hoãn đám cưới của mình và thông báo là có thể họ thay đổi kế hoạch và chỉ tổ chức một bữa tiệc nhỏ tại Lâu đài Chapel, Windsor.

Tờ Time viết tiếp:

Hoàng thân Louis, người thừa kế từ anh trai mình tước hiệu Đại Công tước Hess chiều nay sẽ tới Ostend cùng với cô dâu để hộ tống năm cỗ quan tài trên đường trở về Đức. Lễ tang sẽ cử hành vào ngày 23 tháng Mười một tại Darmstadt.

Đoạn tiếp sau được người nghiên cứu gạch chân rất đậm:

Trong số những đồ đạc của Đại Công tước đã quá cố có rất nhiều quà cưới dành cho Hoàng thân Louis và cô dâu, những đồ vật này bị văng tung tóe ra xa hàng nhiều dặm khi máy bay bị nổ. Sáng nay Chính phủ Đức thông báo rằng một tướng Đức đã được chỉ định chỉ huy một nhóm các chuyên gia cứu hộ để đảm bảo tìm kiếm tất cả các tài sản gia đình thuộc về người

thừa kế của Đại Công tước.

Romanov ngay lập tức cho gọi người nghiên cứu sinh trẻ tuổi đến. Một phút sau khi Anna Petrova có mặt, cô không hề tỏ ra sợ sệt cấp trên của mình. Cô phải thừa nhận rằng có lẽ khó mà gây được sự chú ý của Romanov bằng trang phục. Dù sao thì cô cũng đã mặc bộ quần áo đẹp nhất mà cô có, và cắt tóc ngắn theo kiểu một cô đào Mỹ tên là Mia Farrow mà cô có lần được xem. Cô hy vọng nó có thể làm cho Romanov để ý.

Anh làm cô thất vọng bằng một nụ cười:

- Tôi muốn cô lục lại tất cả các số của tờ Time trong vòng sáu tháng, từng ngày kể từ ngày mười bảy tháng Mười một năm 1937. Và kiểm tra các báo chí Bỉ và Đức xem có điều gì có thể cho thấy các chuyên gia cứu hộ đã tìm thấy những gì.

Chưa đầy hai mươi tư giờ sau Petrova đã chạy vào văn phòng của Romanov không kịp cả gõ cửa. Romanov chỉ hơi hướng mày trước cử chỉ bất lịch sự đó và đưa tay cầm bài báo mà cô đã tìm thấy trong tờ die Zeit, Berlin ra ngày thứ Bảy, mười chín tháng Giêng năm 1938.

“Cuộc điều tra vụ tai nạn hồi tháng Mười một vừa qua xảy ra với chiếc máy bay Sabena chở gia đình hoàng tộc Hess đi London đến nay đã có kết luận. Tất cả các đồ đạc thuộc về gia đình đã được tìm thấy trong vụ tai nạn đã được trả lại cho gia đình Đại Công tước, Hoàng thân Louis tỏ ra vô cùng buồn rầu vì bị mất một bảo vật gia truyền và là quà cưới của anh ông – Đại Công tước đã quá cô định tặng ông làm quà cưới. Món quà đó là một bức tranh thường được gọi là “Bức tranh Thánh của Sa hoàng”, trước kia đã từng thuộc về chú của ông ta là Sa hoàng Nicolas II. Bức tranh vẽ Thánh George và Con Rồng tuy chỉ là bản sao một kiệt tác Rublev, nhưng được đánh giá là một trong những tác phẩm đại diện cho nghệ thuật tinh xảo vào đầu thế kỷ hai mươi đã được đem ra khỏi nước Nga”.

Romanov ngược nhìn lên cô nghiên cứu sinh, nói:

- Bản sao thế kỷ hai mươi chết tiệt. Đó là nguyên bản từ thế kỷ mười lăm, và khi đó không một ai nhận ra điều đó – có lẽ ngay cả bản thân lão Đại Công tước nữa. Chắc chắn là Sa hoàng còn có một kế hoạch khác đối với bức tranh Thánh mà ông ta đã tuồn ra ngoài.

Romanov sợ phải báo cáo với Yuri rằng bây giờ anh có bằng chứng chứng minh rằng bức tranh thật của Sa hoàng đã bị tiêu hủy trong một tai nạn máy bay cách đây ba mươi năm. Những tin tức như vậy sẽ chẳng đem lại cơ hội thăng tiến cho người báo cáo nó, bởi vì anh vẫn tin rằng có một điều gì đó còn quan trọng hơn bản thân bức tranh nhiều, khiến cho Yuri phải đích thân quan tâm đến như vậy.

Anh nhìn bức tranh trên báo. Đại Công tước trẻ đang bắt tay viên tướng phụ trách đội cứu trợ đã thành công trong việc tìm về rất nhiều đồ đạc của gia đình Hoàng thân. Romanov nói to thành tiếng:

- Nhưng mà hẳn có đem về tất cả mọi thứ không mới được chứ?

Cô nghiên cứu sinh trẻ tuổi hỏi:

- Sếp muốn nói gì cơ ạ?

Romanov khoát tay và tiếp tục nhìn mãi bức ảnh chụp từ hồi trước chiến tranh đã phai màu, trong ảnh là hai người đàn ông. Mặc dầu tên viên tướng không được nhắc đến, nhưng mọi học sinh Đức đều có thể nhận ra khuôn mặt to lớn, lạnh lùng, cầm vuông nặng nề với đôi mắt xoi mói đã trở nên nổi tiếng trong quân lực Đức.

Romanov nhìn lên cô nghiên cứu sinh:

- Petrova, từ bây giờ cô có thể quên Đại Công tước được rồi. Hãy chuyển sang nghiên cứu về Reichsmarshal Hermann Goering.

Ý nghĩ đầu tiên của Adam tỉnh dậy là về Carolyn. Cái ngáp của anh biến thành nụ cười khi nhớ lại lời mời mọc của cô đêm qua. Rồi anh nhớ ra. Anh nhảy khỏi giường và đi về phía bàn: Mọi thứ vẫn ở nguyên chính xác chỗ cũ như khi anh đi ngủ. Anh che miệng ngáp lần nữa.

Đã bảy giờ kém mười. Mặc dầu đã rời khỏi quân đội bảy tuần rồi nhưng anh vẫn tập thể dục đều đặn mỗi buổi sáng. Anh định khi Bộ Ngoại giao kiểm tra về thể lực thì anh phải đạt được đỉnh cao nhất của mình. Anh nhanh chóng mặc áo may ô, chiếc quần soóc thể thao và đi giày.

Adam rón rén ra khỏi căn hộ, không muốn làm Lawrence hay Carolyn thức giấc – mặc dầu đoán là lúc này Carolyn đã tỉnh như sáo và kiên nhẫn nằm đợi. Anh chạy hết ba mươi tư phút qua Kè đá, qua cầu Albert, xuyên qua công viên Battersea và quay về bằng đường qua cầu Chelssea. Trong đầu anh chỉ có một ý nghĩ duy nhất, sau chừng ấy năm bị người ta xì xào bàn tán liệu cái tài liệu này có thể rửa sạch tên tuổi cho cha anh không? Lúc về đến căn hộ, Adam kiểm tra mạch: Một trăm năm mươi lần phút. Sáu mươi giây sau giảm xuống còn một trăm lần phút. Sau một phút nữa còn bảy mươi và chưa đến bốn mươi phút sai đã ổn định ở mức năm mươi tám lần phút. Chính sự hồi phục nhanh mới chứng tỏ sức mạnh của anh chứ không phải là tốc độ, giáo viên hướng dẫn môn Rèn luyện thể lực hồi còn ở trường Aldershot đã dạy anh như vậy.

Khi Adam đi về phòng thì không thấy bóng dáng Carolyn đâu nữa. Lawrence bánh bao trong bộ comple màu xám đang chuẩn bị bữa sáng trong bếp, vừa làm anh vừa liếc mắt đọc tờ Daily Telegraph. Anh thông báo với Adam:

- Bọn Tây Ấn được năm trăm hai sáu điểm.

Adam gọi to từ buồng tắm:

- Đã bắt đầu vòng của chúng ta chưa?

- Chưa. Ánh sáng tối nên dừng cuộc đấu.

Adam rên lên và mở vòi hoa sen. Anh đã sẵn sàng để tập luyện buổi sáng xem có thể chịu đựng được nước lạnh bao nhiêu lâu. Bốn mươi tám tia nước lạnh buốt như kim châm xối vào lưng và ngực, khiến anh phải hít sâu vào nhiều lần. Nếu như anh có thể chịu đựng được ba mươi giây đầu thì anh sẽ có thể chịu được bao lâu nữa cũng được – người huấn luyện viên đã cam đoan là như vậy. Adam dầm mình trong nước lạnh thêm ba phút nữa, vẫn thầm nguyện rửa ảnh hưởng của quân đội mà anh không bao giờ thoát ra được.

Tắm xong Adam đi về phòng mình. Một phút sau anh đã mặc xong quần áo và đến ăn sáng với bạn trong bếp. Lúc này Lawrence đang ngồi bên bàn ăn, ngẫu nhiên một đĩa bánh ngô rán mỏng, trong khi ngón tay vẫn lần từng dòng chữ trên tờ Financial Time.

Adam nhìn đồng hồ đeo tay: đã tám giờ kém mười. Anh hỏi:

- Cậu không sợ đi làm muộn à?

Lawrence nói:

- Anh bạn trẻ ơi. Tôi không phải là một thằng đầy tớ làm cho cái loại nhà băng phải phục vụ khách hàng suốt cả ngày.

Adam phá lên cười. Lawrence thừa nhận:

- Nhưng dù sao tớ cũng sẽ phải cùm chân ở bàn làm việc vào lúc chín giờ ba mươi – anh giải thích thêm – Hôm nay người ta không lái xe đến đón tớ. Tớ đã bảo họ là với tình hình giao thông như thế này thì nhanh nhất là đi xe điện ngầm.

Adam bắt đầu sửa soạn bữa sáng cho mình. Anh nói:

- Tớ có thể chở cậu đi bằng mô tô được.

- Cậu có thể tưởng tượng được có ai ở vị trí của mình lại tới trụ sở của Ngân hàng Barclays bằng mô tô bao giờ không? Khéo chủ tịch Ngân hàng ngắt mất – anh nói thêm và gấp tờ báo lại.

Adam đập quả trứng thứ hai vào chảo.

Lawrence với cái ô trên mặc áo và nói:

- Chào cậu, tối gặp lại nhé, chắc là lúc ấy cậu vẫn tuyệt vời, ăn mặc bản thủ và chưa tìm được việc như thế này.

Adam ăn nhanh và rửa đĩa, cảm thấy vui vui vì mình đang làm công việc nội trợ trong khi chưa kiếm được việc làm. Mặc dầu nhiều năm qua bao giờ cũng có cần vụ riêng, nhưng anh vẫn biết chính xác là cần phải làm những gì. Anh chuẩn bị cho buổi phỏng vấn tại Bộ Ngoại giao chiều nay, bằng cách tắm thật lâu và cạo râu kỹ càng. Sau đó anh nhớ đến bức thư của Reichsmarshal Hermann Goering vẫn còn trên bàn trong phòng ngủ.

Romanov quay lại hỏi cô nghiên cứu sinh, giọng đầy hy vọng:

- Cô đến đây với một cái gì đó chứng tỏ rằng Goering đã giữ riêng bức tranh Thánh đó cho mình chẳng?

Anna Petrova trả lời giọng thân mật:

- Chỉ có rõ ràng trở lên thôi.

Romanov định phê bình cô gái vì sự suồng sã này, nhưng trong lúc này anh chỉ im lặng. Rốt cuộc, dù sao Anna Petrova cũng tỏ ra vượt xa những người giỏi nhất trong nhóm nghiên cứu sinh của anh. Romanov hỏi:

- Vậy có gì rõ ràng đến thế kia ư?

- Ai cũng biết là Hittler giao cho Goering thay mặt bọn Đức Quốc xã chịu trách nhiệm về tất cả các báu vật nghệ thuật cướp được. Nhưng bởi vì Quốc trưởng có quan điểm cá nhân không thay đổi về những gì cấu thành chất lượng giống nòi, nên rất nhiều kiệt tác của thế giới bị xếp vào loại “hư hỏng” và do đó không xứng đáng để trưng bày cho công chúng của một giống nòi thượng đẳng chiêm ngưỡng.

- Vậy thì sau đó số phận những kiệt tác ấy ra sao?

- Hittler ra lệnh hủy chúng đi. Trong những tác phẩm bị kết tội phải bị thiêu hủy có cả tác phẩm của những danh họa như Van Gogh, Manet, Monet... và đặc biệt là họa sĩ trẻ Picasso, người được coi là không xứng đáng với dòng máu xanh của chủng tộc Aryan mà Hittler coi là chủng tộc sẽ thống trị thế giới.

Romanov ngược nhìn lên trần nhà, nói:

- Chắc là cô không định nêu ý kiến rằng có thể Goering đã ăn cắp bức tranh Thánh của Sa hoàng để rồi sau đó đốt đi chứ?

- Không, không. Goering không ngu đến thế đâu. Như hiện nay chúng ta đã biết không phải lúc nào ông ta cũng tuân theo mệnh lệnh của Đức Quốc trưởng.

Romanov hỏi giọng nghi ngờ:

- Goering không tuân lệnh Hittler?

Anna Petrova đáp:

- Tùy theo quan điểm của sếp khi nhìn nhận vấn đề. Liệu hắn sẽ cư xử theo lệnh của chủ soái rõ ràng của hắn, hay là hắn sẽ nhắm mắt lại và cư xử theo những tình cảm thông thường của loài người.

Romanov bỗng nói xằng giọng:

- Nói sát vào vấn đề đi.

- Vâng, thưa thiếu tá – Cô nghiên cứu sinh trẻ tuổi nói bằng giọng của một kẻ tự tin là người ta đang cần đến cô, ít nhất là lúc này.

- Khi nhận được lệnh đó, Goering đã không hề phá hủy một kiệt tác nổi tiếng thế giới nào. Hắn đã tổ chức những cuộc thiêu hủy công khai tại Berlin và Dusseldorf những tác phẩm của những họa sĩ Đức không nổi tiếng lắm, những tác phẩm sẽ chẳng bao giờ bán được quá con số vài trăm Mác. Nhưng những kiệt tác, những tác phẩm xuất chúng thật sự đã được giấu đi, bí mật chuyển ra nước ngoài và ký gửi tại các ngân hàng Thụy Sĩ.

- Vậy vẫn còn có khả năng tìm ra được bức tranh Thánh...

Petrova thêm:

- Vậy hồi đó hắn đã gửi bức tranh vào một ngân hàng Thụy Sĩ. Tôi ước gì mọi chuyện chỉ

đơn giản như vậy, thừa thiếu tá. Nhưng không may là Goering không hề ngây thơ như báo chí hời hợt mô tả. Tôi cho là hắn đã ký gửi các tác phẩm nghệ thuật ấy ở nhiều ngân hàng khác nhau, và cho đến nay vẫn chưa có một ai có thể phát hiện ra hắn đã sử dụng những ngân hàng hoặc chi nhánh ngân hàng nào.

Romanov nói:

- Vậy thì chúng ta sẽ phải làm được điều đó. Cô nghĩ là chúng ta nên bắt đầu từ đâu?

- Kể từ khi chiến tranh kết thúc đến nay, người ta thấy rất nhiều tác phẩm đã được tìm thấy và trả về tay những người chủ hợp pháp của chúng, kể cả những phòng tranh của Cộng hòa Dân chủ Đức. Mặc dầu vậy những tác phẩm còn lại đã xuất hiện trên các bức tường của bảo tàng Getty ở California, và bảo tàng Gotoh ở Tokyo mà đôi khi người ta không đưa ra được một lời giải thích thỏa đáng. Thực tế, một kiệt tác của Renoir hiện nay có thể thấy đang được trưng bày ở bảo tàng Metropolitan, New York. Không nghi ngờ gì rằng nó đã qua tay Goering, mặc dầu những người quản lý bảo tàng không bao giờ có ý định giải thích tại sao gallery này lại có được nó.

Romanov lo lắng hỏi:

- Vậy hiện nay người ta đã tìm thấy tất cả những tác phẩm bị mất chưa?

- Hơn bảy mươi phần trăm, nhưng vẫn còn nhiều tác phẩm được kể tới nữa. Một số chúng có thể đã thật sự thất lạc hoặc bị phá hủy, nhưng tôi cho là vẫn còn một số lớn đang nằm ngủ yên trong các ngân hàng Thụy Sĩ.

Romanov hỏi, sợ rằng manh mối cuối cùng khép lại:

- Sao cô lại chắc chắn như vậy được?

- Bởi vì các Ngân hàng Thụy Sĩ bao giờ cũng chỉ trả lại các vật có giá trị đó một khi biết chắc chắn là quyền sở hữu của một quốc gia, hoặc một cá nhân nào đó về nó là hợp pháp. Trong trường hợp này Đại Công tước Hess không hề có một chứng cứ nào về quyền sở hữu bức tranh Thánh của Sa hoàng, và người chủ chính thức cuối cùng của bức tranh là Sa hoàng Nicolai II, mà, thừa thiếu tá, như mọi người Nga đều biết rõ thì Sa hoàng Nicolai không có người nối dõi.

- Vậy thì tôi sẽ phải làm đúng như Goering đã làm và truy lại từng bước đi của hắn, bằng cách đến thẳng các ngân hàng để hỏi. Cho đến nay chính sách của các ngân hàng này ra sao?

Petrova nói:

- Rất khác nhau. Một số ngân hàng chờ sau hai mươi năm hoặc hơn nữa, sau đó sẽ cố tìm kiếm thêm hoặc sẽ thông báo công khai để tiếp xúc được với các chủ sở hữu, hoặc người thừa kế của họ. Trong trường hợp những người Do Thái chết do chế độ của bọn phát xít Đức, thì thông thường là không thể tìm thấy người thừa kế hợp pháp. Mặc dầu tôi vẫn chưa thể chứng minh được điều này, nhưng tôi đoán là họ sẽ giữ lấy những của cải đó và chia nhau.

Romanov nói, phấn khởi tỏ ra mình cũng có những tìm tòi:

- Như vậy không đẹp và cũng không đúng lẽ. Có lẽ đó chỉ là chuyện hoang đường do những

người nghèo thêu dệt ra. Thực tế, nếu các ngân hàng không thể tìm thấy người chủ hợp pháp của bất cứ một báu vật nào mà họ đang giữ thì họ phải chuyển nó cho Hội Chữ thập đỏ Thụy Sĩ để bán đấu giá mới đúng.

- Nhưng nếu như bức tranh Thánh của Sa hoàng đã từng bị đem bán đấu giá thì chúng ta đã phải biết được qua mạng lưới các điệp viên chứ?

Romanov nói:

- Chính xác là như vậy. Và tôi đã kiểm tra tất cả các tài sản kiểm kê của Hội Chữ thập đỏ: Có bốn bức tranh Thánh đã bán trong hai mươi năm qua, và trong đó không có bức Thánh George và Con Rồng.

- Như vậy chỉ có thể có nghĩa là một số ngân hàng không thận trọng lắm đã bán những bức tranh Thánh sở hữu của cá nhân nào đó, khi họ cảm thấy chắc chắn là sẽ không có ai đòi lại.

- Tôi cho rằng đó là một thiên kiến sai lầm nữa, cô Petrova ạ.

- Tại sao thiếu ta lại chắc chắn như vậy? – Cô nghiên cứu sinh trẻ tuổi hỏi.

- Vì một lý do rất đơn giản thôi, giữa các ngân hàng Thụy Sĩ với nhau, họ biết rõ nhau và từ trước đến nay chưa bao giờ có bất cứ một thiên hướng nào định phá vỡ luật chơi. Theo những kinh nghiệm mà chúng ta có được thì công lý Thụy Sĩ coi những ngân hàng bị mua chuộc hoặc lừa đảo ngang với tội giết người, và cũng chính vì thế mà bọn mafia không bao giờ hài lòng với việc rửa tiền qua hệ thống ngân hàng. Sự thật là các ngân hàng Thụy Sĩ kiếm được rất nhiều tiền khi giao dịch với những khách hàng trung thực, do đó chưa bao giờ họ quan tâm đến việc dây dưa tới những chuyện bẩn thỉu. Có một số vô cùng ít những ngoại lệ đối với luật lệ này, và đó cũng chính là lý do khiến mọi người muốn làm việc với các ngân hàng Thụy Sĩ.

Petrova nói:

- Vậy, nếu Goering đã lấy trộm bức tranh Thánh và ký gửi nó ở trong hầm của một ngân hàng Thụy Sĩ nào đó, thì làm sao lúc này nó còn có thể ở chỗ nào khác trên trái đất này nữa?

- Tôi ngờ điều đó.

Petrova kêu lên:

- Tại sao kia?

Giọng cô hơi càu nhàu bởi vì lập luận của cô giờ đây có vẻ như không thuyết phục lắm.

- Bởi vì trong ba tuần qua tôi đã ném không biết bao nhiêu người sang châu Âu để đuổi theo bức tranh Thánh đó. Họ đã nói chuyện với gần như tất cả các phụ trách các bảo tàng, những người quản lý, các chủ hiệu buôn tranh và cả bọn tội phạm chuyên buôn lậu tranh mà vẫn chưa lần ra một đầu mối nào. Bởi vì chỉ có hai người từng nhìn thấy bức tranh đó kể từ năm 1917 đến giờ là Đại Công tước Hess và Goering, và điều đó cho tôi hy vọng còn lại duy nhất nếu như nó không bị phá vỡ trong vụ tai nạn máy bay/

Petrova hỏi:

- Hy vọng gì?

- Đó là trong khi tất cả thế giới tin rằng bức tranh thật vẫn được treo trên tường Cung điện Mùa đông, thì suốt hai mươi năm qua nó vẫn còn nằm trong một ngân hàng Thụy Sĩ nào đó chờ người đến nhận.

Petrova nói:

- Một cuộc trường kỳ mai phục.

Romanov đáp xẵng:

- Tôi hoàn toàn hiểu rõ như vậy. Nhưng chớ quên rằng nhiều ngân hàng Thụy Sĩ có luật lệ là chờ hai mươi lăm năm trước khi công bố, thậm chí có ngân hàng chờ ba mươi năm. Thậm chí còn có một hoặc hai ngân hàng không có thời hạn cuối cùng nào cả, cho đến khi nào có một ai đó có đủ tiền đặt cọc để trang trải cho việc giữ báu vật đó.

Petrova kêu lên:

- Có trời biết được có mấy ngân hàng gặp được những khách hàng mê mẩn món đồ ấy đến thế.

Romanov tán thành:

- Có trời biết thật. Nhưng cũng có thể là chín giờ sáng mai cô sẽ biết cũng nên. Và vì thế nên tôi sẽ cần phải đến gặp một người, có lẽ là duy nhất trong nước biết mọi thứ trên đời về ngân hàng.

Cô nghiên cứu sinh rụt rè nói:

- Liệu tôi có thể hy vọng là sẽ được tiếp tục không, thưa thiếu tá?

Romanov mỉm cười và nhìn vào đôi mắt xanh của cô gái. Trong bộ đồng phục màu xám, có lẽ chẳng ai buồn nhìn lại cô đến lần thứ hai. Nhưng khi khóa thân cô thật tuyệt vời. Anh cúi xuống gần đến mức môi họ chạm vào nhau.

- Em sẽ phải bắt đầu ngay thôi, Anna. Nhưng lúc này, hãy tắt đèn đi đã.

*

* *

CHƯƠNG 5

Adam mất vài phút để kiểm tra lại cả hai tài liệu một lần nữa. Anh đặt lại nguyên bản vào chiếc phong bì đã phai màu rồi đặt phong bì vào cuốn Kinh Thánh trên giá sách. Cuối cùng anh

gấp bản chép lại bức thư của Goering làm ba phần theo chiều ngang, cẩn thận cắt rời rời trải chúng lên giường. Vấn đề tiếp theo Adam là phải làm thế nào có được bản dịch tài liệu và bức thư của Goering mà không gây sự tò mò không cần thiết nào. Những năm tháng trong quân ngũ đã dạy cho anh biết rõ ràng. Anh mau chóng gạt bỏ sự quán Đức, Hội Du lịch Đức và hãng Thông Tấn Đức, bởi vì cả ba cơ quan trên đều quá nghiêm chỉnh cho nên sẽ hay hỏi những câu lằng nhằng. Sau khi mặc quần áo xong, anh đi xuống phòng lớn và lật giở những trang trong cuốn Niên giám London cho đến khi tìm được các trang cần thiết:

Đài phát thanh Đức.

Viện Văn hoá Đức

Đường sắt Vương quốc Đức,

Bệnh viện Đức.

Mắt anh lướt sang phần “Chuyển giao kỹ thuật Đức” và dừng lại một cái tên có vẻ hứa hẹn. Địa chỉ nó là Nhà Bayswate, Sân vận động Craven 35, W2. Anh nhìn đồng hồ.

Mười giờ kém mấy phút Adam rời khỏi căn hộ, ba mẫu của bức thư kín đáo trong túi trong của chiếc áo thể thao sặc sỡ. anh đi về phía Edith Grove rồi rẽ vào đường Hoàng đế, tận hưởng mặt trời buổi sáng. Đường phố đã thay đổi nhiều so với hồi anh còn là một hạ sĩ quân. Những tiệm quần áo thời trang đã thay thế những hiệu sách cổ lỗ. Các tiệm băng nhạc đã thay cho tiệm sửa giày cũ kĩ. Chỉ cần đi nghỉ mười lăm ngày thôi là bạn sẽ không thể tin chắc là khi trở lại có còn những thứ gì không thay đổi nữa không- anh buồn bã nghĩ.

Rất đông người từ trên hè đi tràn cả xuống lòng đường. Họ nhìn nhau chăm chăm hoặc bị nhìn chăm chăm, tùy theo lứa tuổi của mỗi người. Khi Adam đi qua một cửa hàng bán băng nhạc, anh không có cách nào khác là phải nghe bài “*Anh muốn nắm tay em*” rót thẳng vào tai từng người.

Khi đến được Quảng trường Sloane thì hình như thế giới lại trở bình thường- Một phố Peter Jones, một W.H. Smith và một London ngăm. Cứ mỗi lần đi vào quảng trường này, anh lại như nghe thấy những lời hát mẹ rất hay ngân nga trong bếp:

Và người ta đem đến mời tôi

Một xu kem và một lát thịt nguội

Để mời bạn bè cùng xóm giềng,

Mọi người đã đói ngấu, và mọi người đổ lên

Quảng trường Sloane và nhà ga South Kensington.

Anh trả một shilling để mua một vé đi Paddington và khi đã ngồi trong toa tàu vắng tanh anh kiểm tra lại một lần nữa kế hoạch của mình. Khi bước đi ngập trong bầu không khí thoáng đãng của Paddington, anh dừng lại một tý để xem tên phố, và khi đã chắc đúng mới bắt đầu đi lững thững trên đường Craven cho đến khi gặp được một quán báo đầu tiên, anh bèn hỏi đường đi tới Sân vận động Craven.

Người bán báo vẫn luôn tay viết tên người nhận lên chồng báo Radio Times, không buồn ngẩng lên đáp:

- Đường thứ tư bên trái.

Adam cảm ơn và mấy phút sau đã đứng ở cuối một đường đua nhìn lên một tấm biển có hàng chữ màu xanh và vàng to tướng: Hiệp Hội thanh niên Cơ đốc giáo Đức.

Anh mở cổng, đi thẳng qua cửa trước vẻ rất tự tin. Một người bồi đứng trên hành lang ngăn lại:

- Thưa ngài, tôi có thể giúp được gì không ạ?

Adam nói bằng giọng nhấn mạnh theo kiểu quân sự và giải thích là đang tìm một thanh niên tên là Hanss Kramer.

Người bồi nói, anh ta hầu như đứng nghiêm khi nhận ra chiếc cà vạt quan đội:

- Thưa ngài, tôi chưa bao giờ nghe thấy cái tên ấy ạ- Anh ta lật một quyển sổ trên bàn, nói thêm, tay dò từng cái tên trong danh sách trước mặt- Không thấy ông ta đăng ký ở đây.

Anh ta gợi ý:

- Sao ngài không thử đi xem một lượt qua các phòng khách hoặc các phòng chơi xem- anh ta chỉ ngón cái về một cái cửa bên phải.

Adam nói, vẫn không hạ giọng:

- Cảm ơn.

Anh lịch sự bước qua hành lang và qua cánh cửa đẩy- phía dưới cánh cửa bị tróc hết cả sơn, cỏ vẻ như người ta thường hay lấy chân đá để mở ra hơn là dùng tay đẩy, và liếc nhìn khắp phòng. Rất nhiều sinh viên đang đi bách bộ tay cầm những tờ báo và tạp chí tiếng Đức. anh không biết mình nên bắt đầu từ đâu, mãi mới chọn một cô gái trẻ trông có vẻ là một sinh viên đang ngồi trong một góc phòng đọc tạp chí Time. Adam đi vòng quanh và ngồi xuống chiếc ghế trống cạnh cô bé. Cô gái liếc mắt nhìn và không giấu nổi vẻ ngạc nhiên trước vẻ trịnh trọng của anh. Anh chờ cô đặt tờ báo xuống bàn mới hỏi.

- Cô có thể giúp tôi một việc được không?

Cô gái hỏi, giọng có vẻ hồ nghi:

- Giúp như thế nào kia?

- Chả là tôi cần dịch một đoạn nhỏ.

Trông cô gái có vẻ nhẹ người:

- Để tôi thử xem có giúp gì được cho ông không. Ông có đem theo cái gì cần dịch đi đây không?
- Có. Hy vọng là nó không khó lắm.

Adam nói và lấy chiếc phong bì từ trong túi áo trong ra, lấy ra mảnh đầu tiên của bức thư của Goering.

Sau đó anh cất phong bì lại vào túi áo trong, lấy ra một cuốn sổ tay và hồi hộp chờ đợi. anh cảm thấy mình giống như một chàng phóng viên mới vào nghề.

Cô gái đọc đoạn thư hai ba lần rồi có vẻ hơi ngần ngừ.

- Có gì không ổn ư?

Cô gái đáp, vẫn còn tập trung vào những chữ trước mặt.

- Không hẳn thế. Nhưng có điều là lối văn hơi cổ cho nên có lẽ tôi hơi khó dịch thật sát nghĩa cho ông.

Adam thở dài nhẹ nhõm.

Cô gái đọc lại từng câu một, chậm rãi, trước hết bằng tiếng Đức, sau đó lại đọc bằng tiếng Anh tựa như muốn hiểu cả nghĩa chứ không phải dịch từng từ. Cô nói:

- Trong những... năm cuối cùng vừa qua chúng ta đã... bắt đầu trở nên hiểu biết lẫn nhau.. không, không thật rõ.

Adam chép lại từng từ trong khi cô gái dịch.

- Ông chưa từng che giấu sự kinh tởm... - Cô gái nói thêm: có lẽ nên dịch là căm ghét thì đúng hơn- sự căm ghét thì đúng hơn- sự căm ghét của ông đối với Đảng Dân tộc Xã hội.

Cô ngẩng đầu và nhìn Adam. Anh an ủi:

- Đó chỉ là từ một cuốn sách thôi mà.

Trông cô gái không có vẻ tin lắm, nhưng dù sao cũng dịch tiếp:

- Nhưng lần nào... không phải, *luôn luôn* thì đúng hơn, *bao giờ ông cũng cư xử nhã nhặn đúng như một sỹ quan và một người lịch thiệp...*

Cô gái lại nhìn lên, càng bối rối hơn khi đọc đến từ cuối trong mẫu thư. Cô hỏi:

- Chỉ có vậy thôi ư? Chẳng có nghĩa gì cả. Chắc là phải còn nữa chứ?

Adam nhanh nhẹn lấy lại tờ giấy và nói :

- Không, chỉ có vậy thôi. Cảm ơn cô. Cô thật vô cùng tốt bụng đã giúp tôi.

Anh chào cô và bỏ đi, vẫn kịp nhìn thấy cô nhún vai và quay lại với tờ Time của mình. Adam quay sang tìm trong các trò chơi.

Khi đẩy cửa anh chạm trán một người đàn ông trẻ mặc chiếc áo phông in hình World Cup và chiếc quần soccer thể thao màu nâu. Anh ta đang đập liên hồi một quả bóng bàn. Chàng trai hỏi, trông khá hào hứng :

- Anh định chơi à ?

Adam nói :

- Phải.

Anh bỏ mũ ra và cầm cây vợt bóng bàn chỗ cuối bàn lên. Suốt hai mươi phút Adam phải chơi cẩn thận để chắc chắn là thua anh chàng kia 18-21, 21-12 và 17-21. Lúc mặc lại áo khoác và chúc mừng đối thủ của mình, anh tin chắc là đã chiếm được cảm tình của chàng trai.

Chàng thanh niên Đức nói :

- Anh chơi hay lắm. Đã cho tôi một trận rất đẹp.

Adam đi đến chỗ cuối bàn cạnh anh ta, nói:

- Không hiểu anh có thể giúp tôi một việc được không nhỉ?

Người thanh niên nói:

- Tạt trái à?

- Không, chỉ là tôi cần dịch mấy câu tiếng Đức- Anh đưa đoạn giữa cho chàng trai.

Một lần nữa người dịch lại rơi vào bối rối. Adam nói không quả quyết lắm:

- Đó là một đoạn của một cuốn sách thôi mà.

- Ô kê, tôi thử xem.

Trong khi chàng trai bắt đầu nghiên cứu đoạn văn thì cô gái mà anh nhờ dịch đoạn đầu bỗng xuất hiện trong phòng chơi và đi về phía họ. Người thanh niên nói:

- Có vẻ hơi khó đây. Tôi dịch không tốt lắm. Tôi cho là cô bạn gái tôi có lẽ dịch tốt hơn. Để tôi hỏi cô ấy.

Không nhìn Adam, anh ta đưa đoạn thư cho cô gái. Cô ta nói ngay:

- Tôi đã biết nhất định phải còn nữa mà.

Adam nói:

- Không, không, thôi các bạn không phải bận tâm nữa- Anh giật mảnh giấy từ tay cô gái rồi quay sang chàng thanh niên- Cảm ơn vì trận đấu. Xin lỗi là đã quấy rầy các bạn.

Nói rồi anh vội vã đi ra hành lang về phía cửa trước.

- Thưa ngài, ngài có tìm thấy anh ấy không ạ?

Adam hỏi:

- Tìm anh ấy?

Người bồi bàn đáp:

- Hans Kramer ấy mà.

Adam nói:

- Ồ, có, cảm ơn anh

Anh quay lại để nhìn thì thấy cô gái và anh thanh niên kia đang đuổi theo sát đằng sau.

Adam chạy ra giữa đường vẫy một cái taxi đi ngang qua. Người lái xe hỏi:

- Đi đâu?

- Khách sạn Royal Cleveland.

- Nhưng nó ở ngay sau chỗ rẽ kia thôi mà.

- Tôi biết. Nhưng tôi đã bị muộn mất rồi.

Người lái xe nói:

- Tùy ông thôi. Tiền của ông mà.

Chiếc xe lăn bánh, Adam nhìn lại thấy anh chàng đối thủ bóng bàn của mình đang nói gì đó với người bồi. Cô gái đứng cạnh hai người, chỉ về phía chiếc taxi.

Adam chỉ cảm thấy yên tâm khi chiếc taxi rẽ ngoặt sang đường khác, và khuất khỏi tầm nhìn của mấy người kia.

Không đầy một phút sau chiếc taxi đỗ trước cửa khách sạn Royal Cleveland. Adam đưa cho người lái taxi một nửa curon và không chờ thối lại. Sau đó anh đẩy cánh cửa quay của khách

sạn và đi loanh quanh trong sảnh mấy phút trước khi trở ra hè phố. Anh nhìn đồng hồ đeo tay: Mười hai giờ rưỡi. Còn đủ thời gian ăn trưa trước khi đến cuộc phỏng vấn ở Bộ Ngoại giao. Anh đi băng qua đường Bayswater sang công viên, biết rõ là khó mà tìm nổi một tiệm ăn nào đó trước khi tới được Knightsbridge.

Adam nhớ lại trận đấu bóng bàn. Quái quỷ, anh nghĩ. Lẽ ra mình phải hạ hẳn. Ít nhất thì như vậy cũng còn có cái khác để cho hẳn nghĩ tới.

Đôi mắt Romanov lướt trên bản danh sách mười bốn ngân hàng. Vẫn còn một cơ hội hiếm hoi là một trong mười bốn ngân hàng đó đang giữ bức tranh Thánh của Sa hoàng, nhưng những cái tên này không có ý nghĩa gì đối với anh cả. Đó là một thế giới riêng biệt và anh biết rằng mình cần phải tìm lời khuyên của một chuyên gia trong lĩnh vực này.

Anh mở khoá chiếc ngăn kéo trên cùng và giở lướt cuốn sổ màu đỏ mà chỉ những sĩ quan cao cấp nhất của Ủy ban mới được giữ. Nhiều cái tên đã bị gạch xóa hoặc viết đè lên sau những lần thay đổi nội các, nhưng Aleksei Andreovich Poskonov vẫn giữ nguyên chức vụ hiện tại của ông ta là chủ tịch Ngân hàng Quốc gia đã gần một thập kỷ. Ngoài ông ra chỉ có Gromyko, Bộ trưởng Bộ ngoại giao là làm việc lâu lắm như vậy ở một cơ quan. Romanov quay một con số trên đường dây riêng và yêu cầu nối với Chủ tịch Ngân hàng Gosbank. Một hồi lâu sau mới có giọng một người khác vang lên ở đầu dây bên kia.

- Romanov, tôi có thể giúp anh được gì đây?

Romanov nói:

- Tôi cần gặp ông gấp.

- Thật ư? – Giọng nói trầm và chói tai từ đầu dây bên kia có vẻ hồ hững rõ rệt. Romanov nghe rõ cả tiếng lật giấy loạt soạt- Tôi có thể thu xếp vào thứ ba, mười một giờ ba mươi được không?

Romanov nhắc lại:

- Tôi đã nói là rất gấp. Chuyện này có liên qua đến một vấn đề nhà nước, không thể chờ đợi được.

- Chúng tôi là một ngân hàng Quốc gia và không phải chỉ có mỗi một hay hai việc của anh thôi đâu.- Giọng nói không hề tỏ ra ân hận. Romanov dần mình và đợi. Tiếng giở giấy loạt soạt tiếp tục- Được, tôi nghĩ là tôi xó thể gặp anh vào ba giờ bốn năm ngày hôm nay, trong mười lăm phút. Nhưng phải báo trước là tôi có một cuộc họp rất dài vào lúc bốn giờ đúng.

Romanov nói :

- Vậy là ba giờ bốn năm nhé.

Poskonov nói :

- Tại văn phòng tôi.

Điện thoại ngắt hẳn.

Romanov thở dài thành tiếng. Anh bắt đầu viết ra những câu hỏi cần được trả lời để có thể triển khai kế hoạch của mình. Anh không thể lãng phí một phút trong mười lăm phút người ta cho ấy. Khoảng một giờ sau anh yêu cầu được gặp Chủ tịch. Lần này anh không phải chờ đợi tí nào.

Sau khi Romanov trình bày ý định của mình xong. Yuri hỏi :

- Có phải chúng ta định chơi với bọn tư bản bằng chính trò của chúng không ? Hãy cẩn thận. Chúng chơi trò này già đời hơn chúng ta nhiều.

Romanov nói :

- Tôi hiểu điều đó. Nhưng nếu bức tranh Thánh đang ở phương Tây, thì tôi chỉ còn cách sử dụng chính phương pháp của chúng mới có thể đặt tay lên bức tranh đó được.

Chủ tịch nói :

- Có lẽ vậy. Nhưng với tên tuổi của anh thì một sự tiếp cận như vậy có thể bị hiểu lầm đấy.

Romanov biết tốt hơn hết là không làm gián đoạn phút im lặng ngắn ngủi.

- Đừng lo, tôi sẽ hỗ trợ tất cả những gì anh cần. mặc dầu tôi chưa bao giờ yêu cầu một việc như thế này.

Romanov hỏi :

- Tôi có được phép biết tại sao bức tranh Thánh đó lại quan trọng đến thế không ạ ?

Chủ tịch nhăn mặt :

- Tôi không được phép trả lời câu hỏi đó. Nhưng với sự quan tâm nhiệt tình đến như thế của các vị lãnh đạo thì có thể suy luận rằng, cái mà chúng ta theo đuổi không phải chỉ là bản thân bức tranh.

Romanov nghĩ : Liệu bức tranh có thể chứa đựng bí mật gì nhỉ, anh quyết định hỏi tiếp:

- Tôi thấy phân vân không biết...

Chủ tịch lắc mạnh đầu rồi đứng lên và đi về phía bức tường và xé một tờ lịch. Ông nói :

- Chúng ta chỉ còn mười ngày nữa để tìm ra cái của chết tiệt ấy nữa thôi. Ngày nào sếp cũng gọi điện cho tôi vào lúc một giờ sáng.

Romanov nói :

- Một giờ sáng ?

Chủ tịch quay lại bàn và nói :

- Phải. Người bảo tôi là ông già tôi nghiệp không thể nào ngủ được. Rồi đến lúc nào đó tất cả chúng ta cũng sẽ như vậy thôi- kể cả anh nữa, Romanov , và có khi anh còn mất ngủ sớm hơn kia, nếu như anh không thôi đi đừng có hỏi mãi như vậy.

Ông nhăn nhó cười với người đồng nghiệp trẻ.

Mấy phút sau Romanov rời khỏi phòng Yuri và quay lại văn phòng mình để xem lại những câu hỏi cần được chủ tịch ngân hàng Gosbank trả lời. Anh không thể bị phân tán tư tưởng bởi câu hỏi liệu có thể có cái gì đó đáng chú ý đến thế trong một bức tranh bé tí như vậy, nhưng anh thừa nhận rằng cần phải hết sức tập trung mọi khả năng để tìm cho ra nó, khi đó may ra bí mật mới sáng tỏ được.

Ba giờ ba mươi Romanov đã đặt chân lên bậc thềm toà nhà Neglinnaya 12, vì biết rằng sẽ cần nhiều hơn số mười lăm phút đã được phép để có thể hỏi được hết các câu hỏi. Anh hy vọng Poskonov may ra có thể đồng ý cho gặp ngay.

Sau khi Romanov tự giới thiệu với cô trực ban, một người bảo vệ mặc đồng phục dẫn anh lên tầng một, ở đó một thư ký của Poskonov đã chờ sẵn, Romanov được dẫn vào phòng chờ.

Người thư ký nói :

- Thưa ông Romanov, tôi sẽ vào báo ngay cho Chủ tịch ngân hàng rằng ông đã đến.

Nói rồi anh ta biến mất vào phòng mình. Romanov nhấp nhồm sốt ruột trong phòng chờ, nhưng không thấy người thư ký quay lại cho đến khi kim đồng hồ chỉ đúng vạch ngang. Đúng ba giờ bốn lăm, Romanov được mời vào phòng chủ tịch.

Chàng thiếu tử trẻ sững sốt vì sự sang trọng của gian phòng. Một tấm màn nhung dài màu đỏ, sàn nhà lát đá cẩm thạch, và những đồ nội thất cầu kỳ kiểu Pháp như vừa được đem ra khỏi Phòng Chủ tịch Ngân hàng Anh quốc mang về đây. Đây không phải lần đầu tiên Romanov nhận xét rằng đồng tiền vẫn là một thứ hàng hoá quan trọng nhất thế giới- Anh nhìn người đàn ông luống tuổi với mái tóc thưa màu xám và chòm râu rậm rì đang điều khiển tiền của một quốc gia. Người ta đồn đại rằng ông biết rõ mọi bí mật xấu xa của tất cả mọi người. Romanov nghĩ, mọi người, trừ mình. Bộ đồ của ông thật sang trọng và có lẽ sắp một lần nữa được coi là ‘ Hợp thời’ ở phố Hoàng đế của London.

Nhà ngân hàng hỏi bằng một giọng mệt mỏi, tựa như đang nói chuyện với một khách hàng tầm thường đến hỏi vay một món tiền nhỏ :

- Tôi có thể làm gì cho anh, anh Romanov ?

Romanov lãnh đạm trả lời :

- Tôi cần một trăm triệu đô la Mỹ, được đảm bảo bằng vàng, ngay lập tức.

Vẻ mặt chán ngán của vị Chủ tịch ngân hàng thay đổi ngay lập tức. Mặt đỏ tía lên, ông ngồi phịch xuống ghế. Ông thở dồn dập một hồi rồi rút ngân kéo, lấy ra một hộp nhỏ đổ ra một viên thuốc to màu trắng. Mất mấy phút sau ông mới trấn tĩnh lại được.

Ông lão hỏi :

- Anh có điên không đấy ? Anh hẹn gặp tôi mà không nói lý do gì cả, rồi anh đến văn phòng tôi và yêu cầu tôi phải đưa ngay cho anh một trăm triệu đô la Mỹ, được đảm bảo bằng vàng không một lời giải thích. Vì lý do gì mà anh lại đưa ra một đề nghị phi lý đến như vậy ?

Romanov nói :

- Đó là một công việc quốc gia. Nhưng bởi vì ông đã hỏi thì tôi xin giải thích là tôi định đặt cọc vào một tài khoản đánh số ở Thụy Sĩ.

Vị Chủ tịch ngân hàng hỏi bằng giọng bình tĩnh hơn :

- Vậy ai uỷ quyền cho anh đưa ra một yêu cầu như vậy ?

- Lenoid,

Poskonov nói :

- Là thật. Tôi gặp Lenoid Ilyich ít nhất một tuần một lần mà không thấy ông ấy nhắc đến chuyện- vị Chủ tịch ngân hàng nhìn xuống tờ giấy giữa bàn- thiếu tá Romanov, một sỹ quan trung cấp- ông ta nhấn mạnh từ « trung cấp », sẽ đưa ra một yêu cầu cao ngất như vậy.

Romanov bước tới một bước, cầm chiếc ống nghe bên cạnh Poskonov lên đưa cho ông ta và nói :

- Sao ông không tự hỏi Leonid Ilyich đi để khỏi mất thì giờ của cả hai chúng ta ?

Anh đẩy chiếc điện thoại về phía nhà ngân hàng. Poskonov nhìn lại, cầm chiếc ống nghe lên và đặt vào tai. Romanov cảm thấy căng thẳng, thứ cảm giác mà anh chỉ có mỗi khi ở mặt trận.

Một giọng nói vang lên trong dây:

- Thưa Chủ tịch, ông gọi ạ?

Ông lão đáp:

- Phải. Hãy huỷ cuộc hẹn vào lúc bốn giờ chiều của tôi, và hãy trông chừng để tôi không bị quấy rầy.

- Tuân lệnh, thưa Chủ tịch.

Poskonov đặt ống nghe lại chỗ cũ rồi không nói lời nào, ông đứng dậy rời khỏi chỗ của mình đi vòng đến bên cạnh Romanov. Ông mời Romanov ngồi vào một chiếc ghế bành êm ái kê tận cuối phòng, rồi ngồi vào một chiếc ghế đối diện bên dưới một khuôn cửa sổ rộng.

Ông nói bằng một giọng bình tĩnh và thức tế:

- Tôi biết ông nội anh. Lần đầu tiên gặp ông cụ, tôi mới chỉ là một tay tập sự trong ngành ngân

hàng. Tôi vừa ra trường xong và ông cụ đã rất tốt bụng với tôi, chỉ có điều ông cụ không kiên nhẫn như anh. Chính điều đó đã làm cho ông cụ trở thành một thương gia thành đạt nhất nước Nga và là một tay chơi phé kém nhất.

Romanov phá lên cười. Anh không hề biết gì về ông nội mình và một vài cuốn sách ít ỏi có nhắc đến ông đều đã bị huỷ hết từ lâu rồi. Cha anh vẫn thường công khai nói về cửa cải và địa vị của ông nội anh.

- Thiếu tá, anh làm tôi tò mò rồi đấy. Nhưng nếu như tôi trao cho anh một trăm triệu đô la vàng thì có lẽ tôi cũng nên biết nó được tiêu vào việc gì chứ. Tôi nghĩ chỉ có CIA mới có thói quen tiêu tiền mà không cần giải thích thôi.

Romanov lại phá lên cười một lần nữa và giải thích cho Chủ tịch Ngân hàng nghe họ đã phát hiện ra bức tranh Thánh của Sa hoàng là của giả ra sao, và anh đã được trao nhiệm vụ tìm lại nguyên bản thế nào. Sau khi kể xong câu chuyện, anh liệt kê tên mười bốn ngân hàng. Nhà ngân hàng xem xét bản danh sách rất kỹ càng trong khi Romanov phác ra những kế hoạch hành động mà anh đã đề xuất, nói rõ rằng món tiền đó sẽ được hoàn trả lại ngay lập tức sau khi anh đã lần ra chỗ cất giấu bức tranh Thánh bị mất.

Poskonov tự hỏi thành tiếng, tựa như Romanov không có mặt trong phòng:

- Nhưng tại sao một bức tranh Thánh bé tí lại có thể quan trọng đến thế đối với nhà nước?

Romanov thành thật trả lời:

- Tôi không hề biết.

Sau đó anh tóm tắt kết quả tìm kiếm đã đạt được, Poskonov nói:

- Liệu tôi có được phép đề xuất một phương án khác cho kế hoạch của anh không?

Romanov nói, cảm thấy nhẹ người vì đã bắt đầu đạt được sự hợp tác của ông lão.

- Vâng ạ, nhất định rồi.

Nhà ngân hàng móc bao Dunhill trong túi áo ra, hỏi:

- Anh có hút thuốc không?

Romanov hơi nhướn mày khi nhìn thấy bao thuốc màu đỏ, nói:

- Không ạ.

Ông lão châm một điếu thuốc và nói:

- Bộ quần áo này cũng không được may ở Moscow, phải không thiếu tá? – Ông chỉ vào người Romanov bằng điếu thuốc lá- Nào, chúng ta quay lại công việc. Đừng ngần ngại nếu anh thấy cần chỉ cho tôi thấy là tôi đã hiểu sai bất cứ yêu cầu nào của anh.

Ông lão gõ gõ ngón tay lên bản danh sách:

- Anh cho là bức tranh hiện đang nằm tại một trong mười bốn ngân hàng này. Vì vậy anh muốn tôi ký gửi một khoản tiền vàng lớn, với từng ngân hàng với hy vọng điều đó sẽ khiến cho anh ngay lập tức tiếp cận được với người chủ. Khi đó anh sẽ đề nghị chủ ngân hàng được quyền điều hành một khoản tiền một trăm triệu đô la nếu họ hứa hợp tác với anh, đúng không?

Romanov nói:

- Vâng, rõ ràng hối lộ là một cái gì đó phương Tây luôn hiểu mà.

- Tôi sẽ nói “không bao giờ” nếu không biết rõ ông nội anh, mặc dầu chính ông anh mới là người đã thôi không còn kiếm được hàng triệu rúp nữa chứ không phải tôi. Tuy nhiên, anh hình dung bao nhiêu thì là một số tiền lớn đối với một nhà băng Thụy Sĩ?

Romanov cân nhắc câu hỏi:

- Mười triệu. Hai mươi triệu?

Poskonov nói:

- Nếu đối với bất cứ ngân hàng nào ở Nga thì có lẽ như vậy. Nhưng bất cứ ngân hàng nào trong những ngân hàng mà anh hy vọng nói chuyện ấy, đều có rất nhiều khách hàng, mà mỗi khách hàng đó có thể ký gửi hàng trăm triệu đôla.

Romanov không giấu nổi ngạc nhiên.

Romanov hỏi:

- Vậy tôi cần một tỷ đôla ư?

- Không, không, không. Chúng ta cần phải tiếp cận vấn đề từ một góc độ khác. Anh sẽ không thể nào bắt được một tên cá trộm bằng một miếng mồi thịt thỏ nướng

- Nhưng nếu như một ngân hàng Thụy Sĩ không rung động trước một khoản tiền khổng lồ thì còn có cái gì có thể làm hấn động tâm được nữa?

Vị chủ tịch ngân hàng nói:

- Đơn giản là nếu cho họ biết rằng ngân hàng của họ đã bị sử dụng vì một mục đích tội ác.

Romanov toan nói:

- Nhưng làm thế nào...

- Để tôi giải thích cho mà nghe. Anh nói rằng bức tranh Thánh của Sa hoàng đang trưng bày trong Cung điện Mùa đông không phải là nguyên bản mà chỉ là một phiên bản. Một phiên bản rất tài tình, do một họa sỹ triều đình vẽ vào thế kỷ hai mươi, nhưng du sao cũng chỉ là một phiên bản. Vì thế tại sao lại không giải thích riêng cho từng ngân hàng trong số mười bốn ngân hàng kia rằng, sau khi điều tra chúng ta có đủ lý do để tin rằng một trong những bảo vật quý báu nhất của quốc gia chúng ta đã bị lấy cắp và thay vào đó bằng một

phiên bản, và người ta cho rằng nguyên bản đang được ký gửi trong ngân hàng của quý ngài? Và để tránh việc gây ra một vụ việc nho nhỏ về ngoại giao- điều mà tất cả các ngân hàng Thụy sỹ đều muốn tránh bằng bất cứ giá nào- vì lợi ích của quan hệ tốt giữa họ với quốc gia chúng ta, nên chẳng họ thử cân nhắc việc kiểm tra xem trong vô số những hiện vật họ giữ mà hai mươi năm qua chưa có ai đến nhận món đồ đó của chúng ta không?

Romanov nhìn thẳng vào ông lão, bỗng hiểu ra vì sao ông đã sống qua được chừng ấy năm sau bao nhiêu cuộc thanh lọc nội bộ.

- Ông Poskonov, tôi còn nợ ông một lời xin lỗi.

- Không, không, mỗi người chúng ta đều có sở trường riêng của mình. Tôi tin rằng tôi cũng sẽ bị lạc lối trong lĩnh vực của anh, cũng như anh đã lầm lạc trong lĩnh vực của tôi thôi. Bây giờ, nếu anh cho phép tôi liên lạc với Chủ tịch các ngân hàng trong cái danh sách này của anh và nói với họ sự thật- một vũ khí mà tôi luôn sử dụng trong kinh doanh mặc dầu tôi hình dung là các đồng nghiệp của anh không quen lắm với vũ khí đó- tức là tôi đặt giả thuyết là bức tranh Thánh của Sa hoàng đang nằm trong tay ngân hàng của họ, thì hầu hết bọn họ sẽ không thích dính dáng đến tuyệt tác đó nếu họ tin rằng làm như vậy là đã phạm phải một tội lỗi bần thỉu đối với một đất nước có chủ quyền.

Romanov nói:

- Tôi không thể không nhấn mạnh tính cấp bách của vấn đề.

Poskonov nhắc lại:

- Đúng hết như ông nội anh. Vậy hãy như thế nhé. Nếu như có thể liên lạc được với họ, tôi sẽ nói chuyện với bọn họ hôm nay. Ít nhất liên lạc hiện đại cũng là một tiến bộ của cái thế giới đang thức tỉnh quanh ta. Hãy yên tâm là tôi sẽ gọi cho anh ngay khi có bất cứ tin tức gì.

Romanov nói và đứng dậy ra về:

- Cảm ơn ông. Ông thật tốt quá.

Chủ tịch Gosbank đóng cửa lại và đi về phía cửa sổ, nhìn Romanov chạy xuống bậc thềm để đi ra chỗ chiếc xe đang đợi. Tôi không thể cấp cho anh một trăm triệu đôla vàng được, anh bạn ạ. Mình ngờ rằng lúc này không có nổi mười triệu đô la trong hầm ngân hàng. Khó mà giấu nổi một lượng bảy trăm triệu đô la vàng, thậm chí dù đó có là ở Mỹ đi chăng nữa. Vị Chủ tịch ngân hàng nhìn chiếc xe con của Romanov phóng đi. Dĩ nhiên là cũng giống ông nội. anh đọc cả tờ Washington Post lẫn tờ Pravda, người ta biết rõ về anh như vậy mà.

Adam bước ra khỏi Tattersalls Tavern ở góc Vườn Knightsbridge và đi băng qua khách sạn Công viên Hyde về phía câu lạc bộ Royal Thames Yacht. Khá lạ là Bộ Ngoại giao lại chọn chỗ này làm chỗ tiến hành phỏng vấn, nhưng thật ra mọi sự liên quan đến người xin việc đều có vẻ có chút gì bí ẩn.

Anh đến sớm vài phút và hỏi viên cựu Hải quân Hoàng gia trực ban đứng ở cửa xem chỗ phỏng vấn ở đâu. Anh ta chỉ:

- Tầng sáu, thưa ngài. Thang máy trong góc kia. Sau đó ghi tên tại bàn lễ tân.

Adam ấn nút và đứng chờ thang máy. Ngay lập tức cửa mở và anh bước vào. Trong thang máy có một người đàn ông to béo khoảng trạc tuổi anh, trông anh ta có vẻ như không bao giờ úp đĩa trước khai người ta tiếp xong lần thứ ba bất kỳ món ăn gì. Adam bấm nút tầng sáu, nhưng không ai nói câu gì trong khi họ lên tới tầng sáu. Người đàn ông to lớn bước ra trước Adam.

Anh ta nói với cô gái ngồi ở bàn lễ tân:

- Tôi tên là Wainwright.

Cô gái đáp:

- Vâng, thưa ông. Ông đến hơi sớm một chút, nhưng xin ông ngồi vào ghế kia- cô chỉ về phía một chiếc ghế kê trong góc phòng, sau đó quay sang nhìn Adam và mỉm cười:

Adam nói:

- Scottot.

Cô gái lặp lại:

- Vâng, thưa ông. Ông có thể đến ngồi cạnh ông kia được không ạ? Họ sẽ gọi ông sau ông ấy ạ.

Adam bước lại và cầm một tờ *Punch* lên, ngồi xuống cạnh Wainwright. Đột nhiên Adam quay lại nhìn người bạn đến phỏng vấn hỏi:

- Có bao giờ anh nói tiếng Đức không?

Wainwright ngược lên, đáp:

- Tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha. Tôi cho là vì thế mà tôi có thể tiến khá xa trong lĩnh vực này.
- Vậy chắc là anh có thể giúp tôi dịch một đoạn thư tiếng Đức.

Anh bạn đồng khoa nói:

- Dễ thôi, anh bạn ạ.

Anh ta gỡ cặp kính dày khỏi sống mũi và chờ trong khi Adam rút mảnh giữa của bức thư ra khỏi chiếc phong bì.

Wainwright nói, cầm mảnh giấy và đeo lại kính lên mắt:

- Để tôi xem thử. Quả là thử thách đây. Tôi muốn hỏi anh đó có phải là một phần của buổi phỏng vấn không đấy?

Adam mỉm cười:

- Không, không. Tôi cũng ở vị trí giống hệt như anh thôi- chỉ có điều tôi không nói được tiếng Đức, tiếng Ý hay Tây Ban Nha mà thôi.

Wainwright có vẻ nhẹ người. Anh ta nhắc lại, trong khi Adam lấy ra một cuốn sổ tay nhỏ:

- Để tôi xem thử.

- *Trong một năm qua chắc ông không thể... không để ý rằng tôi vẫn nhận từ một trong những người lính gác một sự... một sự... cung cấp thường xuyên-* Anh ta chợt nói- *phải, cung cấp thường xuyên những điều xì gà Havân, Một trong những niềm vui hiếm hĩ mà tôi được hưởng-* không, “*được phép*” mới phải, *Imặc dầu tôi đang bị... giam,* tôi chỉ có thể dịch được như thế là sát nhất thôi- Wainwright nói thêm- Rồi anh nói tiếp, có vẻ như đã bắt đầu thấy thích thú- *Những điều xì gà ấy còn có một mục đích khác, bởi vì chúng chứa những viên thuốc con nhộng nhỏ bé...*

- Ông Scott.

Adam nhảy phắt lên tuân lệnh:

- Có tôi.

Cô lễ tân nói:

- Hội đồng gọi anh đấy.

Wainwright nói:

- Anh có muốn tôi dịch nốt trong khi chờ đợi không?

Adam đáp:

- Cảm ơn anh. Tôi không muốn làm phiền anh nhiều quá.

Wainwright nói thêm:

- Dễ hơn chơi đồ chữ nhiều.

Anh ta tiếp tục chăm chú vào mẫu giấy.

Alex Romanov không phải người luôn nhẫn nại trong mọi trường hợp dù thuận lợi nhất. Vậy mà giờ đây vị lãnh đạo cấp cao gọi điện cho sếp anh hai lần mỗi ngày, điều đó chẳng hề thuận lợi tí nào.

Trong khi chờ đợi kết quả thăm dò của Chủ tịch Ngân hàng Gosbank, anh đọc lại các báo cáo kết quả nghiên cứu và kiểm tra mọi tin tức tình báo do các điệp viên tuyến trước gửi về. Romanov nghĩ rằng lẽ ra những mẩu thông tin dù là rời rạc của Chủ tịch ngân hàng Gosbank phải được gửi đến từng giờ, nhưng anh không hề có ý định quấy quả ông lão, mặc cho thời gian mỗi lúc một cấp bách.

Cuối cùng Chủ tịch ngân hàng cũng gọi điện đến.

Vì vậy Romanov lái xe thẳng đến trụ sở Ngân hàng Nhà nước ở Neglinnaya 12, và ngay lập tức anh được dẫn vào một căn phòng đẹp đẽ, Poskonov đang đứng đón anh ở cửa, ông mặc một bộ đồ khác, thậm chí ngực còn độn cứng hơn bộ trước.

Những lời đầu tiên của Poskonov trong khi ông dẫn Romanov đến một chiếc ghế bành rộng thoải mái là:

- Chắc anh nghĩ rằng tôi quên mất anh rồi chứ gì? Nhưng tôi muốn có một số tin tức khả quan cho anh hơn là làm phí thì giờ của anh. Anh không hút thuốc, nếu tôi nhớ chính xác?- Ông nói thêm và lấy bao Dunhill của mình ra.

Romanov nói:

- Không ạ, cảm ơn ông.

Không hiểu bác sĩ riêng của ông già có nhận ra mỗi ngày ông hút đến bao nhiêu điếu thuốc không.

Viên thư ký bước vào phòng và đặt xuống hai chiếc ly không, một cái bình thót cổ và một đĩa đựng trứng cá đen trước mặt họ.

Romanov im lặng chờ đợi.

Poskonov rót hail y vodka và nói:

- Trong hai ngày qua tôi đã nói chuyện với mười hai chủ tịch ngân hàng trong danh sách đầu tiên của anh. Nhưng tôi phải tránh không tiếp xúc với hai người còn lại.

Romanov nhắc lại :

- Tránh ư ?

Poskonov nói, giọng ông giống giọng một ông chú hiền từ :

- Kiên nhẫn một tí nào. Anh còn nhiều thời gian để sống hơn tôi, cho nên nếu phải lãng phí một tí thời gian nào, thì thời gian để lãng phí ấy phải là của anh chứ.

Romanov nhìn xuống đất.

Poskonov nói tiếp :

- Tôi tránh một trong hai chủ tịch ngân hàng ấy, bởi vì ông ta đã có mặt ở Mexico để nói cho Tổng thống nước này biết rằng, làm thế nào để có thể không trả nợ cho ngân hàng Manhattan trong khi đồng thời lại có thể vay thậm chí nhiều hơn thế của ngân hàng liên Mỹ. Còn với vị chủ tịch ngân hàng thứ hai, tôi cần phải tránh ông ta bởi vì hiện nay ông ta chính thức thông báo là đang ở Chicago để đóng cửa một thương vụ lớn của quỹ châu Âu với Continentan Illinois, trong khi thực ra ông ta đã đặt phòng ở khách sạn St. Francisco với cô bồ nhí. Tôi cảm thấy rằng anh sẽ tán thành, phải không thiếu tá, rằng sẽ không tốt lắm cho chúng ta nếu chúng ta cứ quấy rầy hai người đó vào lúc này. Bởi vì một người đã có đủ vấn đề đau đầu cho đến cuối tuần rồi, còn người thứ hai có thể đang bị nghe trộm điện thoại- mà chúng ta thì không hề muốn người Mỹ biết chúng ta đang tìm kiếm cái gì, đúng không ?

Romanov nói :

- Tôi tán thành

- Tốt. Dù sao thì khi cả hai người đó trở về Thụy sĩ vào đầu tuần sau thì chúng ta có thể tiến hành công việc được.

Romanov toan nói :

- Vâng, nhưng...

Poskonov nói tiếp :

- Chắc là anh sẽ rất mừng khi biết rằng cả mười hai chủ tịch ngân hàng kia đều đồng ý hợp tác với chúng ta và đã có năm người gọi điện lại cho tôi. Bốn người gọi để nói rằng họ đã kiểm tra toàn bộ tài sản của các khách hàng chưa tiếp xúc với ngân hàng trong hai mươi năm qua, nhưng không hề tìm thấy gì có liên quan dù là xa xôi tới bức tranh Thánh. Thực tế một trong các ngân hàng đó đã mở một hộp ký gửi chưa hề được chạm tới từ năm 1993, và thấy rằng trong đó không có gì ngoài một cái nút chai bằng lie của một chai rượu porto Taylor cất năm 1929 .

Romanov nói :

- Chỉ có một nút chai thôi ư ?

Chủ tịch ngân hàng đáp :

- Phải, năm 1929 là một năm rượu vang ngon.

Romanov hỏi :

- Còn vị thứ năm ?

Poskonov nhìn vào tập hồ sơ trước mặt. Ông giơ tay trở lên sửa cặp kính viễn và nói tiếp :

- Tôi cho là có lẽ đây là bước đột phá đầu tiên của chúng ta. Herr Dieter Bischoff, ngân hàng *Bischoff et Cie*- ông nhìn vị khách của mình tựa như Romanov phải nhận ra cái tên ấy mới phải- một người cao quý mà trước đây tôi đã nhiều lần có công chuyện với- cao quý, nghĩa là theo tiêu chuẩn của phương Tây, vị Chủ tịch ngân hàng nói thêm, có vẻ thích thú thật sự- Bischoff đã đề cập đến một vật được ký gửi ở ngân hàng của ông từ năm 1938. Đó đúng là một bức tranh Thánh, nhưng ông ta không biết đó có phải là bức tranh chúng ta đang tìm không.

Romanov nhảy bật lên vui sướng, anh nói :

- Vậy thì tốt hơn là tôi sẽ đến đó và tự kiểm tra xem- Anh nói thêm- Hôm nay tôi sẽ đi ngay

Chủ tịch ngân hàng ra hiệu cho anh ngồi xuống :

- Chuyển bat anh cần phải bay sẽ không rời sân bay Shermtyevo trước bốn giờ ba lăm. Trong bất cứ trường hợp nào thì tôi cũng đặt trước cho anh hai vé trên chuyến bay đó rồi.

Romanov hỏi :

- Hai ư ?

- Chắc chắn là anh sẽ cần có một chuyên gia đi cùng, trừ phi anh hiểu biết về bức tranh Thánh hơn rất nhiều so với sự hiểu biết về ngân hàng- Poskonov nói thêm- Tôi cũng đã đặt vé cho anh trên chuyến bay của hàng không Thụy sĩ. Và liên hệ với Herr Boschoff để ông ta cho anh gặp vào lúc mười giờ sáng mai- dĩ nhiên là trừ phi anh có một việc gì đó cấp bách hơn mà phải ở lại Moscow, đúng không ?

Romanov mỉm cười,

Ông lão nói tiếp, mặt tỉnh bơ :

- Theo những thông tin mà tập hồ sơ của anh cho thấy thì anh chưa bao giờ phục vụ ở Thụy sĩ, vì thế tôi cũng xin khuyên anh là nên ở tại khách sạn St. Gothard trong thời gian ở Zurich. Ngài Jacques Potin sẽ chăm sóc anh chu đáo tuyệt vời. Người ta không bao giờ gặp rắc rối với dân Thụy sĩ, ngoại trừ vấn đề tiền bạc mà thôi. Và để hoàn thiện cuộc điều tra nho nhỏ mà tôi đã tiến hành, tôi sẽ tiếp xúc ngay với hai người còn lại ngay khi họ quay về Thụy sĩ vào thứ hai tới. Còn bây giờ tất cả những gì tôi có thể làm tiếp là chúc anh may mắn trong chuyến đi Thụy sĩ này.

Romanov nói :

- Cám ơn ông. Có lẽ cần phải nói thêm là tôi vô cùng biết ơn sự giúp đỡ của ông.

- Niềm vui của tôi là được nói rằng tôi vẫn còn nợ ông nội của anh một ân huệ, và có lẽ một ngày kia anh cũng sẽ nhận được ở tôi một cái gì đó tương tự, vậy hãy cứ để thế đã.

Romanov cố gắng để hiểu ý nghĩa những lời ông lão. Về mặt của ông không cho anh đoán

được tý gì, và ông từ biệt anh, không nói thêm một lời nào nữa. Nhưng khi Romanov đi xuống cầu thang rộng rãi làm bằng đá cẩm thạch anh cứ nghĩ ngợi mãi.

Khi Romanov về đến Quảng trường Dzerzhinski, thư kí báo với anh rằng trợ lý của Herr Bischoff đã gọi điện đến thông báo ấn định cuộc gặp gỡ với Chủ tịch ngân hàng sẽ vào lúc mười giờ sáng hôm sau. Romanov yêu cầu anh ta gọi điện cho khách sạn St. Gothard đặt hai phòng, trước khi lên tầng trên để gặp Chủ tịch báo cáo cho ông về cuộc gặp vừa rồi với người lãnh đạo Ngân hàng Quốc gia, anh nói thêm :

- Và nữa, nhớ gọi cho hãng hàng không Thụy sĩ xem vé của tôi đã ấn định chưa ?

Vừa nghe anh nói xong Yuri thốt lên :

- Tạ ơn Chúa. Chỉ còn lại có chín ngày nữa.

Romanov mỉm cười.

- Sứ quán của chúng ta sẽ thông báo trước cho cậu tất cả những điều cần thiết. Hãy cứ hy vọng là cậu sẽ có thể đàm bức kiệt tác ấy về treo lại trên tường Cung điện Mùa đông.

Romanov nói :

- Nếu nó nằm ở cái ngân hàng ấy, thì ông sẽ có nó trong tay vào sáng mai.

Nói xong anh từ biệt Yuri, miệng mỉm cười.

Về đến phòng làm việc anh thấy Potrova đã chờ sẵn. Cô nói :

- Anh gọi cho em ạ?

Romanov nhìn đồng hồ đeo tay:

- Chúng ta sẽ đi Zurich. Trong vòng ba tiếng nữa. Vé máy bay và phòng nghỉ ở khách sạn đã đặt sẵn rồi.

Cô đáp:

- Chấn hấn là đặt cho Ông Bà Schmidt chứ ạ?

*

* *

CHƯƠNG 6

Sau cuộc phỏng vấn, Adam cảm thấy hoàn toàn tin tưởng. Lời cuối cùng vị chủ tọa buổi phỏng vấn hỏi anh là có thể có kết quả kiểm tra sức khỏe trong vòng một tuần không. Adam trả lời rằng anh nghĩ không có vấn đề gì trở ngại và hoàn toàn mong đợi được phục vụ trong ngành ngoại giao nước Anh.

Ra đến phòng chờ, Wainwright ngẩng lên và đưa cho anh mẫu giấy lúc nãy. Adam cố tỏ ra bình thường khi đốt mẫu giấy vào túi áo trong mà không liếc bản dịch, nói:

- Cảm ơn anh rất nhiều.

Anh ta chăm chú hỏi:

- Họ phỏng vấn như thế nào, ông bạn?

Adam an ủi:

- Với một người có những vũ khí là tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý thì chẳng có vấn đề gì đâu. Với lại, may hơn khôn mà.

Cô thư ký nói:

- Ông Wainwright, Hội đồng gọi ông.

Adam đi thang máy xuống tầng trệt và đi bộ về nhà, anh chỉ dừng lại ở góc phố Wilton Place để mua một túi táo của một thằng bé bán rong, hình như thằng bé suốt ngày chỉ có mỗi việc duy nhất là chăm chăm canh chừng cảnh sát. Adam vừa đi vừa ôn lại một lượt những câu hỏi của Hội đồng giám khảo và những câu trả lời của mình. Anh cho rằng đó là một bài tập thật vu vơ, mặc dầu anh vẫn có thể cảm thấy tự tin rằng buổi phỏng vấn đã trôi qua tốt đẹp. Anh dừng lại đột ngột đến nỗi người khách bộ hành đi sau phải cố lắm mới không đâm sầm vào anh. Điều khiến anh bị thu hút đột ngột là một tấm biển đề hàng chữ: "*Trung tâm thực phẩm Đức*". Một cô gái xinh đẹp với nụ cười duyên dáng, và đôi mắt tươi cười ngồi ở bàn thanh toán cạnh cửa ra vào. Adam rẽ vào cửa hàng và đi thẳng về phía cô gái, mặc dầu không hề định mua gì trong đó.

Cô gái hỏi bằng một ngữ điệu nhẹ nhõm:

- Ông không mua thứ gì ư?

Adam nói:

- Không, tôi sắp mua. Nhưng tôi hơi phân vân không hiểu cô có biết tiếng Đức không nhỉ?

Cô gái nhoẻn miệng cười, đáp:

- Mọi cô gái ở đây đều biết tiếng Đức.

Adam nói:

- Phải, tôi cũng nghĩ vậy.

Anh thận trọng nhìn cô gái. Chắc cô ta mới chỉ chừng hai mươi hai mốt là cùng, và ngay lập tức Adam bị thu hút bởi nụ cười và cung cách thân thiện của cô ta. Mái tóc đen bóng buộc túm thành đuôi ngựa bằng một dải nơ đỏ to tướng. Chiếc áo len chui đầu màu trắng và chiếc váy ngắn gọn gàng, khiến cho khó có người đàn ông nào không quay lại nhìn lần nữa.

- Không hiểu cô có vui lòng dịch giúp tôi vài câu tiếng Đức không?

Cô gái vẫn mỉm cười, đáp:

- Tôi sẽ thử xem sao.

Adam lấy cái phong bì đựng mẫu cuối cùng của bức thư ra đưa cho cô gái. Cô gái đáp, vẻ mặt nghiêm trang:

- Lỗi văn có vẻ hơi cổ. Có lẽ cũng hơi mất thì giờ đấy.

Adam nói:

- Tôi sẽ đi mua vài thứ.

Nói rồi anh bắt đầu đi dọc dãy giá để hàng hóa. Anh nhặt một ít salami, xúc xích Đức, thịt lợn xông khói, một ít mù tạt Đức, thỉnh thoảng lại ngược lên xem cô gái dịch đến đâu rồi. Anh nhận thấy cô gái chỉ có thể dịch được vài từ một vì luôn bị khách mua đến gián đoạn. Phải gần hai mươi phút sau cô mới đặt mẫu giấy sang bên cạnh. Ngay lập tức Adam đi đến quầy tính tiền và đặt các thứ lên bàn.

Cô gái nói:

- Một bảng hai mươi si ling, sáu xu.

Adam đưa cô hai bảng, cô trả lại tiền thừa cùng với mẫu giấy và nói:

- Đây chỉ là một bản dịch thô thôi, nhưng tôi nghĩ là đủ rõ nghĩa.

Adam nói trong khi ông già đến xếp hàng phía sau anh:

- Tôi không biết cần phải cảm ơn cô thế nào.

Cô gái cười phá lên:

- Anh có thể mời tôi cùng ăn món xúc xích Đức cũng được mà.

Adam nói:

- Không, tôi không đùa tí nào.

Một người nữa đến đứng vào hàng và ông già đứng sau anh có vẻ bắt đầu sốt ruột.

Adam nhặt một tờ quảng cáo trên bàn và lui vào một góc cửa hàng, viết nguệch ngoạc tên, địa chỉ và số điện thoại của mình lên đó. Anh chờ cho hai người khách trả tiền xong rồi mới

đưa cho cô gái tờ chào hàng của hãng Percil “Một lần trong đời”.

Cô gái hỏi về ngày thơ:

- Cái gì thế này?

Adam nói:

- Tôi đã ghi tên và địa chỉ trong trang giữa. Tôi sẽ chờ cô đến ăn tối vào lúc tám giờ. Ít nhất thì cô cũng biết là trong thực đơn sẽ có những gì rồi.

Cô gái có vẻ ngần ngại:

- Tôi chỉ đùa thôi mà.

Adam nói:

- Tôi sẽ không ăn thịt cô đâu mà chỉ ăn xúc xích thôi.

Cô gái nhìn tờ quảng cáo trên tay và phá lên cười:

- Tôi sẽ nghĩ xem thế nào đã.

Adam đi ra đường phố náo nhiệt. Một buổi sáng tồi tệ, buổi chiều tốt đẹp và có lẽ buổi tối còn hay hơn.

Anh về đến căn hộ vừa đúng lúc để xem có tin tức lúc năm giờ ba mươi. Bà Gandhi, thủ tướng mới của Ấn Độ đang thay đổi nội các và Adam băn khoăn không hiểu có bao giờ nước Anh được một trăm mười bảy điểm trên bảy, trong khi Tây Ấn vẫn dẫn đầu. Adam rên lên rồi tắt T.V. Sau khi bỏ đồ ăn vào tủ lạnh anh quay vào phòng ngủ để ghép nốt mẩu cuối cùng trong bức thư của Goering. Anh đọc lướt lại lần nữa những mẩu rời rạc, anh xé một tờ giấy trong cuốn sổ tay rồi bắt đầu chép lại các bản dịch theo thứ tự: đầu tiên là bản dịch của cô gái ở YMCA, rồi đến những dòng chữ của Wainwright, cuối cùng là bản dịch của cô gái dễ thương ở cửa hàng Mainz. Anh đọc lại toàn bộ bản dịch một lần thứ hai.

Nuremberg.

15 tháng Mười năm 1946.

Đại tá thân mến.

Trong suốt năm qua chúng ta đã trở nên hiểu biết nhau khá rõ. Chưa bao giờ ông giấu giếm sự căm ghét đối với Đảng Quốc xã, nhưng ông luôn cư xử với sự nhã nhặn và lịch sự của một sĩ quan và một người lịch thiệp.

Trong một năm qua chắc ông không thể không để ý thấy tôi vẫn được một trong những người lính gác cung cấp thường xuyên những điều xì gà Havana – Một trong những niềm vui hiếm hoi mà tôi được phép, mặc dầu đang bị giam. Những điều xì gà ấy còn có một mục đích khác, bởi vì mỗi điều chứa một viên thuốc con nhộng nhỏ bé, mỗi viên lại chứa một lượng thuốc độc nhỏ đủ để cho tôi thoát khỏi bản án, trong khi chắc chắn là tôi sẽ bị tử hình.

Nỗi ân hận duy nhất của tôi là ông, với cương vị sĩ quan trực ban vào lúc tôi hầu như đã

muốn chết, có thể sẽ phải nhận trách nhiệm về một việc mà ông không bao giờ tham dự. Để sửa chữa điều đó, tôi gửi kèm theo thư này một văn bản đề tên Emmanuel Rosenbaum, nó có thể sẽ giúp ông đương đầu với bất cứ khó khăn nào về mặt tài chính trong tương lai sau này.

Tất cả những gì ông cần...

Có tiếng Lawrence:

- Có ai ở nhà không?

Adam gấp các mẫu giấy lại, đi nhanh về giá sách và nhét chúng vào chỗ bản chính bức thư trong cuốn Kinh. Mấy giây sau Lawrence thò đầu qua cửa. Giọng anh vui vẻ vang lên:

- Giao thông tệ quá. Tớ không thể chờ cho đến khi được chỉ định làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng và được cấp một căn hộ trên tầng thượng, một lái xe lúc nào cũng chờ sẵn và một chiếc xe con.

Adam phá lên cười:

- Anh bạn yêu quý của tớ, chắc lại là một ngày khổ nhọc ở công ty chứ gì?

Anh cười lục cục và đi xuống bếp rồi bắt đầu lấy các thứ trong tủ lạnh ra. Lawrence hỏi khi nhìn thấy những thứ ngon lành xuất hiện trước mắt:

- Chắc là có ai sắp đến ăn tối chứ gì?

Adam nói:

- Tớ hy vọng rằng đó sẽ là một cô gái Đức, hơn mức hấp dẫn một tý.

- “Hy vọng” nghĩa là thế nào?

- Ồ, tớ khó có thể gọi đó là một lời mời chính thức, vì thế tớ không chắc là cô ta có đến hay không.

- Trong trường hợp như vậy có lẽ tớ sẽ loanh quanh đâu đấy, đề phòng trường hợp nhớ cô ta cho cậu leo cây và cậu có người ăn giúp cả đồng thức ăn kia.

- Cám ơn cậu đã tình nguyện. Nhưng tớ nghĩ là đến lượt cậu sẽ có dịp biến mất hoặc giả chết. Nhân thế, Carolyn thế nào rồi?

- Carolyn là cô cái của ngày hôm qua mất rồi. Cậu gặp cô bé *gnadiges Fraulein* của cậu ra sao?

- Cô ta bán hàng trong một cửa hàng thực phẩm ở Knightsbridge.

- Ra vậy. Bây giờ chúng ta xuống bạng đến tận một cô bán hàng rồi.

Adam nói:

- Tớ không hề có khái niệm cô ta làm nghề gì hay là thậm chí tên cô ta là gì. Nhưng hy vọng tối nay sẽ biết. Và như tớ đã nói rồi đấy, đến lượt cậu mất tích đấy nhé.

- *Natürlich*. Tất nhiên rồi. Cậu sẽ thấy là có thể tin cậy được là tớ sẽ giúp một tay nếu như cậu cần phiên dịch giúp vài câu.

- Thôi, cậu chỉ cần bỏ hộ tớ chai vang vào tủ lạnh và bày bàn ra thôi.

Lawrence cười lục cục:

- Đó gọi là những công việc nghiêm túc để một người thành đạt như tớ cần phải làm để được tin cậy ư?

Khi chuông đồng hồ điểm tám tiếng, bàn ăn đã bày xong và Adam đã chuẩn bị xong xuôi tất cả mọi thứ. Đến tám rưỡi thì cả hai người đã thôi không đợi nữa và Adam đã bắt đầu bày hai đĩa xúc xích Đức, salami và rau diếp với khoai tây bỏ lò cùng nước sốt dưa bắp cải. Sau đó anh cởi tạp dề và treo ra sau cửa bếp, ngồi xuống chiếc ghế đối diện Lawrence, còn Lawrence thì đã bắt đầu rót rượu.

Lawrence nhắc kính lên, nói:

- Ô, trông cậu cứ như chết rồi trong chiếc áo khoác len này ấy, *mein liebes Madchen*, anh bạn thân mến của tôi ạ.

Adam vừa định trả đũa lại bằng một thìa rau thì có tiếng gõ cửa trước, hai anh chàng trở mắt nhìn nhau một hồi rồi Adam mới nhảy ra mở cửa. Đứng trước cửa là một anh chàng cao đến một mét chín với đôi vai trông như một võ sĩ nhà nghề. Bị nuốt chừng bên cạnh anh ta là cô gái mà Adam đã mời đến ăn tối.

Cô gái giải thích:

- Đây là anh trai em, anh Jochen.

Ngay lập tức Adam choáng váng bởi cô trong thật xinh đẹp trong chiếc áo màu xanh da trời thẫm trang trí những hình vẽ, và chiếc áo dài màu xanh da trời vừa chấm qua đầu gối. Mái tóc dài, thẫm màu bây giờ buông xõa trông như vừa được chải và bóng lên dưới ánh sáng ngọn đèn bốn mươi oát treo trong hành lang.

Adam nói, hơi sững sốt:

- Xin chào các bạn.

- Jochen chỉ đưa em đến đây thôi.

Adam nói:

- À, tất nhiên. Jochen, mời anh vào uống chút gì đã.

- Thôi, cảm ơn anh. Tôi cũng có hẹn rồi, nhưng tôi sẽ đến đón Heidi lúc mười một giờ, nếu anh thấy được?

Adam nói:

- Tuyệt.

Ít nhất thì anh cũng biết được tên cô gái.

Anh chàng khổng lồ cúi xuống hôn lên hai má em gái, sau đó quay sang bắt tay Adam trước khi bước ra ngoài.

Heidi nói:

- Xin lỗi vì em đến muộn. Nhưng anh trai em mãi hơn bảy giờ mới đi làm về.

Adam dẫn cô gái vào nhà và nói:

- Không sao. Nếu cô đến sớm hơn thì tôi cũng chưa chuẩn bị xong mọi việc kia mà. Tiện thể, đây là Lawrence Pemberton, anh bạn cùng nhà với tôi.

Heidi nói:

- Ở Anh cả đàn ông cũng cần có bảo mẫu à?

Cả hai người đàn ông cười vang. Lawrence nói:

- Không, không. Tôi cũng có việc phải đi ra ngoài bây giờ. Giống như anh trai cô ấy mà, tôi cũng có hẹn. Cô thấy đấy, bàn ăn chỉ dọn có hai người. Adam, khoảng mười một giờ tớ sẽ về, chỉ để xem cậu có an toàn hay không thôi.

Anh mỉm cười với Heidi, mặc áo khoác và đóng cửa lại trước khi hai người kịp phản đối.

Heidi nói:

- Hy vọng là em đã không xua anh ấy ra khỏi nhà.

Adam ngồi xuống chỗ Lawrence và nói:

- Không, không. Anh ấy thật sự đã muộn với cô bạn gái rồi. Một cô gái xinh đẹp tên là Carolyn, một nhà hoạt động xã hội.

Anh nhanh nhẹn rót đầy cốc cho cô, cố tỏ ra là nó chưa từng được rót giọt nào trước đây.

Cô gái cười vang và nói:

- Vậy là rốt cuộc em sẽ ăn xúc xích chính mình bán ra.

Suốt buổi tối hôm ấy hai người cười mãi không dứt, và Adam được biết đến cuộc sống của Heidi ở Đức, về gia đình và về công việc tạm thời trong kỳ nghỉ hè của trường đại học Mainz.

- Bố mẹ em chỉ đồng ý cho em sang Anh vì có anh trai ở London. Và đó là để giúp cho môn ngoại ngữ nữa. Nhưng còn anh, Adam, em muốn biết là anh làm việc gì, trong những lúc không nhặt được một cô gái ở cửa hàng thực phẩm thế này?

- Tôi đã phục vụ trong quân đội chín năm và bây giờ đang hy vọng sẽ được làm việc ở Bộ Ngoại giao.

Heidi hỏi:

- Dựa trên năng lực nào, nếu em chọn đúng từ?

Adam nói:

- Từ đó là đúng rồi, nhưng tôi không chắc là mình sẽ trả lời đúng.

- Khi người ta nói về nhân viên Bộ Ngoại giao, thì thông thường với ý nghĩa rằng đó là gián điệp.

- Tôi cũng không rõ công việc là gì lắm, nhưng tuần sau người ta sẽ cho tôi biết. Trong bất kỳ trường hợp nào thì tôi cũng không nghĩ rằng mình sẽ là một gián điệp giỏi. Nhưng cô định sẽ làm gì sau khi trở về Đức?

- Em sẽ học nốt năm cuối cùng ở trường đại học Mainz và sau đó em hy vọng sẽ xin được làm một nhân viên nghiên cứu về vô tuyến truyền hình.

Adam hỏi:

- Thế còn Jochen thì sao?

- Bao giờ về thì anh ấy sẽ cùng bố em hành nghề luật.

Anh chợt hỏi:

- Vậy cô sẽ ở London bao lâu?

Cô gái nói:

- Hai tháng nữa. Nếu như em có thể chịu đựng được công việc này.

- Tại sao cô tiếp tục làm việc nếu công việc đó đã tồi tệ như vậy?

- Không có cách nào tốt hơn để kiểm tra vốn tiếng Anh bằng cách tiếp chuyện những khách hàng nóng nảy và nói bằng đủ các thứ ngữ âm.

Adam nói:

- Hy vọng là cô sẽ chịu đựng được cả hai tháng trước mắt đó.

Cô gái đáp, miệng mỉm cười:

- Em cũng hy vọng như vậy.

Khi Jochen quay lại vào lúc mười một giờ, anh thấy Adam và Heidi đang rửa chén đĩa. Cô gái lau tay và nói:

- Cám ơn vì một buổi tối vô cùng thú vị.

Jochen khiển trách:

- Em dùng sai từ rồi. Không phải là thú vị. Dễ thương, hài lòng, tuyệt diệu, thích thú có thể được, nhưng không thể là thú vị.

Adam nói:

- Tất cả những từ đó đều đúng, cả thú vị nữa.

Cô gái mỉm cười.

- Ngày mai tôi có thể đến và mua thêm ít xúc xích nữa không?

Heidi đáp:

- Em hy vọng là như vậy. Nhưng lần này chớ có cản mũi một bà già khó tính nào bằng một đề nghị dịch hộ nhé. Tiện thể, anh chưa nói với em tại sao anh cần một bản dịch lạ lùng thế. Em cứ tự hỏi cái ông Rosenbaum ấy là ai và ông ấy để lại cho ai đó vật gì vậy.

Adam nói, trông có vẻ hơi bối rối:

- Lần sau, có thể.

Jochen nói và bắt tay Adam thật chặt:

- Và lần sau anh có thể tự đưa em gái tôi về lấy.

Sau khi Heidi ra về, Adam ngồi xuống và uống nốt ly rượu cuối cùng và nhận ra mình vừa trải qua một buổi tối dễ thương, tuyệt diệu, thích thú và thú vị mà lâu lắm anh chưa từng được hưởng.

Một chiếc xe limousine màu đen với những cánh cửa sổ thẫm màu, và tấm biển số tối om đậu trong khu vực dành cho VIP của sân bay Zurich. Những cảnh sát Thụy Sĩ khó dăm dăm đã hai lần đến gần chiếc xe, và kiểm tra giấy tờ ra vào của người lái xe trong khi thiếu tá Romanov và Anna Petrova bước ra từ phòng hành khách để ngồi vào hàng ghế sau của chiếc xe.

Trời đã tối, người lái xe cho xe chạy về phía quầng ánh sáng xanh nhạt của những ngọn đèn neon trong thành phố. Khi chiếc xe đỗ trước khách sạn St. Gothard, Romanov chỉ nói với người lái xe một câu ngắn ngủi:

- Tôi sẽ về Moscow bằng chuyến bay ngày thứ ba.

Jacques Pontin, người quản lý khách sạn đã đứng trước cửa để đón những vị khách mới đến. Ngay lập tức ông ta tự giới thiệu, rồi sau khi giúp hai vị khách làm thủ tục đăng ký khách sạn, ông rung một chiếc chuông nhỏ ra hiệu cho người phu khuân vác đến giúp hai người khách mang hành lý lên phòng. Một giây sau một thanh niên khoảng hai mươi tuổi, mặc bộ quần áo màu xanh lá cây thẫm xuất hiện.

Ông Jacques bảo anh ta:

- Dãy phòng số hai mươi ba và phòng số hai mươi tư – Ông quay lại nói với Romanov - Rất hy vọng là ngài sẽ thấy hài lòng trong thời gian ở lại đây, thưa Herr Romanov. Nếu cần bất cứ

điều gì xin ngài đừng ngại gọi cho tôi.

Romanov nói:

- Cám ơn ngài.

Nói rồi anh đi theo người phu khuân vác đến trước cửa một chiếc thang máy. Romanov đứng sang một bên nhường cho Anna đi trước. Thang máy dừng lại ở tầng thứ bảy, người phu khuân vác đi trước dẫn họ dọc theo hành lang tới dãy phòng. Anh ta mở khóa và mời hai vị khách vào trước. Dãy phòng đúng như Romanov mong đợi, khác hẳn với bất cứ khách sạn loại sang nhất nào anh đã từng ở Moscow hay Leningrad. Khi nhìn thấy dãy vòi tắm trong buồng tắm lát đá cẩm thạch, anh nhớ đến những du khách giàu có ở Nga, nếu là những khách du lịch vắng lai, thường phải mang vòi tắm của mình đi theo.

Người phu khuân vác mở chìa khóa một phòng cạnh đấy và nói với cô nghiên cứu sinh:

- Phòng bà ở đây, thưa bà.

- Mặc dầu nhỏ hơn nhưng gian phòng cũng lịch sự không chê vào đâu được như dãy phòng kia. Người phu khuân vác quay lại đưa chìa khóa cho Romanov và hỏi xem anh có cần gì nữa không. Romanov nói không cần gì nữa và đưa cho anh ta năm franc.

Người phu khuân vác khẽ cúi xuống một lần nữa và đóng cánh cửa lại để cho Romanov đỡ đồ đạc, anh ta dẫn Anna Petrova về phòng.

Romanov bắt đầu cởi quần áo, sau đó đi vào buồng tắm. Anh ngắm nghía thân hình mình trong gương. Mặc dầu rất kiêu hãnh về khuôn mặt, nhưng anh còn kiêu hãnh hơn về thể lực của mình. Ở tuổi hai mươi chín, mặc dầu cao hơn một mét tám nhưng anh vẫn giữ được cân nặng có bảy mươi lăm cân, các cơ bắp vẫn cứng căng.

Khi quay về phòng ngủ, anh nghe rõ tiếng hoa sen xối nước trong buồng tắm của phòng bên. Anh rón rén bước đến cửa và hé mở. Những đường nét của thân hình Anna nổi rõ dưới vòi hoa sen tỏa hơi nước mù mịt. Anh mỉm cười và đi thật nhẹ qua căn phòng trái thảm, chui vào dưới tấm chăn trải trên giường của cô nghiên cứu sinh, chờ cô tắt vòi tắm.

Adam bước ra khỏi vòi tắm hoa sen lạnh giá. Chưa đầy một phút sau anh đã mặc quần áo xong và gặp Lawrence trong bếp để ăn sáng.

Lawrence nói:

- Tớ vẫn chưa thể tính tiền nước nóng cho cậu hả?

Anh đáp lại đầy hoa mỹ:

- Tại sao chúng ta lại không đào tạo nổi ra một vận động viên thực thụ kia chứ?

Lawrence nhặt chiếc cặp lên, nói:

- Không thể nào ở đây mà nói chuyện lãng nhăng với một kẻ thất nghiệp được. Quốc vương Iran muốn thảo luận về công chuyện tài chính của ông ta với tớ. Xin lỗi vì tớ phải chuồn ngay trước khi cậu kịp nuốt xong món bột ngô, nhưng tớ không dám để Đức Hoàng thượng phải chờ đợi.

Còn lại một mình, Adam luộc một quả trứng và nướng mấy lát bánh mì rồi lật báo để đọc những tin tức về những nạn nhân chiến tranh mới nhất ở Việt Nam, và kế hoạch của Tổng thống Johnson về việc đi thăm vùng Viễn Đông. Với tốc độ này anh không thể nào giặt được giải trong cuộc thi “Người Nội trợ tiêu biểu trong năm” của tờ Daily Mail. Thậm chí anh còn dọn dẹp trong bếp, làm giường và dọn dẹp cả phía phòng của Lawrence – chín năm kỷ luật quân ngũ chẳng dễ gì mà thay đổi những thói quen nhanh như vậy. Sau đó anh ngồi xuống vạch kế hoạch cho một ngày mới.

Anh thấy không thể nào tránh né được một quyết định nào đó. Một lần nữa anh lại ngồi xuống bàn và bắt đầu cân nhắc xem làm thế nào để có thể có bản dịch của tài liệu thứ hai, mà không gây nên những nghi ngờ.

Mặc dầu chưa thật chú ý lắm nhưng anh vẫn lấy cuốn Kinh Thánh trên giá sách xuống và rút bức thư hôm qua ra. Đoạn cuối của bức thư vẫn khó hiểu, vì vậy anh cân nhắc lại một lần nữa bản dịch của Heidi:

...Ông chỉ việc đến trình diện tại địa chỉ in trên góc phải của tài liệu đính kèm theo đây và đưa ra những bằng chứng rằng ông chính là đại tá Gerald Scott. Thích hợp nhất là một tấm hộ chiếu. Như vậy ông sẽ nhận được một vật mà tôi để lại cho ông dưới cái tên Emmanuel Rosenbaum.

Hy vọng nó sẽ đem đến cho ông một tương lai tốt đẹp.

Adam chuyển sang xem xét tờ văn bản. Anh vẫn hoàn toàn không đoán được vật để lại nó là cái gì, chưa kể không hiểu nó có tí giá trị nào không. Adam cứ ngẫm nghĩ mãi về việc một kẻ độc ác như vậy lại có thể có một hành động tử tế vào lúc chỉ còn vài giờ trước khi biết chắc là sẽ chết – một hành động khiến cho anh giờ đây không còn cách nào khác là phải tự dẫn thân tham dự vào.

Romanov quơ những tấm chắn lại và bằng một động tác anh hất nó xuống sàn nhà, mặc cho Anna đang cuộn tròn như một đứa trẻ, đầu gối gần chạm bộ ngực trần, giơ tay cố nắm lấy một góc chắn để che thân hình trần trụi của mình.

Cô lắp bắp hy vọng:

- Ăn sáng trên giường à?

- Trong vòng mười phút phải mặc quần áo xong, hoặc là sẽ chẳng có ăn sáng gì sất.

Anna thả hai chân trên tấm thảm dày chờ cho cơn chóng mặt qua đi rồi dò dẫm đi về phía buồng tắm. Romanov lắng nghe tiếng vòi hoa sen xả nước. Một tiếng kêu tội nghiệp khe khẽ “A...a...a”. Romanov mỉm cười nhớ ra mình để nấc nhiệt độ khóa ở màu xanh đậm.

Trong khi ăn sáng ở phòng ăn hai người duyệt lại một lần nữa kế hoạch Romanov dự định sẽ thực hiện với ngân hàng, trong trường hợp Petrova có thể khẳng định bức tranh Thánh đó chính là nguyên bản kiệt tác của Rublev. Anh cứ nhìn mãi đâu hồi lâu rồi đột nhiên nói, không hề báo trước tý nào.

- Đi thôi.

Anna cắn một miếng bánh mì nướng, hỏi:

- Sao thế?

Romanov đứng dậy rời khỏi bàn, không buồn giải thích gì thêm, anh đi thẳng ra khỏi phòng, tới thang máy. Petrova đuổi kịp sếp của mình vừa kịp khi cửa thang máy đóng sập lại. Cô hỏi lại:

- Sao thế?

Nhưng Romanov không nói gì cho đến khi cả hai người về dãy phòng của Romanov. Về đến nơi anh đẩy cánh cửa sổ rộng nhìn xuống ga xe lửa. Anh nhìn sang bên phải và nói:

- A, đấy là phía ngoài phòng của em.

Nói rồi anh nhanh nhẹn bước sang phòng ngủ kế bên, qua chiếc giường đôi trần trụi rồi mở cửa sổ, trèo ra ngoài. Petrova nhìn xuống từ tầng bảy, cảm thấy ngợp. Khi Romanov xuống đến nấc thang cuối cùng của thang thoát hiểm, anh chạy bổ đến một toa xe goòng đang đi ngang qua. Anna không hề hay biết gì, tận đến khi Romanov nhấc bổng toàn thân cô lên đặt vào toa xe goòng. Cô hỏi, vẫn còn bối rối không hiểu:

- Có chuyện gì vậy?

Romanov nhìn ra phía sau toa xe goòng và nói:

- Không rõ lắm. Chỉ biết có vẻ đó là một gián điệp nằm vùng của CIA.

Cô nghiên cứu sinh ngoài lại nhìn về phía khách sạn, nhưng chỉ nhìn thấy một đám đông người lơ nhố đi lên đi xuống bậc thềm.

Romanov ngồi yên trên xe goòng đi khoảng một dặm rồi mới nhảy xuống để vẫy một chiếc taxi đi về phía ngược lại. Anh vẫy cô trợ tá đi theo mình và nói:

- Ngân hàng *Bischoff et Cie*.

Chiếc taxi quay đầu chạy về phía khách sạn, len lỏi qua dòng xe cộ buổi sớm cho đến khi đỗ lại trước tòa nhà lớn tường làm bằng đá granit màu nâu đứng chiếm nguyên một đoạn phố. Romanov trả tiền cho người lái taxi rồi đứng trước hai cánh cửa oai vệ làm bằng kính dày, và được bọc bằng những hoa văn thép ren hàn lại với nhau thành những hình ngoằn ngoèo trông

giống như một cành cây. Bên cạnh cánh cửa, dòng chữ *Bischoff et Cie* được khắc vào đá khảm vàng. Không hề có một thông tin nào khác về công ty hoặc doanh nghiệp.

Romanov xoay nắm đấm cửa bằng thép nặng nề, hai người bước vào một gian sảnh rộng. Một chiếc bàn bằng gỗ đặc kê bên phải gian sảnh, một người đàn ông trẻ ăn mặc lịch sự ngồi bên cạnh bàn. Anh ta nói:

- Guten Morgen, mien Herr. Xin chào các quý ngài.

Romanov nói:

- Xin chào. Chúng tôi có hẹn với ngài Dieter Bischoff.

Người nhân viên lễ tân kiểm tra danh sách trước mặt và nói:

- Vâng, thưa ngài Romanov. Mời các ngài dùng thang máy lên tầng năm, thư ký của ngài Bischoff sẽ đón các ngài ở đó.

Khi hai người ra khỏi thang máy, một bà ăn mặc gọn gàng trong bộ đồ len đón họ. Bà nói, giọng đều đều:

- Mời các ngài đi theo tôi.

Hai người được dẫn qua một dãy hành lang dài dằng dặc treo đầy những tấm ảnh để tới một căn phòng rất tiện nghi, trông giống phòng khách của một gia đình quý tộc hơn là một ngân hàng.

Người đàn bà nói:

- Herr Bischoff sẽ gặp các ngài ngay.

Nói rồi bà ta đi ra.

Từ lúc vào phòng, Romanov vẫn đứng. Ba bức ảnh đen trắng đóng khung, chân dung những người đàn ông ảm đạm trong những bộ comple màu xám chiếm gần hết bức tường cuối phòng, trong khi những bức tường còn lại treo những bức tranh phong cảnh khiêm nhường nhưng vui tươi. Một chiếc bàn hình ovan tuyệt đẹp kiểu Luis XIV, với tám chiếc ghế bằng gỗ dái ngựa chạm trổ xếp xung quanh choán hết khoảng giữa căn phòng. Romanov cảm thấy nhói lên một nỗi ghen tị khi nghĩ rằng có lẽ mình chẳng bao giờ hy vọng được sống theo lối đó.

Cánh cửa mở, một người đàn ông trạc sau trăm tuổi bước vào, theo sau ông ta là ba người khác, tất cả đều mặc comple xám. Một người nhìn Herr Bischoff và Romanov biết rằng một ngày nào đó người đàn ông ảm đạm trong những bộ comple màu xám này sẽ gia nhập vào đám chân dung đen trắng kia.

Herr Bischoff cúi chào và bắt tay Romanov, nói:

- Ngài Romanov, thật là vinh dự cho ngân hàng nhỏ bé của chúng tôi quá.

Romanov gật đầu và giới thiệu người phụ tá của mình; đến lượt cô cũng nhận được một cái cúi đầu và bắt tay giống hệt như trên.

- Có lẽ đến lượt tôi xin phép giới thiệu con trai tôi và hai đồng sự Herr Muller và Herr Weizkopf.

Cả ba người nhất loạt cúi chào nhưng vẫn đứng trong khi Herr Bischoff ngồi vào chỗ mình ở đầu bàn.

Ông ta ra hiệu cho Romanov và Anna Petrova ngồi xuống bên cạnh.

Dường như để cho buổi làm việc chính thức bắt đầu, Bischoff hỏi:

- Xin phép cho tôi được xem hộ chiếu của ngài.

Romanov lấy cuốn hộ chiếu màu xanh lơ bọc da mềm để trong túi trong ra đưa cho ông ta. Bischoff xem kỹ tấm hộ chiếu, hệt như một tay chơi tem nghiên cứu một con tem cổ rồi cuối cùng tỏ vẻ hài lòng. Ông đưa trả tấm hộ chiếu cho chủ nó và nói:

- Cảm ơn ngài.

Rồi ông đưa một tay lên, ngay lập tức một trong ba người đàn ông đi ra. Ông giải thích:

- Con trai tôi sẽ đi lấy bức tranh Thánh mà chúng tôi vẫn giữ kỹ càng đến ngay bây giờ - Ông nói thêm - Trong lúc đó có lẽ chúng ta sẽ uống chút cà phê.

Chỉ một loáng sau và phê đã được một người phụ nữ khác cũng rất lịch sự đem vào.

Petrova nói, rõ ràng có vẻ hơi hốt hoảng:

- Cảm ơn.

Romanov không nói thêm câu nào cho đến khi con trai của Herr Bischoff quay vào, mang theo một cái hộp nhỏ đưa cho cha.

Ông lão thổ lộ:

- Ngài sẽ thấy là chúng tôi bảo quản tác phẩm này một cách chu đáo nhất. Nhưng đây cũng có thể không phải là bức tranh Thánh mà chính phủ ngài đang tìm kiếm.

Romanov nói:

- Tôi hiểu.

- Kiệt tác tiêu biểu của nền nghệ thuật Nga này được chúng tôi giữ từ năm 1938, và do một người đại diện cho một quý ngài tên là Emmanuel Rosenbaum đem ký gửi ở ngân hàng chúng tôi.

Cả hai người khách có vẻ bị choáng váng. Anna quay lại nói với sếp:

- *Nevozmohno*. Ông ta sẽ không bao giờ...

- Tôi cho rằng đó chính là lý do khiến nó được ký gửi ở đây - Romanov nói cộc lốc với Anna, bực mình vì lời nói thiếu thận trọng của cô. Rồi anh quay lại nói với ông Chủ tịch Ngân hàng - Ông thấy không? Điều đó rất có ý nghĩa. Tôi có thể nhìn bức tranh Thánh đó một chút được không ạ?

Ngài Bischoff đặt chiếc hộp xuống giữa bàn. Ba người đàn ông mặc comple xám đồng loạt tiến lên một bước. Romanov ngược nhìn có ý hỏi. Ông già giải thích:

- Theo luật pháp Thụy sĩ, khi mở một gói đồ gì đó thuộc về mọi người vắng mặt nhất thiết phải có ba người làm chứng.

Romanov gật đầu.

Ngài Bischoff bắt đầu mở khóa chiếc hộp kim loại bằng một chiếc chìa khóa ông lấy từ túi áo ra, trong khi con trai ông cúi xuống và mở chiếc khóa thứ hai bằng một chiếc chìa khóa khác. Khi nghi thức đó được thực hiện xong, ngài Bischoff mở nắp hộp ra và xoay nó về phía hai người khách. Romanov thò tay vào hộp, giống như một đứa trẻ thò tay vào gói quà Giáng sinh, rút bức tranh Thánh ra. Anh nhìn chăm chăm vào bức vẽ tuyệt đẹp đó. Đó là một hình chữ nhật nhỏ bằng gỗ gắn những viên ngọc li ti màu đỏ, xanh và những hạt vàng ghép thành hình một người đàn ông Do Thái với vẻ mặt tương nhu đang mang trên vai tất cả nỗi lo âu của thế giới này. Khuôn mặt đầy đau buồn nhưng vẫn gợi lên một cảm giác thanh thản và tĩnh lặng. Bức tranh Romanov cầm trên tay quả là tuyệt đẹp, không kém bất cứ bức nào anh đã từng nhìn thấy trưng bày trên tường Cung điện Mùa đông. Không một ai trong phòng biết chắc chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo, bởi vì Romanov không đưa ra một ý kiến gì.

Cuối cùng Anna cất tiếng nói:

- Đây đúng là một kiệt tác, và chắc chắn niên đại của nó là thuộc về thế kỷ mười lăm nhưng các vị thấy đây, đó không phải là bức *Thánh Geogre và Con Rồng*.

Romanov gật đầu tán thành, vẫn không rời mắt khỏi bức tranh nhỏ. Anh hỏi:

- Nhưng cô có biết gì về nguyên bản của bức tranh này không?

Anna đáp, vui mừng vì lần đầu tiên được đề cao:

- Có. Đó là bức tranh Thánh Peter, các vị có thể nhìn thấy ông ta cầm chùm chìa khóa...bức tranh này do Dionisiy vẽ năm 1471, và mặc dầu chắc chắn đó là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất cho nghệ thuật của họa sĩ đó, nhưng nó không phải là bức tranh Thánh của Sa Hoàng.

Romanov nói, vẫn hy vọng một chút gì vớt vát cho những khó nhọc đã trải qua:

- Nhưng phải chăng nó thuộc về nhân dân Nga?

Cô nghiên cứu sinh đáp quả quyết:

- Không, thưa thiếu tá. Nó thuộc về Bảo tàng Munich, khi Hitler lên làm Quốc trưởng Đức Quốc xã thì nó biến mất.

Herr Bischoff viết nguệch ngoạc mấy chữ lên tờ giấy trước mặt. Ít nhất cũng sẽ có một ngân hàng Munich sẽ vui mừng được làm việc với ông sau này.

Romanov miễn cưỡng đưa trả bức tranh cho Herr Bischoff, chỉ còn biết nói:

- Cám ơn ngài...

Herr Bischoff điềm tĩnh nói:

- Không có gì.

Rồi ông đặt lại bức tranh Thánh vào chiếc hộp và khóa bằng chìa khóa của mình. Trong khi đó con trai ông cúi xuống khóa bằng chiếc chìa khóa thứ hai rồi đi ra khỏi phòng đem theo bức tranh chưa có người nhận. Romanov đứng dậy, coi như cuộc gặp gỡ không đem lại kết quả nào, - mặc dầu anh tin rằng mình đã tìm ra mật danh, hoặc là một trong những mật danh của Goering.

Ông chủ ngân hàng già nua hỏi:

- Không hiểu tôi có thể nói chuyện riêng với ngài vài câu được không, ngài Romanov?

- Dĩ nhiên.

Herr Bischoff nói:

- Đó là một vấn đề rất tế nhị tôi muốn nói riêng với ngài, vì thế tôi nghĩ là ngài nên bảo người phụ tá của ngài để chúng ta ngồi lại với nhau thôi.

Romanov nói:

- Không cần thiết.

Anh không thể hình dung nổi có điều gì mà Bischoff phải bảo anh sau đây đừng có nói với Anna.

Bischoff nói:

- Tùy ngài thôi. Tôi tò mò muốn biết rằng đằng sau việc ngài yêu cầu gặp tôi còn có lý do gì khác nữa không?

Romanov nói:

- Tôi không hiểu ngài định nói gì cả?

- Tôi cảm thấy có lẽ tôi biết lý do thực khiến ngài chọn ngân hàng này để bắt đầu công việc điều tra.

Romanov nói:

- Tôi không chọn ngân hàng của ngài. Ngài chỉ là một trong...- anh ngừng bật.

Bischoff nói, vẻ vui mừng vì một điều gì đó.

- Ra vậy. Vậy thì có lẽ ngài cho phép tôi hỏi vài câu?

Romanov nói, rõ ràng đã bắt đầu sốt ruột muốn đi:

- Vâng, nếu ngài thấy cần thiết.

- Ngài là Alexander Peterovich Romanov?

- Phải.

- Ngài phải tin điều đó nếu không chúng ta nên ngừng cái trò này đi thôi.
- Ngài là con trai duy nhất của Peter Nicholevich Romanov?
- Phải.

Romanov hỏi, rõ ràng tỏ ra tức giận:

- Phải chăng đây là một bài học về cây phả hệ của gia đình tôi?
- Không, tôi chỉ muốn biết chắc một điều và tôi ngày càng tin rằng, sẽ khôn ngoan hơn nếu cô phụ tá của ngài hãy để chúng ta ngồi riêng với nhau một lúc.

Romanov nói:

- Hẳn là không rồi. Ở nước chúng tôi tất cả đều bình đẳng.
- Phải, tất nhiên - Bischoff liếc nhanh về phía Anna trước khi nói tiếp – Có phải cha ngài chết năm 1946?

Romanov đáp, bắt đầu cảm thấy bất ổn một cách khó hiểu:

- Phải, đúng vậy.
- Và ngài là người con duy nhất còn sống của cha ngài?

Romanov ngạo nghễ đáp:

- Đúng vậy.
- Nếu vậy thì hiện nay ngân hàng của chúng tôi hiện giữ... - Bischoff lưỡng lự trong khi một trong những người đàn ông xám xịt đặt trước mặt ông ta một tập hồ sơ. Ông sửa lại cặp kính gọng vàng trên mũi, lâu hết mức có thể làm động tác nhỏ ấy.

Romanov khẽ nói:

- Ngài đừng có nói thêm gì nữa.

Bischoff ngẩng lên:

- Tôi xin lỗi. Nhưng tôi có đủ lý do để tin rằng cuộc viếng thăm của ngài là đã có dự định sẵn.

Lúc này Petrova ngồi nhích hẳn ra mép ghế, thích thú theo dõi diễn biến vở kịch. Cô đã dự đoán chính xác điều gì sẽ xảy ra và thất vọng khi thấy Romanov quay về phía mình. Anh nói cụt ngắn:

- Cô ra chờ ở ngoài kia.

Petrova trề môi và đứng dậy miễn cưỡng rời khỏi họ, đóng cửa lại.

Bischoff chờ đến lúc chắc chắn là cửa đã đóng lại, rồi đẩy tập hồ sơ sang bên kia bàn. Romanov mở tập hồ sơ.

Trên đầu trang đầu tiên là tên ông nội anh, gạch chân ba lần. Dưới hàng tên họ in những

hàng ký hiệu rất khó hiểu.

- Tôi nghĩ là ngài sẽ thấy rằng chúng tôi đã thực hiện những chỉ dẫn của ông nội ngài và vẫn duy trì đầu tư một cách dè dặt số tiền của cụ.

Bischoff nhào người sang chỉ vào các con số cho thấy ngân hàng đã đạt được một tỷ lệ tăng trưởng trung bình là 6,67% mỗi năm trong suốt bốn chín năm qua.

Romanov hỏi:

- Những con số cuối trang đầu tiên này nghĩa là gì?

- Tổng giá trị tài sản của ngài bằng tiền mặt, cổ phiếu và hối phiếu vào lúc chín giờ sáng hôm nay. Nó vẫn được cập nhật vào mỗi sáng thứ hai kể từ ngày ông nội của ngài mở tài khoản ở ngân hàng này vào năm 1916 - Ông già kiêu hãnh ngược nhìn ba bức chân dung trên tường.

Romanov đọc con số cuối cùng và nói:

- *Bozhe Moi*, nhưng bằng tiền gì?

Herr Bischoff nói:

- Ông nội ngài chỉ tin tưởng vào đồng bảng Anh.

Romanov nhắc lại:

- *Bozhe Moi*.

- Tôi có thể mạo muội đoán rằng ngài không phật ý vì sự quản lý của chúng tôi lắm?

Romanov không nói gì.

Ông già nói tiếp:

- Và có lẽ ngài cũng vui lòng khi biết rằng chúng tôi hiện còn giữ rất nhiều chiếc hộp mà chúng tôi không biết trong đó đựng gì. Cha của ngài cũng có đến thăm chúng tôi một lần sau chiến tranh không lâu. Ông có vẻ hài lòng và hứa với chúng tôi là sẽ sớm quay lại, nhưng từ đó chúng tôi không nhận được tin tức gì thêm. Chúng tôi rất đau buồn khi biết rằng cha ngài đã mất. Trong hoàn cảnh này có lẽ ngài cũng muốn quay lại và xem qua chúng vào một lần khác?

Romanov khẽ nói:

- Vâng. Có lẽ chiều nay tôi sẽ quay lại.

Herr Bischoff nói:

- Ngân hàng chúng tôi sẽ luôn luôn phục vụ ngài, thưa Bá tước.

Từ hồi cách mạng đến giờ không một ai từng nhắc đến tước hiệu này của Romanov bao giờ. Anh ngồi im một hồi lâu.

Cuối cùng anh đứng dậy bắt tay Herr Bischoff. Anh nhắc lại trước khi đi ra để gặp người phụ tá của mình ngoài hành lang.

- Chiều nay tôi sẽ quay lại.

Không một ai nói một lời nào cho đến khi hai người ra đến ngoài phố. Romanov vẫn quá xúc động vì những điều vừa được biết, nên không nhận thấy người đàn ông lúc ở khách sạn anh cố tránh bây giờ đang đứng trong một hàng người xếp hàng chờ tàu điện bên kia đường.

*

* *

CHƯƠNG 7

Vị mục sư ngồi ở bàn chăm chú xem xét tờ giấy rất lâu mà không đưa ra một ý kiến nào. Khi nhận được đề nghị của Adam ông ta đã mời chàng trai vào phòng làm việc riêng của mình phía sau nhà thờ Lutheran Đức.

Hóa ra đó là một căn phòng nhỏ trơ trọi, với một chiếc bàn rộng bằng gỗ và rất nhiều những chiếc ghế chằng chiếc nào ăn nhập với chiếc nào. Một cây thánh giá nhỏ màu đen là vật trang trí duy nhất được treo trên bức tường trống trải. Adam và vị mục sư ngồi trên hai chiếc ghế cộc cạch. Adam ngồi thẳng đơ trong khi vị đại diện của Chúa trong chiếc áo choàng màu đen tuyền từ đầu đến chân đang ngồi chống khuỷu tay trên bàn, hai tay ôm đầu, nhìn chăm chăm vào bản sao bức thư.

Sau một hồi khá lâu, ông nói, vẫn không hề ngược mắt lên:

- Nếu ta không lầm thì đây là một tờ biên nhận. Mặc dầu rất ít am hiểu về những chuyện thế này nhưng ta tin rằng *Roge et Cie*, hẳn là một ngân hàng Thụy sĩ ở Geneva có giữ một vật ở đây gọi là Bức Tranh Thánh của Sa hoàng. Nếu như ta không nhớ đúng về lịch sử, thì có thể thấy nguyên bản của bức tranh Thánh này đâu đó ở Moscow – ông nói tiếp mắt vẫn nhìn tờ văn bản – Có lẽ nếu người cầm tờ biên nhận này đến Geneva thì sẽ có quyền nhận bức tranh đã được nói đến ở trên, tức là bức tranh Thánh *George và con Rồng* do ngài Emmanuel Rosenbaum gửi – Vị mục sư nói thêm, lần đầu tiên ngược mắt lên – Thú thực là ta chưa bao giờ nhìn thấy một cái gì như thế này.

Ông gấp tờ giấy lại đưa trả cho Adam. Adam nói:

- Cảm ơn Cha. Như thế này cũng rất có ích rồi ạ.

- Rất tiếc là Đức Giám mục bề trên của ta hiện đang đi vắng, bởi vì ta tin ngài có thể làm sáng tỏ hơn về vấn đề này hơn ta nhiều.

Adam nói:

- Cha đã nói tất cả những gì con cần biết rồi – anh vẫn không tìm nổi câu hỏi – Bức tranh thánh đó có chút giá trị gì không ạ?
- Một lần nữa ta thú thực là không thể cho một ý kiến có giá trị lắm về lĩnh vực này. Ta chỉ có thể nói với con rằng, cũng như trong mọi thức nghệ thuật, giá trị của một vật có thể vô cùng khác nhau mà chẳng cần giải thích gì cả.

Adam hỏi:

- Vậy thì không có cách nào để biết giá trị của bức tranh Thánh này ư?
- Ta không thể mạo hiểm đưa ra một ý kiến nào, nhưng không nghi ngờ gì là những chuyên gia của Sotheby hay Christie có thể sẽ thích đánh giá thử. Dù sao thì họ cũng tuyên bố trên các quảng cáo rằng ở bất cứ lĩnh vực nào họ cũng có đủ chuyên gia để cho con một lời khuyên.

Adam nói:

- Vậy con sẽ kiểm tra lời quảng cáo của họ xem sao, và sẽ đến gặp họ - Anh đứng lên, bắt tay mục sư và nói – Cha tốt bụng quá.

Mục sư nói:

- Không có gì. Ta rất vui lòng giúp con vì có dịp rời xa những vấn đề về hôn nhân của Freud Gerber và tầm cỡ của Đại diện giáo khu.

Adam lên xe buýt đến Hyde Park Corner rồi nhảy xuống khu xe rẽ sang Knightbridge. Anh đi bộ qua đường và xuôi xuống Piccadilli về phía phố Ritz. Anh nhớ có đọc thấy ở đâu đó rằng nhà hàng Sotheby nằm ở phố Bond, mặc dầu không nhớ ra là có bao giờ nhìn thấy nó chưa.

Anh đi bộ khoảng một trăm mét nữa mới rẽ trái, rồi chú ý nhìn lên tất cả các biển hiệu cả hai bên đường. Anh bỏ qua các tấm biển mang tên Gucci, Cartie, Asprey và bắt đầu phân vân không hiểu mình có nhớ nhầm không, hay là nên kiểm tra trên danh bạ điện thoại. Anh tiếp tục bỏ qua Đại lý Du lịch Ailen và cửa hàng Celine và cuối cùng nhìn thấy hàng chữ vàng trên một quán báo nhỏ phía cuối đường.

Anh băng qua đường phố một chiều và tiến vào cánh cửa bên cạnh quán báo. Có cảm giác như anh là một chú bé lần đầu tiên đến trường mới, bối ngỡ với mọi thứ xung quanh và không biết nên hỏi ai. Hầu như tất cả mọi người đi qua anh đều đi thẳng lên cầu thang, anh vừa định theo mọi người thì nghe thấy có tiếng nói:

- Thưa bà, mời bà đi lên cầu thang và đi thẳng. Vài phút nữa người điều khiển cuộc bán đấu giá sẽ chính thức bắt đầu.

Adam quay lại và nhìn thấy một người đàn ông mặc chiếc áo khoác màu xanh lá cây dài. Trên túi áo trái có thêu tên “Sotheby”.

Adam hỏi:

- Tôi muốn nhờ đánh giá một thứ thì gặp ai?

Người đàn ông trả lời như quát:

- Ngài đi thẳng cho đến hết hành lang sẽ gặp người tiếp đón ngài bên tay trái.

Adam cảm ơn anh ta rồi đi đến bàn lễ tân.

Một bà cụ đang giải thích cho cô gái ngồi sau bàn rằng bà ta được bà nội để lại cho chiếc bình từ lâu lắm rồi và bà muốn biết nó có giá trị gì không.

Cô gái nhìn bình gia bảo rồi hỏi:

- Mười lăm phút nữa cụ có thể quay lại không ạ? Lúc đó ngài Makepace của chúng tôi mới có thể xem xét và đoán định giá của nó được.

Bà cụ nói đầy hy vọng:

- Cảm ơn cô.

Cô gái cầm chiếc bình rất đẹp lên và đem vào phòng trong. Một giây sau cô quay lại và hỏi Adam:

- Tôi có thể giúp được gì ngài không ạ?

Adam đáp:

- Tôi cũng không rõ lắm nữa. Tôi cần hỏi ý kiến về một bức tranh Thánh.

- Ngài có đem theo đây không ạ?

- Không, lúc này nó đang ở nước ngoài.

- Vậy ngài có biết chi tiết gì hơn về bức tranh không ạ?

- Chi tiết ư?

- Tên họa sỹ, thời đại, cỡ bức tranh. Hoặc tốt hơn là ngài có ảnh chụp bức tranh không?

Adam e ngại đáp:

- Không. Tôi chỉ biết tên bức tranh đó thôi, nhưng tôi cũng có một tài liệu liên hệ về nó – anh nói thêm và đưa cho cô ta tờ biên nhận mà anh đã đưa cho mục sư xem.

Cô gái nhìn dòng chữ nguệch ngoạc viết bằng tiếng Đức, nói:

- Không có gì nhiều lắm. Nhưng tôi sẽ thử hỏi ngài Sedgwick, trưởng phòng về các bức tranh Thánh của Nga và Hy Lạp, may ra ông ta có thể giúp được ngài chăng.

Adam nói:

- Cảm ơn cô.

Cô gái nhắc điện thoại lên và hỏi:

- Ngài Sedgwick có thể tiếp một khách hàng muốn hỏi ý kiến được không ạ?

Cô ta lắng nghe một lúc rồi đặt máy xuống:

- Ngài Sedgwick sẽ xuống đây bây giờ, nếu ngài có thể đợi được.

Adam đáp:

- Nhất định rồi.

Anh cảm thấy hơi hoảng sợ. Trong khi cô gái tiếp một khách hàng khác, Adam ngồi chờ ngài Sedgwick và ngắm nghía những bức ảnh treo trên tường. Có rất nhiều ảnh chụp những vật đã được bán trong cuộc bán đấu giá vừa rồi. Một bức tranh lớn của Picasso có tên là *Trois Baigneuses*, Adam chỉ có thể nhận ra từ đám sơn dầu rực rỡ một hình ba người đàn bà bởi vì vú của họ gần như mọc ngay giữa ngực. Bên cạnh bức tranh của Picasso là một bức của Dega vẽ một cô gái đang tập múa, lần này thì chắc chắn là một cô gái. Nhưng bức tranh Adam thích nhất là của họa sĩ anh chưa bao giờ nghe thấy có cái tên là Jackson Pollock đã được bán với giá mười một ngàn bảng. Anh tự hỏi không hiểu có loại người nào có thể quẳng một số tiền lớn đến thế để mua một tác phẩm nghệ thuật.

- Một điển hình của nghệ thuật vẽ cọ.

Một giọng nói cất lên sau lưng anh. Adam quay lại và nhìn thấy một người cao gầy dẹt với hàng ria hoe hoe và mái tóc đỏ lưa thưa. Bộ comple như treo trên một cái mắc áo di động, ông ta nói bằng giọng eo éo như đàn bà:

- Tên tôi là Sedgwick.

Adam chìa tay ra và nói:

- Tôi là Scott.

-Ồ ngài Scott. Hay là chúng ta lại đẳng kia ngồi và ngài sẽ cho tôi biết, tôi có thể giúp gì cho ngài được.

Adam nói và ngồi xuống chiếc ghế đối diện ông ta:

- Tôi cũng không chắc ngài có thể giúp tôi được không. Chỉ là vì tôi được thừa hưởng theo di chúc một bức tranh Thánh và tôi hy vọng may ra nó có giá trị chẳng thôi.

Sedgwick mở một cặp kính lấy trong hộp ra và nói:

- Khởi đầu tốt đấy.

Adam nói:

- Cũng có thể không được như vậy, bởi vì tôi không hề biết gì về bức tranh đó và tôi không muốn làm phí phạm thời giờ của ngài.

Sedgwick cam đoan:

- Ngài không hề làm phí thì giờ của tôi tí nào. Chúng tôi đã từng bán rất nhiều những vật có giá trị không đến mười bảng kia

Adam không hề biết điều đó và giọng nói nhẹ nhàng của ông ta khiến anh đỡ bối rối hơn.

- Bây giờ tôi hiểu là ngài không có bức ảnh chụp nào của bức tranh đó đúng không ạ?

Adam nói:

- Đúng như vậy. Hiện nay bức tranh vẫn còn đang ở nước ngoài và nói thật lòng là tôi chưa từng được nhìn thấy nó.

Sedgwick nói và gấp kính lại:

- À ra thế. Nhưng ngài có thể cho tôi biết tí gì về xuất xứ của nó không?

- Rất ít. Bức tranh đó được gọi là bức tranh Thánh của Sa hoàng và chủ đề của nó là *Thánh George và Con Rồng*.

- Lạ nhỉ - Sedgwick nói – Chỉ mới tuần trước cũng có một người hỏi về bức tranh đó, nhưng ông ta không để lại tên.

Adam hỏi

- Cũng có người muốn biết về bức tranh Thánh của Sa hoàng đó ư?

Sedgwick gõ gõ chiếc kính lên đầu gối và nói:

- Phải. Một người Nga. Tôi đã kiểm tra lại nhưng có rất ít tài liệu về bức tranh này. Người đó muốn biết bức tranh đó có qua tay chúng tôi không, hoặc chúng tôi có bao giờ nghe nói đến nó không. Tôi chỉ có thể nói với ông ta rằng đó là một tuyệt tác của Rublev, và hiện nay vẫn đang được treo ở Cung điện Mùa Đông để cho dân chúng thưởng thức. Chỉ có một điều chắc chắn rằng bức treo ở Cung điện Mùa đông là nguyên tác bởi vì vành vương niệm bạc của Sa hoàng được khắc phía sau khung tranh. Kể từ thế kỷ mười bốn, người ta đã làm rất nhiều phiên bản các tác phẩm của Rublev và chúng rất khác nhau về chất lượng cũng như giá trị, nhưng hình như ông ta quan tâm đến một phiên bản do họa sĩ triều đình đã chép lại cho Sa hoàng Nicholas vào khoảng năm 1914. Tôi không tìm thấy bất cứ một dấu vết nào của bức tranh Thánh ấy trong công trình khảo cứu. Ngài có tài liệu nào về bức tranh Thánh của mình không? Sedgwick hỏi.

Adam nói:

- Không nhiều lắm. Mặc dầu vậy tôi có bản sao của một tờ biên nhận đính kèm tờ di chúc.

Ông Sedgwick lại mở kính ra xem xét tờ biên nhận rất nhiều lần, cuối cùng ông ta nói:

- Tuyệt, rất tuyệt. Tôi thấy có vẻ như nếu *Roget et Cie* trao lại thì bức tranh Thánh của Sa hoàng – phiên bản do họa sĩ triều đình vẽ thời đó vẽ lại - thì nó thuộc về ngài. Nhưng chắc chắn là ngài sẽ phải tự mình đến đó để nhận bức tranh.

Adam hỏi:

- Nhưng nó có đáng phải phiền hà đến thế không? Ngài có thể cho tôi chút khái niệm gì về giá trị của bức tranh đó không?

Sedgwick lật tờ biên nhận và nói:

- Khó có thể nói được nếu không nhìn thấy thực tế.

- Vậy con số thấp nhất có thể là bao nhiêu?

Ông ta nhăn mặt, sau một hồi cân nhắc mới nói:

- Mười. Có lẽ mười lăm nhưng cao nhất chỉ đến hai mươi là cùng.

Adam nói, không giấu nổi thất vọng.

- Hai mươi bảng! Ngài Sedgwick, xin lỗi vì tôi đã làm phí thì giờ của ngài.

- Không, không, không, ngài Scott, ngài không hiểu tôi rồi. Tôi muốn nói là hai mươi ngàn bảng kia.

*

* *

CHƯƠNG 8

Petrova ngồi bên bàn ăn, hỏi:

- Thêm một chút trứng cá nhé?

Romanov nhăn mặt. Về mặt giả vờ "nhận được thông tin tối quan trọng" của anh chỉ giãn ra khi trên mặt của cô bạn đường ánh lên nụ cười ngụ ý biết tổng mọi chuyện, và cô cũng tỏ vẻ chẳng hề tin vào "cuộc hẹn với Lãnh sự quán chiều nay" mà từ hôm đến đây anh đã "quên" không thông báo với cô.

Anna giơ một thìa trứng cá đen đầy ắp đưa cho Romanov như đang bón cho một đứa bé lười ăn. Romanov nói dứt khoát:

- Cảm ơn em, *thôi*.

Cô gái nói:

- Tùy anh thôi.

Nói rồi, cô nuốt gọn thìa trứng cá. Romanov gọi tính tiền. Khi người ta đem tờ giấy thanh toán đến anh không thể chạnh nghĩ rằng với số tiền này có thể nuôi sống cả một gia đình Nga trong một tháng. Anh trả tiền không nói năng gì.

Anh nói cộc lốc:

- Lát nữa anh sẽ gặp em ở khách sạn.

Petrova nói, tay vẫn còn cầm tách cà phê:

- Dĩ nhiên rồi. Máy giờ anh mới về?

Romanov lại nhăn mặt đáp:

- Không trước bảy giờ đâu.

- Vậy có kế hoạch gì cho em trong chiều nay không, thưa thiếu tá?

Romanov nói:

- Em có thể làm gì tùy thích.

Nói rồi anh đứng dậy đi, không nói thêm lời nào. Khi ra đến phố, anh đi theo hướng ngược lại hướng ngân hàng, nhưng khó mà nói anh đang đánh lạc hướng cô nghiên cứu sinh, cô này lúc ở bàn ăn cứ nhìn anh bằng cái nhìn đầy ngờ vực, hay lại đánh lạc hướng tên gián điệp vẫn đang sốt ruột đứng chờ ở bên kia đường suốt gần hai tiếng đồng hồ.

Lúc ba giờ chiều, Romanov đã ngồi ở phòng ở tầng năm với ba tấm ảnh chụp các Herr Bischoff trên tường đang nhìn chăm chăm xuống, và Herr Bischoff thứ tư đứng phía sau.

Herr Bischoff vẫn nói bằng giọng đều đều điềm tĩnh lúc sáng:

- Chúng tôi hiện đang giữ năm chiếc hộp chưa hề được mở ra kể từ chuyến viếng thăm của cha ông kể từ năm 1945. Nếu ông quan tâm đến những thứ đựng trong hộp...

Romanov nói, bắt đầu sốt ruột vì cái giọng thăm dò của ông ta:

- Ngoài điều đó ra, tôi còn đến đây để làm gì nữa kia chứ?

Herr Bischoff hỏi, có vẻ không nhận thấy sự khiếm nhã đó:

- Quả vậy. Vậy thì chúng tôi chỉ đề nghị ngài ký vào một bản từ chối khiếu nại để hợp pháp hóa theo yêu cầu của luật pháp Thụy Sĩ.

Romanov trông có vẻ không hiểu.

- Như vậy chỉ là hình thức thôi mà.

Romanov vẫn không nói gì.

- Bá tước, ngài có thể yên tâm rằng ngài không phải là người duy nhất trong số các đồng bào ngài đã từng ngồi trong chiếc ghế đó đâu.

Herr Bischoff nhanh nhẹn đưa tờ giấy qua mặt bàn. Romanov ký nguệch ngoạc giữa hai chữ X được đánh dấu trên tờ giấy viền vàng. Anh không hề có ý định tìm hiểu xem mình vừa ký vào cái gì. Nếu như họ định ăn cắp của cải ông nội anh để lại, thì tại sao đến giờ họ mới làm kia chứ?

Herr Bischoff nhanh nhẹn đưa tờ giấy cho con trai, ông này rời khỏi phòng ngay lập tức. Herr Bischoff bố đứng lên, im lặng dẫn Romanov quay ra hành lang. Nhưng lần này họ đi xuống bằng thang máy riêng của chủ tịch ngân hàng xuống đến tận tầng hầm.

Khi mới mở cửa, Romanov nghĩ rằng họ đang đi vào nhà ngục với những chấn song sắt bóng loáng. Vừa nhìn thấy chủ tịch ngân hàng, người đàn ông ngồi sau chiếc bàn kê cuối dãy chấn song nhảy phắt lên mở cánh cửa sắt bằng một chiếc chìa khóa dài. Romanov đi theo Herr Bischoff qua cửa mở sẵn rồi chờ đến khi cửa được khóa lại, nhốt cả hai người bên trong. Người gác cửa đi trước, dẫn họ đi dọc hành lang trông giống hệt hầm rượu, mỗi mét đều gắn một nhiệt kế và đồng hồ đo độ ẩm, ánh sáng mờ mờ chỉ đủ cho người ta bước đi không vấp. Đến cuối hành lang, họ thấy Bischoff con đã đứng chờ sẵn trước một cánh cửa rất to bằng sắt.

Ông già gật đầu và Herr Bischoff con liền đút một chiếc chìa khóa vào để mở cửa. Chủ tịch ngân hàng bước tới để mở một ổ khóa thứ hai. Cả hai cha con họ đẩy cánh cửa mở rộng nhưng không hề tỏ ý định bước vào hầm.

- Ngài sở hữu năm cái hộp. Số 1721, 1722, 1723, 1724...

Romanov ngắt lời:

- Và 1725 chứ gì.

Herr Bischoff nói và lấy trong túi ra một gói nhỏ:

- Đúng vậy - ông nói thêm - Đây là phong bì của ngài, chiếc chìa khóa trong này sẽ mở được cả năm cái hộp.

Romanov cầm chiếc phong bì quay lại phía căn hầm đã mở. Herr Bischoff nói:

- Nhưng chúng tôi phải mở khóa của ngân hàng trước khi ngài bắt đầu mở khóa. Xin ngài vui lòng đi theo chúng tôi.

Romanov gật đầu và cả hai Herr Bischoff bước vào hầm. Romanov cúi thấp người đi theo họ. Herr Bischoff con mở chiếc khóa phía trên khóa năm cái hộp vào nhau, có ba hộp nhỏ và hai hộp to phía trên làm thành một khối lập phương. Ông lão nói:

- Bá tước, sau khi đi ra chúng tôi sẽ đóng cửa lại và khi nào ngài cần mở cửa thì chỉ việc ấn vào cái nút màu đỏ trên tường để gọi. Nhưng tôi phải báo trước với ngài rằng đến sáu giờ cửa hầm sẽ tự động đóng lại và sẽ không thể mở ra trước chín giờ sáng mai. Nhưng dù sao đến lúc năm giờ rưỡi cũng sẽ có một hồi chuông nhắc.

Romanov nhìn đồng hồ trên tường, ba giờ mười bảy phút, anh không tin rằng mình sẽ cần tới quá hai giờ đồng hồ chỉ để xem năm cái hộp đựng gì. Hai Herr Bischoff cúi chào và đi ra.

Romanov điềm tĩnh chờ cho cửa đóng hẳn lại ở phía sau. Khi còn lại một mình trong cái hang của Aladdin, anh bắt đầu nhìn xung quanh gian phòng, và ước tính có đến hai ba nghìn chiếc hộp chất đầy quanh bốn bức tường, trông giống như những cái hộp trong thư viện. Anh nghĩ, trong căn hầm này chắc phải có nhiều tài sản riêng tư hơn số của cải riêng mà hầu hết các nước trên trái đất cần đến. Anh xem lại số hiệu trên những cái hộp của mình, rồi đứng chờ như đứa trẻ mồ côi đứng chờ được cứu giúp.

Anh quyết định bắt đầu bằng chiếc hộp nhỏ. Anh quay chìa khóa và ngay thấy tiếng ổ khóa bật tách một tiếng, rồi kéo ngăn kéo ra và thấy bên trong đầy giấy tờ. Anh nhìn lướt qua và nhận thấy đó là những giấy tờ sở hữu nhiều vùng đất rộng ở Bohemia và Bulgaria - đã từng trị giá hàng triệu bạc, và giờ đây đã nằm trong tay các nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong khi xem xét từng tài liệu, trong óc anh bỗng vang lên câu nói cổ: "Bản thân những tờ giấy thì có giá trị gì đâu, giá trị chỉ ở những gì mà người ta viết lên đó".

Romanov chuyển sang hộp thứ hai, trong đó chứa đầy hồi phiếu của các công ty trước đây thuộc quyền quản lý của Bá tước Nicolai Alexandrovich Romanov. Lần cuối cùng chúng được xác nhận là năm 1914. Romanov chuyển sang hộp thứ ba, hộp chỉ đựng một thứ duy nhất, đó là di chúc của ông nội anh. Rất dễ dàng nhận ra rằng ông nội đã để lại tất cả mọi thứ cho cha anh, do đó anh là chủ sở hữu hợp pháp của tất cả những cái đó - và chẳng của cái gì cả.

Thất vọng, Romanov quỳ xuống để xem xét hai chiếc hộp lớn, cả hai đều trông to đến nỗi tưởng như có thể đựng được cả chiếc đàn cello. Anh lưỡng lự một lúc mới tra chìa vào chiếc hộp thứ nhất rồi kéo cái hòm to tướng ra.

Anh ngong ngóng nhìn vào trong.

Cái hòm trống rỗng. Anh chỉ có thể đoán rằng nó vẫn trống không như vậy từ hơn hai mươi năm nay, trừ phi là cha anh đã lấy đi tất cả mọi thứ trong này, nhưng không thể có chuyện như vậy được. Anh vội vã mở khóa chiếc hòm thứ năm và kéo mạnh ra, gần như tuyệt vọng.

Chiếc hòm được chia thành mười hai ngăn bằng nhau. Anh mở nắp ngăn thứ nhất, sững sờ không tin vào mắt mình. Trước mặt anh là những viên ngọc to tướng và tuyệt đẹp, rực rỡ đủ màu có thể khiến bất cứ kẻ thường dân nào há hốc miệng mà nhìn. Anh run rẩy nhấc nắp ngăn thứ hai lên và thấy trong đó toàn ngọc trai quý giá, mỗi viên đều có thể biến một cô gái tầm thường thành một nàng tiên. Khi mở ngăn thứ ba, sự kinh ngạc vẫn không hề kém đi chút nào, và lần đầu tiên Romanov mới hiểu tại sao ông nội anh lại được coi là một trong những thương gia kéch xù ở Nga. Còn bây giờ, tất cả cái này thuộc về Alex Romanov.

Romanov mất một giờ nữa để xem qua tất cả những thứ chứa trong chín ngăn còn lại - hầu như thấy chán vì trong đó chỉ đựng toàn những đồng tiền vàng - anh mới cảm thấy như sắp kiệt sức. Quay lại nhìn đồng hồ treo tường, Romanov nhận thấy đã năm rưỡi. Anh bắt đầu đóng lại nắp các ngăn, nhưng trong khi lướt qua các kho báu, anh cầm phải một vật thật đẹp khiến anh không thể cưỡng lại được đành lấy ra. Một sợi dây chuyền dài và nặng, nặng trĩu vì tấm mẽ dây cũng bằng vàng khối treo trên đó. Một mặt tấm mẽ dây là ảnh ông nội anh - Bá tước Nicolai Alexandrovich Romanov, một người kiêu hãnh và đẹp trai - mặt kia là chân dung nhìn nghiêng của bà nội, đẹp đến nỗi chắc hẳn là bà có thể đeo bất cứ đồ trang sức nào trong đồng châu báu này mà chẳng hề bị lu mờ.

Mất một lúc lâu Ramonov cầm chiếc dây chuyền trên tay, mãi anh mới đeo vào cổ và thả tấm mẽ dây cho rơi xuống trước ngực. Anh cúi nhìn một lần nữa trước khi luồn nó vào dưới cổ áo sơ mi. Sau khi đóng nốt nắp ngăn cuối cùng, anh đẩy cái hòm vào chỗ cũ và khóa lại.

Lần thứ hai trong ngày hôm đó, Romanov lại nghĩ đến cha và những ý nghĩ quyết định hẳn là ông phải có khi nhìn đồng hồ của cái này. Ông đã trở về Nga với bí mật đó. Cha anh đã luôn luôn an ủi anh rằng anh có một tương lai sáng sủa, nhưng đó là một bí mật mà ông chưa thể chia sẻ với anh, vì anh còn quá trẻ. Chắc hẳn là cha anh sẽ phải giữ mãi bí mật đó dưới mồ bởi vì, Alex sẽ không bao giờ biết đến đồng hồ của cái này nếu như anh không đến tìm Poskonov.

Romanov lại nghĩ về nhà ngân hàng già nua. Không hiểu ông biết tất cả chuyện này hay chỉ nhờ một sự ngẫu nhiên mà Poskonov đã giới thiệu anh đến gặp ngân hàng này đầu tiên? Nhưng tin vào sự ngẫu nhiên là một điều không thể có đối với người dấn thân vào nghề anh đã chọn.

Anh nói, hầu như thành tiếng: "Bao giờ tìm ra bức Tranh Thánh của Sa Hoàng thì mình sẽ quyết định".

Tiếng chuông nhắc giờ vang lên khiến anh quay phắt lại. Ramonov nhìn đồng hồ, kinh ngạc nhận ra mình đã ở trong căn phòng khóa kín rất lâu. Anh vội bước đến cửa hầm, giơ tay bấm cái nút đỏ, không hề ngoái lại. Cửa bật mở, hai khuôn mặt đầy lo lắng của cha con Herr Bischoff đang nhìn vào. Ngay lập tức, ông con bước về phía năm cái hộp để khóa bằng khóa an toàn của ngân hàng.

Herr Bischoff bố nói:

- Chúng tôi đã bắt đầu vô cùng lo lắng. Hy vọng là ngài cảm thấy hài lòng về mọi vật chứ?

Romanov nói:

- Rất hài lòng. Nhưng nếu phải rất lâu sau đó tôi mới quay lại được đây thì sao?

Herr Bischoff đáp:

- Điều đó không quan trọng. Sẽ không một ai chạm đến chiếc hòm này trước khi ngài trở lại và bởi vì chúng hoàn toàn kín cho nên các tài sản của ngài sẽ còn nguyên vẹn.

- Những cái hòm này được giữ ở nhiệt độ bao nhiêu?

Herr Bischoff đáp, hơi bối rối trước câu hỏi:

- Mười độ C.

- Và hoàn toàn kín gió chứ?

- Dĩ nhiên. Cả kín nước nữa, trừ phi tầng hầm bị lụt.

- Và bất cứ vật gì cất trong đó đều không bị khám xét chứ?

Herr Bischoff quả quyết:

- Trong suốt hơn mười năm qua, chỉ có ngài là người thứ ba được nhìn vào trong cái hộp này thôi.

Romanov nói và nhìn vào mặt ông ta:

- Tuyệt. Bởi vì cũng có thể sáng mai tôi sẽ quay lại và ký gửi một vật riêng.

*

**

Adam nói:

- Làm ơn nối máy cho tôi nói chuyện với ngài Pemberton.

Một hồi lâu im lặng, sau đó có tiếng trả lời:

- Thưa ông, chỗ chúng tôi không có ai là ngài Pemberton cả.

- Đó có phải là phòng quốc tế Barcalay, Trung tâm Tài chính không?

- Đúng rồi.

- Ngài Lawrence Pemberton. Tôi biết chắc là đúng mà.

Lần này, dường đây im lặng lâu hơn, cuối cùng người ta mới trả lời:

- À, có. Bây giờ tôi mới biết ông ta làm việc ở phòng nào. Để tôi tìm thử xem ông ta có đây không.

Adam nghe thấy tiếng chuông vang lên trong máy:

- Hiện không thấy ông ấy ngồi đây. Ông có muốn nhắn lại gì không ạ?

- Cảm ơn. Thôi, tôi không nhắn gì cả.

Adam đặt ống nghe xuống. Anh ngồi một mình nghĩ ngợi, không buồn đứng dậy bật đèn, mặc dầu trời đã bắt đầu tối. Nếu như anh vẫn tiếp tục tìm kiếm như đã định thì cần có vài thông tin mà Lawrence, với tư cách là nhà ngân hàng có thể dễ dàng cung cấp.

Có tiếng chìa khóa vặn trong ổ, Adam nhìn Lawrence bước vào bật đèn. Anh có vẻ giật mình khi nhìn thấy Adam đang ngồi trước mặt. Câu đầu tiên Adam hỏi là:

- Muốn mở một tài khoản ký gửi ở một ngân hàng Thụy Sĩ thì phải làm thế nào?

Lawrence đáp:

- Tớ không thể hình dung là một anh chàng nào đó có thể cảm thấy dễ chịu nếu như tất cả những gì mà tuần tới anh ta có là một tấm séc thất nghiệp - Anh nói thêm và đặt tờ *Evening news* lên bàn - Cho cậu hay là thông thường người ta đặt một mã tên cho các khách hàng người Anh. Cậu có thể đặt tên là "thằng kiết xác" chẳng hạn.

Adam nói:

- Tớ hỏi một cách nghiêm túc đấy.

Lawrence trở lại nghiêm chỉnh đáp:

- Ồ. Thực tế bất cứ ai cũng có thể mở một tài khoản ký gửi ở một ngân hàng Thụy Sĩ được nếu như anh ta có một số tiền bố công để đặt cọc. Tớ muốn nói bố công có nghĩa ít nhất là mười ngàn bảng.

- Được. Nhưng muốn lấy tiền ra thì phải làm thế nào?

- Cậu có thể gọi điện thoại hoặc tự mình đến lấy, cũng không khác gì lắm so với các ngân hàng Anh. Mặc dầu vậy, một số khách hàng có thể thấy gọi điện là không hợp pháp, trừ phi người đó sống ở nước không có luật thuế phá thối. Vậy thì hà có gì cần phải chọn những thằng lùn giữ của người Thụy Sĩ làm gì kia chứ?

- Còn nếu khách hàng đã chết và ngân hàng không thể xác định chắc chắn một chủ sở hữu hợp pháp của tài sản đấy thì sao?

- Người đó chỉ cần chứng minh được rằng mình là người có quyền được thừa kế những vật mà ngân hàng đang giữ. Việc này không có gì khó khăn nếu như anh có tài liệu rõ ràng, ví dụ như di chúc và giấy tờ tùy thân chứng minh anh đúng là người được nêu trong di chúc. Ngày nào chúng tớ chẳng giải quyết những việc như vậy.

- Nhưng cậu vừa nói rằng đó là không hợp pháp kia mà?

- Không hợp pháp đối với những khách hàng sống ở nước ngoài thôi, hoặc là khi cần thiết phải cân đối số vàng ký gửi của ngân hàng, tớ không nói đến chuyện sổ sách ngân hàng đâu. Nhưng ngân hàng Anh bao giờ cũng quản lý rất chặt từng xu chuyển ra hoặc chuyển vào nước Anh.

- Vậy thì nếu tớ được thừa hưởng một triệu bảng quy ra vàng do một ông bác sống ở Argentina gửi tại một ngân hàng Thụy Sĩ, và tớ có đầy đủ giấy tờ chứng minh tớ là người được thừa hưởng số tiền này thì tớ chỉ có mỗi việc là đến để nhận thôi sao?

Lawrence nói:

- Chẳng có gì ngăn cấm được cậu hết. Mặc dầu, theo luật pháp hiện nay cậu sẽ phải mang về nước và bán số vàng đó cho ngân hàng Anh lấy một số tiền do người ta xác định, rồi trả một số thuế thu nhập trên số tiền đó - Adam vẫn ngồi im lặng lắng nghe - Nếu cậu có một ông bác sống ở Argentina để lại cho cậu một đồng vàng như thế ở Thụy Sĩ thì tốt nhất là cậu cứ để nguyên số vàng ở đó. Dưới chính phủ này, nếu như cậu làm tròn trách nhiệm đối với hai luật pháp thì cuối cùng cậu sẽ chỉ nhận được khoảng bảy mươi lăm giá trị thực của nó mà thôi.

Adam nói:

- Tội nghiệp cho tớ. Chẳng có ông bác ở Argentina nào cả.

Lawrence nói và quan sát từng phản ứng của bạn:

- Không nhất thiết ông ta cứ phải là người Argentina mới được.

Adam nói:

- Cảm ơn vì tin này.

Nói rồi, anh biến mất vào phòng ngủ.

Mảnh ghép hình cuối cùng bắt đầu vào đúng chỗ. Anh có tờ biên nhận của ngân hàng Roger về bức tranh Thánh mà cha anh được hưởng. Bây giờ chỉ cần có bản sao di chúc để chứng minh rằng anh được thừa hưởng tờ biên nhận đó nữa thôi. Khi đó, anh sẽ có thể chứng minh mình là chủ sở hữu một phiên bản tranh, hoặc là vớ vẩn, hoặc là có giá trị - anh vẫn không tin chắc đó là cái gì. Đêm hôm đó, anh thao thức nhớ đến những lời trong bức thư cha anh viết: *"Nếu như chiếc phong bì này có đem lại cho con chút gì đó, thì cha chỉ còn một yêu cầu đối với con là mẹ con sẽ là người đầu tiên được hưởng phần lợi mà không được hay biết phần tài sản đó có nguồn gốc từ đâu."*

*

**

Khi Romanov quay về khách sạn, có vòng qua Lãnh sự quán, anh thấy Petrova mặc quần jean và chiếc áo thun màu hồng đang ngồi ở bàn đọc sách, chân gác lên ghế. Anh lịch sự hỏi:

- Hy vọng là chiều nay em vui vẻ chứ?

Anna đáp:

- Hẳn rồi. Các phòng tranh ở Zurich rất đáng đi xem. Nhưng hãy nói cho em biết chiều nay anh thế nào đi. Cũng gặt hái tốt chứ?

- Em bé của anh ời, đó là một bí mật. Sao chúng mình không ăn một bữa tối trong phòng anh, để anh có thể kể cho em nghe mọi chuyện và kỷ niệm nó một cách sang trọng nhỉ?

Cô nghiên cứu sinh nói:

- Một ý tưởng tuyệt vời. Vậy em sẽ chịu trách nhiệm đặt bữa tối chứ?

Romanov nói:

- Hẳn rồi.

Petrova buông cuốn sách xuống đất và bắt đầu nghiên cứu bản thực đơn đắt tiền đặt trên bàn ngủ của Romanov. Cô mất một thời gian rất lâu để lựa chọn từng món cho bữa tiệc của họ, thậm chí Romanov cũng phải ngạc nhiên khi thấy cuối cùng nó cũng kết thúc.

Anna chọn món khai vị là súp trứng loãng với nước sốt thì là. Cùng với nó là nửa chai Premier Cru Chablis 1958. Romanov vừa ăn vừa kể cho cô nghe về những thứ mà gia đình anh được thừa kế, khi nghe anh tả lại lúc khám phá ra mỗi kho tàng mới, mắt cô nghiên cứu sinh mỗi lúc một tròn xoe.

Bài độc thoại của Romanov bị cắt ngang có mỗi một lần, đó là lúc người bồi đẩy chiếc xe vào, trên xe là một chiếc khay nhỏ bằng bạc. Anh ta đặt chiếc khay xuống, trong đó là một xâu thịt cừu, xung quanh xếp bí ngô xanh và những củ khoai tây nhỏ xíu. Cùng với món ăn đặc biệt này, khách sạn còn đem đến một chai Gevery Chambertin.

Món cuối cùng là món trứng chiên phồng phủ đầy những quả phúc bồn tử phơn phớt hồng tơ được cô nghiên cứu sinh gọi chỉ vì đó là món tinh vi nhất của nhà hàng Chateau Yquem. Cô đã chọn thứ rượu năm 49 và nó chỉ khiến cô lè nhè hát một bài dân ca làm cho Romanov có cảm tưởng có cái gì đó không thích hợp với khung cảnh xung quanh.

Petrova dốc nốt rượu vào ly mình và hơi lão đảo đứng dậy:

- Chúc mừng Alex, người đàn ông em yêu dấu.

Romanov hơi gật đầu cảm ơn rồi nói có lẽ đã đến lúc phải đi ngủ, bởi vì ngày mai hai người sẽ bay về nước bằng chuyến sớm nhất. Anh đẩy xe thức ăn ra ngoài hành lang và treo tấm biển "Không làm phiền" lên tay nắm cửa.

Cô nghiên cứu sinh cởi giày đá văng xuống và mỉm cười:

- Một buổi tối đáng ghi nhớ.

Romanov dừng lại để chiêm ngưỡng thân thể của Petrova trong khi cô bắt đầu cởi quần áo. Nhưng khi anh bắt đầu cởi nút áo mình thì Petrova sững sờ há hốc mồm. Cô kinh ngạc nói:

- Tuyệt vời.

Romanov nâng chiếc mề đay vàng lên:

- Chỉ là một thứ rẻ tiền so với kho vàng mà anh bỏ lại mà thôi.

Anna đẩy anh về phía giường ngủ, nũng nịu nói:

- Người yêu của em, anh có biết là em tôn thờ, ngưỡng mộ và kính trọng anh đến thế nào không?

Romanov nói:

- Ừm.

- Và anh có biết là từ trước đến nay em chưa hề xin anh thứ gì không?

Romanov nói trong khi cô bắt đầu lật chăn lên:

- Nhưng anh có cảm giác là em sắp xin thứ gì.

- Chỉ là, nếu cái dây chuyền này chỉ là một thứ rẻ tiền, thì có lẽ anh sẽ đồng ý để em thỉnh thoảng đeo nó nhé?

Romanov nhìn vào mắt cô gái và nói:

- Chỉ thỉnh thoảng thôi hay sao? Tại sao lại thỉnh thoảng? Tại sao lại không mãi mãi, em yêu của anh?

Không nói thêm lời nào, anh gỡ sợi dây chuyền ra và đeo vào cổ cô gái trẻ.

Anna rên lên khi cảm thấy những mắt xích bằng vàng nặng trĩu kết thành sợi dây chuyền trong tay Romanov. Cô hơi cười và kêu:

- Alex, đau em. Buông ra nào.

Nhưng Romanov vẫn xiết chặt sợi dây trên cổ cô gái.

- Em sẽ không nói cho ai biết về vận may của anh chứ, phải không em bé của anh?

Cô lấp bắp tuyệt vọng:

- Không, không bao giờ, không ai cả. Anh hãy tin em.

*

**

Buổi sáng sớm, trong khi tập chạy dọc bờ sông, Adam ngẫm nghĩ mãi về những chuyện cần làm tiếp theo.

Nếu bay bằng chuyến sáng Thứ Tư từ sân bay Heathrow thì tối hôm đó anh có thể về đến London hoặc muộn nhất là thứ Năm. Nhưng còn nhiều việc phải chuẩn bị trước khi đi Geneva.

Đến vỉa hè đầu phố, anh dừng lại và kiểm tra mạch trước khi leo lên cầu thang về căn hộ.

Lawrence nói:

- Có ba lá thư, tất cả đều là của cậu. Tớ chẳng nhận được cái gì hết - anh nói thêm khi Adam vào bếp - Lưu ý, cậu có hai phong bì màu vàng đấy.

Adam nhặt bức thư lên, để trên đầu giường rồi vào bồn tắm. Anh chịu đựng năm phút dưới vòi nước lạnh buốt rồi mới mở vòi nước nóng. Tắm xong, mặc quần áo đầu vào đấy rồi anh mới mở lá thư ra xem.

Đầu tiên là lá thư trong chiếc phong bì màu trắng, hóa ra đó là thư của Heidi cảm ơn về bữa tối và hy vọng là sẽ gặp lại anh vào một lúc nào đó. Anh mỉm cười, xé chiếc phong bì màu vàng thứ nhất, đó là công văn của Phòng nhân sự Bộ ngoại giao: "Yêu cầu đại úy Scott - những hàng

chữ nhảy cả ra khỏi dòng - đến để kiểm tra sức khỏe tại 122 phố Harley vào lúc ba giờ chiều ngày thứ hai tới. Người khám: Bác sĩ John Vance".

Cuối cùng, anh giở tới chiếc phong bì màu vàng thứ hai và rút ra một bức thư của ngân hàng *Lloyds, Cox King*, chi nhánh Pall Mall, thông báo với Quý Ngài/Quý Bà rằng chúng tôi đã nhận được tấm séc năm trăm bảng do văn phòng *Holbrooke, Holbrooke Gascoigne* gửi tới và do đó hiện nay tài khoản của anh tại ngân hàng lúc đóng cửa giao dịch ngày hôm qua là 272,18 bảng. Adam xem lướt qua tờ thông báo tài khoản và nhận ra lần đầu tiên trong đời anh đã bội chi - một tình huống mà hồi còn ở trong quân đội chắc hẳn anh đã nhả mặt, bởi vì ít nhất là từ hai mươi năm nay một số trung đoàn vẫn coi việc một sĩ quan có hành động bội chi là tội lỗi.

Các bạn đồng ngũ sẽ nói gì nếu biết rằng anh đã rút hai trăm bảng khỏi tài khoản mà không có gì đảm bảo thật sự là anh sẽ hoàn lại?

Adam mặc xong quần áo và quay vào bếp để gặp Lawrence. Anh hỏi:

- Quốc vương Iran thế nào rồi?

Lawrence lật trang báo *Daily Telegraph* nói:

- Ồ, thật là hay ho nếu xét về mặt quan hệ. Ông ta hứa là sẽ làm hết sức trong hoàn cảnh tài chính nợ nần hiện nay, nhưng ông ta có chút khó khăn và phải chờ đến khi Châu Âu cho phép tăng giá dầu.

Adam thích thú hỏi:

- Cậu dắt anh ta đi ăn trưa ở đâu?

- Tớ mời đến một quán bánh nướng ở gần Green man, nhưng thằng cha chết tiệt đó trở nên vô cùng hèn hạ. Hình như ông ta và nữ hoàng đã phải tính đến chuyện đưa Harrods lên ngôi thì phải. Dĩ nhiên lẽ ra cần phải đi cùng với ông ta, nhưng sếp của tớ lại không muốn phí thời gian, do đó tớ trượt mất vụ với Harrods.

- Vậy thì hôm nay cậu làm cái quái gì?

Lawrence nói:

- Chuyện này thì tớ không nên nói với cậu - anh nhìn tấm ảnh Ted Dexter - thủ quân của đội bóng chày Anh vừa thất bại - nhưng Thống đốc ngân hàng Anh muốn biết ý kiến của tớ về việc chúng ta có nên phá giá đồng bảng từ 2,8 xuống 2,4 không?

- Vậy ý kiến của cậu ra sao?

- Tớ đã giải thích cho lão ta biết rằng tớ chỉ biết có mỗi một con số 204 là tuyến xe buýt chạy từ Goldes Green đến Edgware, và nếu như không chạy nhanh lên thì tớ sẽ trượt mất con số mười bốn yêu quý của mình.

Lawrence nói và nhìn đồng hồ. Adam phá lên cười khi nhìn bạn đóng sập chiếc cặp tài liệu và biến mất khỏi cửa.

Lawrence đã thay đổi biết bao so với hồi họ mới vừa khỏi Wellington. Có lẽ Adam chỉ còn

nhớ mỗi một điều là anh đã từng là thủ quân đội bóng của trường và sau đó đã lên học ở Balliol với học bổng cao nhất. Hồi đó hình như anh rất nghiêm túc và chắc chắn là sẽ đạt được một cái gì đó lớn hơn nhiều. Không một ai nghĩ rằng anh sẽ chỉ dừng lại ở một chân chuyên viên phân tích đầu tư tại Barclay DCO. Hồi ở Oxford, các bạn vẫn nửa đùa nửa thật về việc anh sẽ trở thành một tổng trưởng nội các. Sao mọi người lại có thể mong đợi nhiều đến thế ở một người chỉ hơn họ có hai, ba tuổi nhỉ? Sau khi tốt nghiệp, tình bạn giữa anh và Lawrence ngày một lớn lên. Khi Adam bị bắt cóc ở Malaysia, Lawrence đã không bao giờ tin vào các báo cáo quân sự nói rằng bạn mình bị bắt cóc và đã chết. Thế rồi khi Adam báo tin đã rời khỏi quân ngũ, Lawrence không hề thắc mắc và đã tỏ ra vô cùng tốt bụng trước tình cảnh thất nghiệp của anh. Adam hy vọng một ngày nào đó, anh sẽ có dịp đền đáp lại một tình bạn tuyệt vời như vậy.

Adam rán cho mình một quả trứng và mấy lát thịt hun khói. Trước chín giờ rưỡi thì khó có thể làm được gì mấy, mặc dầu anh đã kịp viết nguệch ngoạc mấy chữ cho em gái và gửi em theo một tờ séc năm mươi bảng.

Chín giờ rưỡi, anh gọi điện. Ngài Holbrooke - Adam không hiểu ông ta có một tên thánh thật sự hay không - không giấu nổi sự ngạc nhiên khi nhận cú điện thoại từ ngài Scott trẻ. Adam những muốn nói với ông ta rằng, bây giờ một khi cha anh đã chết đi thì đương nhiên anh trở thành Scott Già mới phải chứ.

Ông ta lắp bắp:

- Chắc là liên quan đến chiếc phong bì đó?

Nhưng ông ta cũng đồng ý sẽ gửi cho anh một bản sao di chúc qua bưu điện trong chiều nay.

Việc thứ hai không thể làm qua điện thoại, vì thế Adam khóa cửa và nhảy lên xe buýt đến phố Hoàng đế. Anh băng qua chỗ chờ xe chiều trên ngã tư Hyde Park và đi tới Chi nhánh Ngân hàng *Lloyd* tại Pall Man. Tới nơi, anh đứng vào hàng người đang xếp hàng ở quầy đối ngoại tệ. Cuối cùng, cũng đến lúc tới được cửa quầy, cô thư ký lịch sự hỏi:

- Thưa ông cần gì ạ?

Adam nói:

- Vâng. Tôi muốn đổi năm mươi bảng thành Franc Thụy Sĩ, năm mươi bảng tiền mặt và một trăm bảng bằng séc du lịch.

Cô gái hỏi:

- Tên ngài là gì ạ?

- Adam Scott.

Cô gái nạp số liệu vào một chiếc máy tính trên bàn rồi quay nhiều vòng. Cô nhìn kết quả rồi biến mất một lúc, lát sau quay ra tay cầm một bản copy tài khoản mà Adam nhận được qua đường bưu điện lúc sáng.

Cô gái thông báo:

- Tổng số là hai trăm linh hai bảng, một silling và mười tám penny, kể cả phí dịch vụ. Như vậy trong tài khoản của ông còn lại là bảy mươi bảng, mười sáu silling và bốn penny.

Adam nói:

- Vâng

Anh không nhắc đến việc thật ra chỉ còn có hai mươi bảng, mười sáu silling, bốn penny bởi vì anh vừa gửi cho em gái tấm séc năm mươi bảng lúc sáng. Adam bắt đầu hy vọng sẽ nhận được lương của Bộ Ngoại giao vào tuần tới, nếu không thì sẽ lại tiếp tục một tháng thanh đạm nữa. Dĩ nhiên là trừ phi...

Adam ký tờ séc du lịch trong sổ quỹ rồi cô gái đưa cho anh năm trăm chín tư Franc Thụy Sĩ bằng tiền mặt. Đó là số tiền mặt lớn nhất mà Adam rút ra từ trước đến nay. Anh nhảy lên một chiếc xe buýt khác để đến hãng hàng không Châu Âu tại Anh ở cuối đường Cromwell, tại đó anh yêu cầu cô bán vé cho đặt một vé khứ hồi đi Geneva. Cô gái hỏi:

- Ngài đi hạng nhất hay hạng bình thường ạ?

Adam đáp:

- Hạng thường.

Anh thấy buồn cười vì vẫn có người nghĩ rằng anh có thể đi nổi vé hạng nhất.

- Vậy thì tất cả là ba mươi mốt bảng, thưa Ngài.

Adam trả bằng tiền mặt và cất tấm vé vào túi trong rồi quay về nhà để ăn trưa. Buổi chiều, anh gọi điện cho Heidi, cô đồng ý gặp anh ở nhà hàng Chelssea vào lúc tám giờ tối. Còn một việc nữa anh cần phải xác định trước khi gặp cô.

Tiếng chuông điện thoại vang lên khiến Romanov tỉnh giấc.

- Có đây.

- Romanov. Tôi là Mellinski, bí thư thứ hai của Đại sứ quán.

- Xin chào, có việc gì đấy ạ.

- Đó là vấn đề của Anna Petrova - Romanov mỉm cười, nghĩ đến cô lúc này đang nằm trong buồng tắm - Từ lúc báo tin cô gái mất tích, anh đã gặp lại cô ấy chưa?

Romanov đáp:

- Chưa, và đêm qua không thấy cô ấy về ngủ.

Bí thư thứ hai nói:

- Ra vậy. Vậy việc anh nghi ngờ cô ta đào ngũ có khả năng thật sự đấy.

Romanov đáp:

- Tôi cũng sợ như vậy. Và tôi sẽ viết báo cáo đầy đủ cho cấp trên, khi nào về nước.

- Vâng, nhất định rồi, thưa thiếu tá.
- Bao giờ có tin tức gì về cô ta thì nhớ cho tôi biết.
- Tất nhiên rồi.

Romanov đặt ống nghe xuống và đi sang buồng tắm trong phòng bên và tắm thật lâu như thường lệ.

Hắn quay lại và ngồi xuống một bên giường, mình chỉ quấn ngang hông một chiếc khăn tắm và cầm ống nghe lên, yêu cầu mười lăm phút nữa đem bữa điểm tâm đến. Khi uống xong cốc nước hoa quả và chiếc bánh sừng bò, hắn quay lại bên điện thoại để thử gọi cho người quản lý khách sạn. Chỉ thấy cô lễ tân đáp:

- *Gutten Morgen, Mein Herr* (xin chào Ngài)

Romanov chỉ nói:

- Cho tôi gặp ông Jacques.

Một lát sau có tiếng nói:

- *Xin chào, Herr Romanov.*

- Tôi có một việc hơi phiền phức, hy vọng ông có thể giúp được.

Câu trả lời:

- Dĩ nhiên là tôi sẽ cố gắng, thưa Ngài.

- Tôi có một vật quý muốn đem gửi ở ngân hàng và không muốn....

- Tôi hiểu tình thế khó khăn của ngài. Vậy làm thế nào tôi có thể giúp ngài được?

- Tôi cần có một cái thùng đủ rộng để có thể đựng được vật đó.

- Một cái giỏ đựng đồ giặt có đủ to không?

- Tuyệt. Nhưng nó có khóa không?

Jacques đáp:

- Ồ, có chứ. Chúng tôi vẫn hay phải đưa xuống qua đường thang máy.

Romanov nói:

- Tốt lắm.

- Vậy nó sẽ được đưa đến chỗ ngài ngay. Tôi sẽ cho một phu khuân vác đến để giúp. Tôi cũng gợi ý là ngài nên xuống bằng đường thang nâng hàng ở phía sau khách sạn, như vậy sẽ đảm bảo là không ai nhìn thấy ngài đi ra cả.

Romanov nói:

- Hay lắm.

- Có cần gọi một chiếc xe đến đón ngài không ạ?

Romanov nói:

- Không, tôi...

- Vậy tôi sẽ bảo một chiếc taxi chờ ngài sẵn. Khi nào thì ngài cần?

- Khoảng nửa giờ nữa.

- Hai mươi phút nữa, xe sẽ chờ ngài ở cửa thang nâng hàng.

Romanov nói:

- Ông thật là được việc.

Jacques nói:

- Ngài Romanov còn việc gì nữa không ạ?

- Có lẽ ngài vui lòng cho chuẩn bị sẵn hóa đơn thanh toán của tôi?

- Dĩ nhiên rồi.

Mười phút sau Romanov bắt đầu thu dọn đồ đạc của mình, chưa xong thì đã có tiếng gõ cửa. Hẳn gắt:

- Chờ đã.

Tiếng trả lời thật nhẹ nhàng:

- *Ju, mein Herr* (vâng, thưa Ngài)

Mấy giây sau Romanov mở cửa. Người phu khuân vác bước vào gạt đầu và bắt đầu kéo giỏ đồ giặt, nhưng Romanov phải đá mạnh một cái nó mới chịu chuyển động. Người phu khuân vác hì hục kéo chiếc xe dọc hành lang trong khi Romanov đi bên cạnh, tay xách vali của mình. Khi đến được cửa sau, Romanov đứng nhìn cho đến khi cái giỏ được đẩy vào trong cửa thang nâng hàng rồi mới bước theo vào.

Xuống đến đất, cửa mở và Romanov nhẹ người khi thấy Jacques đã đứng đón sẵn với một chiếc Mercedes to tướng bên cạnh, nắp hòm xe đã mở sẵn. Người lái taxi và người phu khuân vác nâng cái giỏ lên bỏ vào hòm nhưng vali của Romanov không nhét vừa, vì thế để ở ghế trên cạnh ghế lái xe.

Jacques hỏi:

- Mein Herr, chúng tôi sẽ gửi hóa đơn của ngài đến Lãnh sự quán chứ ạ?

- Được, như vậy sẽ rất tiện...

Jacques nói và mở cửa sau xe cho vị khách bước vào:

- Tôi hy vọng rằng ngài hài lòng mọi việc.

Romanov nói:

- Tôi hoàn toàn hài lòng.

- Vâng, vâng. Vậy cô bạn của ngài sẽ đi cùng với ngài chứ?

Ông ta ngoái nhìn về phía khách sạn

Romanov nói:

- Không, cô ấy không đi cùng tôi. Cô ấy ra sân bay trước rồi.

Jacques nói:

- Ồ, tất nhiên. Nhưng tôi rất ân hận vì không gặp được cô ấy. Xin ngài vui lòng chuyển lời chúc tốt đẹp nhất của tôi.

Romanov nói:

- Nhất định tôi sẽ chuyển. Và tôi mong sẽ được trở lại khách sạn của ngài trong một tương lai gần.

- Cảm ơn, thưa ngài.

Người quản lý khách sạn vừa nói vừa mở cửa xe để Romanov chui vào ngồi trên ghế sau rồi đóng sập cửa lại.

Đến sân bay Thụy Sĩ, làm xong thủ tục nhận gửi vali không chần chừ thêm hấn liền đi đến ngân hàng. Herr Bischoff Con cùng với một người nữa cũng mặc comple màu xám xịt đang đứng chờ ở đại sảnh để đón. Herr Bischoff Con tiến đến:

- Thật vui mừng khi gặp lại ngài sớm.

Romanov hơi kinh ngạc vì giọng nói trầm của ông ta. Người lái xe taxi đã đứng chờ bên thùng xe mở sẵn trong khi người đàn ông đi cùng Herr Bischoff, một người cao đến hơn mét tám và đậm người nhấc cái giỏ quần áo lên, nâng niu đem ra khỏi thùng xe tựa như đó là một cái bánh xốp. Romanov thanh toán tiền taxi rồi đi theo Herr Bischoff tới thang máy.

Herr Bischoff nói:

- Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn cho vật ký gửi theo như ngài gọi điện dặn, cha tôi xin lỗi vì không có mặt được. Ông có một cuộc đàm phán khá lâu với một khách hàng khác, do đó mong ngài hiểu cho.

Romanov phẩy tay.

Thang máy đi thẳng xuống tầng trệt. Vừa nhìn thấy Herr Bischoff, người gác chạy đến mở cánh cửa nặng nề bằng sắt. Romanov cùng hai người của ngân hàng đi theo một hành lang thoải thoải dốc, người đàn ông khổng lồ xách giỏ.

Một người nữa đang đứng khoanh tay chờ ở cửa hầm. Romanov nhận ra đó là một trong những người hấn đã gặp hôm trước. Herr Bischoff gạt đầu và người đó tra chiếc chìa khóa của mình vào ổ khóa phía trên cửa hầm, không nói một lời. Đến lượt Herr Bischoff mở ổ khóa thứ hai rồi hai người đẩy cánh cửa sắt to tướng mở ra. Herr Bischoff và người của ông ta đi trước

Romanov và mở ổ khóa trên cửa cả năm chiếc hộp, trong khi người gác đặt chiếc giỏ đồ giặt bên cạnh họ.

Herr Bischoff đưa cho vị khách một chiếc phong bì có gắn xi và nói:

- Ngài có cần ai giúp không ạ?

Romanov nói:

- Cám ơn, không cần đâu.

Mãi đến khi cánh cửa đóng lại và cả bốn người Thụy Sĩ đã đi khuất hẳn Romanov mới thấy nhẹ người. Khi chắc chắn chỉ còn lại một mình, hắn quay lại nhìn cái hòm lớn không đựng gì. Nó nhỏ hơn hắn tưởng. Mồ hôi toát ra trên trán, hắn mở khóa, kéo hòm ra và nâng cái nắp kín khí lên.

Xong việc, Romanov đẩy nắp kín khí lại, đẩy chiếc hòm về chỗ cũ cẩn thận rồi khóa lại. Sau đó, hắn còn kiểm tra lại một lần nữa để chắc chắn rằng sẽ không một ai có thể mở được nếu không có chìa khóa riêng của hắn. Hắn lưỡng lự một giây, nhìn sang chiếc hòm lớn bên cạnh nhưng rồi nhận ra lúc này không phải là lúc để buông thả; cần phải chờ một dịp khác. Yên tâm là mọi thứ đã đâu vào đấy, hắn đóng nắp chiếc giỏ đựng đồ giặt lại và đẩy ra cửa hầm, rồi ấn chiếc nút bấm màu đỏ.

Khi Herr Bischoff quay lại để khóa năm chiếc hộp, ông ta nói:

- Hy vọng là ngài thấy mọi chuyện ổn cả.

Romanov nói:

- Vâng, cảm ơn ngài. Nhưng sẽ có ai đó đưa chiếc giỏ đựng đồ giặt lại cho khách sạn chứ?

- Vâng, tất nhiên.

Herr Bischoff hắt hàm cho người đàn ông to lớn.

Trong lúc đi ra hành lang, Romanov nói:

- Có chắc chắn là trong khi không có mặt tôi ở đây, sẽ không có ai chạm đến cái hộp đó không?

Herr Bischoff có vẻ hơi phật lòng vì câu hỏi đó.

- Ồ, tất nhiên rồi, thưa Bá tước. Mọi vật sẽ y nguyên như khi ngài bỏ vào.

Romanov mỉm cười nghĩ thầm. Ồ, không y nguyên như vậy đâu.

Lúc họ bước ra khỏi cửa thang máy Romanov nhìn thấy Herr Bischoff Bố đang đứng với một khách hàng khác.

Chiếc Roll-Royce chở Quốc vương Iran có mô tô cảnh sát hộ tống lướt đi. Chủ tịch Ngân hàng vẫy tay chào tạm biệt.

Ra đến cổng, Herr Bischoff Con cúi đầu:

- Lần tới, nếu ngài đến Zurich chúng tôi hy vọng sẽ lại được gặp Ngài.

Romanov bắt tay chàng thanh niên nói:

- Cảm ơn ông.

Nói rồi hắn bước ra khỏi thềm tìm chiếc xe màu đen sang trọng đang chờ để đưa hắn ra sân bay.

Hắn rửa thầm. Lần này hắn đã nhìn thấy tên điệp viên nằm vùng lần trước xuất hiện ở khách sạn.

*

* *

CHƯƠNG 9

Viên hạ sĩ thì thầm vào tai Adam:

-Cho hắn ta chết đi, thưa ngài.

Adam lầu bầu và nhảy vào giữa vòng người:

-Không hòng thế đâu.

Người huấn luyện viên chắc nịch cuồn cuộn bắp thịt đang đứng chờ, nói:

-Thử vài vòng xem sao?

Adam nhún người vờn quanh người huấn luyện viên thể dục tìm cách ra đòn. Anh nhảy sang trái và bị đâm một quả trúng mũi như trời giáng. Viên thượng sĩ nói:

-Giơ cao tay lên!

Adam lại nhảy sang bên, giáng trúng cho tay huấn luyện viên một quả đâm vào giữa ngực nhưng liền sau đó bị chọc mạnh vào một bên đầu. Anh choáng váng, hai tai lùng bùng nhưng lần này đã kịp giơ nắm đấm lên phòng thủ trong khi liên tiếp bị bồi một nhát bên phải rồi một phát bên trái nữa.

-Ngài ngốc lắm, vấn đề là ở chỗ đó, thưa ngài. Thậm chí ngài không thể đâm thủng vỏ một cái bánh nướng nữa kia.

Adam giơ tay phải lên như rồi vung tay trái lấy hết sức đâm một quả đúng giữa cằm tay thượng sĩ, khiến anh ta loạng choạng rồi ngã dúi xuống.

Viên hạ sĩ đứng bên cạnh vòng dây cườì khoáí chí trong khi người huấn luyện viên vẫn chưa đứng dậy nổi. Cuối cùng anh ta cũng gượng đứng lên được.

Adam nói, hai tay giơ lên thủ thế:

-Rất tiếc.

-Đừng áy náy đồ ngốc.. thưa ngài. Quả là một cú đấm rất đẹp. Một cú nốc ao kỹ thuật, chính xác, vì thế tôi sẽ phải mất một hai ngày nữa mới có thể phục thù được.

Adam thở phào nhẹ nhõm và buông hai tay xuống.

-Nhưng như vậy không có nghĩa là ngài thoát đâu. Bây giờ đến bài tập thể lực dành cho anh. Bài tập chống hai tay hôn đất bắt đầu.

Suốt một giờ sau đó người huấn luyện viên truy đuổi, đá , thúc giục và hành Adam cho đến khi anh gục xuống sàn không cầm nổi một tờ báo nữa.

Anh ta nói:

-Không đến nổi nào, thưa ngài. Tôi cảm thấy chắc chắn Bộ Ngoại giao sẽ có thể tìm được một chỗ thích hợp cho ngài. Cũng nhắc cho ngài là công việc đó cũng nhiều cái bần thủ lắm, thậm chí ngài còn có dịp để cảm thấy xấu hổ nữa kia.

Adam nằm ngửa nói:

-Ông quả là một tay xu nịnh bậc nhất, thượng sĩ ạ.

Người huấn luyện viên ra lệnh:

-Ngài đứng dậy đi chứ.

Adam cố hết sức lão đảo ngồi dậy thật nhanh. Anh nói với người huấn luyện viên:

-Chớ có nói với tôi rằng – Rồi hai người cùng đồng thanh – Chính là sự phục hồi nhanh mới chứng tỏ thể lực chứ không phải là tốc độ.

Lúc quay lại phòng thay quần áo của câu lạc bộ Nữ hoàng, người huấn luyện viên nói:

-Thật tiếc là anh đã rời khỏi quân đội. Không có mấy sĩ quan có thể quật ngã tôi xuống sàn đâu – Anh ta đưa tay sờ nhẹ vào cằm – Như vậy chứng tỏ là tôi đã đánh giá thấp một kẻ đã sống sót sau chín tháng bị giam trong rừng rậm ở Chink. Vậy thì ta cũng hy vọng Bộ Ngoại giao cũng sẽ không đánh giá thấp anh.

Anh ta đứng lại cạnh tủ đựng đồ riêng của mình:

-Thứ Tư, cũng giờ này chứ?

-Thượng sĩ, thứ Tư không thể được. Có thể lúc đó tôi vẫn ở Geneva chưa về kịp.

-À ra bây giờ chúng ta hoàn toàn lộn lờ ở châu Âu thôi nhỉ?

Adam lờ đi như không nghe thấy câu nói chế nhạo.

-Có thể sáng thứ Năm nếu anh thấy tiện.

-Thứ Hai tới anh sẽ phải đến mấy lão lang băm để kiểm tra sức khỏe, nếu tôi nhớ không lầm.

-Đúng vậy.

-Vậy thì mười giờ sáng thứ Năm, như vậy anh sẽ có nghĩ thêm được một chút về cú móc phải của tôi.

Vị Chủ tịch đọc bản báo cáo trước mặt, có cái gì đó nghe không thật.

Ông ngược nhìn Romanov:

-Cậu đến ngân hàng *Bischoff et Cie* vì họ bảo là họ đang giữ một bức tranh Thánh từ thế kỷ mười lăm và có thể là bức tranh chúng ta đang tìm kiếm phải không?

-Đúng như vậy, chính Chủ tịch ngân hàng Gosbank đã thu xếp cuộc gặp gỡ đó.

-Nhưng rồi bức tranh Thánh đó hóa ra lại là bức về *Thánh Peter* chứ không phải bức *Thánh George và Con Rồng?*

-Vâng.

-Và sau đó, buổi tối ấy cô Petrova đã lỡ hẹn với cậu một cách bí ẩn?

Romanov nói:

-Một cách không giải thích nổi.

Yuri nói

-Nhưng đó là điều mà cậu đã báo cáo cho ông Melinski ở Đại sứ quán – ông ngừng lại một lúc – cậu chịu trách nhiệm về việc chọn Petrova, đúng không?

-Đúng vậy.

-Như vậy về phía cậu cũng thiếu thận trọng, đúng không?

Yuri quay lại tờ báo cáo.

-Sáng hôm sau khi tỉnh dậy, cậu vẫn không thấy tăm hơi cô gái đâu?

Romanov nói:

-Cô ta cũng không quay lại để ăn sáng như đã hẹn. Và khi tôi đi vào phòng cô ta thì tất cả đồ đạc của cô ta đã biến mất.

-Điều đó khiến cậu nghĩ rằng cô ta đào ngũ?

Romanov đáp:

-Vâng.

Yuri nói:

-Nhưng cảnh sát Thụy sĩ đã không tìm thấy dấu vết nào của cô ta. Vì thế tôi phân vân mãi lý do gì khiến cô ta đào ngũ. Gia đình ruột thịt và chồng cô ta sống đây, và đây không phải là lần đầu tiên cô ta đi công tác ở một nước phương Tây.

Romanov không nói gì.

-Có lẽ Petrova đã mất tích bởi vì cô ta có thể nói ra một vài điều mà cậu không muốn chúng tôi biết chẳng?

Romanov vẫn không nói gì.

Một lần nữa Yuri lại đưa mắt nhìn tập tài liệu:

-Tôi cứ phân vân không hiểu Petrova có thể cho chúng tôi biết điều gì? Hay là về chuyện cậu đã ngủ với ai đêm đó?

Romanov thấy ớn lạnh, không hiểu Yuri biết rõ sự thật đến đâu?

Yuri ngừng một lát và lại xem gì đó trong tập hồ sơ:

-Có thể cô ấy nói cho chúng tôi biết vì sao cậu quay lại ngân hàng *Bischoff et Cie* lần thứ hai – Yuri lại ngừng lại lần nữa – Tôi nghĩ có lẽ cần mở cuộc điều tra về trường hợp mất tích của Anna Petrova. Bởi vì, Romanov, khi cậu quay lại ngân hàng lần thứ ba – giọng Yuri cao dần lên – thì bất cứ một tên gián điệp hạng hai nào từ đây cho đến Istambul đều hiểu rằng chúng ta đang tìm kiếm một vật gì đó.

Yuri lại ngừng lại lần nữa, Romanov vẫn tuyệt vọng cố nghĩ xem ông ta có thể có một bằng chứng thật nào không. Một hồi lâu sau không ai nói gì .

-Thiếu tá Romanov, bao giờ cậu cũng là người cô độc, và tôi không phủ nhận rằng đôi khi những thành tích của cậu khiến tôi bỏ qua những trục giác nhất định. Nhưng tôi không phải là một người cô độc. Tôi là một cán bộ bàn giấy và không thể để cho cậu hành động một cách tự do – Ông gõ chiếc chặn giấy hình con tàu Luna 9 lên mặt bàn – tôi là một người của hồ sơ và giấy tờ. Tôi bao giờ cũng lập báo cáo làm ba bản, trả lời các câu hỏi làm bốn bản, giải thích một quyết định làm năm bản.

Romanov vẫn im lặng, đó là một thói quen mà nhiều năm làm việc cho Ủy ban đã thấm vào anh ta. Anh ta bắt đầu tin rằng Yuri chỉ mới ước đoán. Nếu như ông ta mà nghi ngờ sự thật thì cuộc phỏng vấn này ắt đã phải thay bằng một cuộc hỏi cung thiếu lịch sự hơn nhiều.

Yuri đứng hẳn lên, nói:

-Mặc dù ở phương Tây người ta bôi nhọ hình ảnh của chúng ta, nhưng ở nước ta người ta điều tra một cái chết có nghi vấn kỹ lưỡng hơn bất cứ nước nào trên thế giới. Và Romanov ạ, cậu sẽ thấy cái nghề mà cậu đã chọn dễ theo hơn nhiều nếu như cậu sinh ra ở Châu Phi, Nam Mỹ hay thậm chí ở Los Angeles.

Romanov không dám liều mạng nói bất cứ câu gì.

-Sáng nay sếp đã báo với tôi rằng ông không hài lòng với những cố gắng mới đây, nhất là sau bước khởi đầu xuất sắc. Mặc dầu vậy sếp chỉ quan tâm đến một việc duy nhất, đó là tìm cho ra bức tranh Thánh của Sa Hoàng, nếu như ông chưa quyết định chấm dứt điều tra. Nhưng nếu như cậu còn hành động vô trách nhiệm như vậy một lần nữa thì sẽ không còn chỉ bị gọi đến đối mặt nữa đâu, mà sẽ là một phiên tòa quân sự kia. Và tất cả chúng ta đều biết thừa cái gì sẽ đến nếu Romanov phải ra một phiên tòa quân sự – Ông đóng tập hồ sơ lại.

-Trái với ý kiến của tôi và bởi vì chúng ta chỉ còn lại chưa đầy một tuần, tôi sẽ cho phép cậu có một dịp thứ hai và tin rằng cậu sẽ thật sự lần ra được bức tranh đó. Tôi nói đã rõ chưa? - Ông quát lên.

Romanov nói:

-Rất rõ!

Romanov lịch sự quay gót và vội vã ra khỏi phòng.

Yuri chờ cho cánh cửa đóng lại hẵn rồi quay lại đắm đắm nhìn tập hồ sơ. Cần phải biết Romanov đã làm gì, ông chợt nhận thấy sự nghiệp của chính bản thân mình lúc này cũng đang cheo leo. Ông ấn vào một cái nút gần bên cạnh, ra lệnh:

-Cho tìm thiếu tá Valcheck.

Adam thú nhận:

-Anh chưa bao giờ nếm trứng cá cavia với champagne cả.

Anh ngược nhìn cô gái xinh đẹp ngồi đối diện bên kia bàn. Anh rất thích kiểu buộc tóc, cách ăn mặc, điệu cười và đặc biệt là cái cách cô mỉm cười.

-Ồ đừng sợ. Là vì em không thể hình dung có bao giờ món trứng cá cavia lại có thể xuất hiện trong thực đơn này – Heidi nói – Nhưng có lẽ không bao lâu nữa khi nào anh đã là chủ bức tranh Thánh của Sa hoàng, nghĩa là nếu ngài Roesenbau...

Adam đặt ngón tay lên môi:

-Không một ai khác biết về chuyện đó đâu, kể cả Lawrence.

Heidi thì thào:

-Có lẽ như vậy là khôn ngoan. Nếu không anh ấy sẽ muốn anh đầu tư tiền đó vào cái ngân hàng chán ngắt của mình.

Adam hỏi, cố đoán xem cô gái biết được những gì:

-Sao em lại nghĩ là anh sẽ có một chiếc Rolls – Royce.

-Không có việc làm thì anh chớ có nên thuê lái xe đấy nhé.

-Nhưng anh chỉ có mỗi một chiếc mô tô mà thôi.

Cô gái phá lên cười:

-Vậy thì anh sẽ phải bán nó nếu bức tranh Thánh hóa ra chỉ là một vật vô giá trị.

Người bồi bàn đang thu dọn bàn, hy vọng sẽ có được hai vị khách nữa trước khi đóng cửa, hỏi:

-Sau đây các vị uống cà phê chứ ạ?

Adam nói:

-Vâng, hai cà phê sữa – Anh quay lại Heidi – Buồn cười lắm, lần duy nhất anh gọi điện tìm Lawrence tại ngân hàng thì người trực tổng đài lại không nhớ ra anh ấy ngay.

Heidi hỏi:

-Tại sao như vậy lại rất đáng ngạc nhiên?

Adam nói:

-Vì cứ như là cô ta chưa bao giờ nghe thấy tên anh ấy vậy. Nhưng có lẽ đó là do anh tưởng tượng ra thôi.

-Một ngân hàng cỡ ấy nhất định phải có hàng ngàn nhân viên. Anh có thể làm việc ở đó hàng năm mà không hề biết những người khác.

Adam nói khi người ta bưng hai tách cà phê đến:

-Chắc là em nói đúng.

Heidi nhấp một ngụm cà phê và thấy nó nóng quá. Cô hỏi:

-Bây giờ anh định đi Geneva?

-Sáng sớm thứ Tư. Hy vọng là tối hôm đó sẽ quay về ngay.

-Tuyệt đấy.

-Em nói thế nghĩa là thế nào?

-Chọn đúng ngày em được nghỉ để bay đi mất. Nghe chẳng lãng phí tí nào cả.

Adam nhoài người qua bàn, nắm lấy tay cô và hỏi:

-Vậy thì tại sao em không đi cùng với anh?

-Ồ, như vậy có lẽ hóa ra còn ấn tượng hơn cả việc ăn món xúc xích cùng với anh nữa nhỉ.

-Anh mong như vậy. Với lại đằng nào em cũng sẽ có ích nữa.

Heidi nói:

-Đằng nào anh cũng nói được.

-Em biết là anh không cố ý mà, đơn giản là anh không nói được tiếng Đức hay tiếng Pháp nào, và cũng chưa bao giờ đến Thụy Sĩ, trừ một lần trượt tuyết hồi còn đi học, mà lần ấy anh toàn bị ngã.

Heidi lại nhấp một ngụm cà phê. Adam hỏi, vẫn không buông tay cô ra:

-Nhé?

Cuối cùng Heidi nói:

-Người Thụy Sĩ nói tiếng Anh rất giỏi. Với lại nếu anh gặp khó khăn gì với ngân hàng, anh có thể liên lạc với Lawrence kia mà.

Adam nói:

-Chỉ có một ngày thôi mà.

-Nhưng sẽ lãng phí tiền của anh.

Adam nói:

-Chẳng lãng phí tí nào.

-Tuyệt!

Adam nói:

-Nói đến chuyện tiền. Sau khi trừ tiền mua vé khứ hồi cho em , anh chỉ còn gần hai mươi bảng. Không hiểu anh sẽ làm thế nào đây.

Heidi nói, lần đầu tiên tỏ vẻ nghiêm túc:

-Anh nói thật đấy à? Nhưng phụ nữ đâu có phải là loại bốc đồng?

-Em luôn mang Jochen đi cùng cơ mà.

Heidi cười phá lên:

-Anh ấy sẽ không chui vừa vào máy bay đâu.

Adam nói:

-Vậy thì em nói em sẽ đi đi.

-Với một điều kiện.

Adam nhe răng cười:

-Đi riêng máy bay à?

-Không. Nhưng nếu bức tranh đó là vô giá trị thì phải để em thanh toán vé máy bay cho mình.

Adam nói:

-Nó không thể rẻ hơn ba mươi mốt bảng. Cho nên anh đồng ý với điều kiện của em – anh

nhoài người sang hôn vào môi Heidi, nói – Có khi mất hơn một ngày kia đấy. Vậy thì em sẽ nói gì nào?

Heidi đáp:

-Vậy thì em sẽ đòi ở một khách sạn khác, nếu như họ không đòi phải trả giá cao bằng tiền Thụy Sĩ – Cô nói thêm.

-Romanov, bao giờ anh cũng rất đáng tin cậy. Anh có được phẩm chất đầu tiên cần có để một nhà hoạt động ngân hàng thành công.

Romanov nhìn kỹ ông lão, cố tìm một dấu hiệu nào cho thấy ông biết rõ ở ngân hàng đó có gì đang chờ anh ta.

-Còn ông luôn luôn có hiệu quả, phẩm chất duy nhất luôn luôn cần có đối với nghề của tôi.

Ông lão nói và châm một điếu thuốc.

-Trời ơi. Chúng ta nói cứ như hai chính ủy già trong cuộc họp mặt hàng năm vậy. Zurich ra sao?

-Giống như một cái máy kéo bóng vậy. Cái cỗ máy đó làm việc rất tuyệt.

Chủ tịch ngân hàng nói:

-Và tôi có thể đoán rằng cỗ máy đã không sản xuất ra được bức tranh Thánh của Sa hoàng chứ gì?

-Đúng vậy. Nhưng ngài Bischoff rất được việc. Mọi yêu cầu của tôi đều được đáp ứng.

-Mọi yêu cầu ư?

Romanov đáp:

-Vâng.

Poskonov nói:

-Bischoff là một người tốt. Chính vì thế nên tôi mới giới thiệu anh tới đó đầu tiên.

Romanov hỏi:

-Ngoài việc ông ta là người tốt thì còn lý do gì khác để ông giới thiệu tôi đến đó nữa không?

Poskonov nói:

-Có năm lý do khác nữa, nhưng chúng ta không nên mất thì giờ nói đến chuyện đó trước khi anh tìm ra bức tranh.

Romanov quả quyết:

-Có lẽ tôi muốn mất thì giờ ngay lúc này hơn.

Ông lão nhướng lông mày:

-Tôi đã sống lâu hơn hai Romanov rồi và không muốn sống lâu hơn Romanov thứ ba nữa làm gì. Bây giờ hãy cứ gác lại đã, tôi tin rằng chúng ta sẽ đi đến một sự hiểu biết khi nào người ta thôi không chú ý tới anh nữa.

Romanov gật đầu.

-Vậy, có lẽ anh sẽ hài lòng khi biết rằng trong lúc anh đi vắng tôi cũng không hề lười biếng. Nhưng e rằng những kết quả của tôi cũng giống như cỗ máy kéo bóng lộn thôi.

Poskonov vẩy tay mời Romanov ngồi xuống một chiếc ghế rồi mới mở tập hồ sơ ra, lần này trông tập hồ sơ dày hơn lần trước nhiều. Ông bắt đầu:

-Thoạt tiên anh đã đưa cho tôi danh sách gồm mười bốn ngân hàng – Mười một trong số đó khẳng định không giữ bức tranh Thánh của Sa Hoàng.

Romanov hỏi:

-Tôi đã tự hỏi không hiểu có nên tin lời họ không?

Poskonov đáp:

-Không cần thiết. Nhưng công bằng mà nói người Thụy Sĩ thích nói dối hơn là dính vào chuyện này. Sớm muộn rồi cũng biết ai là kẻ nói dối thôi và tôi thì vẫn còn ngồi ở cái văn phòng điều hành tiền tệ của tám nước kia mà. Có thể tôi sẽ không sử dụng đến cái người ta gọi là sức mạnh tài chính nhưng vẫn có thể có một ảnh hưởng nào đó đến hệ thống tiền tệ của thế giới tư bản.

Romanov nói:

-Chúng ta vẫn còn lại ba ngân hàng phải không ạ?

-Đúng thế, thứ nhất là *Bischoff et Cie*, chỗ này anh đã đến rồi. Nhưng hai ngân hàng còn lại từ chối hợp tác.

-Tại sao ảnh hưởng của ông lại không với tới hai ngân hàng đó?

Poskonov đáp:

-Những lý do hiển nhiên nhất là có những ảnh hưởng khác mạnh hơn. Ví dụ nếu như nguồn tài chính lớn nhất của anh là dựa vào các gia đình Do Thái hoặc Mỹ chẳng hạn thì sẽ không có thể lực nào bắt anh chơi với Nga được nữa.

Romanov gật đầu, Poskonov tiếp tục nói:

-Trường hợp này là thế, nhưng vẫn còn cơ hội nữa là nếu như hai ngân hàng này giữ bức tranh Thánh và bởi vì họ sẽ không bao giờ chấp nhận Mẹ Nga của chúng ta tôi thì không chắc hẳn là sẽ khuyên anh như thế nào.

Ông ngồi dựa lưng ra sau và chờ Romanov thẩm thía những điều ông vừa nói.

Poskonov châm một điếu thuốc nữa rồi nói:

-Anh là người hay im lặng nhỉ.

Romanov nói:

-Ông đã gợi cho tôi một ý nghĩ. Tôi nghĩ người Mỹ gọi cái đó là một “cú bắn tầm xa” mới.

-Bóng chày là một món tôi chẳng bao giờ hiểu nổi, nhưng mặc dầu vậy tôi vẫn vui mừng được sử dụng nó vào một ngày nào đó. Mặc dầu tôi cũng không tin là anh còn cần đến cái này nữa, dầu cho “cú bắn tầm xa” của anh có là cái gì chẳng nữa – Ông rút một tờ giấy ra khỏi tập hồ sơ trước mặt và đưa cho Romanov. Trên đó có mấy chữ: *Simon et Cie*, Zurich (từ chối). *Roget et Ci*, Ceneva (từ chối) – Không nghi ngờ gì về việc anh sẽ sớm quay lại Thụy Sĩ.

Romanov nhìn thẳng vào ông chủ tịch. Ông lão nhìn trả lại.

-Anh sẽ thấy là tôi không dễ dàng bị rũ đi như Anna Petrova đâu – ông nói thêm.

*

* *

CHƯƠNG 10

Người đàn ông đứng tuổi đứng vào cuối hàng người đang chờ taxi. Khó đoán được chiều cao của ông ta bởi vì trông ông ta quá còng và yếu ớt. Một chiếc áo khoác có lẽ còn cũ hơn cả tuổi người mặc áo dài gần chấm đất và những ngón tay chỉ thò ra khỏi tay áo có một tý, bàn tay ông ta đi đôi găng một ngón màu xám. Một tay nắm chặt lấy một chiếc cặp nhỏ bằng da, trên cặp có gắn hai chữ đầu tên E.R màu đen trông đã mòn vẹt, khiến người ta nghĩ rằng nó có từ thời ông nội ông ta.

Phải cuối xuống hoặc ghé rất sát mới có thể nhìn thấy mặt ông lão – Một khuôn mặt bị choán hết bởi một chiếc mũi to tướng có lẽ khiến cả Cyrano de Bergerac cũng phải tự hào. Đến lượt mình ông ta phải chậm chạp cúi gập người về phía trước để leo lên taxi. Ông chậm chạp đến nỗi người lái xe bắt đầu gõ ngón tay lên tay lái để nghe thấy vị hành khách của mình run run cất giọng nói là muốn đến ngân hàng *Simon et Cie*. Người lái xe cho xe chạy, không hỏi thêm gì nữa. Các lái xe taxi ở Thụy Sĩ biết rõ đường đến ngân hàng chẳng kém gì lái xe taxi ở London biết đường đến một nhà hát bất kỳ, hoặc lái xe taxi vàng ở New York biết tìm đến một quán rượu.

Khi đến nơi, ông lão phải lục lọi hồi lâu trong túi áo để tìm một đồng tiền để trả. Sau đó ông chậm chạp bước xuống hè đường và đứng yên ngược nhìn ngôi nhà làm bằng đá cẩm thạch. Ông vừa sắp sửa chạm vào cánh cửa thì một người mặc bộ đồng phục màu xanh dương lịch sự đã mở cửa.

Ông lão nói bằng tiếng Đức:

- Tôi đến để gặp....

Nhưng người gác cửa chỉ về phía một cô gái ngồi sau bàn tiếp tân. Ông lão lọ mọ đèn gần cô và nhắc lại:

- Tôi cần gặp Herr Daumier. Tên tôi là Emmanuel Rosenbaum.

Cô gái hỏi:

- Ngài có hẹn trước không ạ?

- Tôi e rằng không.

Cô gái hỏi.

- Herr Daumier hiện đang ở trong phòng họp. Nhưng tôi sẽ thử tìm một thành viên Hội đồng quản trị khác có thể gặp ngài.

Sau khi nói điện thoại bằng tiếng Đức cô nói:

- Ngài có thể đi thang máy lên tầng ba được không ạ?

Ngài Rosenbaum gật đầu vẻ miễn cưỡng nhưng vẫn làm theo lời chỉ dẫn. Khi ông bước ra cửa thang máy thì đã có một người phụ nữ trẻ đứng đón ở ngay cửa. Cô ta yêu cầu ông vui lòng chờ tại một nơi tạm gọi là phòng thay áo khoác có kê hai chiếc ghế bành. Hồi lâu sau mới có người đến gặp, ông lão không giấu nổi ngạc nhiên khi thấy anh ta quá trẻ.

Người thanh niên nói.

- Tôi là Welfhrerd Praeger, thành viên Hội đồng quản trị.

Ông Rosenbaum nói:

- Ngồi xuống đây, ngồi xuống đây, tôi không thể cứ nhìn mãi lên anh thế này được.

Anh thanh niên làm theo. Ông ta nói:

- Tôi là Emmanuel Rosenbaum. Hồi năm 1938 tôi có gửi ở đây một gói đồ, bây giờ tôi quay lại để nhận.

Vị thành viên Hội đồng quản trị trẻ tuổi nói, giọng đổi hẳn:

- Tất nhiên rồi. Ngài có giấy tờ tùy thân hoặc giấy tờ gì của ngân hàng không ạ?

- Ồ, có chứ.

Ông lão đưa hộ chiếu và một tờ biên nhận có vẻ đã được gấp vào nhiều lần đến nỗi sắp nát ra từng mảnh.

Người thanh niên xem xét hai thứ giấy tờ thật cẩn thận. Ngay lập tức anh ta nhận ra tấm hộ chiếu của Israel. Mọi điều có vẻ ổn cả. Cả tờ biên nhận, mặc dầu rõ ràng là được viết từ hồi anh ta còn chưa đẻ nhưng cũng có vẻ hợp lệ.

- Thưa ngài, tôi có thể ra ngoài một lát được không ạ?

Ông già đáp:

- Tất nhiên rồi. Sau khi đã chờ hai mươi tám năm, tôi nghĩ là mình có thể chờ thêm vài phút nữa cũng không sao.

Chàng thanh niên vừa ra được không lâu thì có một phụ nữ khác quay lại mời ông sang một phòng khác. Phòng này rộng hơn và đồ đạc khá lịch sự. Mấy phút sau vị thành viên Hội đồng quản trị trẻ tuổi quay lại cùng với một người nữa và giới thiệu đó là Herr Daumier.

Vị chủ tịch Hội đồng quản trị lịch sự nói:

- Tôi nghĩ chúng ta chưa gặp nhau bao giờ. Chắc là ngài đã giao dịch với cha tôi?

Ngài Rosenbaum nói:

- Ồ không, không, tôi giao dịch với ông nội ngài, ngài Helmut kia.

Ánh mắt Herr Daumier lộ rõ vẻ kính trọng.

Rosenbaum nói:

- Tôi chỉ gặp cha ngài mỗi một lần và rất lấy làm tiếc khi nghe tin ông mất quá sớm. – Ông ta nói thêm – Cha ngài bao giờ cũng rất ân cần. Ngài không đeo một bông hồng trên ve áo như ông ấy nhỉ?

- Dạ, không. Chỉ là một thói quen nhỏ của cha tôi thôi mà.

Rosenbaum cố cười phá lên nhưng chỉ phát ra một tiếng ho.

Herr Daumier lịch sự nói:

- Không rõ ngài có thêm một thứ giấy tờ xác nhận nhân thân nào ngoài hộ chiếu không ạ?

Emmanuel ngẩng đầu nhìn Herr Daumier vẻ mặt mỉm cười rồi xoay mặt chiếc đồng hồ đeo tay lên trên. Trong mặt đồng hồ có khắc hàng số 712910.

Herr Daumier nói, rõ ràng vô cùng kinh ngạc:

- Tôi xin lỗi. Nếu ngài vui lòng chờ thì tôi sẽ mang chiếc hộp của ngài lại đây. Ông lão gật đầu đồng ý. Hai người đàn ông đi ra, mặc ông già ngồi lại một mình. Mấy phút sau họ quay lại mang theo một cái hộp dẹt rộng khoảng bốn mươi phân vuông và đặt lên chiếc bàn kê giữa phòng. Herr Daumier mở ổ khóa phía trên còn người kia đứng chứng kiến. Sau đó ông ta đưa cho Rosenbaum một chiếc khóa và nói:

- Thưa ngài, bây giờ chúng tôi sẽ đi ra. Khi nào ngài muốn chúng tôi quay lại chỉ việc ấn nút đỏ này.

Rosenbaum nói:

- Cảm ơn.

Ông ta chờ cho cửa đóng hẳn lại sau lưng mới tra chìa vào ổ, xoay một vòng và mở nắp hộp. Trong hộp có một gói giấy đỏ giống như hình một bức tranh được gói cẩn thận trong một tấm lụa

và buộc kỹ. Rosenbaum cẩn thận đặt cái gói vào vali của mình rồi đóng hộp và khóa lại như cũ. Sau đó ông ta bấm nút cạnh bàn, ngay lập tức Herr Daumier và vị thành viên Hội đồng quản trị quay lại. Ông chủ tịch ngân hàng hỏi:

- Hy vọng là mọi vật vẫn tốt cả chứ ạ? Cả một thời gian khá dài rồi còn gì.
- Vâng, cảm ơn.

Lần này ông lão gật đầu. Herr Daumier hỏi:

- Mong ngài cho phép tôi hỏi một câu hỏi nhỏ?

Ông già nói:

- Ngài cứ hỏi.
- Ngài có ý định tiếp tục sử dụng cái hộp này không ạ? Số tiền ngài để lại để ký gửi đã hết.
- Không, tôi chẳng cần nó để làm gì nữa.
- Còn thiếu một số tiền nhỏ nữa. Nhưng trong trường hợp này chúng tôi rất vui lòng miễn.
- Ngài thật là tốt bụng.

Herr Daumier cúi đầu chào rồi vị thành viên Hội đồng Quản trị trẻ tuổi tiễn khách ra cửa, giúp ông ta leo lên taxi và bảo người lái xe taxi đưa ông ta ra sân bay Zurich.

Tại sân bay ông già mất một lúc lâu mới đến được bàn làm thủ tục cho chuyến bay. Bởi vì ông ta rất sợ thang cuốn và chiếc vali bây giờ đã khá nặng cho nên bước chân rất lập cập.

Đến bàn làm thủ tục ông ta đưa vé cho cô gái để kiểm tra và vui mừng thấy phòng chờ dành cho hành khách gần như rỗng không. Ông đi tới một góc khuất rồi ngồi thụp xuống một chiếc ghế bành êm ái.

Sau khi đã nhìn quanh kiểm tra chắc chắn là không ai bị nhìn thấy, ông ta bèn bấm vào cái chốt nhỏ trên chiếc vali cũ kỹ, lò so bật lên miễn cưỡng. Ông ta nâng nắp vali lên, kéo cái gói ra và áp lên ngực. Ngón tay run rẩy lần mò mãi mới cởi được cái nút thắt và tháo lần vải ra để xem lại niềm tự hào của mình. Ông Rosenbaum nhìn chăm chăm vào bức tranh tuyệt đẹp. Đó là bức *Cánh đồng ngô* của Van Gogh – ông ta không hề biết rằng nó đã biến mất khỏi bảo tàng Quốc gia Viên từ năm 1938.

Emmanuel Rosenbaum chủ thề. Ông ta gói bức tranh lại và bỏ vào cặp. Rồi đột nhiên ông nhồm dậy đi về phía bàn bán vé và yêu cầu cô gái Thụy Điển đặt cho một vé đi Geneva trên chuyến bay đầu tiên. Nếu may mắn ông ta vẫn có thể đến ngân hàng *Roget et Cie* trước khi đóng cửa.

Chiếc Visciant của hãng Hàng không Anh BEA đậu xuống sân bay Geneva vào lúc mười một giờ hai mươi phút địa phương, chậm hơn so với kế hoạch vài phút. Cô tiếp viên hàng không khuyên mọi người chỉnh lại đồng hồ.

Adam nói:

- Tuyệt. Chúng mình đến Geneva vừa kịp ăn trưa, đến ngân hàng một tý rồi sau đó sẽ quay lại sân bay để bay chuyển bay lúc năm giờ năm.

Heidi phá lên cười:

- Anh làm như mọi chuyện cứ như huấn luyện quân sự ấy.

Adam nói:

- Đúng thế. Trừ phần cuối.

Cô ngạc nhiên:

- Phần cuối nào cơ?

- Bữa tối ăn mừng ấy mà.

- Chắc là lại ở nhà ăn tập thể Chelssea chứ gì?

Adam nói:

- Sai rồi. Anh đã đặt một bàn ăn cho hai người vào lúc tám giờ tối ở quán *Con gà Vàng* ngay tại Piccadilly.

Heidi nói:

- Chúng mình lại đếm cua trong lỗ đây mà.

Adam nói:

- Ồ, rất ngộ nghĩnh nhé.

- Ngộ nghĩnh? Em không hiểu.

- Tối nay khi ăn tối anh sẽ giải thích cho em.

Heidi nói:

- Hy vọng là chúng mình sẽ không phải ăn tối.

Adam hỏi:

- Sao lại thế?

- Điều duy nhất em có thể mong đợi là chỗ ngồi ở bàn tính tiền trong cửa hàng thực phẩm Đức.

Adam rên lên:

- Cũng chưa tồi tệ bằng chuyện phải đến gặp anh chàng thượng sĩ ấy vào mười giờ sáng mai đâu. Sau mười giờ anh sẽ phải nằm ngửa mà ân hận là đã rời Geneva.

Heidi nói:

- Như vậy anh sẽ học được cách hạ nốc ao anh ta – cô nói thêm và chạm vào cánh tay anh –
Thế thì có khi rồi cuộc chúng ta nên ở lại đây cũng nên.

Adam cúi xuống hôn nhẹ lên hai má cô trong khi hai người đang ở đường chờ xuống cầu thang. Một làn gió nhẹ lướt trên cầu thang máy bay. Adam mở áo khoác che cho Heidi trong khi họ quay qua đường băng để vào nhà kiểm tra Di cư.

Anh nói:

- May mà anh đem áo khoác đi.

Heidi nói:

- Không giống áo khoác mấy mà giống một cái lều thì hơn.

- Đây là chiếc áo khoác dã ngoại của anh. Nó có thể đựng được bản đồ, compa, thậm chí cả một bộ đồ đi đêm nữa kia.

- Adam, chúng mình chỉ đi dạo quanh Geneva vào giữa mùa hè thôi chứ có phải sắp bị lạc trong rừng rậm giữa mùa đông đâu.

Anh phá lên cười:

- Anh sẽ nhớ lời châm chọc của em đấy nhé.

Xe buýt sân bay chỉ mất chưa đầy hai mươi phút để đưa khách từ trung tâm Geneva đến sân bay và ngược lại.

Chuyến đi ngắn ngủi đưa họ đi qua vùng ngoại ô thành phố cho đến khi một cái hồ tuyệt đẹp nằm gọn giữa những dãy đồi. Chiếc xe đi dọc bờ hồ tới chân một dãy núi sừng sững chọc trời.

Heidi nói:

- Em bắt đầu cảm thấy chúng mình giống như những kẻ đi du ngoạn trong kỳ nghỉ hè.

Họ bước ra khỏi xe vui mừng thấy mưa đã tạnh. Vừa đặt chân bước trên vỉa hè rợp bóng cây của con phố ôm lấy bờ hồ ngay lập tức cả hai sững sờ trước vẻ tinh khiết của thành phố. Bên kia đường là những dãy khách sạn gọn ghẽ, các cửa hàng và ngân hàng.

- Trước hết hãy tìm xem cái ngân hàng đó ở đâu đã rồi hãy đi ăn trưa, sau đó quay lại nhận kho của trời cho ấy.

Heidi hỏi:

- Làm thế nào một quân nhân có thể hoàn thành một bài tập khó như vậy được bây giờ?

- Hoàn toàn đơn giản. Chúng ta sẽ ghé vào ngân hàng nào đó, nhờ người ta chỉ đường đến *Roget et Cie*.

- Em dám cuộc là hồi còn là đội viên Scout, cánh tay phải anh bị vẽ đầy những ký hiệu chỉ đường.

Adam phá lên cười:

- Chả lẽ anh tệ thế sao?

Heidi đáp:

- Tệ nhất. Nhưng anh chuyên môn diễn hình mọi hình ảnh của người Đức thành một chàng trai phong lưu người Anh.

Adam quay lại khẽ vuốt tóc Heidi và cúi xuống hôn lên môi cô.

Chợt Heidi nhận ra mọi người xung quanh đang nhìn họ, cô nói:

- Chắc là người Thụy Sĩ không chấp nhận như thế ở chỗ công cộng. Thậm chí em còn nghe nói là ngay cả lúc riêng tư họ cũng không chấp nhận nữa kìa.

Adam nói:

- Hay là anh hôn cái bà già như quả mận khô đằng kia nhé!

Heidi chỉ vào Ngân hàng Bình dân ở cuối đường:

- Đừng, Adam. Đừng có làm như vậy, nếu không anh sẽ thành anh ngố đấy. Thôi, hãy thực hiện kế hoạch của anh đi.

Họ hàng qua đường và Heidi hỏi người gác cổng đường đến *Roget et Cie*. Họ đi theo lời hướng dẫn của người gác cổng, một lần nữa chiêm ngưỡng ngọn núi đơn độc sừng sững trong khi tiếp tục đi vào trung tâm thành phố.

Roget et Cie chẳng dễ tìm hơn quả pingpong là mấy, họ đi qua đến hai lần mà không nhận ra, mãi Heidi mới nhìn thấy tấm biển bằng đá bên cạnh một cái cổng bằng sắt rèn.

Adam nói:

- Trông thật ấn tượng. Thậm chí ngay cả lúc này là giờ nghỉ trưa.

- Vậy anh nghĩ nó sẽ như thế nào, một chi nhánh ngân hàng ở nông thôn ư? Em biết người Anh các anh không thích thừa nhận điều này, nhưng thật sự đây là trung tâm ngân hàng thế giới.

Adam nói:

- Phải đi tìm tiệm ăn thôi, trước khi hiệp ước thân thiện Pháp – Anh bị phá vỡ.

Họ quay ngược trở lại hướng cũ đi về phía ngọn núi. Lúc này mặt trời vẫn cố len lỏi qua những đám mây. Họ chọn một quán cà phê ven đường nhìn ra hồ. Cả hai gọi món salad trộn pho mát và uống chung một nửa chai vang trắng. Adam vô cùng vui sướng có Heidi bên cạnh, anh bắt đầu kể cho cô nghe những mẩu chuyện hồi còn ở trong quân đội. Cô phải nhắc anh dừng vì đã gần hai giờ chiều. Anh miễn cưỡng gọi tính tiền và nói:

- Bây giờ là lúc phải đến xem cái bức tranh Thánh của Sa hoàng ấy có tồn tại thật hay không.

Khi họ quay lại ngân hàng, Adam đẩy cánh cửa nặng nề, bước vào và nhìn quanh hành lang

tối lơ mờ. Heidi chỉ một phụ nữ ngồi sau một cái bàn, nói:

- Kia kìa.

- Xin chào. Tôi tên là Adam Scott. Tôi muốn nhận một vậy được thừa kế theo di chúc.

Người phụ nữ mỉm cười, hỏi giọng rất nhẹ:

- Ngài có hẹn cụ thể gặp ai không ạ?

Adam nói:

- Không. Tôi không biết là cần phải như thế.

Người phụ nữ nói:

- Chắc chắn là mọi việc sẽ ổn cả thôi ạ.

Cô nhắc máy điện thoại, quay hai số và trao đổi vài câu bằng tiếng Pháp rồi đặt máy xuống và đề nghị hai người lên tầng bốn.

Adam bước ra khỏi cửa thang máy và ngạc nhiên khi thấy người đang đứng chờ sẵn chỉ trạc tuổi anh là cùng. Anh ta nói bằng tiếng Anh rất chuẩn:

- Xin chào. Tôi là Pierre Neffe.

Heidi thì thào:

- Em đã bảo là sẽ không cần đến em đâu mà.

Adam nói:

- Không nên nói quá sớm. Chúng ta đã kịp trình bày trường hợp của chúng ta đâu nào.

Ngài Neffe dẫn họ vào một phòng nhỏ, bày biện rất lịch sự. Adam cởi áo khoác và nói:

- Chúng ta làm việc ở dưới kia cũng được rồi mà.

M.Neffe nhún nhường nói:

- Chúng tôi mong khách hàng cảm thấy thoải mái như ở nhà.

Adam nói:

- Rõ ràng là ngài chưa thấy nhà tôi thế nào đâu.

M.Neffe không hề phá lên cười. Thay vì trả lời anh ta hỏi:

- Tôi có thể giúp gì cho ngài?

Adam bắt đầu:

- Cha tôi vừa mất tháng trước và có di chúc lại cho tôi một tờ biên nhận một vật gì đó mà tôi nghĩ là vẫn được các ngài giữ từ năm 1938 đến nay. Một khách hàng của các ngài đã tặng nó cho cha tôi, đó là ngài Rosenbaum Emmanuel.

M.Neffe hỏi:

- Ngài có đem theo đây tài liệu có liên quan đến vật được tặng đó không ạ?

Adam đáp:

- Ồ, có chứ.

Anh thọc tay vào túi đựng bản đồ của chiếc áo khoác và đưa biên nhận của ngân hàng *Roget et Cie* cho người ủy viên Hội đồng quản trị trẻ tuổi. Anh xem xét hồi lâu rồi gật đầu:

- Xin ngài cho phép tôi xem qua hộ chiếu của ngài được không ạ?

Adam lại lục túi áo khoác, đưa tấm hộ chiếu cho anh ta và nói:

- Tất nhiên rồi.

M.Neffe đứng lên và nói:

- Tôi xin phép ra ngoài mấy phút.

Heidi hỏi:

- Anh có biết là bây giờ họ sẽ làm gì không?

- Trước hết là kiểm tra xem có còn bức tranh đó ở đây không, sau đó kiểm tra xem giấy tờ biên nhận ấy có đúng không. Từ 1938 đến giờ là cả một thời gian khá dài rồi còn gì.

Từng phút chậm chạp trôi qua, Adam đã bắt đầu thất vọng và chán nản, cuối cùng bắt đầu tin rằng mình đã phí thì giờ vô ích.

Heidi đùa:

- Anh có thể lấy một bức tranh treo trên tường kia giấu vào áo khoác kia mà. Em cam đoan là nó sẽ có giá ở thị trường London. Thậm chí có lẽ còn có giá hơn cả bức tranh Thánh yêu quý của anh kia.

- Muộn mất rồi.

Adam nói khi thấy M.Neffe quay lại cùng với một người mà Adam được giới thiệu tên là M.Roget.

M.Roget nói:

- Xin chào. Xin lỗi ngài vì cha tôi không có mặt ở đây để tiếp ngài, thưa ngài Scott. Nhưng lúc này cha tôi hiện đang có chút công chuyện ở Chicago – Anh ta bắt tay cả Adam và Heidi – Chúng tôi có lưu trữ bức thư của ngài Rosenbaum hướng dẫn rõ ràng ngân hàng chỉ được mở hộp trước sự có mặt của ngài – anh ta liếc nhìn tờ giấy trong tay – Đại tá Gerald Scott. Huân chương Anh dũng, Huân chương Vê vang và Huân chương Chiến công.

Adam nói:

- Đó là cha tôi. Nhưng như tôi đã giải thích với ngài Neffe đây rằng cha tôi vừa mất tháng trước có di chúc để cho tôi món đồ tặng đó.

M.Roget nói:

- Có lẽ tôi sẽ mừng chấp nhận lời ngài nếu được phép nhìn qua một bản sao giấy chứng tử và cả tờ di chúc nữa.

Adam mỉm cười vì mình đã thấy trước điều này, một lần nữa anh lại lục túi áo lấy một chiếc phong bì màu nâu lớn trên có in hàng chữ *Holbrooke, Holbrooke & Gascoigne* lớn màu đen trên mép trên. Anh lấy ra bản sao giấy chứng tử của cha, bản sao di chúc và một lá thư có ghi “Gửi cho những ai quan tâm” và đưa tất cả cho M.Roget. Anh này chậm rãi đọc kỹ cả ba tài liệu sau đó đưa cho đồng nghiệp của mình. Đến lượt anh này đọc xong và thì thầm gì đó vào tai vị chủ tịch ngân hàng.

M.Roget hỏi:

- Ngài có phản đối nếu chúng tôi gọi cho Holbrooke trước mặt ngài không ạ?

Adam đáp:

- Ồ, không. Nhưng tôi phải báo trước là đôi khi ông ta hơi thô lỗ.

Anh ta nói:

- Thô lỗ ư? Đó là một từ tôi không quen lắm. Nhưng có lẽ tôi hiểu như thế nghĩ là gì.

Anh ta quay lại nói gì đó với M.Neffe. Anh này nhanh nhẹn rời khỏi phòng, một phút sau quay lại với quyển Đăng ký hành nghề Luật sư ở Anh, năm 1966.

Adam rất thích sự kỹ càng của ngân hàng. M.Neffe kiểm tra lại số điện thoại và địa chỉ trên chiếc phong bì và so sánh với địa chỉ trong cuốn niên giám.

M.Roget nói:

- Ngài Scott, tôi nghĩ là không cần phải gọi ngài Holbrooke làm gì, nhưng chúng tôi cần cân nhắc một vấn đề nhỏ.

Adam lo lắng hỏi:

- Ngài Rosenbaum phần nào đã hơi bị bội chi rồi, và quy định của ngân hàng là một tài khoản cần phải được thanh toán đầy đủ trước khi mở bất kỳ một cái hộp nào.

Mạch máu Adam bỗng chạy rần rật khi nhận ra không đem đủ tiền theo cho khoản chi bất ngờ này.

M.Roget nói tiếp:

- Số tiền nhỏ thôi, chỉ có một trăm hai mươi Francs Thụy Sĩ. Đó là để trả cho việc lưu giữ chiếc hộp hai năm nay kể từ khi tài khoản của ngài Rosenbaum hết.

Adam thở phào. Anh móc ví ra và ký một tấm séc du lịch rồi đưa cho anh ta.

M.Roget nói:

- Cuối cùng, chúng tôi cũng yêu cầu ngài ký một mẫu miễn trừ trách nhiệm cho ngân hàng.

M.Roget đưa cho Adam một tờ mẫu dài dằng dặc đầy những điều khoản in sin sít bằng tiếng Pháp. Adam chỉ liếc qua rồi đưa cho Heidi, cô bắt đầu nghiên cứu kỹ càng từng điều khoản. Trong lúc đó M.Roget giải thích đó là để bảo đảm cho ngân hàng không bị ràng buộc bởi bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến cái hộp này và chứng minh việc Adam nhận cái hộp là hợp pháp.

Heidi nhìn lên gật đầu tán thành.

Adam ký vào dòng để trống bằng một chữ ký hoa mỹ.

M.Roget nói:

- Tuyệt lắm. Bây giờ chúng tôi chỉ còn phải làm một việc nữa là đi ra và mang chiếc hộp lại đây cho ngài nữa thôi.

Khi hai người một lần nữa còn lại một mình với nhau, Adam nói:

- Anh nghi là có thể rỗng không lắm.

Heidi đáp:

- Nó cũng có thể đầy nghẹt những đồng tiền vàng Tây Ban Nha, anh chàng yếm thế ạ.

Mấy phút sau hai người kia quay lại, M.Neffe mang theo cái hộp dẹt bằng kim loại cỡ khoảng hai mươi nhân ba mươi phân, dày khoảng tám phân.

Adam thấy thất vọng vì cái hộp bé quá, nhưng không nói gì, M.Roget bắt đầu mở ổ khóa phía trên sau đó đưa cho Adam một phong bì mỏng có chữ ký ngang qua dấu niêm phong. Ông ta nói:

- Dù trong này có là cái gì đi chăng nữa cũng là thuộc về ngài, ngài Scott. Khi nào ngài mở xong hộp, xin vui lòng cho chúng tôi biết. Chúng tôi sẽ chờ ở ngoài hành lang cho đến khi ngài gọi.

Họ đi ra khỏi phòng.

Heidi nói:

- Mở đi anh. Em không thể chờ được nữa.

Adam mở phong bì, một chiếc chìa khóa rơi ra. Anh lóng ngóng hồi mãi ổ khóa mới kêu một tiếng, anh bèn mở nắp hộp. Trong đó có một gói mỏng được gói kỹ bằng lụa và buộc chặt bằng một sợi dây. Núi buộc quá chặt không sao mở được, cuối cùng sốt ruột Adam bèn cắt đứt dây rồi chậm rãi mở miếng lụa ra. Cả hai sững sờ nhìn vào bức tranh kiệt tác, không tin nổi.

Vẻ đẹp thuần khiết của vàng, của màu đỏ và màu xanh khiến cả hai không nói nên lời. Không ai trong họ nghĩ rằng bức tranh Thánh đẹp đến ngộp thở như vậy. Thánh George đứng sừng sững bên con Rồng, tay cầm một thanh kiếm lớn vung lên chuẩn bị đâm vào tim con quái vật. Lửa phun ra từ cằm con rồng đỏ thắm tương phản một cách kỳ diệu với vầng hào quang màu vàng chói lọi dường như đang bao trùm quanh vị Thánh.

Cuối cùng Heidi cất được tiếng nói:

- Đây là một kiệt tác.

Adam vẫn tiếp tục giữ bức tranh nhỏ trong tay. Heidi nói:

- Anh nói gì đi chứ?

- Ước gì cha anh được nhìn thấy bức tranh này, có lẽ nó đã có thể làm thay đổi cả cuộc đời cha.

Heidi nói:

- Đừng quên là cha anh muốn nó làm thay đổi cuộc đời anh.

Adam lật bức tranh lên và thấy phía sau có hình một chiếc vương miện bạc được khảm vào gỗ. Anh nhìn chăm chăm vào nó, cố nhớ lại ngài Sedwide ở cửa hàng Sotheby nói rằng như vậy chứng tỏ điều gì.

Adam lật bức tranh lại và một lần nữa chiêm ngưỡng vẽ vĩ đại của Thánh George:

- Anh ước gì cha đã mở chiếc phong bì ấy. Bởi vì đó chính là quyền của Người.

Heidi kiểm tra lại để chắc chắn trong hộp không còn gì nữa rồi đóng nắp và Adam khóa nó lại bằng chìa khóa của mình. Anh bọc tấm vải lụa ra ngoài bức tranh và thít chặt lại rồi nhét vào túi đựng bản đồ của áo khoác.

Heidi mỉm cười.

- Em biết là anh có thể chứng minh cái áo khoác này là cần thiết ngay cả khi trời không mưa nữa mà.

Adam bước ra mở cửa. Ngay lập tức hai người của ngân hàng trở vào. M.Roget nói:

- Hy vọng rằng ngài tìm thấy đúng thứ đã được hứa hẹn.

Adam nói:

- Vâng, thực vậy. Nhưng tôi không cần đến cái hộp này nữa – anh nói thêm và đưa trả chiếc chìa khóa.

M. Roget cúi đầu, nói:

- Tùy ý ngài thôi. Còn đây là tiền đổi tấm séc du lịch của ngài – anh ta vừa nói vừa đưa một tờ phiếu Thụy Sĩ của ngài – Nếu ngài tha lỗi cho thì bây giờ tôi xin tạm biệt. M. Neffe sẽ tiễn ngài.

Anh ta bắt tay Adam, hơi cúi đầu chào Heidi và mỉm cười nhã nhặn.

- Hy vọng rằng ngài thấy chúng tôi không quá... t... thô... lỗ.

Cả hai người cùng phá ra cười.

Trong khi đi xuống cầu thang máy, M.Neffe nói:

- Tôi cũng hy vọng ngài thấy thích thú trong thời gian ở lại thành phố của chúng tôi.

Adam nói:

- Tiếc rằng không được bao lâu. Chúng tôi phải quay lại sân bay trong vòng một giờ nữa.

Thang máy dừng lại ở tầng trệt, M.Neffe tiễn Adam và Heidi đi dọc hành lang. Cửa đã mở sẵn chờ họ nhưng họ phải dừng lại tránh sang bên nhường đường cho một cụ già lê bước đi qua. Mặc dầu hầu hết mọi người đều chỉ chú ý đến cái mũi của ông cụ, nhưng Adam lại thấy giật mình bởi đôi mắt của ông ta – một đôi mắt thật sắc bén.

Khi cuối cùng đến được chỗ bàn lễ tân, ông già lớn tiếng yêu cầu:

- Tôi cần gặp ngài Roget.

- Rất tiếc là hiện nay ngài Roget đang đi Chicago, thưa ngài. Nhưng tôi sẽ hỏi xem con trai ngài Roget có thể gặp ngài được không. Tôi sẽ nói ngài tên là gì ạ?

- Emmanuel Rosenbaum.

Người phụ nữ cầm ống nghe lên và trao đổi bằng tiếng Pháp. Sau đó bà ta đặt ống nghe xuống, quay lại nói:

- Ngài Rosenbaum, xin ngài vui lòng lên tầng bốn được không ạ.

Một lần nữa ông già lại phải leo vào cái buồng thang máy dễ sợ. Một người phụ nữ trung niên khác đứng chờ sẵn ở cửa thang máy và đưa ông vào phòng chờ. Ông già lịch sự từ chối lời mời uống cà phê của bà, tay dấm thùm thụp vào ngực. Bà ta an ủi:

- Ngài Roget sẽ đến ngay bây giờ đấy ạ.

- Rất vui mừng được làm quen với ngài, ngài – Rosenbaum. Nhưng cũng rất tiếc là ngài không kịp gặp ngài Scott.

Ông già ngạc nhiên.

- Ngài Scott ư?

- Vâng. Ông ta vừa ở đây ra được năm phút, nhưng chúng tôi đã làm theo những điều chỉ dẫn trong thư của ngài.

- Thư của tôi ư?

Vị thành viên hội đồng quản trị của ngân hàng một lần nữa trong ngày hôm nay lại mở tập hồ sơ suốt hai mươi năm nay không hề được sờ đến và đưa cho ông già.

Emmanuel Rosenbaum lấy một cặp kính trong túi ra, chậm chạp mở bức thư để bắt đầu đọc dòng chữ mà ông đã nhận ra là của ai. Lá thư được viết nguệch ngoạc bằng mực đen:

Forsthau haarhot.

Amsberg14

VosswinnelSachsen.

Germany.

Ngày mười lăm tháng Chín năm 1946

Ngài Roget kính mến.

Tôi có ký gửi ở chỗ ngài một bức tranh Thánh nhỏ về Thánh George và con Rồng trong hộp số 718. Nay tôi chuyển giao quyền sở hữu bức tranh Thánh đó cho một sĩ quan Anh đại tá Gerald Scott, Huân chương Anh dũng, Huân chương Vẻ vang và Huân chương chiến công. Nếu đại tá Scott có đến để nhận bức tranh Thánh đó thì xin các ngài giao chìa khóa của riêng tôi cho ông ta không chậm trễ.

Rất cảm ơn ngài đã giúp đỡ tôi trong vấn đề này và rất xin lỗi là chúng ta chưa bao giờ gặp mặt nhau.

Kính thư.

Emmanuel Rosenbaum

- Và ngài nói rằng hôm nay đại tá Scott vừa đến để nhận bức tranh?

- Không, không phải thế, ngài Rosenbaum. Đại tá mới chết cách đây không lâu và di chúc vật đựng trong cái hộp lại cho con trai ông ta, ngài Adam Scott. Ngài Roget và tôi đã kiểm tra mọi tài liệu kể cả giấy chứng tử và di chúc, chúng tôi nhận thấy cả hai đều là những tài liệu xác thực và mọi việc đều ổn cả. Ông ta cũng có cả tờ biên nhận của ngài – M.Roget gần gũi - Hy vọng là chúng tôi đã làm đúng, thưa ngài Rosenbaum.

Ông già nói:

- Nhất định là các ngài làm đúng rồi. Tôi chỉ đến để xem mọi việc có được thực hiện đúng theo ý muốn hay không thôi.

M. Roget mỉm cười nhẹ nhõm:

- Có điều tôi cũng lưu ý rằng tài khoản của ngài hơi bị hụt một tý.

Ông già lập cập lần túi áo ngực.

M. Roget nói:

- Không còn nợ gì cả ạ. Ngài Scott đã thanh toán rồi.

- Vậy thì tôi nợ ngài Scott. Các ngài có thể cho tôi biết số tiền không?

M. Roget nói:

- Một trăm hai mươi Francs.

Ông lão nói:

- Vậy thì tôi phải trả ngay cho ông ta. Ngài có địa chỉ không, tôi muốn liên lạc với ông ta.

M. Roget nói:

- Không. Xin lỗi vì trong việc này tôi không thể giúp ngài được gì. Tôi không hề biết ông ta ở đâu tại Geneva này.

M. Neffe nắm khuỷu tay M. Roget và cúi xuống thì thầm vào tai anh ta.

M. Roget nói:

- Có vẻ như ngài Scott định quay lại Anh ngay bởi vì ông ta nói là cần phải đến làm thủ tục ở sân bay Geneva vào lúc năm giờ chiều.

Ông lão đứng dậy:

- Các ngài thật quý hóa quá, tôi không muốn quấy rầy thêm nữa.

Người đàn ông đứng sau bàn thủ tục nói:

- Chuyến bay số BE 171 và ghế của các vị là 14A và 14B. Giờ bay không có gì thay đổi, vì vậy khoảng hai mươi phút nữa các vị nên có mặt ở cổng ra số chín.

Adam nói:

- Cảm ơn.

- Các vị có gửi hành lý gì không?

- Không, cảm ơn. Chúng tôi chỉ ở Geneva có mỗi ngày hôm nay thôi.

Anh ta nói vừa đưa thẻ lên máy bay cho họ.

- Vậy chúc các vị may mắn.

Adam và Heidi bắt đầu bước lên thang cuốn để đi đến phòng chờ của hành khách.

Adam đếm lại mấy tờ kỳ phiếu và nói:

- Anh chỉ còn có bảy trăm bảy mươi francs Thụy Sĩ thôi. Và trong khi ở đây chúng mình phải gửi cho mẹ anh một hộp kẹo socola nhân rượu. Hồi còn bé, năm nào anh cũng tặng mẹ một hộp gì đấy nhân ngày lễ Giáng sinh. Hồi ấy anh đã thề là nếu có bao giờ đến Thụy Sĩ thì sẽ tìm chiếc hộp đẹp nhất để gửi tặng mẹ.

Heidi chỉ về phía một quầy hàng bày một dãy những chiếc hộp lồng lẫy. Adam đi tới và chọn một hộp Socola Lindt lớn bọc giấy vàng óng ánh và đưa cho cô gái đứng ở quầy gói lại bỏ vào giỏ.

Sau khi cầm tiền trả lại. Adam hỏi:

- Tại sao em lại nhăn mặt?

Heidi đáp:

- Cô ấy chỉ làm em nhớ đến việc sáng mai đã lại phải ngồi ở quầy hàng rồi.

Adam nói:

- Vậy thì ít nhất tối nay chúng ta cũng còn có quán *Con gà Vàng* để mà mong tới – Anh nhìn đồng hồ - Bây giờ cũng chẳng làm gì được nhiều nữa, trừ việc đến mua mấy chai vang ở cửa hàng miễn thuế đằng kia.

- Em muốn tìm cuốn *Der Spiegel* trước khi vào phòng kiểm tra hải quan. Adam nói:

- Hay lắm. Vậy thử đến quán sách đằng kia xem sao.

Có tiếng loa thông báo vang lên:

- Ngài Adam Scott có điện thoại gọi. Xin mời ngài Adam Scott quay lại bàn làm thủ tục của hãng Hàng không Anh ở tầng trệt để nhận điện.

Adam và Heidi nhìn nhau:

- Chắc họ đưa cho chúng mình sai số ghế, em đoán thế.

Adam nhún vai nói:

- Thôi qua lại xem sao.

Họ quay lại tầng dưới và đến gần người đàn ông đã đưa cho họ thẻ lên máy bay lúc nãy.

Adam nói:

- Hình như ông vừa cho gọi chúng tôi?

- Ồ, vâng. Có tin khẩn nhắc cho ông – Anh ta liếc nhìn mẫu giấy trước mặt – Gọi điện ngay cho ngân hàng *Roget et Cie*, số máy 271279 Geneva – anh ta xé mẫu giấy và đưa cho Adam – Điện thoại ở đằng kia, sau bàn bán vé của hãng KLM và ông sẽ phải trả hai mươi xu.

Adam nói:

- Cám ơn ông.

Anh nhìn mẫu giấy, nhưng chẳng có chút gì cho thấy lý do tại sao M. Roget lại cần gấp mình làm gì. Heidi nói:

- Không hiểu ông ta có thể làm gì nhỉ? Nếu họ muốn đòi lại bức tranh Thánh thì muộn mất rồi.

Adam đưa cái túi cho Heidi:

- Chỉ có một cách duy nhất để biết được họ cần gì thôi. Em cầm cái này một lúc, anh sẽ quay lại ngay.

Heidi cầm chiếc túi sặc sỡ đựng hộp socola, nói:

- Trong lúc đó em sẽ tìm mua cuốn tạp chí kia xem, nếu như ở tầng này có hiệu sách.

Adam nói:

- Phải đấy. Mấy phút nữa anh sẽ quay lại đây nhé.

- Roget et Cie đây. Tôi có thể giúp gì được ạ?

Adam nói bằng tiếng Anh:

- Hình như M. Roget yêu cầu tôi gọi cho ông ta?

Cô trực tổng đài chuyển ngay sang tiếng Anh:

- Vâng, thưa ngài, ngài cho biết tên ạ?

- Adam Scott.

- Tôi sẽ tìm ngài Roget xem có đây không ạ.

Adam quay lại để nhìn xem Heidi đâu, anh đoán chắc cô đang đi tìm mua quyển tạp chí. Rồi anh nhìn thấy ông già lấy bẫy đi ngang qua phòng. Anh có thể thề là đã nhìn thấy ông ta ở đâu rồi.

- Ngài Scott?

Adam cúi xuống điện thoại:

- Vâng, ngài Roget. Tôi gọi điện lại theo yêu cầu của ngài.

M. Roget hỏi lại, giọng có vẻ bối rối:

- Gọi điện lại theo yêu cầu của tôi ư? Tôi không hiểu gì cả.

Bàn làm thủ tục của hãng Hàng không Anh nhắc tôi gọi điện cho ngài gấp.

- Có lẽ họ nhầm đấy. Tôi không hề nhắc gì cả. Nhưng dù sao ngài cũng đã gọi lại, cho nên có lẽ ngài cũng cần biết rằng ngay khi các ngài vừa đi khỏi thì ngài Emmanuel Rosenbaum có đến chỗ chúng tôi.

Adam nói:

- Emmanuel Rosenbaum? Nhưng tôi tưởng...

- Cô ơi, cô có thể giúp tôi một tý được không?

Heidi nhìn lên người đàn ông vừa hỏi cô bằng tiếng Anh nhưng đặc giọng Trung Âu. Cô hơi ngạc nhiên vì sao ông ta biết cô nói được tiếng Anh, nhưng nghĩ chắc ông ta cho rằng đó là thứ ngôn ngữ dễ giao tiếp nhất.

- Tôi đang rất vội và muốn tìm một chiếc taxi nhưng e rằng mắt tôi kém quá.

Heidi đặt cuốn *Der Spiegle* xuống quầy báo và nói:

- Ở ngay sau chiếc cửa đôi kia thôi ạ. Để cháu chỉ cho ông.

Ông già nói:

- Không sao đâu ạ.

Cô cầm cánh tay ông già đưa đến chỗ cái cửa có đề hàng chữ “Taxi và xe buýt”.

Adam lo lắng hỏi:

- Ngài chắc đó là ngài Rosenbaum không ạ?

Ông ta đáp:

- Chắc chắn mà.

- Và ông ta có vẻ hài lòng khi thấy tôi đã nhận bức tranh Thánh không ạ?

- Ồ, có. Nhưng không có vấn đề gì về chuyện ấy đâu. Ông ta chỉ quan tâm đến việc phải trả lại ngài một trăm hai mươi francs thôi. Tôi nghĩ ông ta đang tìm ngài.

“Hãng Hàng Không Anh thông báo hành khách đi chuyến bay BE 171 đi London Heathrow ra cửa ra máy bay số Chín”.

Adam nói:

- Tôi cần phải đi. Một phút nữa máy bay của tôi sẽ cất cánh.

Nhà ngân hàng nói:

- Chúc ngài may mắn.

Adam nói:

- Cảm ơn, ngài Roget.

Anh đặt ống nghe xuống rồi quay lại chỗ bàn bán vé của Hãng Hàng không Anh và ngạc nhiên thấy Heidi vẫn chưa quay lại. Anh đưa mắt nhìn khắp phòng để tìm quầy báo vì sợ cô không nghe thấy lời thông báo máy bay sắp cất cánh. Rồi anh nhìn thấy cô đang đi tới chiếc cửa đôi, tay dịu ông già mà anh nhìn thấy trước đó.

Adam gọi to và rảo bước. Anh cảm thấy có một cái gì đó không ổn. Khi tới chỗ cánh cửa đôi anh nhìn thấy cô đang đứng trên hè phố và mở cửa taxi cho ông già. Anh hỏi:

- Ngài Rosenbaum phải không ạ?

Thế rồi chỉ bằng một động tác của cánh tay, rất nhanh và rất mạnh khiến Adam kinh ngạc, ông ta kéo mạnh Heidi vào sau chiếc taxi, đóng sập cửa lại và nói to “*Allez vite*” (đi nhanh lên).

Adam chờ người mất một lúc nhưng rồi anh nhảy tới bên chiếc taxi nhưng chỉ xuýt vồ được tay lái, trong khi nó rồ ga phóng vút khỏi bãi cỏ. Chiếc taxi giật đột ngột làm Adam bật ngửa trên hè đường nhưng anh còn kịp nhìn thấy vẻ mặt kinh hoàng của Heidi. Anh nhìn theo biển số GE-7-1-2... Anh chỉ nhìn thấy có vậy, nhưng ít nhất cũng nhận ra đó là một chiếc Mercedes màu xanh da trời. Anh tuyệt vọng nhìn quanh tìm một chiếc taxi, nhưng quanh đó chỉ có độc nhất một chiếc đã đầy ắp khách.

Một chiếc Volkswagen Beetle đỗ lại ở đầu kia bãi đỗ. Một phụ nữ bước ra khỏi ghế lái và đi

vòng ra đằng trước để mở hòm xe. Từ ghế hành khách một người đàn ông bước ra, nhắc hành lý ra khỏi hòm xe, rồi người phụ nữ đóng hòm xe lại.

Hai người đứng trên bãi cỏ hôn nhau. Trong khi họ hôn nhau Adam lén qua đường, nhảy vào ghế hành khách và trườn sang ghế lái xe. Chìa khóa vẫn cắm trong ổ điện. Anh vặn chìa khóa, sang số, dậm ga và lùi bắn lại. Hai người kia đứng sững nhìn không tin vào mắt mình. Adam giật cần số khỏi số không và kéo đến chỗ anh nghĩ đó là số một. Động cơ chậm chạp gầm lên nhưng cũng đủ nhanh để anh có thể thoát khỏi hai người kia đang đuổi theo. Anh nghĩ chắc đó là số ba bèn ấn cần số sang số lại và phóng về phía tầm biển chỉ vào trung tâm Geneva.

Đến được ngã tư thứ nhất anh đã làm chủ được chiếc xe nhưng vẫn phải hết sức tập trung nhìn sang bên phải đường. “GE 72... DGE 72” Anh nhắc đi nhắc lại cho đến khi con số đó khắc sâu vào trí nhớ. Mỗi lần vượt qua một chiếc taxi màu xanh da trời anh đều nhìn biển kiểm soát và hành khách trên xe. Sau khi vượt qua khoảng hơn một chục chiếc taxi anh bắt đầu phân vân không hiểu con đường nhỏ nào đây. Anh nhấn mạnh chân ga – 90, 110, 120 kilomet một giờ và vượt qua ba chiếc taxi nữa nhưng không thấy bóng dáng Heidi đâu.

Rồi anh nhìn thấy chiếc Mercedes màu xanh da trời trên một con đường nhỏ khá xa phía trước, đèn bật sáng trưng đang phóng nhanh hơn tốc độ cho phép. Anh tin chắc chiếc Volkswagen đủ mạnh để đuổi kịp chiếc Mercedes, đặc biệt nếu nó chạy bằng động cơ diesel. Anh rút ngắn dần khoảng cách trong khi đó vẫn tự hỏi lão già bắt cóc Heidi để làm gì. Liệu lão có phải Rosenbaum không? Nhưng Rosenbaum đã muốn anh giữ bức tranh Thánh, hay là nhà ngân hàng chỉ nói thế để an ủi anh? Tất cả những cái đó chẳng có nghĩa lý gì cả, anh vừa lái xe vừa tự hỏi không biết có lúc nào mình tỉnh cơn ác mộng này không.

Ra đến ngoại ô Adam vẫn không hiểu gì cả, anh thận trọng đi theo chiếc Mercedes. Đến ngã tư tiếp theo, chiếc Mercedes vẫn đột ngột rẽ trái và chạy lên một quả đồi thoải thoải. Adam ngoặt tay lái đuổi theo. Chiếc taxi lại rẽ trái, để không bị mất hút anh đột ngột vượt qua một chiếc xe buýt khiến nó phải phanh kết lại. Nhiều hành khách trên xe buýt bắn khỏi ghế, họ giận dữ giơ nắm đấm về phía anh trong khi người lái xe hú còi ầm ỹ.

Bây giờ chiếc taxi chỉ cách đó khoảng một trăm mét nữa. Một lần nữa Adam lại phải cho xe đứng khựng lại. Mấy giây tiếp đó dường như không có chuyện gì xảy ra trong khi Adam vòng xe đổ lại sát sau chiếc Mercedes. Anh nhảy ra khỏi xe bằng cửa bên kia, bắt đầu chạy lên đồi, tay xách chiếc giỏ Heidi mua ở sân bay và một chiếc vali nhỏ.

Adam kéo bật cửa sau và nhìn vào, cô gái đẹp vẫn ngồi bất động, anh gào lên, chợt nhận ra với anh cô ý nghĩ biết bao:

- Em không sao chứ? Em không sao chứ?

Heidi không động dậy, cũng không nói tiếng nào. Adam quàng tay qua vai và nhìn vào đôi mắt cô, nhưng đôi mắt không hề đáp lại cái nhìn của anh. Anh bắt đầu kéo tóc cô, thế rồi không hề báo trước, cô ngả đầu lên vai anh như một con búp bê đã hỏng. Một dòng máu nhỏ bắt đầu chảy ra từ khóe miệng. Adam bắt đầu thấy lạnh giá, ốm yếu và run lên bần bật không sao cưỡng lại nổi. Anh nhìn người lái xe. Tay anh ta thông xuống một bên, người gục trên vành tay lái. Trên mặt người đàn ông trung niên không hề thấy có dấu hiệu của sự sống.

Adam không muốn thừa nhận rằng họ đã chết. Vẫn nâng Heidi trên tay, anh nhìn lên: Ông lão đã lên đến đỉnh đồi.

Sao anh vẫn còn nghĩ đó là một ông lão nhỉ? Rõ ràng là hắn không già chút nào mà còn trẻ và rất khỏe. Đột nhiên sự sợ hãi của Adam biến thành tức giận. Một giây sau anh đã quyết định. Anh đặt Heidi xuống, nhảy khỏi xe và bắt đầu chạy lên đồi đuổi theo kẻ đã giết cô. Hai ba người qua đường đã bắt đầu tụ tập lại trên bãi cỏ và nhìn chằm chằm vào Adam và hai chiếc xe. Anh phải bắt được gã đang chạy kia. Adam chạy hết tốc lực nhưng chiếc áo khoác làm anh bị chậm lại phần nào, đến lúc Adam lên được đến đỉnh phía đường cái. Adam cố sải chân bởi vì tên kia đã nhảy lên một chiếc xe điện đi ngang qua, nhưng anh còn ở quá xa không thể nào báo động cho mọi người được, đành đứng nhìn chiếc tàu điện đi xa dần.

Gã đàn ông đứng trên bậc tàu điện và quay lại nhìn Adam. Một tay hắn nắm chiếc túi mua hàng. Lưng không hề gù nữa, người hắn cao hắn lên và thậm chí dù đứng khá xa Adam cũng cảm thấy vẻ mặt thẳng lợi của hắn. Adam đứng sững hồi lâu giữa đường, bất lực nhìn theo chiếc tàu điện mất hút về phía xa.

Anh cố tập trung đầu óc để suy nghĩ và nhận ra không mấy hy vọng vẫy được chiếc taxi vào giờ cao điểm này. Phía sau có tiếng còi hú vang chắc là của xe cấp cứu đang lao đến chỗ xảy ra tai nạn. Adam nói to “Tai nạn! Họ sẽ biết ngay đây là một vụ giết người” Anh cố gắng quên đi nửa giờ điên rồ vừa qua. Không có chút gì có nghĩ lý cả. Nhất định tất cả chỉ vì gói đựng bức tranh Thánh của Sa Hoàng. Tên giết người không thể nào làm chừng nấy điều chỉ vì hai mươi ngàn bảng Anh – giết chết hai con người vô tội chỉ vì vướng chân – tại sao, tại sao bức tranh Thánh này lại quan trọng đến như vậy? Viên chuyên gia ở Sotheby nói gì nhỉ? “Một người đã hỏi dò về bức tranh này”. Đầu óc Adam bắt đầu quay cuồng. Nếu như đó là Emmanuel Rosenbaum và hắn đeo đuổi bức tranh Thánh đó thì hắn chỉ mới kiếm được có mỗi hộp socola nhân rượu của Thụy Sĩ mà thôi.

Nghe thấy tiếng còi hú đằng sau, Adam thấy nhẹ người vì đã có thể được giúp đỡ nhưng khi quay lại anh thấy hai sĩ quan tay lăm lăm súng đang chỉ về phía mình. Theo trực giác anh quay người chạy, vừa chạy anh vừa ngoái lại nhìn, phía sau lúc này đã có rất nhiều cảnh sát đuổi theo. Anh lại sải chân chạy, mặc cho chiếc áo khoác bay phất phới, anh không tin có ai trong đám cảnh sát Thụy Sĩ kia có thể đuổi kịp anh trong khoảng cách năm trăm mét này. Adam rẽ vào con đường nhỏ đầu tiên hiện ra và chạy nhanh hơn. Đó là một con đường hẹp, có lẽ không đủ cho hai chiếc xe đạp tránh nhau. Khi đã vượt qua con đường đó anh bèn chọn một phố một chiều để đi vào. Con phố chật cứng những xe cộ, lúc này anh đã có thể đi vào một cách an toàn và nhanh nhẹn giữa dòng xe cộ đông đúc.

Chỉ vài phút nữa thôi là có thể thoát được sự truy đuổi nhưng anh vẫn tiếp tục chạy, tiếp tục đổi hướng liên tục cho đến khi cách đám người đuổi theo ít nhất phải hai dặm. Cuối cùng anh rẽ vào một phố nhỏ yên tĩnh và đứng lại dưới một tấm bảng đèn huỳnh quang của khách sạn Monarque. Trông khách sạn này chẳng khác gì mấy so với một nhà khách nhỏ và rõ ràng là chẳng thể nào có thể gọi đó là một “khách sạn” được. Anh đứng trong bóng tối chờ đợi, hít lấy hít để không khí vào ngực. Khoảng ba phút sau hơi thở của anh trở lại bình thường, anh đi thẳng vào khách sạn.

*

* *

CHƯƠNG 11

Hắn đứng trần truồng nhìn vào hình ảnh Emmanuel Rosenbaum trong tấm gương khách sạn. Hắn ghét cái hình ảnh trong đó. Trước hết hắn tháo bộ răng giả sau đó ngậm lên ngậm xuống nhiều lần: người ta đã báo trước là vết hồ dán sẽ còn đau tiếp tục nhiều ngày sau. Sau đó hắn lần lượt gỡ những lớp bột phết trên cái mũi đồ sộ và không khỏi khen ngợi tài nghệ của người nghệ sĩ đã tạo nên cái mũi quái dị như vậy. Hắn đã bảo như vậy có thể dễ gây ấn tượng, dễ nhớ. Nhưng nhà chuyên môn đã trả lời là mọi người sẽ chẳng nhớ gì hết.

Khi gỡ xong lớp cuối cùng cái mũi thật trong có vẻ lại tức cười giữa khuôn mặt. Tiếp theo hắn bắt đầu gỡ những lớp hóa trang trên trán, những đường nhăn dường như cử động mỗi khi hắn nhăn mặt, Tiếp đó là hai gò má đỏ lựng và hai lớp cằm chảy xệ. Nhưng nhà ngân hàng Thụy Sĩ hắn phải kinh ngạc khi thấy một miếng đá bọt có thể dễ dàng chùi đi hàng số trên cánh tay hắn thế nào. Một lần nữa hắn nhìn mình trong gương. Mái tóc dài màu xám lẽ ra có thể dài hơn một chút. Khi người ta cắt tóc và bôi lên da đầu một lớp hồ đặc như bùn hắn mới hiểu một người Ai-len cảm thấy thế nào khi phết nhựa cây và long chim lên người. Một lát sau hắn đứng dưới vòi nước nóng, hắn cào móng tay đến sát tận da đầu. Những dòng nước đen ngòm chảy xuống mặt và người hắn trước khi chảy xuống cống. Phải mất đến hơn nửa chai xà phòng mới làm cho tóc hắn trở lại màu vàng óng như trước, nhưng còn phải khá lâu nữa hắn mới thôi không giống một anh lính quèn trong lực lượng hải quân.

Chiếc áo khoác tả tơi dài lết phết nằm trong góc phòng, bộ comple xoàng xĩnh, chiếc cà vạt màu đen, chiếc áo sơ mi trắng nhò nhò, đôi găng tay một ngón màu đen và tấm hộ chiếu Isarel. Hàng chục giờ chuẩn bị, nay chỉ cần vài phút để xóa sạch dấu vết. Hắn sốt ruột muốn đốt sạch những thứ đó đi, nhưng thay vì như vậy lại xếp gọn thành một đống. Romanov quay lại phòng chính và nằm duỗi dài như một con con mèo vươn vai, lưng vẫn còn cảm thấy đau như vì suốt thời gian dài phải cúi lom khom. Hắn đứng dậy nhón chân và quay tay lên quá đầu năm mươi

lần. Sau đó nghỉ một phút rồi làm động tác nằm sấp nâng người năm mươi lần nữa.

Romanov quay lại phòng tắm và tắm nước lạnh lần thứ hai, bây giờ mới cảm thấy lại là một con người. Sau đó hắn thay chiếc áo lụa màu mỡ gà và bộ comple độn ngực.

Trước khi gọi một cú điện thoại đi London và hai cú khác đi Moscow hắn ra lệnh đem bữa tối lên phòng để không ai nhìn thấy mình – Hắn không hề mong muốn phải giải thích vì sao người đã đăng ký vào khách sạn lại già hơn người đang ngồi ăn một mình trong phòng những ba mươi tuổi. Hắn nghiêng ngầu cắn xé miếng bít tết và nuốt chửng hắn ngụm rượu vang như một con thú đói ngấu.

Romanov nhìn những chiếc túi mua hàng sắc sỡ nhưng chẳng hề muốn kết thúc bữa ăn bằng thỏi socola nhân rượu của Scott. Một lần nữa hắn thấy tức giận vì ý nghĩ của gã người Anh đó đã tỏ ra hơn hắn.

Hắn đưa mắt nhìn chiếc vali nhỏ nằm trên sàn cạnh giường. Hắn mở vali và lấy ra phiên bản của bức tranh Thánh mà hắn luôn mang theo người để chắc chắn không bị nhầm lẫn nếu gặp được bức tranh thật.

Hơn mười một giờ một tí Romanov bật TV để xem bản tin muộn. Người ta không có ảnh của kẻ bị tình nghi, chỉ có ảnh của tay lái xe taxi ngu ngốc đã lái xe quá chậm khiến cho anh ta phải trả giá bằng cả mạng sống, và một tấm ảnh của cô gái xinh đẹp người Đức đã cả gan chống cự lại. Đó là một bi kịch, TV thông báo rằng hiện nay người ta đang truy tìm người đàn ông Anh chưa rõ tên. Romanov mỉm cười nghĩ rằng Scott đang bị cảnh sát truy nã trong khi hắn ung dung ngồi ăn bít tết trong một khách sạn sang trọng. Mặc dầu cảnh sát Thụy Sĩ không chụp được ảnh kẻ giết người nhưng Romanov đâu có cần. Đó là vì một nhân viên ở Anh đã nói cho hắn biết về đại úy Scott trong một cú điện thoại nhiều hơn tất cả những gì mà cảnh sát Thụy Sĩ hy vọng có thể điều tra được trong cả một tuần nữa.

Adam nằm yên trong giường và cố gắng chấp nối từng mẩu rời rạc của trò chơi xếp hình. Nếu Goering đã kể lại cho anh bức tranh Thánh và Emmanuel Rosenbaum là một biệt danh hắn sử dụng, thì một Emmanuel Rosenbaum thật không hề tồn tại. Nhưng thực tế hắn có tồn tại. Thậm chí hắn đã hai lần giết người trong khi cố gắng đặt tay lên bức tranh Thánh của Sa Hoàng. Adam cúi xuống bật ngọn đèn đêm rồi rút cái gói nhỏ khỏi túi áo khoác, anh cẩn thận tháo mảnh lụa bọc rồi giờ ra trước ánh sáng. Thánh George nhìn anh – vẻ mặt ông ta không còn kỳ diệu nữa mà như chê trách. Adam sẽ đưa ngay bức tranh này cho Rosenbaum không một giây suy nghĩ nếu biết rằng như vậy có thể ngăn được cái chết của Heidi.

Đến nửa đêm Adam đã quyết định được mình phải làm gì, anh vẫn ở yên trong gian phòng chật chội đó cho đến tận hơn ba giờ sáng. Rồi anh nhẹ nhàng bước xuống khỏi giường, mở cửa nhìn ra ngoài hành lang sau đó khẽ khàng khóa cửa cẩn thận và rón rén bước xuống cầu thang. Xuống đến bậc thang cuối cùng anh dừng lại nghe ngóng. Người công nhân khuân vác trực đêm đang ngồi gật gù trước TV lúc này mờ mờ tối, trên màn hình chỉ còn lại một chấm sáng ở giữa. Phải mất đến hai phút Adam mới ra được đến cửa trước – anh rón rén bước đi trên cái sàn nhà cứ kêu cọt kẹt ầm ĩ – nhưng tiếng ngáy của người phu khuân vác to đến mức át cả tiếng cọt kẹt của sàn nhà. Ra đến ngoài cửa Adam nhìn ngược nhìn xuôi kiểm tra cẩn thận xem có động tĩnh gì không, nhưng không thấy gì. Anh không muốn đi xa quá vì thể anh nương theo bóng tối một bên phố, lần bước chậm chạp. Đến góc phố anh nhìn thấy cái mà mình đang tìm, nằm cách đó khoảng một trăm mét.

Vẫn không thấy ai, vì thế anh đi nhanh đến buồng điện thoại, ấn đồng hai mươi xu vào khe và chờ. Một giọng nói vang lên: “Tôi giúp gì được ạ?” (nguyên bản bằng tiếng Pháp).

Adam nói cụt lủn:

- Quốc tế.

Một phút sau một giọng nói vang lên với câu hỏi lúc nãy.

Adam quả quyết noi:

- Tôi cần gọi đi London. Đầu cuối trả tiền.

- Vâng. Tên ngài là gì ạ?

Adam đáp:

- George Comer

- Số điện thoại gọi đi?

- Geneva 271982.

Anh thay đổi ba con số cuối, chắc đêm nay cảnh sát sẽ lắng nghe mọi cuộc điện thoại gọi đi Anh. Sau đó anh nói cho cô gái số điện thoại yêu cầu.

- Xin ngài chờ cho một phút.

- Được.

Adam nói và đưa mắt nhìn xuôi ngược trên dãy phố lần nữa. Chỉ có một chiếc xe lướt qua. Anh vẫn đứng thật im trong góc buồng điện thoại.

Có tiếng nổi máy, anh mấp máy miệng: Dậy đi, làm ơn dậy đi. Cuối cùng tiếng chuông điện thoại vang lên. Adam nhận ra ngay giọng nói quen thuộc trả lời.

Lawrence hỏi, giọng có vẻ giận dữ nhưng rõ ràng là hoàn toàn tỉnh táo:

- Ai đấy?

- Ngài có vui lòng nhận một cú điện thoại thanh toán ở đầu cuối của một ngài tên là George Comer gọi từ Geneva không ạ? – Anh ta nói.

- George Comer, Huân tước Comer, thống đốc ngân hàng Anh quốc ư? Có, tôi đồng ý.

Adam nói:

- Tớ đây, Lawrence.

- Tạ ơn Chúa. Cậu đang ở đâu vậy?

- Tớ vẫn đang ở Geneva nhưng chắc cậu sẽ không tin những gì tớ sắp nói với cậu. Trong lúc bọn tớ chờ để lên máy bay về thì bỗng một người đàn ông kéo Heidi vào một chiếc taxi rồi giết chết nàng trong khi tớ chưa kịp chạy tới. Nhưng điều rày rà là cảnh sát Thụy Sĩ lại cho rằng tớ là kẻ giết người.

- Bây giờ bình tĩnh đã, Adam. Tớ biết hết những chuyện đó. Trên bản tin tối, và cảnh sát cũng kéo đến đây hỏi tớ rồi. Hình như là anh của Hindi đã nhận ra cậu?

- Cậu nói *nhận ra* có nghĩa là thế nào? Tớ không làm việc đó. Cậu biết rõ là tớ không thể làm như vậy được mà. Lawrence, không phải tớ mà là một kẻ tên là Rosenbaum

- Rosenbaum? Adam, Rosenbaum là ai?

Adam cố tỏ ra bình tĩnh:

- Sáng nay tớ và Heidi đi Geneva để đến một ngân hàng Thụy Sĩ nhận một thứ mà Bố di chúc lại cho tớ. Hóa ra đó là một bức tranh. Sau chúng tớ quay lại sân bay thì một thằng cha tên là Rosenbaum đã bắt cóc Heidi, chắc hẳn nghĩ nàng cầm bức tranh. Mẹ kiếp bức tranh Thánh khi giá chỉ đáng giá hai mươi ngàn bảng Anh.

Lawrence hỏi:

- Bức tranh Thánh ư?

- Phải, có một bức tranh *Thánh George và con Rồng* – Adam nói – nhưng điều đó không quan trọng, mà điều quan trọng là...

Lawrence cắt lời:

- Bây giờ cậu hãy nghe đây, chỉ nghe thôi, bởi vì tớ sẽ không nhắc lại đâu. Cậu hãy cứ trốn thật kín, và sáng mai đến lãnh sự quán của chúng ta. Cố mà đến đấy nguyên vẹn, tớ cam đoan là Đại sứ sẽ đón cậu ở đó. Đừng đến trước mười một giờ và tớ sẽ phải tranh thủ từng phút để thu xếp mọi chuyện và kiểm tra xem các nhân viên ở sứ quán đã chuẩn bị chu đáo chưa.

Lần đầu tiên suốt mười hai tiếng đồng hồ qua Adam mới mỉm cười. Lawrence hỏi:

- Tên giết người đã đoạt được cái hắc cần chưa?

Adam nói:

- Chưa, hẳn chưa lấy được, chỉ mới lấy được mỗi cái túi socola cho mẹ tớ thôi.
- Tạ ơn Chúa, nhớ trốn thật kín bởi cảnh sát Thụy Sĩ tin rằng chính cậu là kẻ giết Hindi.

Adam nói:

- Nhưng ...
- Đừng giải thích gì hết. Hãy có mặt tại lãnh sự quán vào lúc mười một giờ. Bây giờ cậu nên bỏ máy xuống – Lawrence nói thêm – mười một giờ, đừng quá muộn.

Adam nói:

- Được, với lại...

Nhưng điện thoại chỉ còn những tiếng tut dài. Tạ ơn Chúa vì có Lawrence. Lawrence ngày xưa chẳng cần hỏi một câu nào bởi vì bao giờ cũng biết rõ câu trả lời. Giêsu, liệu cậu ta dính dáng vào đến đâu trong câu chuyện này nhỉ. Adam kiểm tra lại dây phổ một lần nữa. Vẫn không có một bóng người nào. Anh vội vã đi như ăn cắp nốt quãng đường hai trăm mét trở lại khách sạn. Cửa trước vẫn mở, người phu khuân vác vẫn ngủ say. TV vẫn sáng mờ mờ, cái chাম bạc còn nguyên chỗ cũ. Adam chui lại vào giường lúc bốn giờ năm phút nhưng không hề ngủ được. Rosenbaum, Heidi, người lái xe taxi, người đến Sotheby. Quá nhiều mẫu của một trò chơi xếp hình, chẳng cái nào khớp vào chỗ nào cả.

Nhưng điều khiến anh lo lắng lại là cú điện thoại vừa rồi với Lawrence, một Lawrence của ngày xưa?

Hai viên cảnh sát đến được khách sạn Monarque vào lúc bảy giờ hai mươi phút sáng thứ năm đó. Họ đã mệt mỏi, cáu kỉnh và đói mềm. Suốt từ nửa đêm qua đến giờ họ đã đến bốn mươi lăm khách sạn khắp phía Tây thành phố mà vẫn không hề có kết quả nào. Họ đã kiểm tra hàng ngàn thẻ đăng ký tạm trú và đánh thức bảy du khách vô tội là người Anh, không một người nào có hình dạng khớp với bản mô tả của Adam Scott.

Đến tám giờ họ sẽ hết ca trực và có thể về nhà ăn bữa sáng với vợ con, nhưng trước khi đó vẫn còn phải kiểm tra ba khách sạn nữa. Vừa trông thấy họ đi vào hành lang, bà chủ khách sạn đã vội lạch bạch đi từ sau quầy thu tiền ra đón họ. Bà ghé tởm bọn cảnh sát và hơn ai hết bà tin vào điều người ta thường nói “Những con lợn Thụy Sĩ đó còn tệ hại hơn cả quân Đức”. Trong năm ngoái bà đã phải nộp tiền phạt vì cảnh hai lần và một lần còn bị dọa tổng giam vì đã không đăng ký đủ tên khách trọ. Nếu một lần nữa bắt được thì chắc chắn là người ta sẽ rút giấy phép, mà đó là nguồn sống duy nhất của bà. Đầu óc chậm chạp của bà nhớ lại xem những ai đã thuê phòng tối hôm trước. Có tám người đã đăng ký, nhưng hai người trả tiền mặt. Một là anh chàng người Anh chẳng hề mở miệng lấy một lần. Anh ta đăng ký tên Pemberton. Người kia là

Maurice, anh này mỗi lần đến Geneva đều dắt theo một cô gái chẳng lần nào giống lần nào. Bà đã hủy hai tờ khai của họ và bỏ túi số tiền. Maurice và cô gái đã trả phòng lúc bảy giờ sáng, giường của họ đã được làm lại. Nhưng người Anh vẫn ngủ trong phòng.

- Thưa bà, chúng tôi cần kiểm tra đăng ký khách trọ của bà đêm qua.

Bà mỉm cười ấm áp đáp:

-Ồ dĩ nhiên là được thưa các ngài.

Nói rồi vợ sáu tấm các còn lại: hai người Pháp, một người Ý, hai người từ Zurich đến, người còn lại là từ Basle.

- Đêm qua có người Anh nào ở đây không?

Bà chủ khách sạn quả quyết:

- Không. Không có ai là người Anh cả. Suốt một tháng nay không có. Ngài có muốn xem đăng ký tuần trước không ạ?

Viên cảnh sát nói:

- Không, không cần thiết.

Bà ta ủn ỉn cảm ơn.

- Nhưng chúng tôi cần kiểm tra những phòng còn lại. Giấy phép khách sạn của bà có mười hai phòng. Vì thế phải còn sáu phòng trống.

Bà chủ quán nói:

- Không có người ở trong đó đâu ạ. Sáng nay tôi đã kiểm tra lại rồi.

Viên cảnh sát khẳng khẳng:

- Chúng tôi vẫn kiểm tra.

Bà chủ khách sạn cầm chùm chìa khóa và lạch bạch đi lên cầu thang tựa như đó là đỉnh Everest. Bà mở các phòng số năm, bảy, chín, mười một. Phòng Maurice đã được làm lại ngay sau khi anh ta vừa đi khỏi, nhưng chắc chắn bà sẽ mất giấy phép khi họ bước vào phòng số mười hai. Bà cũng chẳng kịp ngừng lại không gõ cửa trước khi tra chìa khóa vào ổ. Hai viên cảnh sát đi vào trong trước khi bà vẫn còn ở ngoài hành lang đề phòng trường hợp có gì phiền toái. Đây không phải là lần đầu tiên bà nguyên rửa sự miễn cảm của cảnh sát Thụy Sĩ.

Viên cảnh sát thứ nhất quay ra hành lang và nói:

- Cảm ơn bà, xin lỗi đã làm phiền.

Anh ta đánh một dấu thập vào tên khách sạn Monarque trong bản danh sách của mình.

Trong khi hai viên cảnh sát đi xuống cầu thang bà chủ khách sạn bối rối bước vào phòng số mười hai. Giường vẫn phẳng phiu tựa như chưa hề có ai nằm vào và không hề có dấu vết gì

chứng tỏ đêm qua ở đây có người ngủ. Bà cố gọi lại trí nhớ mỗi một của mình. Đêm qua bà có say sưa gì đây – còn năm mươi francs trong túi này kia mà. Không hiểu anh ta có thể ở đâu nhỉ.

Suốt một giờ qua Adam nấp sau một toa xe siêu vẹo trên đường ra các khách sạn ít nhất nửa dặm. Từ đây anh có thể quan sát rõ tất cả các hướng trong vòng hàng trăm mét. Anh nhìn dòng người đổ từ bốn hướng đến từ sáng sớm bằng tàu hỏa. Lúc tám giờ hai mươi, nghĩ rằng đã là giờ cao điểm, Adam sờ lại bức tranh Thánh trong túi và rời nơi ẩn náu để hòa vào dòng người đang hối hả đi đến nhiệm sở. Anh dừng lại một quán báo để mua một tờ báo. Tờ báo tiếng Anh duy nhất phát hành vào giờ này là tờ *Heral – Tri bune*: Báo từ London sẽ chỉ đến bằng chuyến bay thứ nhất trong ngày nhưng người ta chuyển tờ *Heral – Tri bune* từ Paris đến bằng tàu hỏa. Anh còn mua thêm hai thứ nữa trước khi hòa lại vào dòng người: một tấm bản đồ Geneva và một thanh socola Nestle lớn.

Còn vô khối thời gian để giết trước khi có thể đến trình diện tại Lãnh sự quán. Chỉ liếc nhìn qua tờ bản đồ đã có thể thấy ngôi nhà sẽ là nơi trú ẩn tiếp theo của mình. Anh tiếp tục chọn đường đi sao cho có thể tiếp tục ở một nơi có đông người. Tới một quảng trường Adam tiếp tục đi dưới vòm mái bằng vải bạt của dãy cửa hàng theo một đường vòng thật xa, luôn luôn tránh những chỗ trống trải. Như vậy mất rất nhiều thời gian như tính toán của anh hoàn toàn chính xác. Adam đến được cửa chính của tòa nhà đúng lúc hàng trăm người kính chúa đang rời khỏi buổi lễ sáng.

Vào đến bên trong anh cảm thấy mình được an toàn. Notre Dame là Nhà thờ Thiên chúa giáo lớn nhất thành phố và Adam có thể yên thân được một lúc ở đây. Anh đi chậm rãi giữa hai hàng ghế tiến về phía nhà nguyện, bỏ mấy đồng xu vào hòm công đức, châm một ngọn nến và cắm nó vào chiếc chân đèn dưới chân tượng Đức Mẹ Đồng Trinh. Sau đó anh quỳ xuống nhưng không nhắm mắt. Là một tín đồ Thiên chúa giáo trẻ nải, anh không còn tin vào Chúa nữa – trừ những lúc ốm đau, hoảng sợ hay ở trên máy bay. Khoảng hai mươi phút sau Adam đã bót căng thẳng và nhận thấy chỉ còn lại rất ít người trong nhà nguyện. Có mấy bà già mặc áo đen ngồi ở hàng ghế trước tay lần tràng hạt miệng ngân nga: “*Ave Maria, gratia plena, Domine teum, Benedicta...*” Mấy du khách đang ngẩn cổ ngắm mái vòm tuyệt đẹp, mắt ngược lên trên.

Adam chậm rãi đứng lên mắt đảo bốn phía. Anh duỗi chân và bước đến bụi xung tội khuất sau một cái cột. Một dấu hiệu nhỏ trên cái bệ gỗ cho thấy không có ai trong đó. Adam lên vào, ngồi xuống và kéo rèm đóng lại.

Đầu tiên anh lấy tờ *Herald – Tribune* trong túi áo khoác ra, sau đó là thanh socola. Anh xé tờ giấy bạc và ăn ngấu nghiến. Sau đó bắt đầu tìm bài báo. Chỉ có vài mẫu tin về nước Anh trên trang nhất, trong khi hầu hết các bài còn lại đề cập đến những chuyện đang xảy ra ở Mỹ. Một dòng tít viết: “*Đồng bằng Anh vẫn ở mức cao với tỉ giá 2,8 đô la ăn một*”. Adam đưa mắt qua các

dòng tít nhỏ khác cho đến khi tìm thấy mẫu tin đang tìm. Nó nằm ở góc dưới bên trái: “*Một người Anh đang bị truy tìm sau vụ giết cô gái Đức và một lái xe taxi người Thụy Sĩ*”. Adam đọc bài báo và chỉ khi đọc thấy người ta biết rõ tên họ mình anh mới bắt đầu run lên bần bật.

“Đại úy Adam Scott, người vừa từ chức khỏi Trung đoàn Hoàng gia Wessex được yêu cầu... xin xem tiếp trang mười lăm”.

Adam lật sang trang sau. Việc này chẳng mấy dễ dàng bởi vì anh đang ngồi trong một cái bọc xung tội nhỏ tí.

“... đến để trả lời trước cảnh sát Geneva về những việc liên quan đến...”

- *Au nom du Père, du Filis et du Saint Esprit.*

Adam giật mình nhìn lên khỏi tờ báo. Nhưng thói quen đã ăn sâu từ nhỏ khiến anh bật lên nói như máy:

- Thưa cha, xin cha giải tội cho con bởi vì con có tội và muốn được sám hối.

Vị cha cố nói bằng một giọng không có trọng âm nhưng là một thứ tiếng Anh rất rõ ràng:

- Được lắm, con của ta. Vậy tội lỗi của con như thế nào?

Adam nghĩ nhanh: Không thể nào để cho ông ta biết một dấu vết gì của mình. Anh nhìn qua khe hở của bức rèm và hoảng hốt nhìn thấy hai cảnh sát đang hỏi một vị cha cố khác ở cửa phía tây. Anh kéo rèm lại và nói bằng một giọng cố khác với giọng mình:

- Con từ Dublin đến, thưa Cha, và đêm qua con đã gặp một cô gái địa phương ở quán rượu và đem cô về khách sạn.

- Được, con trai của ta.

- Vâng, thưa cha, rồi chuyện này lại dẫn đến chuyện khác.

- Chuyện khác là chuyện gì, con của ta?

- Vâng, con đã dẫn cô ta lên phòng.

- Được, rồi sao nữa?

- Rồi cô ta bắt đầu cởi sống áo.

- Sau đó chuyện gì xảy ra nữa?

- Cô ta bắt đầu cởi sống áo cho con.

- Con có cố gắng cưỡng lại không, con trai ta?

- Có, thưa Cha, nhưng mỗi lúc một khó khăn hơn.

Vị Cha cổ hỏi:

- Và thế là tội lỗi xảy ra?

Adam nói:

- Con rất tiếc, thưa Cha. Con đã có vợ và hai con, Seamus và Maureen.

- Con phải quên đêm đó đi.

- Thưa Cha, con mong được như vậy.

- Việc đó đã bao giờ xảy ra chưa?

- Chưa, thưa Cha. Đây là lần đầu tiên con ra nước ngoài một mình. Con xin thề như vậy.

- Con trai ta, hãy lấy đây làm một bài học và có thể Chúa sẽ nhân từ tha thứ cho con tội lỗi ghê tởm ấy. Con hãy làm dấu sám hối đi.

- Ôi lạy Chúa tôi...

Khi Adam làm dấu sám hối xong, Cha cổ đọc lời giải tội và anh phải sám hối bằng cách đọc ba chương Kinh thánh.

- Ngoài ra còn một điều nữa.

- Dạ thưa Cha?

- Về đến Ireland con phải nói với vợ con mọi chuyện, nếu không con sẽ không được tha thứ. Con trai ta, con phải hứa với ta như vậy.

Adam hé rèm để kiểm tra động tĩnh lần nữa. Không thấy hai viên cảnh sát đâu. Anh hứa:

- Bao giờ gặp vợ con, con xin kể cho cô ấy tất cả những gì đã xảy ra đêm qua, thưa Cha.

- Tốt. Và hãy tiếp tục cầu nguyện Bleesed lady để người che chở cho con khỏi sự quyến rũ của quỷ dữ.

Adam gấp tờ báo lại nhét vào túi áo khoác, ra khỏi cái bọc nhỏ và ngồi vào một chiếc ghế cuối hàng đầu và cúi đầu bắt đầu cầu nguyện. Vừa cầu nguyện anh vừa giở tấm bản đồ Geneva và bắt đầu nghiên cứu kế hoạch định đường đi. Lúc đọc đến câu "Xin che chở chúng con khỏi quỷ dữ thì anh đã xác định được sứ quán Anh nằm ở góc xa của một công viên rộng hình vuông. Adam ước lượng nó cách nhà thờ này khoảng một dặm nhưng phải vượt qua bảy con phố và một đoạn cây cầu trước khi đến được nơi ẩn náu an toàn. Adam quay lại quỳ trước nhà nguyện Đức Mẹ Đồng trinh và nhìn đồng hồ. Lúc này rời Thánh Peter thì còn quá sớm nên anh còn quỳ hai hai tay ôm đầu thêm ba phút nữa, ôn đi ôn lại đường đi. Một nhóm khách du lịch đang đi vào nhà thờ. Adam nhìn không rời mắt đám người đó trong khi họ đi mỗi lúc một gần đến cửa chính ở phía tây dãy ghế. Cần phải ước lượng thời gian thật chính xác.

Bất chợt Adam đứng dậy và bước nhanh về cuối dãy ghế để đi ra cổng, cách đám du lịch không đầy một mét. Anh đi lẫn trong họ để được che chở khi băng qua quảng trường rồi chui qua một vòm hành lang của một cửa hiệu để vòng qua ba cạnh của công viên để tránh viên

cảnh sát đang đứng trực ở góc phía bắc. Anh băng qua phố thứ nhất, khi đèn đỏ bật lên thì rẽ vào một đoạn phố một chiều, vẫn tiếp tục đi trên vỉa hè và biết rằng đến cuối đường sẽ phải rẽ sang tay trái. Hai cảnh sát mặc thường phục xuất hiện và bước thẳng về phía anh. Adam nhảy đại vào cửa hiệu đầu tiên và đứng quay lưng ra ngoài.

Một cô gái nói:

- *Bonjour, Monsiuer*. Ngài muốn mua gì ạ?

Adam nhìn quanh. Những manequin đủ màu từ da đen đến da đỏ mặc đồ lót và đi tất ny lon dài đến tận đầu gối đứng hàng dãy quanh anh.

- Tôi muốn mua một món quà cho vợ tôi.

Cô gái mỉm cười gợi ý:

- Váy lót được không ạ?

Adam nói:

- Vâng có lẽ nên mua váy lót thật. Cô có màu rượu vang thắm không?

Anh nhìn hai viên cảnh sát đi ngang qua cửa.

- Tôi nghĩ là có đấy ạ. Nhưng tôi phải xem lại trong kho đã.

Cô gái chưa kịp mang “món đồ nhỏ” đến thì Adam đã đến được chỗ rẽ tiếp theo.

Anh đi được mấy phút nữa mà không có chuyện gì xảy ra. Còn khoảng hai trăm mét cuối cùng, tim anh đập thình thịch như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Ở góc phố cuối cùng chỉ thấy có một cảnh sát đứng canh và có vẻ như anh ta chăm chú nhìn về phía có đông người qua lại. Adam đứng quay lưng về phía viên cảnh sát, lúc này khu vườn trên bản đồ trông vuông vắn như vậy chỉ còn là một dải xanh rì. Phía bên khu vườn anh nhìn thấy lá cờ của Liên hợp quốc treo trước một cánh cửa màu xanh da trời. Không bao giờ được chạy khi chỉ còn những mét cuối cùng, đặc biệt nếu đó lại là một khoảng trống – điều đó anh được học nhờ những ngày hành quân trong rừng rậm ở Malaysia. Anh băng qua đường và đứng ở một góc khu vườn nhỏ chỉ cách tòa nhà lãnh sự quán khoảng năm mươi mét. Một viên cảnh sát đi ngược lại dãy phố, hình như anh ta không có chủ định gì. Nhưng Adam đoán đó là vì đoạn phố này có rất nhiều sứ quán nằm liền kề bên nhau. Anh quan sát viên sĩ quan thận trọng: anh ta chỉ mất có hai phút để đi một vòng từ đầu này đến đầu kia quãng phố sau đó lại uể oải đi ngược lại. Adam nấp sau một thân cây trong vườn, chỉ cách cửa trước Sứ quán có vài chục mét, cái cây che không cho viên cảnh sát nhìn thấy anh trong lúc đi ngược lại. Adam ước lượng nếu với tốc độ đã tính toán và không gặp trở ngại gì thì anh có thể vượt nốt ba mươi mét cuối cùng trong vòng chưa đến mười giây. Anh chờ cho viên cảnh sát đi tới đầu đường kia phố.

Adam kiểm tra lại cổng Sứ quán một lần nữa, nhẹ người khi nhìn thấy một cô gái đi vào và một người đàn ông xách cặp đi ra khỏi cửa. Dường như không có người gác đứng trong cánh cửa vẫn mở một nửa kia. Anh lại nhìn lên cửa sổ trên tầng một, có hai người đàn ông đang nhìn ra công viên tựa như đang sốt ruột chờ ai đó sắp tới. Chắc Lawrence đã thu xếp được. Adam kéo cổ áo khoác đứng lên và chuẩn bị sẵn sàng khi nghe thấy tiếng chuông đồng hồ trên nóc

nhà thờ điểm mười một tiếng. Lúc này viên cảnh sát cách điểm xa nhất của đoạn phố khoảng vài mét nhưng vẫn còn đang đi ở hướng ngược lại. Adam đi băng qua đường với bước chân đã được tính toán kỹ. Đến giữa đường anh chợt phải đứng lại để tránh một cái xe chạy qua. Viên cảnh sát đã quay lại để bắt đầu lượt đi mới.

Adam đứng im không động đậy giữa đường mất đến mấy giây, nhìn sang cái cây đã chọn để làm cái mộc che khuất cho mình nếu viên cảnh sát quay lại trước khi anh đến được cửa Sứ quán. Anh bước một bước rất tự tin về phía Sứ quán Anh. Một người đàn ông với thân hình như vận động viên, tóc vàng nhạt ngắn cũn cỡn mọc lởm chởm trên đầu đang bước ra đón anh.

Adam suýt không nhận ra hắn nếu không nhờ đôi mắt.

*

* *

PHẦN HAI

SỐ 10 - PHỐ DOWNING - LONDON SW1

Ngày 17 tháng Sáu năm 1966

CHƯƠNG 12

SỐ 10 PHỐ DOWNING

LONDON SW1

Ngày 17 tháng Sáu năm 1966

Khi Sir Morris Youngfield từ biệt Thủ tướng, ông ta vẫn không hình dung nổi tại sao việc sở hữu một bức tranh Thánh nào đó lại có tầm quan trọng ghê gớm đến thế. Rồi nhà số 10, Sir Morris Youngfield đi nhanh vào sân trong của tòa nhà của Bộ Ngoại giao, chỉ mấy giây sau ông đã bước ra khỏi buồng thang máy ở tầng bảy. Về đến văn phòng ông thấy bà thư ký Tessa đã bày sẵn một số giấy tờ trên bàn. Ông nói với người phụ nữ đã làm việc trung thành với mình trong suốt mười bốn năm qua: _ Tôi cần triệu tập D4 ngay lập tức. Và yêu cầu cả trung tá Busch tham gia nữa. Tess hơi nhướn mày nhưng Sir Morris bỏ qua câu hỏi không nói ra của bà, bởi vì ông biết mình sẽ không thể nào điều tra ra vụ này nếu không có sự hợp tác với người Mỹ. Một lần nữa Sir Morris cân nhắc lại gợi ý của Thủ tướng. Harold Wilson đâu có cần phải giải thích rằng ông ta không hề nhận được chừng nấy cú điện thoại của Lyndon Jonson yêu cầu giúp đỡ. Nhưng tại sao lại là một bức tranh Thánh của Nga vẽ về một vị thần của nước Anh. Trong khi Ramanov bước về phía anh, Adam bước lùi khỏi đường tàu điện để cho một toa tàu điện chạy ngang qua họ. Khi toa tàu điện đi khỏi thì đã không thấy Adam đâu nữa. Ramanov học lên vì cú lừa dễ dàng đó, hấn chạy theo phải hơn hai mươi mét mới đuổi kịp chiếc tàu điện và nhảy lên trước sự kinh ngạc của hành khách ngồi trên tàu và bắt đầu nhìn vào tận mặt từng người. Adam chờ cho chiếc tàu điện chạy được khoảng hai mươi mét nữa mới nhô ra từ phía sau một cái cây bên kia đường. Anh tin rằng mình có thể đến được cửa Sứ quán một cách an toàn trước khi tên giết Heidi trở lại. Anh nhìn sang bên kia đường và thầm văng tục. Viên cảnh sát đi tuần bây giờ chỉ cách cổng Sứ quán có khoảng vài mét. Adam quay lại nhìn một toa tàu điện khác chạy ngược chiều với toa tàu lúc nãy và lao thẳng về phía mình, anh thất vọng nhìn thấy đối phương đang nhảy trên nóc các toa tàu với những bước nhảy của một kiện tướng thể dục. Cộng với viên cảnh sát lúc này chỉ còn cách cổng Sứ quán vài mét, Adam không còn cách nào khác là quay lại lùi nhanh vào con phố một chiều. Đi được khoảng năm mươi mét anh ngoái lại nhìn về phía sau. Gã đàn ông mà anh chỉ biết là đội cái tên Rosenbaum đang chạy đuổi theo, không còn chút dáng vẻ gì của một gã già nữa. Adam nhảy giữa những chiếc xe con và xe du lịch, anh khéo léo né tránh các khách bộ hành và cố kéo dài khoảng cách giữa hai người. Qua ngã tư đầu tiên anh nhìn thấy một bà già lụm cụp đi ra khỏi một buồng điện thoại cách đó vài mét. Adam nhanh chóng đổi hướng chạy và nhảy vào buồng điện thoại không người, đứng khụy chân nép vào góc sâu tít bên trong. Cánh cửa chậm chạp đóng lại.

Rosenbaum chạy vọt qua ngã tư khoảng hai mươi mét mới nhận ra Adam vừa nhảy vọt ra khỏi buồng điện thoại và chạy theo hướng ngược lại. Chắc chắn Rosenbaum sẽ phải mất ít nhất năm giây nữa mới định hướng anh chạy về phía nào. Một, hai, ba, bốn, năm. Anh vừa đếm vừa chạy dọc phố. Sau đó anh nhìn sang bên phải và nhảy tới ba bước nữa, đẩy bừa một cánh cửa bước vào. Adam thấy đứng trước một bàn quầy nhỏ, ngồi phía sau quầy là một cô gái trẻ tay cầm một xấp tiền. Cô gái nói: - Hai francs, thưa ngài. Adam nhìn cái quán bán vé nhỏ xíu, vội vã lấy ra hai đồng francs và đi vào một lối hành lang tối om, tiếp đó là hai cánh cửa nữa. Anh đứng cuối phòng một lúc chờ cho mắt quen thuộc được với bóng tối. Đó là buổi chiều đầu tiên trong ngày và rạp gần như không có người. Adam chọn một chiếc ghế ở cuối dãy, khoảng cách từ đó đến được hai lối cửa ra bằng nhau.. Anh nhìn lên màn ảnh, lấy làm may mắn vì bộ phim chỉ bắt đầu vì anh cần một khoảng thời gian để sắp đặt kế hoạch. Khi ánh sáng trên màn ảnh hắt xuống đủ sáng, anh cúi xuống xem lại ranh giới màu đỏ trên tấm bản đồ, sau đó lấy đầu ngón tay là thước anh đã có thể ước lượng được là biên giới gần nhất để sang được Pháp cách đây tám dặm, đó là cửa khẩu Ferney – Voltaire. Từ đó anh có thể đi qua Dijon đến Paris và trở về nhà nhanh chóng. Sau khi quyết định được đường đi, vấn đề tiếp theo đặt ra cho Adam là sẽ đi bằng cách nào. Anh bỏ qua mọi phương tiện giao thông công cộng và quyết định sẽ thuê một chiếc xe. Sau đó anh tiếp tục ngồi trong rạp phim suốt giờ giải lao để kiểm tra kỹ lại một lần nữa. Khi Paul Newman xuất hiện trở lại trên màn ảnh, Adam gấp tấm bản đồ lại và rời khỏi rạp bằng cửa ra, ít nhất suốt bốn giờ qua không hề có ai đi ra khỏi đó bằng cánh cửa này. Khi Sir Morris bước vào phòng họp để dự cuộc họp của Cục Bắc Âu, ông thấy những thành viên còn lại của nhóm D4 đã có mặt đầy đủ, họ đang đọc những tập hồ sơ vừa được chuyển đến cách đó một giờ. Ông liếc nhìn quanh bàn và nhóm cộng tác D4 đã được đặc biệt lựa chọn, nhưng ông chỉ thấy trong đó có một người là thích hợp với công việc. Đó không phải là Alee Snell, con ngựa chiến già đã làm việc ở Bộ Ngoại giao lâu hơn bất cứ người nào có mặt ở đây hôm nay, lúc này đang hồi hộp vênh hàng rìa chờ Sir Morris ngồi vào ghế. Bên cạnh ông ta là Brian Matthews, nổi tiếng trong Cục là người luôn giữ được cân bằng, một thư sinh với chiếc áo độn hai vai thẳng đơ. Đối diện anh ta là Trung tá Ralph Busch, đại diện của CIA, người được đánh giá là Ảng lê hơn cả người Ảng lê – sau năm năm công tác ở Sứ quán Mỹ tại Anh. Thậm chí anh ta còn bắt chước cả lối ăn mặc của nhân viên Bộ Ngoại giao Anh để chứng tỏ nhận xét trên là đúng. Còn ở cuối bàn là phụ tá thứ hai của Sir Morris. Có vài ý kiến cho rằng người này có hơi quá trẻ một chút, mặc dầu có lẽ không một ai trừ Tessa nhớ rằng Sir Morris đã đảm nhiệm nhiệm vụ này từ hồi trạc tuổi anh ta. Sau khi Sir Morris ngồi xuống chiếc ghế cuối bàn, bốn thành viên của nhóm thôi không bàn tán nữa. Sir Morris bắt đầu nói: - Thưa các ông – người phụ nữ duy nhất có mặt trong cuộc họp là Tessa, nhưng gần như ông ta không bao giờ nhận biết sự có mặt của bà – Thủ tướng đã giành cho nhóm D4 một sự quan tâm rất to lớn. Thủ tướng yêu cầu cứ mười hai giờ một lần chúng ta gửi báo cáo chi tiết về cuộc điều tra. Và bất cứ lúc nào, dù cho bất cứ Thủ tướng đang ở đâu nếu có sự kiện bất thường nào cũng phải báo cáo ngay. Vì thế, như các ông thấy đó, không thể nào bỏ phí thời gian. Nhóm D4 đặc biệt này còn có cả trung tá Ralph Bursh, người của CIA tham gia. Tôi đã làm việc với trung tá Bursh nhiều lần trong năm năm qua và tôi rất vui mừng vì Đại sứ quán Mỹ đã chọn ông ta để đại diện cho họ. Người đàn ông ngồi bên tay phải Sir Morris hơi cúi đầu chào. Với chiều cao gần một mét tám và đôi vai rộng cuồn cuộn bắp thịt trông ông ta giống hệt người thủy thủ trên bao thuốc là Player. Thực tế thì nói ông ta trông như một thủy thủ cũng không có gì sai lắm, bởi vì Bucsh đã

từng là một thuyền trưởng trong Chiến tranh Thế giới thứ hai. Sir Morris mở tập hồ sơ trước mặt ra và nói tiếp: - Theo những báo cáo mới nhất mà tôi vừa nhận được, có vẻ như sáng nay Adam Scott không đến được Sứ quán mặc dầu chúng ta đã yêu cầu cảnh sát đặt lực lượng túc trực trong vòng hai trăm mét quanh sứ quán. Sir Morris nhìn vào một tờ giấy trước mặt và nói: - Theo nguồn tin hôm nay, Hãng Hàng không Anh khẳng định rằng lúc đang ở sân bay thì Scott nhận được một chú điện của ngân hàng Roget et Cie. Nhờ áp lực rất mạnh từ Sứ quán Anh và Interpol, ông Roget, chủ ngân hàng mới cho biết mục đích của Scott đến ngân hàng là để nhận một vật không rõ là gì do ngài Emmanuel Róenbaum để lại. Những điều tra sau đó cho thấy sáng hôm qua có một ngài Rosenbaum đến Zurich và chiều hôm qua lại tiếp tục bay qua Geneva. Sáng hôm nay hẳn đã rời khỏi khách sạn và sau đó dường như đã biến mất khỏi mặt đất. Tất cả những điều đó có lẽ sẽ không có gì đáng chú ý, nếu như tên Rosenbaum này không bay đến Zurich – Sir Morris không khỏi dừng lại một chút để tăng sự bất ngờ - từ Moscow. Lawrence Pemberton ngồi ở cuối bàn ngược mắt nhìn lên và bắt đầu nói:

- Ngài Morris, vì cuộc họp sáng nay của chúng ta, tôi đã nói chuyện với em gái và mẹ của Scott. Tôi cũng đã nói chuyện với một hãng luật ở Appleshaw là hãng thực hiện di chúc của cha anh ta. Tôi được biết rằng ngoài những thứ không có gì quan trọng lắm. Adam được di chúc lại một chiếc phong bì, mà mẹ anh ta nói trong đó có một bức thư của Reichsmarshal Hermann Goering.

Có tiếng rì rầm nổi lên quanh bàn, cho đến khi Sir Morris phải gõ tay xuống bàn để lấy lại trật tự. Ông hỏi: - Chúng ta có biết gì về nội dung bức thư của Goering không? - Thừa ngài, cả bức thư thì không. Nhưng một trong những người vừa được chúng ta phỏng vấn – ông Nicholas Wainwright – đã được Scott nhờ dịch hộ một đoạn mà giờ đây chúng ta có thể tin rằng đó là một đoạn của bức thư đó. Bởi vì sau đó ông Wainwright có hỏi hội đồng phỏng vấn rằng đó có phải là một trong những bài kiểm tra đối với ông ta không. Lawrence lấy một mẫu giấy trong tập hồ sơ trước mặt và đọc to đoạn văn: “Trong năm qua chắc ông không khỏi nhận thấy một trong những người gác vãn chuyển cho tôi những điều xì gà Havana – một trong những niềm vui ít ỏi mà tôi vẫn được phép – mặc dầu tôi đang bị tù. Những điều xì gà đó cũng có mục đích riêng của nó nữa, bởi vì mỗi điều chứa một viên thuốc con nhộng nhỏ bé chứa một lượng nhỏ chất độc. Đủ để cho tôi thoát khỏi cái án dành cho mình, mặc dầu hiển nhiên là tôi đã bị kết án tử hình...”. Sir Morris hỏi: - Có vậy thôi ư? Lawrence nói: - Rất tiếc là như vậy. Tuy vậy tôi tin rằng lý do Scott đến Geneve là những điều anh ta đã nói với tôi. Theo tôi thì nhất định cái gói mà anh ta đến để nhận chính là đựng bức tranh Thánh George và Con Rồng do Goering đã để lại cho cha anh ta. Matthews cắt lời: - Bức tranh Thánh George và Con Rồng? Nhưng đó chính là bức tranh Thánh mà suốt hai tuần vừa qua có tới một nửa nhân viên phản gián Nga đang đổ đi tìm, và chính Cục chúng tôi cũng đang cố gắng tìm hiểu lý do tại sao. Sir Morris hỏi: - Và các ngài đã biết được những gì? Matthews thừa nhận: - Rất ít. Nhưng chúng tôi bắt đầu cho rằng đó chỉ là một miếng mồi dử bởi vì bức tranh Thánh George và Con Rồng của Sa hoàng vẫn được treo ở Cung điện Mùa đông, như nó vẫn được treo ở đó trong suốt ba trăm năm nay. Sir Morris hỏi: - Còn điều gì nữa không? Matthews nói:

- Duy nhất một điều nữa là người lãnh đạo việc tìm kiếm bức tranh Thánh đó là Alex Romanov. Snell huýt khê một tiếng: - Được, ít nhất cũng biết được là chúng ta đang có chuyện

với Cục I của họ. Tất cả im lặng hồi lâu, cuối cùng Sir Morris lên tiếng: - Có một điều rõ ràng. Đó là chúng ta phải tìm được Scott trước. Và giả định là chúng ta đang đương đầu với Romanov. Vậy thì cần phải làm gì bây giờ? Lawrence nói: - Làm tất cả những gì có thể. Cùng với người Mỹ, chúng ta có tất cả mười bảy người ở Geneva, tất cả đều đang cố gắng tìm Scott. Snell nói: - Hàng ngàn cảnh sát Thụy Sĩ cũng đang làm việc đó, mặc dầu có trời biết là họ đứng về phía nào. Lawrence nói: - Và hầu như không thể làm cho họ tin rằng Scott không đời nào phải chịu trách nhiệm về hai vụ giết người đó. Vì thế, có thể chúng ta sẽ phải tìm được anh ta mà không có sự giúp đỡ từ phía họ. Matthews hỏi: - Nhưng các ngài nghĩ sao nếu như Ramanov, hoặc Rosenbaum, sẽ tìm ra Scott trước chúng ta? Trung tá Busch nói: - Một người có vỏ bọc dân sự nào đó có quan hệ chặt chẽ với một trong những điệp viên Nga tàn ác nhất. Đó là tất cả những gì chúng ta cần. Lawrence nghiêng đầu về phía người Mỹ: - Tôi biết Adam Scott rất lâu rồi, hầu như từ hồi còn nhỏ. Chính vì phẩm chất cứng rắn tuyệt vời trong mọi tình huống của Scott, mà tôi đã đề nghị cho anh ta được phỏng vấn để chọn vào Cục Bắc bán cầu của Bộ Ngoại giao, điều này Scott không hề biết. Ý định của tôi là anh ta sẽ được nhận vào Cục ngau sau khi kết thúc thời gian tập sự. Nếu như Ramanov hay bất cứ đồng sự nào của hắn chạm trán với Scott thì tốt hơn cho hắn hãy nhớ rằng Scott đã được tặng thưởng Huân chương Anh dũng vì đã chiến đấu dũng cảm với hàng ngàn quân Trung Hoa. Snell hỏi: - Nhưng nếu đó chính là Ramanov thì liệu Scott có thể giết được hắn không? Lawrence nói: - Có lẽ nếu như Rosenbaum không giết bạn gái của anh ta thì tôi sẽ nói là không. Busch nói: - Kể cả như vậy tôi cũng khó tin tưởng được là anh ta sẽ có thể hạ được Romanov. Matthews nói: - Tôi cũng vậy. Lawrence nói: - Đó là vì các ông không biết Adam Scott. Matthews nhìn xuống để tránh cái va chạm với cấp trên của mình. Cấp trên. Kém ông ta hàng chục tuổi. Một trong hai người được đề cử vào chức vụ trợ lý Bộ trưởng, mặc dầu người ta đã chọn một người khác tốt nghiệp trường Oxbridge vào chức vụ đó. Matthews cũng biết rõ như Bộ Ngoại giao đã nhận xét rằng ông ta đã chọn nhầm trường đại học. Lẽ ra ông ta nên nghe theo lời khuyên của cha mình và tham gia ngành cảnh sát. Ở ngành đó không hề có một rào chắn về đẳng cấp và lẽ ra lúc này ông ta đã có thể là một Cảnh sát trưởng rồi. Sir Morris không chú đến cuộc tranh cãi nhỏ đó. Những cuộc tranh cãi như vậy thường xảy ra luôn kể từ khi ông ta chọn Pemberton để đề bạt vượt qua Matthews mặc dầu Matthews lâu năm hơn. Snell nhìn thẳng vào Búch và nói chen vào: - Chúng tôi có thể được biết vì sao một bức tranh Thánh bình thường lại trở nên vô cùng quan trọng đến như vậy với cả hai nước Mỹ và Nga không? Người Mỹ nói: - Chúng tôi cũng thấy lạ chẳng kém gì các ông. Tất cả những gì tôi có thể bổ sung vào các thông tin cho các ông là hai tuần trước đây người Nga đã gửi đến để ký gửi ở New York một đồng vàng trị giá bảy trăm hai mươi triệu đô la, mà không hề đưa ra lời giải thích. Tất nhiên là cho đến lúc này chúng tôi chưa chắc chắn là hai sự việc đó có liên quan gì đến nhau. Sir Morris nói: - Bảy trăm hai mươi triệu đô la? Với số tiền đó các ông có thể mua một nửa nước Mỹ. Matthews nói thêm: - Và tất cả mọi bức tranh Thánh từng được vẽ trên đời. Sir Morris quay sang nhân vật Số Hai của mình: - Hãy tiếp tục xem chúng ta thực tế biết được những gì và thôi không ngồi đó mà phỏng đoán nữa. Chính xác IA đi đến đâu rồi? Lawrence mở cặp hồ sơ có buộc một sợi dây đỏ. Trên đầu trang nhất có in hai chữ Hành động Tức thời (IA) bằng chữ đen. Anh không cần phải dùng đến tập hồ sơ nhưng vẫn thỉnh thoảng liếc vào đó để kiểm tra xem mình có quên điều gì không. - Như tôi đã báo cáo tóm tắt với các ông, chúng ta có mười bảy người tại Geneva và người Mỹ đang gửi thêm hai người nữa bay sang đó ngày hôm nay. Với người Mỹ và người Thụy Sĩ đang sục sạo khắp thành phố như

những hiệp sĩ đi tìm thánh tích vậy, thì tôi chỉ có thể hy vọng rằng một ai trong số người của chúng ta có thể kịp tìm ra Scott trước bọn kia. Một trong những khó khăn lớn nhất của chúng ta, như tôi đã giải thích trên đây là cảnh sát Thụy Sĩ không muốn hợp tác. Theo họ thì Scott là một tên tội phạm hình sự thông thường, do đó nếu họ tìm được anh ta trước thì họ sẽ tuyên bố rõ ràng là anh ta không được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao. Lawrence nói tiếp: - Chúng ta, cũng như người Thụy Sĩ và chắc chắn là cả người Nga cũng vậy đều đã tìm ở tất cả những nơi dễ thấy nhất như: khách sạn, nhà khách, tiệm ăn, sân bay, các hãng cho thuê xe con, thậm chí cả các nhà vệ sinh và hiện nay vẫn giữ liên lạc với tất cả các điệp viên. Vì thế nếu đột nhiên Scott xuất hiện thì chúng ta sẽ có thể giúp đỡ anh ta ngay từ phút đầu. Lawrence ngược lên và nhìn thấy một người trong đang cầm cúi ghi lại mọi chi tiết và nói: - Thêm vào đó Bưu điện sẽ kiểm tra tất cả các cú điện gọi cho Ngân hàng Barclays từ Geneva. Nếu Scott cố gắng tiếp xúc lại với tôi ở ngân hàng, hoặc ở căn hộ thì người ta sẽ nổi cho văn phòng này ngay lập tức. Snell đặt một tay lên mái tóc đen, hỏi: - Anh ta có biết ông làm ở Bộ Ngoại giao không? - Không, cũng như mẹ tôi, anh ta vẫn tưởng tôi làm nhân viên của Phòng Quốc tế ở ngân hàng Barclays. Nhưng chẳng bao lâu nữa anh ta sẽ phát hiện đó chỉ là một vỏ bọc. Khác với mẹ, không phải lúc nào Adam cũng tin tất cả mọi chuyện tôi nói, và sau cuộc nói chuyện đêm qua anh ta tỏ ra đã bắt đầu nghi ngờ. Sir Morris nhìn Lawrence, hỏi: - Còn việc gì nữa không? - Lúc này không có gì hơn nữa, thưa ngài. Chúng ta đã làm tất cả những gì có thể. Xin nhớ rằng đây không phải là trận đấu trên sân nhà. Nhưng tôi tin rằng mọi chuyện sẽ tiến triển theo cách này hoặc cách khác trong vòng hai tư giờ tới. Vì thế, tôi đã yêu cầu đem tới tất cả những gì các ông có thể cần đến để ngủ đêm ở trong toà nhà này. Sau khi đi ăn tối về sẽ có đầy đủ giường, chiếu chuẩn bị sẵn trong văn phòng cho các ông. Sir Morris nói: - Tối nay sẽ không ai đi ra ngoài để ăn tối. Cửa rạp chiếu bóng mở ra một hè phố đông đúc, Adam lủi vào dòng người đông đúc, lúc này đang giờ mọi người trở về nhà để ăn tối. Trong khi bước đi anh cố gắng để không quay đầu nhiều một cách không bình thường nhưng mắt thì luôn nhìn quanh kiểm tra tất cả mọi chi tiết trong vòng một trăm tám mươi độ. Sau khi đi hết ba quãng phố, Adam nhìn thấy ở cuối đường một tấm biển Hàng không màu đỏ đang đung đưa trong làn gió nhẹ chiều hôm. Anh đi lẫn trong dòng người đông đúc để qua đường một cách an toàn, nhưng khi vừa đặt chân lên hè phố bên kia anh bỗng sợ cứng cả người. Một bóng người khoác áo mưa đứng ngay trước mặt anh, ngay giữa dòng xe cộ vun vút. Hắn đang nhìn quanh và không hề tỏ ý định bước sang hướng nào khác. Đó là một người của Rosenbaum, một cảnh sát hay là người của quân Anh? Không hề có một dấu hiệu nào chứng tỏ hắn là người của bên nào. Adam dán mắt nhìn trong khi hắn rút ra một cái máy bộ đàm ra ấn lên miệng nói thì thào vào ống nghe: "Không có gì để báo cáo cả, thưa ngài. Vẫn không thấy người đó đâu và tôi cũng không thấy người nào của USA cả". Không nghe thấy hắn nói gì, Adam ngoắt vội sang một hướng khác, suýt đâm sầm vào một thằng bé bán báo. Một dòng tít chạy suốt trang đầu: "Le soldat anglais toujours à Genève" (1). Anh nhanh chóng bước qua một phố nữa rồi dừng lại, lần này nấp sau một pho tượng bằng đá cẩm thạch giữa một ô cỏ nhỏ. Adam nhìn tòa nhà trước mặt nhưng biết rằng có náu vào đó cũng chẳng ích gì. Anh sắp sửa quay đi thì một chiếc xe khách lớn vắng tanh xịch đến và đỗ trước sân tòa nhà. Hàng chữ lớn màu xanh chạy ngang thân xe cho thấy đó là "Dàn nhạc giao hưởng Hoàng Gia". Adam nhìn những nhạc công bước khỏi cổng chính và trèo vào xe, lĩnh kính đầy những túi đựng nhạc cụ dài ngắn đủ cỡ. Thậm chí một người còn đeo một bộ trống to tướng và để vào hòm xe. Trong khi các nhạc công vẫn lục tục ra khỏi khách sạn, Adam quyết định không

thể nào có một cơ hội khác tốt hơn nữa. Khi tốp nhạc công thứ hai đi tới cánh cửa đôi, Adam bước nhanh tới và đi lẫn vào giữa đám bọn họ mà không bị một ai nhận ra. Vật đầu tiên anh nhìn thấy khi bước vào phòng là một cây đàn công tơ bass lớn đặt dựa vào tường. Anh liếc nhìn dòng tên thêu trên miệng túi, “Robin Beresford”. Adam đi vội tới bàn lễ tân và ra hiệu cho người nhân viên: - Tôi cần chìa khóa phòng ngay. Tôi để quên cây mã vĩ trên gác làm mọi người muộn mất. - Vâng thưa ngài, phòng số mấy ạ? Adam nói: - Hình như số 312, hay đó là của ngày hôm qua? - Tên là gì, thưa ngài? - Beresford - Robin Beresford. Tay nhân viên đưa cho anh chìa khóa phòng 612, nói gọn lỏn: - Ngài chỉ nhằm có ba tầng thôi. - Cám ơn. Adam rời khỏi quầy và thấy người nhân viên lễ tân đã quay sang làm việc với khách khác. Anh bước đến chỗ thang máy, lúc này buồng thang máy vừa hạ xuống và một nhóm nhạc công nữa bước ra. Anh bước vào và bấm nút lên tầng sáu rồi đứng đợi, cảm thấy hân hoan khi cửa buồng đóng lại và được còn lại một mình - lần đầu tiên sau nhiều giờ qua. Khi cửa mở ra anh thấy nhẹ người khi thấy không ai đứng đợi ở hành lang. Adam tra chìa khóa vào ổ và nói bằng giọng Pháp cổ đúng trọng âm: - Phục vụ phòng đây ạ. Nhưng không có tiếng trả lời, anh bước vào và khóa trái cửa lại. Trong góc phòng có một vali chưa mở. Adam kiểm tra lại nhãn tên. Rõ ràng là ông Beresford còn chưa có thì giờ mở vali. Anh lại nhìn khắp phòng nhưng không thấy dấu hiệu nào khác về người khách trọ trừ một mẫu giấy trên bàn nhỏ. Đó là một lộ trình được đánh máy: “Chương trình Châu Âu: Geneva, Frankfurt, Berlin, Amsterdam, London”. “Geneva: 5 giờ 00 xe du lịch đến đón. 6 giờ 00 có mặt tại Phòng hòa nhạc. 7 giờ 00 mở màn. Kết thúc 10 giờ 00. “Chương trình: Concerto số 3 dành cho bộ hơi. Phần thứ nhất. Giao hưởng số hai của Brahms. Giao hưởng Vô tận của Schubert”. Adam nhìn đồng hồ: Vào lúc Robin kết thúc bản Giao hưởng Vô tận thì anh đã vượt qua biên giới xong rồi. Nhưng anh vẫn cảm thấy ở lại phòng 612 này cho đến khi trời tối hẳn sẽ an toàn hơn. Anh cầm ống nghe lên và quay số gọi phục vụ phòng, yêu cầu đem bữa tối lên trước khi đi tắm. Trên bệ bồn tắm có một giỏ nhựa với hàng chữ: “Ban Giám đốc Khách sạn xin chúc mừng quý khách: Trong giỏ có xà phòng, một chiếc bàn chải đánh răng nhỏ, thuốc đánh răng và một cái cạo râu bằng nhựa. Chưa kịp cạo râu xong thì có tiếng gõ cửa và tiếng người gọi: “Phục vụ phòng đây ạ”. Adam vội vã quệt bọt xà phòng đầy mặt và phủ lên người một chiếc khăn tắm của khách sạn rồi mới ra mở cửa. Người phục vụ bày bàn mà không liếc mắt nhìn Adam. Bàn bày xong anh ta nói: - Thưa ngài, xin ngài ký giấy tính tiền cho ạ. Adam ký vào tờ giấy anh ta đưa cho với tên Robin Beresford và đưa thêm mười lăm xu nữa. Người bồi nói: - Cám ơn ngài. Cửa vừa đóng lại Adam đã nhìn vào đĩa xúp hành, món thịt bò rán có rải hạt đậu xanh và khoai tây, cuối cùng là cốc kem dâu rừng. Một chai rượu vang nhà làm đã mở sẵn chỉ còn chờ rót ra. Đột nhiên Adam không hề thấy đói. Anh vẫn không thể nào thừa nhận nổi những gì vừa trải qua. Giá như anh đừng có ép Heidi cùng đi trong chuyến phiêu lưu vô bổ này. Một tuần trước đây thậm chí cô còn chưa biết anh là ai, vậy mà giờ đây anh phải chịu trách nhiệm về cái chết của cô. Anh sẽ phải giải thích với bố mẹ cô về việc đã xảy ra với con gái duy nhất của họ. Nhưng trước khi phải đối mặt với họ, Adam còn lời giải thích cho những điều mà đến giờ anh vẫn chưa hiểu nổi. Không phải chỉ có cái bức tranh Thánh tằm thường này. Tằm thường? Sau khi ăn xong Adam đẩy xem ra hành lang và treo biển “Đừng làm phiền” lên cửa rồi quay lại phòng ngủ và đứng bên cửa sổ nhìn ra thành phố. Dường như mặt trời sẽ còn tỏa ánh sáng xuống Geneva một tiếng nữa là ít. Adam nằm xuống giường và bắt đầu suy nghĩ xem những gì đã xảy ra trong hai mươi tư giờ vừa qua của cuộc đời anh. - Nam Cực đang giữ một bức tranh vẽ Thánh George và Con Rồng. Nhưng mọi hồ sơ về thời kỳ đó cho biết

bức tranh Thánh đó đã bị hủy hoại khi máy bay của Đại Công tước Duke bị nổ trên bầu trời Bỉ vào năm 1937. Người đàn ông ở đầu kia đường dây nói: - Có thể đó là những gì đã được ghi lại trong hồ sơ của các ông. Nhưng nếu các thông tin của các ông ở Langley hóa ra là sai bét, và Goeing đã tìm thấy bức tranh Thánh đó nhưng không trả lại cho Đại Công tước Duke thì sao? - Nhưng ở Yalta, người Nga đã khẳng định là bức tranh Thánh và những thứ đựng trong đó đã bị tiêu hủy trong vụ nổ máy bay. - Nhưng nêu bây giờ người Nga đã phát hiện ra là bản chính của bức tranh Thánh đó vẫn đang còn tồn tại thì sao? - Có phải ông đang nêu giả thuyết là họ cũng có thể đã sờ được vào lên bản chính của tài liệu đó không? - Hoàn toàn đúng như vậy. Vậy nên ông phải chắc chắn là tìm cho ra Nam Cực trước khi Bộ Ngoại giao Anh hay bất kỳ ai làm được điều đó. - Nhưng tôi cũng là thành viên của nhóm công tác của Bộ Ngoại giao. - Và điều chúng ta muốn là Bộ Ngoại giao phải tiếp tục tin tưởng vào ông. - Mẹ Gấu nói: Vậy ai đang ngủ trong giường của tôi thế này? Adam giật mình tỉnh dậy. Một cô gái đang nhìn anh, một tay cầm cây đàn công tơ bass, tay kia cầm cây vĩ. Cô cao gần một mét tám và hằn là nặng ký hơn Adam nhiều. Mái tóc dài, đỏ bóng và sáng ngời hoàn toàn tương phản với tất cả những nét còn lại, tựa như Tạo hóa đã bắt đầu sáng tạo ra cái đầu trước, sau đó nhanh chóng hết sạch cảm hứng. Cô mặc một chiếc áo sơ mi trắng và một chiếc váy đen xếp nếp dài gần chấm đất. Adam chớp mắt hỏi: - Cô là ai? - Tôi không phải là Nữ thần Vàng, rõ là thế rồi. Nhưng còn anh là ai? Adam lưỡng lự: - Nếu tôi nói ra thì có lẽ cô sẽ không thể tin được. Cô nói: - Tôi không nghĩ ra lý do để không tin anh. Theo tôi thì anh không giống Hoàng tử Charles hay Elvis Pressley. Vì thế anh cứ thử nói xem. - Tôi là Adam Scott. Cô hỏi: - Bây giờ tôi phải ngắt xịu và ủa lại với anh hay phải rú lên và bỏ chạy bây giờ? Đột nhiên Adam nhận ra là ít nhất hai ngày rồi cô gái không đọc báo hay xem TV. Anh thay đổi chiến thuật và nói một cách tin tưởng: - Tôi nghĩ Robin Beresford bạn tôi ở phòng này. - Trước khi nhìn thấy anh ngủ trong giường tôi thì tôi cũng nghĩ thế. - Cô là Robin Beresford ư? - Nghe anh có vẻ gì của một người vừa bị đánh thức dậy tí nào cả. - Nhưng Robin ư? - Việc cha tôi thích có một đứa con trai không phải là lỗi của tôi. Nhưng anh vẫn chưa giải thích là đang làm gì trong giường của tôi vậy? Adam hỏi: - Liệu tôi có thể hy vọng là cô sẽ chịu khó nghe tôi kể trong năm phút mà không xen ngang không? Robin đáp: - Được. Nhưng chớ có kể cho tôi nghe một câu chuyện bịa. Bởi vì cha tôi là một tay nói dối bẩm sinh, cho nên từ hồi mười hai tuổi tôi đã có thể biết rõ khi nào cha tôi nói dối, hết như nhìn qua một tấm kính lọc vậy. Adam nói: - Nếu tôi là cô thì tôi sẽ ngồi xuống. Có lẽ sẽ mất thì giờ hơn là đệm cho một bản nhạc đấy. - Tôi sẽ tiếp tục đứng, ít nhất là cho đến khi nghe được lời nói dối đầu tiên của anh. - Tùy cô thôi. Cô thích cái gì trước? Tin hay ho hay là tin xấu trước? Robin nói: - Thử nói tin xấu trước xem. - Cảnh sát Thụy sĩ muốn bắt giam tôi. Robin cắt lời: - Vì sao? Scott nói: - Vì giết người. Cô hỏi: - Thế tin hay ho là gì? - Là tôi vô tội. Romanov đứng trong phòng của Đại sứ quán, mấy ngón tay để lên bàn. Hấn nói rất khẽ: - Tôi cứ tự trách mình, thậm chí nhiều hơn trách cứ bất cứ ai trong các anh. Tôi đã đánh giá thấp tên người Anh này. Hấn rất giỏi. Không một ai trong nhóm công tác ngồi trong văn phòng Đại sứ quán đêm đó tỏ ra phản đối lời của Thiếu tá, Ramanov dừng lại một lúc để nhìn nhóm người vừa bay tới từ nhiều nước Phương Đông khác nhau. Tất cả bọn họ đều đã phục vụ cho Nhà nước lâu rồi, trừ một người Romanov có quen biết, đó là Valcheck. Anh ta đã làm việc quá lâu và quá gần gũi với Yuri do đó không thể tin cậy được. Romanov còn vấp phải một khó khăn nữa: đó là rất ít người trong số này không thuộc Geneva. Hấn chỉ có thể cầu nguyện là người Anh và người Mỹ cũng vấp phải những vấn đề như vậy. Hấn đưa mắt nhìn lướt qua gian phòng. Cảnh sát Thụy Sĩ có nhiều cơ hội để bắt

được Scott nhất, vậy mà họ chẳng tỏ ra được việc mấy – hẳn rầu rĩ nghĩ. Tuy vậy Romanov cũng còn thấy vui khi được người lãnh đạo nhóm điệp viên ở Geneva cho biết Thụy Sĩ từ chối hợp tác với cả người Anh lẫn người Mỹ. Khi mọi người ngồi xuống xong xuôi, hẳn nói: - Các bạn. Có lẽ không cần phải nhắc nhở các bạn là chúng ta đang được trao một nhiệm vụ vô cùng quan trọng – Hẳn lại dừng lại để xem có khuôn mặt nào trong đám người kia tỏ ra hoài nghi không. Sau khi đã yên tâm hẳn nói tiếp – Vì thế chúng ta sẽ tiếp tục duy trì một sự giám sát chặt chẽ ở khắp thành phố Geneva này, đề phòng trường hợp Scott vẫn còn ẩn náu đâu đó trong thành phố. Dự đoán riêng của tôi thế này: là một kẻ không chuyên nghiệp hẳn sẽ ẩn náu cho đến khi trời tối, thậm chí cho đến khi tảng sáng mới chạy qua biên giới nơi gần nhất. Biên giới Pháp rõ ràng sẽ là mục tiêu của hẳn. Mặc dầu trong năm mươi năm qua đã có hai cuộc chiến tranh với Đức nhưng người Anh chẳng buồn học tí tiếng Đức nào trong khi cũng có một số người bập bẹ được vài câu tiếng Pháp. Vì vậy hẳn sẽ cảm thấy an toàn hơn khi ở trên đất Pháp. Điều đó cũng khiến cho hẳn chỉ phải vượt biên giới một lần trước khi vượt biển. Nếu hẳn ngu ngốc đến nỗi dự định vượt biên giới bằng đường hàng không, thì hẳn sẽ thấy là chúng ta đã bao vây chặt mọi sân bay. Nếu hẳn định chạy bằng tàu hỏa thì các ga xe lửa cũng đã bị phong tỏa. Nhưng tôi vẫn cho là hẳn sẽ cố gắng chạy trốn bằng xe hơi. Vì vậy tôi sẽ đem năm người tới biên giới Pháp trong khi thiếu tá Valcheck cũng sẽ dẫn năm người khác tới Basse để chặn ở ngã tư sang Đức. Số người còn lại sẽ tiếp tục giám sát Geneva. Những người vừa đến sẽ thay thế cho các điệp viên ở đây. Và chớ có mong là Scott sẽ rong chơi trong thành phố như một khách du lịch đang nghỉ hè. Các bạn hãy nghiên cứu kỹ bức ảnh của tên người Anh này, và cũng có thể phải chuẩn bị nếu như hẳn định cải trang đôi chút. Ramanov dừng lại một chút để gây ấn tượng: - Ai là người sẽ mang về được cho tôi bức tranh Thánh của Sa hoàng sẽ không phải lo lắng gì về vấn đề vật chất nữa, một khi chúng ta về được đến nhà. Vẻ hy vọng hiện ra trên các khuôn mặt khi Ramanov rút trong túi áo khoác ra một phiên bản của bức tranh Thánh và giơ lên cao để mọi người cùng nhìn. – Lúc nào tìm được nguyên bản bức tranh thì nhiệm vụ của các bạn chấm dứt. Các bạn hãy nhìn thật kỹ đi. Bởi vì sẽ không có bức ảnh chụp nào khác cả - Ramanov nói thêm – Và hãy nhớ điều khác biệt duy nhất giữa phiên bản này và nguyên bản mà Scott đang giữ nguyên bản, thì có một vành vương miện bằng bác khám sâu vào khung tranh phía sau. Nếu nhìn thấy có vành vương miện thì chắc chắn là các bạn đã tìm được nguyên bản bị mất. Romanov rút bức tranh lại vào túi áo khoác và nhìn vào đám người đang ngồi im lặng: - Hãy nhớ là Scott rất giỏi, nhưng hẳn cũng không phải là Thánh.

*

* *

CHƯƠNG 13

- Scott, anh không phải là người xấu. Không hề là người xấu.

Robin nói. Cô vẫn đứng cạnh cây đàn công tơ bass suốt trong lúc Adam kể lại câu chuyện.

- Hoặc là anh nói dối rất giỏi, hoặc là tôi đã bị lừa.

Adam mỉm cười với cô gái khổng lồ đang cầm cây mã vĩ trong tay phải như cầm một cái bàn chải đánh răng.

- Tôi có được phép nhìn bức tranh Thánh đó một chút không, hay là anh chỉ bịa thôi.

Adam nhảy ra khỏi giường và rút cái gói đựng bức tranh Thánh ra khỏi túi đựng bản đồ của cái áo khoác đã chiến ra. Robin dựa vào cây đàn công tơ bass vào tường rồi dựa cây mã vĩ vào cây đàn, sau đó ngồi xuống chiếc ghế duy nhất trong phòng.

Adam đưa bức tranh Thánh cho cô xem. Cô gái nhìn chăm chăm khuôn mặt Thánh George hồi lâu, cuối cùng thốt lên:

- Quả là một tuyệt tác. Và tôi có thể hiểu là bất cứ ai cũng muốn có được bức tranh này. Nhưng không bức tranh nào có thể đáng giá như những điều rắc rối mà anh vừa trải qua.

Adam nói:

- Tôi cũng nghĩ là điều đó thật khó hiểu. Nhưng Rosenbaum, hoặc đầu hắn có một cái tên nào khác đi chẳng nữa thì thực tế đã hai lần muốn giết người để đặt tay lên bức tranh Thánh này, và hắn đã làm tôi tin rằng nếu còn giữ bức tranh này thì tôi sẽ là nạn nhân tiếp theo.

Robin tiếp tục nhìn những mảnh vàng, đỏ, xanh lơ làm nên Thánh George và Con Rồng. Cô hỏi:

- Không có manh mối gì khác nữa hay sao?

- Chỉ có một bức thư do Goering gửi cho tôi.

Robin lật bức tranh lại:

- Cái này nghĩa là gì?

Cô chỉ vào vành vương miện nhỏ khảm trong khung gỗ.

- Điều đó chứng tỏ rằng bức tranh này đã từng là vật sở hữu của Sa hoàng - đó là theo lời ông chuyên gia của Sotheby. Ông ta còn nói với tôi rằng nhờ vậy mà giá trị của bức tranh tăng lên đáng kể.

Robin nói và đưa trả bức tranh lại cho Adam:

- Vẫn không đáng phải giết những hai mạng người. Vậy Thánh George còn giấu điều bí mật gì khác nữa hay không?

Adam nhún vai và nhăn mặt. Chính anh cũng đã tự hỏi mình câu ấy không biết bao nhiêu lần kể từ sau cái chết của Heidi. Anh im lặng bỏ bức tranh vào túi áo khoác.

Robin hỏi:

- Vậy nếu vẫn còn thức thì kế hoạch của anh là làm gì? Ngoài việc chuẩn bị một cái giường ra?

Adam mỉm cười:

- Tôi hy vọng gọi Lawrence một lần nữa, lúc này chắc chắn là anh ấy có nhà và kiểm tra xem anh ấy có tin tức gì mới cho tôi không. Nếu anh ấy chưa về hoặc không thể giúp gì cho tôi, thì tôi sẽ thuê một cái xe và cố vượt biên giới Thụy sĩ sang Pháp sau đó về Anh. Tôi cảm thấy chắc chắn là cảnh sát Thụy sĩ cũng như người của Rosenbaum đã rình đây cả sân bay và các ga xe lửa rồi.

Robin nói:

- Nhất định là Rosenbaum cũng đã nghĩ ra điều đó, nếu như hắn chỉ cần giỏi bằng một nửa anh kể thôi. Vì vậy tốt nhất là cố liên lạc với anh bạn Lawrence của anh và xem anh ấy có ý kiến gì sáng suốt hơn không.

Cô đứng dậy và đi về phía máy điện thoại.

Adam lưỡng lự nói:

- Cô không nên tham gia vào chuyện này.

Robin nói:

- Tôi đã tham gia vào rồi. Và tôi có thể nói với anh là như vậy thú vị hơn Bản giao hưởng Vô tận của Schubert nhiều. Bao giờ bạn anh nhắc điện thoại thì tôi sẽ chuyển máy cho anh, như vậy sẽ không có ai nhận ra ai đang gọi điện thoại.

Adam đọc cho cô số điện thoại của căn hộ, cô yêu cầu cô gái trực tổng đài nối máy.

Adam nhìn đồng hồ: Mười một giờ bốn lăm. Chắc chắn lúc này Lawrence đã phải về nhà? Phải hai hồi chuông mới có người cầm máy. Nhận ra tiếng đàn ông Robin chuyển ngay máy cho Adam.

Giọng nói hỏi:

- Alô, ai đấy?

Adam nhớ ra một điều thật kỳ quặc là Lawrence không bao giờ xưng tên.

- Lawrence, Tớ đây mà.

- Cậu đang ở đâu?

- Tớ vẫn ở Geneva.

- Khách hàng của tớ đã chờ cậu lúc mười một giờ sáng này!

- Vậy thì đó chính là Rosenbaum.

- Rosenbaum là ai?

- Một con quái vật cao một mét tám, tóc vàng, mắt xanh và dường như quyết tâm giết tớ.

Lawrence không nói hồi lâu:

- Vậy cậu vẫn giữ bức tranh Thánh đấy chứ?

Adam nói:

- Tớ vẫn giữ. Nhưng có điều gì có thể quan trọng đến thế về...?

- Hãy đặt ống nghe xuống và gọi lại cho tớ sau ba phút nữa.

Đường dây tắt ngấm. Adam không thể không nhận ra sự thay đổi đột ngột trong cung cách của bạn mình. Trong những tháng ở chung nhà với Lawrence, anh đã bỏ qua điều gì nhỉ? Adam cố nhớ lại từng chi tiết mà trước đây anh từng coi là không quan trọng và Lawrence đã che giấu một cách rất khéo léo.

Robin hỏi, cắt ngang dòng suy nghĩ của anh:

- Mọi chuyện ổn chứ?

Adam nói, hơi có vẻ bí mật:

- Tôi nghĩ là như vậy. Anh ấy yêu cầu ba phút nữa gọi lại. Như vậy có vấn đề gì cho cô không?

- Chuyến đi này đã tiêu tốn tám nghìn bảng của người đóng thuế rồi. Vậy thì một hai cuộc điện thoại quốc tế thì có gì khác đi đâu.

Ba phút sau Robin cầm ống nghe lên và nhắc lại số cũ. Ngay tiếng chuông đầu tiên Lawrence đã trả lời.

Lawrence nói:

- Cậu chỉ trả lời những câu hỏi của tôi thôi nhé.

Adam bắt đầu tức giận vì cung cách của Lawrence. Anh nói:

- Không, tớ sẽ không trả lời các câu hỏi của cậu. Cậu sẽ trả lời một hai câu trước khi có thể biết thêm bất cứ gì từ tớ. Tớ nói có rõ không?

Lawrence trả lời nhẹ nhàng hơn một tý:

- Được.

- Rosenbaum là ai?

Lawrence trả lời ngay.

Adam nói:

- Cậu sẽ không biết thêm gì nữa nếu cậu không nói thật.

- Theo những mô tả của cậu tớ có những lí do để tin Rosebaum là một người Nga tên thật là Alex Romanov.

- Một người Nga? Nhưng tại sao hắn ta lại muốn chiếm bức tranh Thánh của tớ?

Lawrence nói:

- Tớ không biết. Chúng tớ hy vọng cậu có thể cho chúng tớ biết lý do kia đấy.
- Chúng tớ là ai?

Một hồi im lặng lâu hơn.

Adam nhắc lại:

- Ai là chúng tớ? Thật sự là cậu không hề là tớ sẽ tiếp tục tin là cậu làm việc ở DCO Barclays nữa đâu.

Lawrence nói:

- Tớ làm việc ở Bộ Ngoại giao.
- Với chức vụ gì?
- Tớ không được tự do...
- Lawrence, thôi đừng có ra vẻ tự cao nữa. Với chức vụ gì?

Lawrence lưỡng lự:

- Tớ là Phó của một bộ phận nhỏ hoạt động trên...

Adam nói:

- Tớ nghĩ gián điệp là từ người trần tục chúng tớ hay dùng. Và nếu cậu thích cái bức tranh Thánh ấy kinh khủng đến thế thì tốt hơn là hãy giúp tớ ra khỏi cái mớ lùm nhùng này mà vẫn sống, bởi vì Romanov hoàn toàn có ý định giết tớ để chiếm đoạt nó, điều này chắc chắn là cậu biết rõ.

- Cậu đang ở đâu?
- Khách sạn Richemond.

Lawrence hỏi nghe có vẻ ngờ vực:

- Trong một buổi điện thoại công cộng à?
- Không, trong một phòng riêng.
- Nhưng không đăng kí tên cậu chứ?
- Không. Bằng tên một người bạn. Một cô bạn gái.

Lawrence hỏi:

- Lúc này cô ấy có ở cạnh cậu không?

Adam đáp:

- Có.

Lawrence nói:

- Quý quá! Được. Cậu không được rời phòng đó trước bảy giờ sáng, sau đó gọi lại cho tớ số này. Như vậy tớ sẽ đủ thời gian thu xếp mọi chuyện.

Adam nói:

- Đó là điều tốt nhất cậu có thể làm ư? – Nhưng điện thoại đã tắt ngấm.

Adam nói với Robin:

- Có vẻ như tôi sẽ phải làm cho cô chết ngạt đêm nay.

Robin nói:

- Ngược lại, chính tôi mới là người làm anh chết ngạt.

Nói rồi cô biến mất vào buồng tắm. Adam đi lại quanh phòng rất nhiều lần rồi mới ngồi xuống ghế xô pha. Hoặc là anh phải kê đầu lên thành ghế gỗ hoặc là phải gác chân gập lên thành ghế đằng kia. Lúc Robin quay ra với một bộ pijama màu xanh lơ thì anh quyết định là chỗ ngủ đêm của mình sẽ là trên sàn nhà.

Robin nói:

- Một cái ghế bành có lẽ không nhiều nhận gì lắm phải không? Nhưng vì Cục Phản gián Anh không báo trước để tôi đặt sẵn một phòng đôi.

Cô chui vào giường và tắt đèn.

- Tuyệt.

Đó là lời cuối cùng cô lắp bắp.

Adam nằm ngửa trên sàn phòng ngủ, lấy một cái nệm ghế để làm gối và một cái áo choàng của khách sạn làm chăn. Anh ngủ chập chờn, đầu óc cứ hết luẩn quẩn vì tại sao bức tranh Thánh này lại quan trọng đến thế, rồi lại tại sao Lawrence biết nhiều đến thế và câu hỏi nữa trực tiếp hơn là không hiểu người ta sẽ làm thế nào giúp anh ra khỏi khách sạn, mà vẫn còn nguyên mạng sống.

Romanov kiên nhẫn chờ người ta nhắc ống nghe lên. Rồi một giọng nói cất lên, hẳn nhận ra ngay lập tức.

- Tôi nghe đây.

Mấy từ duy nhất Romanov bật ra là:

- Hẳn ở đâu?

Câu trả lời của Mentor cũng vốn vẹn chỉ có bốn chữ, rồi điện thoại tắt ngấm.

Adam tỉnh dậy trước giờ hẹn gọi lại cho Lawrence một giờ. Anh nằm trên sàn nhà gần bốn mươi phút, chỉ có tiếng thở của Robin là nhắc cho anh biết anh không chỉ có một mình. Chợt anh nghe thấy một tiếng động lạ vẳng đến từ ngoài hành lang bên ngoài: hai ba bước chân nữa,

dừng lại, rồi lại soạt nữa. Adam im lặng nhóm người lên và rón rén bước ra cửa. Hơi thở của Robin vẫn đều đặn. Adam cầm chiếc giá treo áo nặng bằng gỗ ở cạnh bàn nắm chặt trong bàn tay phải, giơ lên cao quá đầu và đợi. Soạt, tiếng động lần này gần hơn – Soạt, rồi một tờ báo rơi vào trong khe cửa, tiếng bước chân lại tiếp tục. Adam không cần cúi xuống cũng thấy ảnh mình to tướng choán hết trang đầu của tờ Herald Tribune.

Anh cầm tờ báo đi vào buồng tắm khẽ đóng cửa lại, bật đèn và đọc bài báo. Đó là câu chuyện của ngày hôm qua, ghi lại những lời nhận xét của mấy sĩ quan chỉ huy cũ của anh và những lời yêu thương của mẹ. Adam cảm thấy vô cùng bất lực..

Anh rón rén quay lại chỗ Robin, hy vọng không làm cô tỉnh dậy. Anh đứng ngay ở đầu giường nhưng Robin vẫn không cựa quậy. Anh khẽ cầm điện thoại lên đem vào buồng tắm, khẽ đóng cửa lại rồi quay số gọi tổng đài.

Chuông vừa ngừng, Adam hỏi ngay:

- Lawrence, cậu đấy à?

Tiếng trả lời:

- Tớ đây.

- Bây giờ mọi chuyện càng trở nên tồi tệ hơn. Tớ vẫn trốn trong khách sạn này nhưng ảnh tớ in đầy trên trang nhất một tờ báo ở đây.

Lawrence nói:

- Tớ biết. Chúng tớ đã cố gắng ngăn việc đó lại nhưng người Thụy sĩ vẫn tiếp tục từ chối hợp tác.

Adam nói:

- Nếu vậy tớ sẽ tự nộp mình cho cảnh sát Thụy sĩ. Mẹ kiếp, chẳng nào tớ cũng vô tội kia mà.

- Không, Adam. Ở Thụy sĩ cậu sẽ phải chứng minh là mình vô tội và bây giờ cậu phải hiểu rằng cậu đã dính dáng vào một việc còn quan trọng hơn hai vụ giết người rất nhiều.

Adam giận dữ hỏi:

- Còn việc gì quan trọng hơn hai vụ giết người nữa khi mà cả thế giới cho rằng tớ là kẻ giết người đó?

- Tớ hiểu rõ những gì cậu đang cảm thấy. Nhưng lúc này cơ hội duy nhất của cậu là hãy làm theo thật chính xác những điều tớ hướng dẫn sau đây và phải thật thận trọng với tất cả mọi người xung quanh mà cậu cần phải tiếp xúc.

Adam nói:

- Tớ đang nghe đây.

- Cậu phải nhớ tất cả những gì tớ nói bởi vì tớ sẽ chỉ nói với cậu một lần thôi. Dàn nhạc giao hưởng Hoàng gia đang ở cùng một khách sạn với cậu. Mười giờ sáng nay họ sẽ đi Frankfurt.

Mười giờ kém năm cậu hãy rời phòng, đến sảnh chính cậu hãy đi lẫn vào cùng với các nhạc công và đi ra cổng trước, xe của dàn nhạc sẽ đỗ ở đó. Bên kia đường sẽ có một chiếc xe chờ sẵn. Đó là một chiếc Mercedes màu đen, cậu sẽ nhìn thấy một người mặc đồng phục lái xe màu xám mở sẵn cửa xe. Chúng tớ đã thu xếp để trong vòng từ chín giờ rưỡi đến mười giờ rưỡi sẽ không có một xe nào khác đỗ ở bên kia đường như vậy, vì thế cậu sẽ không thể bị nhầm được. Cậu cứ vào và đợi. Trên ghế sau sẽ có một người nữa và họ sẽ đưa cậu đến Sứ quán của chúng ta một cách an toàn. Cậu có cần tớ nhắc lại điều gì không?

Adam nói:

- Không. Nhưng...

Lawrence nói:

- Chúc may mắn.

Rồi điện thoại tắt ngấm.

Bảy giờ ba mươi phút anh đã tắm xong, trong khi Robin vẫn còn ngủ rất say. Adam thấy ghen với cô. Bên ngoài có tiếng cành cây gãy, anh thấy mình tỉnh như sáo. Hai năm sống trong rừng già Malaysia và không bao giờ có thể ngủ hơn hai ba tiếng, nếu muốn sống sót, tất cả những thói quen đó vẫn in đậm trong anh.

Robin không hề cựa quậy thêm trong ba mươi phút nữa, suốt thời gian đó Adam ngồi trong ghế xô pha ôn lại kế hoạch của Lawrence. Cuối cùng lúc tám giờ kém mười cô cũng tỉnh dậy, nhưng phải mất mấy phút mới tỉnh hẳn. Robin chớp mắt nhìn Adam và một nụ cười rộng ngoác hiện ra trên gương mặt cô. Cô nói:

- Vậy là anh không giết tôi trong khi tôi ngủ.

Adam nói:

- Tôi nghĩ nếu tôi có giết thì cô cũng chẳng biết.

Cô đặt chân xuống thảm và nói:

- Nếu như cha anh luôn say rượu và về nhà vào bất cứ giờ nào, thì anh sẽ học được cách ngủ ngon trong bất cứ hoàn cảnh nào. Anh định gọi cho London bây giờ phải không?

- Tôi đã gọi rồi.

Robin dụi mắt đi về phía buồng tắm và hỏi:

- Vậy kế hoạch là thế nào?

Adam nói:

- Tôi sẽ đi cùng với cô.

Cô nói:

- Hầu hết các anh bạn qua đêm cùng tôi chẳng buồn ở lại lâu đến thế đâu.

Nói rồi cô đóng cửa buồng tắm lại. Adam cố đọc báo trong khi cô tắm.

Mấy phút sau Robin mở cửa buồng tắm đi ra và hỏi, tựa như câu chuyện không hề bị gián đoạn:

- Nghĩa là ở Frankfurt chúng ta cũng lại ngủ chung phòng ư?

- Không, sau khi trả phòng tôi sẽ đi cùng cô ra đến xe sau đó sẽ đi đến xe của tôi đậu phía bên kia đường.

Cô nói:

- Nghe như thế giống như những người đàn ông tôi vẫn quen hơn rồi đấy. Nhưng ít nhất chúng ta cũng phải ăn một bữa lót dạ để tạm biệt chứ nhỉ - cô nhắc điện thoại

- Tôi bị nghiện món cá trích muối. Thế còn anh?

Adam không đáp. Anh bắt đầu chốc chốc lại liếc nhìn đồng hồ. Mười lăm phút sau người bồi đã đem bữa sáng đến, Adam trốn vào buồng tắm. Anh không thấy hứng thú tí nào đối với việc ăn uống vào lúc này, vì thế Robin ăn hết cả bốn con cá trích muối và gần hết số bánh mì nướng. Đã chín giờ hơn, người bồi vào đẩy chiếc xe đựng đồ ăn đi, Robin bắt đầu xếp đồ đạc. Có tiếng chuông điện thoại réo vang, Robin cầm máy lên nghe còn Adam nháy chồm lên vì hồi hộp.

Robin nói:

- Vâng, Stephen. Không, không cần phải đến đóng gói đồ đạc hộ tôi đâu. Lần này thì không cần.

Cô đặt điện thoại xuống và nói với Adam:

- Mười giờ chúng tôi sẽ đi Frankfurt.

Adam nói:

- Tôi biết.

- Có lẽ chúng tôi cần bổ nhiệm Lawrence làm chỉ huy dàn nhạc, bởi vì hình như anh ta biết hết mọi chuyện, thậm chí trước khi người ta quyết định nữa kia.

Adam cũng đang nghĩ như vậy.

Robin nói thêm:

- Được, ít nhất tôi cũng có người mang giúp đóng đồ đạc này.

Adam đề nghị:

- Nếu cô đồng ý thì tôi sẽ đeo cây đàn công trơ bass.

Robin nói:

- Tôi mong được thấy anh ráng sức lắm.

Adam bước lại chỗ cây đàn to tướng cạnh tường. Anh cố xoay cây đàn đủ kiểu nhưng cũng

chỉ có thể kéo lê nó trên sàn nhà vài mét. Robin đến giúp anh và chỉ hất một cái cô đã đặt được nó lên vai thật điệu nghệ. Cô bước mấy bước trong phòng ngủ để chứng tỏ sức lực của mình. Cô nói:

- Bạn của tôi ơi, đó là một chút tài nghệ thôi mà. Và tôi cũng tin là một nửa lực lượng cảnh sát Thụy sĩ đã để sống mất anh, khiến cho anh có thể ngủ cùng tôi một đêm.

Adam cố phá lên cười. Anh nhặt chiếc áo khoác đã chiến và kiểm tra lại xem bức tranh Thánh đã được kéo khóa lên chưa. Nhưng anh không khỏi rùng mình, cả vì sợ hãi lẫn dự cảm.

Robin liếc nhìn anh, nhẹ nhàng nói:

- Đừng lo. Chỉ mấy phút nữa là mọi chuyện sẽ qua thôi mà – rồi cô nhìn thấy tờ báo trên sàn – Nếu tôi là anh thì tôi sẽ kiện tất cả bọn chúng.

Adam hỏi:

- Tại sao kia?

- Anh dễ coi hơn bức ảnh kia nhiều.

Adam mỉm cười và bước sang vòng tay ôm lấy cô. Anh nói:

- Cảm ơn cô vì tất cả. Nhưng bây giờ chúng ta phải đi thôi.

Robin trề môi:

- Bây giờ anh lại càng giống các nhân tình của tôi rồi đấy.

Adam cầm vali của cô lên trong khi Robin đặt cây đàn và chiếc vĩ lên vai. Cô mở cửa nhìn ra hành lang. Hai đồng nghiệp cùng dàn nhạc của cô đang chờ trước cửa thang máy. Robin và Adam đến đứng chờ cùng họ. Sau khi chào nhau tất cả lại im lặng không ai nói lời nào cho đến khi cửa buồng thang máy mở ra. Cửa thang máy đóng lại và không cưỡng nổi, hai nhạc công kia đành nhìn sát mặt Adam. Thoạt tiên anh lo là họ nhận ra mình từ bức ảnh trong báo. Rồi anh nhận ra chính kẻ đã ngủ đêm với Robin mới làm họ chú ý. Robin nháy mắt làm như đã quen với kiểu nhìn như vậy lắm rồi. Về phần mình Adam chúi người trốn vào góc buồng sau cây đàn công tơ bass và nặng nhọc thở trong khi thang máy chậm chạp bò xuống tầng trệt. Rồi cửa cũng bật mở, Robin chờ hai người kia đi ra rồi mới cố hết sức che cho Adam đi qua tiền sảnh. Adam nhìn chằm chằm ra cửa, anh nhìn thấy chiếc xe du lịch choán hết cả đường, nhiều nhạc công trong dàn nhạc đã bắt đầu leo lên xe. Chỉ một phút nữa thôi là anh đã đi khỏi đây một cách an toàn. Anh nhìn theo hai cái trống đang được người lái xe cẩn thận cất vào cái hòm xe to tướng.

Robin nói:

- Ôi, lạy Chúa, tôi quên mất. Tôi định cất cây đàn vào phía sau xe kia mà.

Adam nói:

- Để sau đã. Cứ đi như thế cho đến khi ra đến cửa xe đã.

Rồi anh nhìn thấy chiếc xe đậu bên kia đường. Anh thấy nhẹ cả người, thậm chí gần như

choáng váng. Cửa xe đã mở sẵn cho anh. Một người thứ hai ngồi ở ghế sau đúng như Lawrence đã nói. Đâu đó phía xa có tiếng đồng hồ điểm mười giờ. Người đàn ông mặc bộ đồng phục lái xe mũ kéo sụp xuống tận mắt đứng bên cạnh cửa xe. Adam nhìn về phía người đó, trong khi hắn ta nhìn bao quát về phía cửa khách sạn. Bộ đồng phục không vừa lắm.

Adam rít lên:

- Vào xe đi.

Robin nói:

- Với cây đàn này à? Họ sẽ giết tôi.

- Nếu cô không vào thì chúng sẽ giết tôi.

Robin tuân theo, cô len lỏi đi giữa hai dãy ghế mặc những tiếng phàn nàn xung quanh. Cây đàn cồng kèn che khuất hẳn Adam khiến cho những kẻ đứng bên kia đường không thể nhìn thấy anh. Adam cảm thấy mình sắp ốm mất.

Anh ngồi thụp xuống chiếc ghế cạnh Robin, cây đàn đặt giữa hai người.

Cô thì thào:

- Tên nào?

- Tên mặc đồng phục lái xe.

Robin nhìn ra ngoài cửa sổ, cô nói nghe tỉnh queo:

- Có thể đó là một con quỷ, nhưng quả thật là hắn đẹp trai quá.

Adam sững sờ nhìn cô, Robin mỉm cười vẻ xin lỗi.

Một người đứng trên đầu xe gọi to:

- Mọi người đã lên xe cả rồi. Tôi đã đếm hai lần, nhưng hình như chúng ta thừa ra một người.

Ôi, lạ Chúa. Anh ta quăng mình ra ngoài mất - Adam nghĩ.

Robin gọi với lên:

- Anh trai tôi đấy. Anh ấy chỉ đi cùng chúng ta một đoạn thôi mà.

Trưởng đoàn nói:

- Vậy thì tốt rồi. Nào, chúng ta lên đường.

Robin nói:

- Hắn bắt đầu nhìn về phía xe chúng ta rồi. Nhưng tôi nghĩ là hắn không nhìn thấy anh. Không, không sao cả, hắn lại quay lại nhìn cổng khách sạn rồi.

- Tôi không biết là cô có anh trai đấy.

Người trưởng đoàn nói, anh ta bỗng ở đâu xuất hiện và đứng cạnh họ. Chiếc xe du lịch chậm chậm ra khỏi quảng trường.

Robin lẩm bẩm, mắt vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ:

- Cũng tận sáng nay tôi mới biết kia mà.

Cô quay lại nói chuyện với sắp mình:

- Vâng, tôi quên nói với anh là có thể anh ấy cũng sẽ đến Thụy Sĩ cùng lúc với dàn nhạc chúng ta. Hy vọng là không có gì phiền phức chứ ạ?

Người trưởng đoàn nói:

- Không hề gì.

- Adam, đây là Stephen Gried, mà em đã nói với anh, anh ấy là trưởng đoàn của chúng em.

Stephen bắt tay Adam và hỏi:

- Anh cũng là nhạc công chứ?

Adam đáp:

- Ồ, không. Thành thật mà nói rất tiếc là tôi không biết chơi thứ nhạc cụ nào cả.

Robin chen vào:

- Anh ấy mù tịt về âm thanh. Giống hệt cha tôi – Cô nói tiếp, có vẻ thích thú tự tán thưởng – Thực tế thì anh ấy là một nhà kinh doanh lốp xe.

- Vậy sao. Anh làm cho công ty nào?

Adam thoáng nhớ đến tên một công ty kinh doanh lốp xe nào đó:

- Tôi làm ở công ty Pireli.

- Pireli ư? Có phải cái công ty vẫn hay có những tờ lịch rất đẹp không nhỉ?

Robin hỏi về vô cùng ngây thơ:

- Có cái gì đặc biệt trong tờ lịch của họ kia? Nếu anh muốn có một tờ thì tôi tin là Adam có thể tặng anh được.

Stephen nói:

- Vậy thì tuyệt quá. Hy vọng là như vậy sẽ không làm phiền anh quá.

Robin nói:

- Ồ, có gì phiền đâu – cô ngả người về phía Adam – Thật ra có thể tiết lộ với anh một bí mật của gia đình, Adam sắp trở thành thành viên Hội đồng quản trị. Anh biết không, một thành viên Hội đồng quản trị trẻ nhất trong lịch sử công ty đấy.

Người trưởng đoàn nhìn sát vào mặt thành viên mới nhất của dàn nhạc:

- Thế thì tuyệt đấy.

Adam hỏi:

- Tôi sẽ gửi lịch cho anh theo địa chỉ nào?

- Ồ, cứ gửi thẳng đến Dàn nhạc Giao hưởng Hoàng gia, Không cần phải nói địa chỉ cho anh chứ, đúng không?

Robin nói:

- Chắc là lại được đựng trong một phong bì màu nâu chứ gì. Anh không lo về chuyện lịch năm nào. Anh ấy không quan tâm đến ngày tháng in trên lịch đâu.

Phía trên đầu xe có người hỏi xuống:

- Stephen, mấy giờ thì đến Frankfurt?

Người trưởng đoàn nói:

- Tôi phải đi đây. Cám ơn vì anh đã hứa gửi lịch cho tôi. Robin nói đúng đấy, năm nào cũng được.

Anh tay vừa quay đi, Adam hỏi Robin:

- Ai dạy cô nói dối như cuội vậy?

Robin nói:

- Cha tôi. Anh phải nghe ông nói dối mới thấy hay. Phải nói là thượng hạng. Vấn đề là mẹ tôi lại tin tất cả những điều cha tôi nói mới hay chứ.

- Hẳn là cha cô cũng phải tự hào về cô hôm nay.

Robin nói:

- Bây giờ chúng ta mới biết anh kiếm sống bằng nghề gì, có lẽ có thể biết được thêm là chương trình tiếp theo của thành viên Hội đồng quản trị trẻ nhất công ty Pireli sẽ là gì chứ?

Adam mỉm cười:

- Tôi bắt đầu thử suy luận theo cách của Rosenbaum. Chắc hẳn là hẳn sẽ tiếp tục ở Geneva ít nhất một giờ nữa, nhiều nhất là hai giờ. Vì thế nếu may mắn tôi sẽ có thể xuất phát trước hẳn được năm mươi dặm.

Anh trái tẩm bản đồ ra giữa hai ghế và dò theo đường xe du lịch đang chạy. Robin lên tiếng trước.

- Như vậy có nghĩa là anh có thể đến được Zurich trước khi hẳn đuổi kịp?

Adam nói:

- Có thể. Nhưng như vậy quá nguy hiểm – Adam nhớ đến lời dặn của Lawrence không nên để Robin biết quá sâu vào bí mật này – Dù cho Rosenbaum có là ai đi chăng nữa thì bây giờ

chúng ta cũng biết chắc là hắn có cả một tổ chức chuyên nghiệp làm hậu thuẫn. Vì thế tôi nghĩ rằng các sân bay sẽ là nơi đầu tiên hắn cho phong tỏa. Cũng chớ quên rằng cảnh sát Thụy Sĩ cũng đang truy tìm tôi nữa.

Robin hỏi:

- Vậy thì tại sao anh không đi thẳng Frankfurt với chúng tôi? Tôi nghĩ là với Stephen sẽ không có vấn đề gì đâu.

Adam nói:

- Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện đó nhưng như vậy cũng quá nguy hiểm.

- Tại sao?

- Bởi vì khi có thời gian nghỉ lại Rosenbaum sẽ nhớ cái xe du lịch này. Một khi biết hướng đi của chúng ta thì chắc chắn là hắn sẽ đuổi theo.

Robin lại nhìn vào tấm bản đồ:

- Vậy thì anh sẽ phải quyết định là sẽ xuống đâu và khi nào thì xuống.

Adam thì thầm:

- Chính xác là như vậy. Tôi chỉ có thể liều khoảng sáu mươi, hoặc bảy mươi dặm, không nên xa hơn nữa.

Robin dò ngón tay dọc con đường nhỏ tí trên bản đồ rồi dừng lại ở một thị trấn nhỏ tên là Solothurn:

- Khoảng đây.

- Thử xem có đúng khoảng cách không.

- Nhưng khi xuống xe rồi thì anh sẽ đi bằng cách nào nữa?

- Chẳng có cách nào khác là vẫy xe hoặc đi bộ - trừ phi tôi kiếm được một chiếc xe khác.

- Nếu may mắn thì có lẽ Rosenbaum sẽ chính là người dừng xe lại để cho anh đi nhờ đấy.

Adam nói:

- Đúng vậy, tôi cũng đã nghĩ đến điều đó. Tôi sẽ phải nấp ở một khúc quanh nào đó để không ai nhìn thấy mà vẫn quan sát được trong vòng khoảng một trăm mét về các hướng, sau đó sẽ chỉ vẫy xe nào của Anh hoặc mang biển số Anh mà thôi.

Robin nói:

- Trong quân đội của người ta cũng dạy anh nhiều ngón đấy chứ nhỉ? Nhưng anh định sẽ qua cửa khẩu bằng cách nào, với hộ chiếu như vậy?

- Đó là một trong nhiều vấn đề mà đến giờ tôi vẫn chưa tìm ra giải pháp.

Robin nói:

- Nếu anh đi với chúng tôi thì việc đó sẽ rất dễ dàng.

Adam hỏi:

- Tại sao thế?

- Bởi vì mỗi khi qua cửa khẩu thì thường người ta đếm số người và số hộ chiếu, thường là nhân viên cửa khẩu chẳng bao giờ buồn kiểm tra từng người đâu. Rốt cuộc tại sao họ lại làm vậy cơ chứ? Dân nhạc Giao hưởng Hoàng gia này thường không có số người cố định. Tôi chỉ có mỗi một việc là đưa hộ chiếu của anh và nói trước với trưởng đoàn thôi.

- Đó là một ý hay, nhưng tôi không thể làm theo được. Nếu Rosenbaum mà đuổi kịp trong khi tôi vẫn còn ngồi trên xe này thì tôi sẽ không thể có đường nào khác để trốn thoát.

Robin im lặng một hồi lâu:

- Anh có định liên lạc với Lawrence không?

- Có. Tôi phải cho anh ấy biết chuyện gì đã xảy ra sáng nay, bởi vì anh ta đang làm việc cùng với một người có liên hệ trực tiếp với Rosenbaum, dù cho người đó có là ai đi chăng nữa.

- Liệu người đó có phải là Lawrence không?

- Không bao giờ.

Robin quay lại nhìn anh:

- Lòng trung thành của anh thật đáng quý. Nhưng có phải thật ra anh muốn nói rằng anh không thể tin đó là Lawrence không?

- Cô định nói gì vậy?

- Cũng như mẹ tôi không bao giờ muốn tin rằng cha tôi là một kẻ dối trá và nát rượu. Thế là bà cứ bịt mắt lại trước mọi thói xấu của ông. Anh biết không, thậm chí ngay cả khi cha tôi chết vì xơ gan do nghiện rượu bà vẫn khẳng khẳng nói rằng “Đàn ông mà không uống rượu bao giờ thật kỳ quặc”.

Adam nghĩ đến quan hệ giữa mình và Lawrence và tự hỏi liệu có thể nào quen biết và thân thiết với một người trong suốt hai mươi năm trời để rồi cuối cùng lại hóa ra chẳng hề biết gì về người đó cả hay không.

Robin khuyên:

- Chỉ cần anh cân nhắc xem anh nên cho anh ấy biết đến đâu thôi.

Họ lại ngồi im lặng, Adam kiểm tra đi kiểm tra lại rất nhiều lần trên bản đồ tất cả những ngã đường khác nhau có thể có khi anh xuống xe. Anh quyết định sẽ đi về phía biên giới Đức và đi đường vòng để về Anh, qua Hamburg hoặc Bremerhaven chứ không chọn đường gần hơn là đi qua Calais hoặc Ostend.

Chợt Robin nói:

- Có rồi.

Adam ngược mắt khỏi tấm bản đồ, hỏi:

- Có cái gì kia?

Cô lẩm bẩm:

- Chuyện hộ chiếu của anh ấy mà

Adam khấp khởi liếc nhìn cô, Robin giải thích:

- Anh đưa hộ chiếu của anh cho tôi. Tôi sẽ trao hộ chiếu của anh bằng hộ chiếu của một người nào đó trong dàn nhạc, ai đó trông khá giống anh nhất. Sẽ không ai nhận ra điều gì khác thường trước khi chúng tôi về đến Anh vào đêm Chủ nhật.

- Cũng là một ý hay đấy, nếu như có ai đó chỉ cần hơi giống tôi thôi cũng được.

Robin nói:

- Phải xem xem có thể làm gì được bây giờ.

Cô ngồi thẳng lên mắt chậm rãi nhìn từng người. Sau khi đã nhìn bao quát hết lượt những người trong xe, cô mỉm cười:

- Có hai người khá giống anh. Một người già hơn anh khoảng năm tuổi, người thứ hai hơi thấp hơn anh một tý, nhưng anh cứ tiếp tục tìm cách nào trốn thoát được một cách an toàn nhất đi, trong khi đó tôi sẽ nghiên cứu cẩn thận cái đã. Đưa hộ chiếu của anh cho tôi.

Adam đưa hộ chiếu cho cô và nhìn theo trong khi cô đi lên phía đầu xe và ngồi xuống cạnh người trưởng đoàn. Anh ta đang nói chuyện linh tinh với người lái xe về một chỗ thích hợp để nghỉ lại ăn trưa. Robin xen vào:

- Tôi muốn xem lại hộ chiếu một tý. Xin lỗi vì làm phiền anh.

Stephen tiếp tục nói chuyện với người lái xe:

- Ồ, không sao cả. Cô lật ghế tôi lên sẽ thấy một cái cặp nhựa, ở trong ấy đấy.

Robin cúi xuống và bắt đầu lục lọi làm như tìm hộ chiếu của mình. Cô nhặt hai tấm hộ chiếu định đánh tráo và so sánh hai tấm ảnh. Ảnh người thấp hơn không có gì giống với Adam. Ảnh người già hơn chắc phải chụp cách đây năm năm là ít, nhưng cũng tạm được với điều kiện đừng xem xét quá kỹ về năm sinh. Robin xếp lại tập hộ chiếu, nhét lại tấm của Adam vào giữa rồi bỏ lại vào cặp nhựa, sau đó đặt lại cái cặp nhựa vào dưới ghế của người trưởng đoàn.

Robin quay về chỗ mình nhét tấm hộ chiếu vào tay Adam:

- Thử nhìn mà xem này.

Adam xem xét tấm ảnh

- Ngoài trừ bộ ria mép ra thì khá giống đấy, và đây ắt là cơ hội tốt nhất trong hoàn cảnh này. Nhưng làm thế nào khi họ về đến London và họ phát hiện ra tấm hộ chiếu bị đánh tráo này?

Robin nói:

- Anh về Lodon trước chúng tôi nhiều. Vậy hãy bỏ vào một cái phong bì cùng với cuốn lịch và gửi thẳng đến cho dàn nhạc Thính phòng Hoàng gia ở phố Wigmore, W1 và họ sẽ gửi trả lại hộ chiếu của anh cho anh.

Adam có thể thề là nếu anh có thể về đến được London thì sẽ trở thành một trong những người gọi điện thường xuyên đến dàn nhạc Thính phòng Hoàng gia nhất.

- Dường như là ít nhất cũng đã giải quyết được một vấn đề khó khăn cho anh rồi nhỉ.

Adam nói:

- Ít nhất là tạm thời vào lúc này. Chỉ ước gì tôi có thể đi cùng cô suốt đoạn đường còn lại.

Robin mỉm cười

- Frankfurt, Berlin, Amsterdam- Nếu như anh thiết đi. Tôi không có hề có ý định gặp Rosenbaum làm gì, nhưng lần này sẽ đổi mặt.

Adam nói:

- Hẳn sẽ gặp được người tương xứng đấy.

Robin bỏ qua lời nhận xét, nói:

- Tôi có thể nhìn bức tranh thánh lần cuối không?

Adam cuối xuống hé áo khoác và lấy bức tranh trong túi đựng bản đồ ra, thật cẩn thận để không ai nhìn thấy nó

Robin nhìn vào mắt Thánh George hồi lâu mới cất tiếng nói

- Đêm qua tôi cứ nằm thức chong chong chờ anh nhảy đến, tôi đã nghĩ mãi xem bức tranh Thánh này có thể che dấu một bí mật như thế nào.

Adam mỉm cười

- Thế mà tôi cứ tưởng cô ngủ. Trong khi cả hai cùng nghĩ đến một việc. Nhưng cô có đưa đến một kết luận đáng kể nào không?

Robin nói:

- Trước tiên tôi nghĩ là khẩu vị của anh dành cho một nhạc công chơi đàn Công tơ bass là đàn ông kìa, hoặc anh định làm thế nào để chịu đựng tôi?

Adam cười hỏi:

- Nhưng còn Thánh George và Con Rồng thì thế nào?

- Thoạt tiên tôi cứ phân vân trong những mẫu chữ Do Thái ấy có giấu mật mã gì không. Nhưng bức tranh ấy được vẽ bởi một bàn tay tài nghệ quá nên nếu có thì mật mã ấy cũng được khắc sau này. Nhưng điều đó nghe khó tin quá.

- Suy luận tốt lắm, Batman à

- Không, anh mới là Batman. Vì thế tôi bèn tự hỏi hay là còn điều gì khác ẩn giấu bên trong bức vẽ đó. Từ hồi còn là học sinh tôi vẫn thường nghe nói rằng Rembrandt và Constable thường vẽ chồng lên những bức tranh của mình. Có thể vì họ chẳng coi tác phẩm của mình ra gì, hoặc là với trường hợp của Rembrandt thì không có tiền mua tấm voan khác

- Nếu vậy thì câu trả lời duy nhất sẽ là chỉ cần một chuyên gia là có thể tiến hành việc bóc từng mẩu màu ra.

Robin nói:

- Đồng ý. Nhưng rồi tôi cũng loại bỏ giả thiết đó. Ý nghĩ thứ ba của tôi là về vành vương miện gắn phía sau bức tranh - cô lật bức tranh lên và nhìn vào mẫu bạc nhỏ khảm sâu vào khung gỗ - vành vương miện này chứng tỏ điều mà viên chuyên gia đã nói với anh, nghĩa là đây là nguyên bản tác phẩm của Rublev và hoàn toàn đó không phải là một phiên bản như anh tưởng.

Adam nói:

- Trong mấy đêm không ngủ vừa rồi tôi cũng đã nghĩ như vậy và mặc dầu quả là nó có một giá trị cao hơn nhiều so với giả thiết ban đầu, vẫn chưa đủ để giải thích tại sao Rosenbaum lại giết người không tiếc tay vì nó.

Robin hỏi:

- Có lẽ ai đó cần bức tranh Thánh cũng chẳng kém gì Rosenbaum

- Nhưng ai và tại sao?

- Bởi vì không phải bức tranh là điều hấn đeo đuổi mà là một cái gì khác nữa. Một cái gì đó giấu sau hoặc trong bức tranh.

Adam làu bàu:

- Dĩ nhiên việc đầu tiên là tôi kiểm tra xem có hay không rồi. Và chắc chắn đó chỉ là một khối gỗ đặc mà thôi

Robin gõ gõ ngón tay khắp khung gỗ tựa như bác sĩ đang khám ngực bệnh nhân:

- Tôi không nhất trí với anh đâu. Từ bé tôi đã làm quen với các nhạc cụ rồi, tôi đã xem người ta làm đàn, đã chơi đàn, thậm chí còn ôm cả đàn mà ngủ nữa. Bức tranh Thánh này không phải là một khối gỗ đặt hoàn toàn, mặc dầu có trời mới biết là tôi làm thế nào cảm thấy được điều đó. Nếu như có cái gì được giấu trong bức tranh này, thì những kẻ tầm thường như hai chúng ta cũng không thể tìm ra đâu.

Adam nói:

- Không thể hình dung nổi nó là cái gì, đúng không?

Robin đưa bức tranh Thánh lại cho Adam và nói:

- Hiển nhiên là như vậy. Nếu có bao giờ anh phát hiện ra đấy là cái gì thì nhớ cho tôi biết với nhé.

Adam bỏ bức tranh lại vào túi áo khoác và nói:

- Cứ mỗi lúc có năm phút rảnh rang thôi là tôi lại nghiền ngẫm những giả thiết về nó.

Robin chỉ ra ngoài cửa sổ:

- Còn hai cây nữa là đến Solothurn

Adam cài lại cúc áo khoác. Robin nói:

- Tôi sẽ tiễn anh xuống.

Cả hai người lách lên qua hai hàng ghế. Lên đầu xe Adam đề nghị người lái xe cho anh xuống trước khi đến làng sắp tới.

Người lái xe nói, không ngoảnh đầu lại:

- Được thôi.

Stephen nói:

- Chia tay sớm thế sao?

Adam nói:

- Rất tiếc là như vậy. Cảm ơn anh vì đã cho tôi đi nhờ. Tôi sẽ không quên chuyện lịch đâu.

Người lái xe về số, ấn nút mở cửa.

Adam hôn lên má Robin và nói:

- Chào em nhé, Robin.

Robin nói:

- Chào anh. Nếu anh gặp mẹ trước em thì hôn mẹ hộ em nhé.

Cô mỉm cười vẫy chào trong lúc cửa đóng sập lại, chiếc xe lại tiếp tục phóng tiếp về hướng Frankfurt.

Adam lại còn lại một mình

*

* *

CHƯƠNG 14

Giáo sư Brunweld ít khi được đối xử kính cẩn. Đó là số phận của một học giả, từ lâu ông đã rút ra kết luận như vậy. Người ta lúc nào cũng chỉ nhắc đến hai chữ “Tổng thống” và ông cũng đôi khi tự hỏi là mình có nên tin vào hai từ ấy không. Điều chắc chắn là đang nửa đêm họ đã lôi ông ra khỏi giường và lặng lẽ điệu ông đến Lầu Năm góc. Người ta nói là cần hỏi ý kiến của một chuyên gia như Brunweld. Liệu có thể như vậy không nhỉ? Sau sự kiện Cuba và Dallas ông đã bắt đầu tin rằng mọi chuyện đều có thể xảy ra.

Ông đã có lần đọc ở đâu đó rằng Lầu Năm góc có rất nhiều tầng, cả ngầm dưới đất cũng như bên trên. Bây giờ ông sẽ có thể biết được điều đó có thật hay không.

Sau khi đưa cho ông một mẫu tài liệu người ta để ông lại một mình. Họ chỉ cần ông trả lời một câu hỏi. Ông đã nghiên cứu các điều khoản trong hơn một giờ sau đó gọi họ đến. Ông cho biết theo ý kiến của ông thì đó là một tài liệu xác thực và nếu như người Nga vẫn giữ được bản thứ hai của tài liệu này, cũng được ký vào năm 1876 thì tổ quốc hiện này của ông sẽ - nói theo lối nói của người Mỹ thế nào bây giờ nhỉ - à, phải rồi, sẽ gặp nhiều rắc rối lớn.

Ông bắt đầu hiểu rằng người ta đã nói rất nghiêm túc là ông sẽ không được phép rời Lầu Năm góc trước ngày thứ Hai. Một khi đã đọc ngày tháng ghi dưới góc tờ giấy thì ông không hề thấy ngạc nhiên nữa. Như vậy ông sẽ có ba ngày hoàn toàn tách được khỏi đám sinh viên hay thắc mắc và bà vợ lảm nhảm của mình. Sẽ chẳng bao giờ có dịp tốt hơn để yên tĩnh và đọc tuyển tập của Proust.

Romanov biết hẳn không thể mạo hiểm đứng cạnh chiếc xe lâu hơn nữa. Bộ quần áo hẳn mặc quá nổi bật khiến tất cả những ai ra vào cửa khách sạn đều có thể chú ý. Ba phút sau hẳn quăng chiếc mũ màu xám lên băng ghế sau và bảo Valcheck đánh xe ra khỏi bãi đỗ của khách sạn và quay về Sứ quán.

Valcheck gật đầu. Anh ta đã thực hiện mệnh lệnh của Romanov “thay thế” hai điệp viên người Anh dễ dàng như được người ta nhờ bật một cái ống nước bị vỡ. Điều duy nhất không theo đúng kế hoạch là Valcheck đã phải cố gài kín nút áo của bộ đồng phục của người lái xe “bị thay”, Romanov nghĩ là hẳn đã nhận ra một nụ cười tự ái trên mặt Valcheck khi anh ta nhận ra ai sẽ phải đóng vai lái xe.

Romanov đứng vào dưới một bóng râm chờ thêm nửa tiếng nữa, cho đến khi tin chắc rằng kế hoạch đã bị hủy bỏ từ bên London. Hắn vẫy một chiếc taxi và bảo tài xế đưa về đại Sứ quán. Hắn không nhận thấy người lái xe có vẻ nghi ngờ nhìn người hành khách mặc bộ đồng phục lái xe.

Chẳng lẽ hẳn có thể để sống Adam lần thứ hai ư? Chẳng lẽ một lần nữa hẳn lại đánh giá thấp gã người Anh? Một lần nữa Yuri sẽ đòi hỏi một lời giải thích đáng tin cậy.

Trên đường về Sứ quán bỗng trong óc Romanov lóe lên một hình ảnh, nhưng hẳn vẫn không phân biệt được rõ cảm giác đó. Có cái gì đó không đúng lắm đã xảy ra ở ngoài khách sạn. Chỉ cần suy nghĩ mình mãi một lúc thôi là mọi sự sẽ rõ ràng. Hắn nhớ lại từng thời điểm trong ba mươi phút cuối cùng như quay ngược một cuốn phim, nhưng một vài khuôn hình vẫn rung lên nhòe nhoẹt.

Về đến Sứ quán, Valcheck đưa cho hắn một cái phong bì lớn và nói rằng do Moscow vừa gửi

đến bằng chuyển thư ngoại giao.

Romanov đọc lần thứ hai bức thư vừa được giải mã, vẫn không hiểu điều đó có ý nghĩa như thế nào.

“Hiện có một tài liệu liên quan đến đại tá Gerald Scott, Huân chương Quận công, Huân chương chiến công, Huân chương Anh dũng và có thể sẽ có ích khi tiếp xúc được với đối tượng. Toàn bộ tài liệu sẽ được chuyển đến vào sáng nay. Muộn nhất là buổi trưa”.

Romanov băn khoăn không hiểu tổng hành dinh có thể phát hiện được điều gì về cha Scott mà có thể có lợi cho hắn. Ý định chưa hề thay đổi của hắn vẫn là đưa con trai sẽ sớm đi gặp thẳng bố ở địa ngục trước khi có một mệnh lệnh tiếp theo nào của Moscow.

Romanov nghĩ đến cha mình và lối thoát mà có lẽ ông đã chọn là bỏ lại một đồng của cải như vậy. Phải, hồi đó hắn đã may mắn.

Bây giờ, vì một may mắn tiếp theo, hắn cần phải giết cho được Scott và mang bức tranh Thánh về. Nếu như thất bại....thì hắn sẽ phải xuống gặp cả hai người cha.

Romanov vừa đi về phòng làm việc nhỏ mà người ta dành sẵn cho hắn, vừa nói:

- Hắn vừa rất thông minh, vừa là một kẻ không chuyên nghiệp vô cùng may mắn.

Valcheck đi theo sau không bàn bạc lời nào mà chỉ hỏi tiếp theo đây phải làm gì.

- Hãy nói cho tôi biết cậu nhìn thấy những gì trong thời gian chúng ta ở khách sạn ấy.

Valcheck hỏi:

- Anh muốn nói gì?

Romanov vừa mặc lại bộ quần áo của mình, vừa nói:

- Không cần phải hỏi, mà hãy trả lời đi. Hãy nói lại cho tôi tất cả những gì cậu nhớ là đã nhìn thấy, kể từ lúc chúng ta đến trước cái khách sạn ấy.

Valcheck bắt đầu nói:

- Chúng ta tới khách sạn lúc mười giờ kém mấy phút, đỗ chiếc Mercedes ở phía bên kia đường và chờ Scott xuất hiện. Sau đó chúng ta chờ ở đó cho đến mười giờ hơn mấy phút nhưng không thấy bóng dáng Scott đâu.

- Không, không, không. Kỵ hơn nữa. Đừng chung chung như vậy. Ví dụ, cậu có nhớ là có điều gì không bình thường xảy ra trong khi chúng ta đứng đợi không?

Valcheck nói:

- Không có gì đặc biệt cả. Mọi người vẫn liên tục ra vào khách sạn, nhưng tôi cam đoan là không có Scott trong số những người đi ra hoặc đi vào.

Romanov hỏi:

- Cậu quá chủ quan khi cam đoan như vậy. Sau đó thế nào nữa?

- Sau đó ư? Sau đó anh ra lệnh cho tôi quay lại Sứ quán và chờ anh về.

- Lúc đó là mấy giờ?

- Lúc đó chắc chắn là mười giờ bảy phút. Tôi nhớ chắc chắn là như vậy, bởi vì lúc chiếc xe du lịch chuyển bánh tôi có nhìn đồng hồ.

Romanov hỏi:

- Chiếc xe du lịch ư?

- Đúng vậy. Chiếc xe chở đầy nhạc cụ. Nó chạy lúc...

Romanov nói:

- Nhạc cụ. Đúng rồi. Bây giờ tôi mới nhớ ra điều gì cứ làm tôi lo lắng. Đàn Cello, đàn Violin, và một chiếc Công tơ bass nữa cũng không được chất vào hòm xe.

Valcheck có vẻ bối rối nhưng không nói gì.

- Gọi điện ngay cho khách sạn và hỏi xem những ai lên chiếc xe du lịch ấy và họ đang đi về hướng nào.

Valcheck chạy bổ đi ngay.

Romanov nhìn đồng hồ: Mười giờ năm lẫn. Phải đi ngay, đi thật nhanh. Hắn ấn nút đàm thoại nội bộ bên cạnh điện thoại:

- Tôi cần một chiếc xe chạy rất nhanh, và quan trọng hơn nữa là một lái xe siêu hạng.

Valcheck quay lại vừa lúc Romanov đặt ống nghe xuống:

- Chiếc xe du lịch đó là của Dàn nhạc giao hưởng Hoàng gia thuê, họ đang đi biểu diễn vòng quanh châu Âu...

Romanov nói:

- Tiếp theo đây họ biểu diễn ở đâu?

- Frankfurt.

*

* *

Adam ra khỏi thị trấn nhỏ, không quên kiểm tra mọi sự bằng một đôi mắt quân sự lão luyện. Con phố chính vắng tanh nhưng có một thằng bé đang chơi đá bóng vào một bên sườn núi được quy ước, khung thành. Thằng bé quay lại, nhìn thấy Adam, nó đá quả bóng về phía anh. Adam đá trả lại, thằng bé bắt quả bóng bằng tay và ngoác miệng cười. Nụ cười biến mất

khi nó thấy Adam vội vã đi nhanh về phía sườn núi. Trên dãy phố chính chỉ có vài ngôi nhà cũ kỹ. Một bên đường là khe núi rất nguy hiểm phủ đầy dây leo, trong khi phía bên kia trải dài thoải thoải những cánh đồng xanh tươi với những con bò cổ đeo chuông leng keng đang vui sướng nhảy nhót trên bãi cỏ. Đàn bò khiến Adam thấy đói bụng.

Anh đi tiếp lên núi cho đến khi gặp một khúc quanh. Đứng ở góc này anh có thể quan sát xuống tận chân núi trong vòng nửa dặm mà không bị ai phát hiện. Anh đứng đó thử xem kế hoạch mình đề ra có khả thi hay không, chỉ một lúc sau anh đã phát hiện rất nhanh những chiếc xe kiểu Anh hoặc mang biển số Anh trong vòng hai ba trăm mét trở lại. Cũng không khó nhận thấy rằng ít có người nước ngoài nào thích mua một chiếc xe của Anh.

Hai mươi phút tiếp theo đó anh đã vẫy khoảng bảy chiếc xe mang biển số anh chạy về hướng Lausanne nhưng không ai dừng lại. Adam quên biến mất rằng ngày xưa khi còn mặc quân phục thì vẫy xe thật dễ dàng. Hồi đó hầu như tất cả mọi người đều dừng lại. Anh nhìn đồng hồ: chỉ có thể mạo hiểm thêm vài phút nữa là cùng. Ba chiếc nữa không dừng lại, thế rồi chiếc thứ tư đi chậm lại chỉ để chạy nhanh hơn trong khi Adam vội vã chạy tới.

Lúc mười một giờ hai mươi Adam quyết định không thể đứng trên đường nữa. Anh nhìn xuống khe núi và nhận ra không còn cách nào khác ngoài việc cuốc bộ. Anh nhún vai và bắt đầu bước lên những bậc thang dẫn xuống một thung lũng hy vọng gặp một con đường khác mà trên bản đồ được đánh dấu khá rõ. Adam buột miệng chửi thề khi nhìn thấy một khoảng đất trống trải. Giá như anh bắt đầu đi cách đây một giờ.

- Tôi e rằng Nam Cực đã chết.

- Tại sao?

- Bởi vì giờ đây chúng ta biết rõ rằng cha anh đã dính dáng đến việc giúp đỡ cho Goering chết một cách dễ dàng.

- Tôi không hiểu.

- Anh không thể hiểu được mặc dầu điều đó hoàn toàn đơn giản. Anh chàng đồng hương người Anh lúc - nào - cũng - vững - vàng của anh là con trai của một thằng chó đẻ đã tuần cyanua vào phòng giam Goering ở Nuremberg. Phần thưởng cho sự phục vụ ấy của hắn hóa ra lại là bức tranh Thánh của Sa hoàng.

- Nhưng tất cả các thành viên trong nhóm D4 của chúng ta đều cho rằng anh ta là hy vọng

duy nhất của chúng ta.

- Tôi chẳng cần biết D4 của các anh nghĩ cái mẹ gì cả. Nếu hồi chiến tranh thắng bố có thể đứng về phía bọn Đức thì tại sao trong hòa bình thằng con lại không thể làm việc cho người Nga?

- Cha nào con nấy mà.

- Hẳn rồi.

- Vậy thì tôi phải làm gì bây giờ?

- Cứ báo cáo cho chúng tôi biết những việc làm của Bộ ngoại giao về chuyện này. Còn lại điệp viên của chúng ta ở Thụy Sĩ sẽ lo.

- Nhanh nữa lên!

Romanov rít lên mặc dù hiểu rằng không phải là vì người lái xe của Sứ quán không đủ tài nghệ. Lúc nào hắn cũng cảm thấy đang bị tuột mất một tia sáng, một kẽ hở, một cơ hội để đuổi kịp. Thực tế kim đồng hồ trên đồng hồ cây số chỉ cần thêm lên năm kilômét một giờ nữa là có thể khiến họ lao xuống vực thẳm. Lúc ở trên đường cao tốc họ đã nháy đèn liên tục và người lái xe không hề rời tay khỏi nút bấm còi, đồng hồ tốc độ không hề tụt xuống dưới một trăm ba mươi kilômét một giờ.

- Nhất định phải đuổi theo hắn cho đến tận biên giới.

Hắn cứ nhắc đi nhắc lại và nhìn vào bảng đồng hồ. Sau khi họ phóng được hơn một trăm cây số chỉ trong vòng có năm lăm phút cả ba người bắt đầu nhìn chăm chăm về phía trước tìm chiếc xe du lịch, nhưng phải thêm ba mươi cây số nữa Valcheck mới chỉ về phía trước và hét to:

- Nhất định là kia rồi, cách đây khoảng một kilômét trên sườn núi.

Romanov nói, mắt không rời khỏi chiếc xe du lịch.

- Ép chúng ra khỏi đường!

Người lái xe của Sứ quán phóng vọt lên để vượt qua rồi ngay lập tức đánh mạnh tay lái sang bên trái khiến người lái xe du lịch phải đạp hết phanh và chúi sang bên lề đường. Valcheck ra hiệu cho người lái xe du lịch đi chậm lại.

Romanov nói:

- Không ai được nói gì, để mọi chuyện cho tôi, và đứng gần xe để phòng bất trắc.

Hắn nhảy ra khỏi xe và chạy về phía chiếc xe du lịch, mắt chăm chăm tìm một bóng người đang chạy trốn. Hắn sốt ruột bám vào cửa xe cho đến khi người lái xe bấm nút và cánh cửa to tướng bật mở. Romanov nhảy lên, hai người kia đi sau vài bước. Hắn rút hộ chiếu trong túi ra dí vào mặt người lái xe đang sợ chết khiếp và hét lên:

- Ai là người phụ trách ở đây?

Stephen Grieg đứng lên:

- Tôi là giám đốc công ty. Tôi có thể...

Romanov nói:

- Cảnh sát Thụy Sĩ đây.

Grieg toan hỏi thì Romanov đã nói:

- Sáng nay khi rời khỏi Geneva các anh có chở thừa người nào không?

Grieg nói:

- Không.

Romanov cau mặt:

- Trừ phi nếu anh muốn nói đến anh trai của Robin Beresford.

Romanov hỏi, lông mày hấn ngược lên nghi ngờ:

- Anh trai của Robin Beresford à?

Người trưởng đoàn trả lời:

- Phải. Adam Beresford. Nhưng anh ta chỉ đi cùng chúng tôi đến Solothurn rồi xuống.

Romanov nhìn quanh tìm một gương mặt đàn ông:

- Ai trong các anh là Robin Beresford?

Một giọng véo von vang lên từ cuối xe:

- Tôi đây.

Romanov đi về phía cuối xe, hấn nhìn thấy chiếc đàn công tơ bass, thế là mọi chuyện đã ăn khớp. Chính điều đó đã làm hấn cứ áy náy mãi về một cái gì đó không có trong kịch bản. Phải, đó chính là điều không hợp lý. Tại sao cô ta lại không để cây đàn trong hòm xe cùng với nhạc cụ của mọi người? Hấn nhìn xuống người phụ nữ khổng lồ ngồi sau cái nhạc cụ quái vật.

- Anh cô là người có tên là Adam?

Robin nói:

- Phải.

- Hoàn toàn trùng hợp.

Cô nói, cố không để lộ sự hồi hộp:

- Tôi chẳng hiểu ông định nói gì cả.

- Người tôi đang tìm hóa ra cũng có tên là Adam.

Robin nói:

- Một cái tên khá là thông thường. Có lẽ ông không bao giờ đọc chương một của Kinh Thánh thì phải?

Romanov nói tiếp, mắt nhìn cô gái một cách dò xét:

- Cao một mét tám hai, có lẽ tám lăm thì đúng hơn. Tóc đen, mắt đen, gầy và chắc. Không có vẻ là anh cô lắm.

Robin vuốt mớ tóc đỏ ra phía sau nhưng vẫn không đứng lên. Romanov cảm thấy từ những khuôn mặt lo lắng xung quanh một điều: đó là chính Scott đã từng có mặt trên xe.

Hắn nhấn mạnh từng lời:

- *Anh trai* cô định đi đâu sau khi xuống xe?

Robin nói, vẫn không thay đổi giọng nói lịch sự một cách khó chịu:

- Tôi không biết.

- Tôi sẽ cho cô một cơ hội để hợp tác với chúng tôi. Anh cô đi về hướng nào?

- Còn tôi nói lại với ông một lần nữa, tôi không biết.

Romanov nói:

- Nếu cô không trả lời câu hỏi của tôi thì tôi buộc phải bắt giữ cô.

Robin lạnh lùng hỏi:

- Theo sự ủy quyền của ai?

Romanov định đưa hộ chiếu ra, nhưng nghĩ lại hắn thấy cô gái này có vẻ đáng sợ hơn cả người lái xe lẫn anh chàng trưởng đoàn. Hắn bèn nói vẻ vững vàng:

- Theo sự ủy quyền của cảnh sát Thụy Sĩ.

- Vậy thì chắc ông vui lòng cho tôi xem giấy tờ?

Romanov sáng giọng:

- Cô không được xúc phạm tôi như vậy.

Hắn đứng cao lưng lững trước mặt cô.

Robin đứng dậy nói:

- Chính ông là người đang xúc phạm tôi. Ông lái xe trước mặt chúng tôi như một thằng điên, suýt nữa làm chúng tôi lăn xuống vực. Rồi ba người các ông nhảy xổ vào như bọn cướp Chicago, tự xưng là cảnh sát Thụy Sĩ. Tôi chẳng biết các ông là ai hay là cái gì nhưng tôi có thể cho ông biết hai điều bí mật. Ông cứ thử chạm đến tôi xem, bốn mươi ba người trên xe này sẽ đánh cho ông và hai người kia như tử ra đấy. Và thậm chí nếu các ông thoát khỏi xe này mà còn sống sót, thì hãy nhớ rằng chúng tôi là những thành viên của Dàn nhạc giao hưởng Hoàng gia và do đó là khách mời của chính phủ Thụy Điển. Mấy phút nữa, sau khi qua biên giới chúng tôi sẽ trở thành khách mời của chính phủ Tây Đức, vì thế các ông đang dọn đường để lên trang

nhất của tất cả các tờ báo trên thế giới đây. Chỉ một hành động này các ông cũng tạo ra một ý nghĩa mới cho mấy từ "Sự kiện ngoại giao" - Cô cúi xuống chỉ tay vào mặt hắn - Vì thế tôi nói cho ông biết nhé, với tư cách là một phụ nữ hoàng tộc tôi nhốt toẹt vào mặt ông.

Romanov đứng sững nhìn cô một hồi, rồi lùi lại trong khi Robin vẫn trừng mắt nhìn. Khi ra đến cửa trước hắn vẫy Valcheck và gã lái xe ra hiệu đi. Hai người kia miễn cưỡng tuân lệnh. Chân Romanov vừa chạm đất người lái xe du lịch đã đóng sập cửa lại, nhanh nhẹn cài số một rồi cho xe chạy tiếp lên con đường cao tốc.

Cả dàn nhạc quay lại nhìn Robin và nồng nhiệt hoan hô cô - kiểu nồng nhiệt thông thường chỉ dành cho nhạc trưởng.

Tràng vỗ tay tiếp tục và không được tán thưởng lắm. Robin ngã vật xuống ghế. Cô run bần bật không sao kìm nổi và nhận ra rằng không ai trong số bốn mươi ba người đàn ông kia dám giơ một ngón tay lên để chống lại Rosenbaum.

Sir Morris Youngfield nhìn quanh: mọi người vẫn ngồi nguyên tại chỗ trong khi nghe người trưởng nhóm thông báo ngắn gọn. Sir Morris nhìn số Hai, lần này vẫn ngồi ở cuối bàn, ông nói:

- Xin các ông hãy nghe báo cáo mới nhất.

Lawrence bắt đầu nói:

- Thừa các ngài, tôi e rằng báo cáo không được rõ ràng lắm. Hai điệp viên giỏi nhất của chúng ta đã được chọn để đến đón Scott tại khách sạn Richmond theo kế hoạch đã định để đưa anh ta về sứ quán Anh một cách an toàn.

Sir Morris hỏi:

- Vậy có chuyện gì không?

- Không một ai trong số người của chúng ta ở Geneva biết rõ cả. Chỉ biết là người của chúng ta không hề đến khách sạn đó và sau đó không ai nhìn thấy hai điệp viên đó nữa.

Bucsh hỏi:

- Cảnh sát Thụy Sĩ nói thế nào?

Lawrence quay lại phía người Mỹ, nói:

- Cảnh sát Thụy sĩ chẳng được tích sự gì. Họ biết rằng chúng ta không phải lực lượng nước ngoài duy nhất tham gia vào vụ này. Vì thế như vẫn thường làm trong các hoàn cảnh tương tự, họ không hề tỏ rõ ý định đứng về bất cứ bên nào.

Snell nói:

- Cái bọn Thụy Sĩ chết tiệt này.

Matthews hỏi:

- Vậy chúng ta có biết hiện nay Scott đang ở đâu không?

Lawrence nói:

- Chúng ta cũng không có kết quả gì trong việc tìm kiếm anh ta.

Matthews mỉm cười trước vẻ ngượng ngùng của Lawrence. Anh nói tiếp:

- Chúng ta chỉ biết chắc là anh ta đã lên chiếc xe du lịch cùng với cô gái tên là- anh nhìn xuống tờ giấy trước mặt - Robin Beresford. Nhưng khi đến cửa khẩu thì người của chúng ta chờ sẵn ở đó không thấy có anh ta trong số những người ngồi trên xe. Xe của dàn nhạc dự định sẽ đến khách sạn đặt sẵn ở Frankfurt vào lúc một giờ vì thế khi đó chúng ta sẽ có thể tìm hiểu thêm.

- Cảnh sát Đức tỏ ra hợp tác hơn cảnh sát Thụy Sĩ nhiều- Lawrence nói thêm.

Sir Morris hỏi:

- Trong lúc này *chúng ta* còn có việc gì để làm nữa không?

- Kiểm tra tất cả mọi chỗ thông thường, mặt khác tiếp tục theo dõi Romanov. Tên này đi qua tình cờ lại cũng đến biên giới Pháp. Một đầu mối cũ của chúng ta đã nhận ra hắc mặc đầu hắc đã cắt tóc ngắn và không hợp với vẻ mặt hắc chút nào.

Matthews nói:

- Vậy thì lúc này Scott có thể ở bất cứ chỗ nào ư?

Lawrence lưỡng lự rồi nói đều đều:

- Tôi không biết.

Sir Morris từ đầu bàn bên kia nhìn thẳng vào mặt Lawrence nhưng không nói gì.

Snell hỏi:

- Ông nghĩ là anh ta có liên lạc với ông không?

- Hầu như chắc chắn, nếu như anh ta còn sống.

Bucsh nói:

- Nếu như Romanov vẫn còn ở lại Thụy Sĩ thì chắc chắn là Scott còn sống. Bởi vì một khi đã đoạt được bức tranh Thánh hắc sẽ chạy về phía Đông ngay.

Lawrence nói:

- Đúng vậy. Và chúng tôi cũng có người ở các sân bay để kiểm tra mọi chuyến máy bay về phương Đông. Vì vậy tôi đề nghị là chúng ta sẽ tiếp tục theo dõi các tiến triển sắp tới và sẽ họp lại ở đây vào bảy giờ sáng mai, trừ trường hợp Scott liên lạc được với tôi trước đó.

Sir Morris gật đầu và đứng lên. Mọi người cũng đứng dậy. Sir Morris nói:

- Cám ơn tất cả các ngài.

Ông bước về cuối phòng, lúc đi qua Lawrence ông lăm bắm:

- Lúc nào có thể có lẽ anh lại phòng tôi một tý.

Adam vừa trượt vừa ngã những mét cuối cùng để xuống khe núi trước khi ngã ùm xuống đáy khe. Tay anh đứt và chảy máu nhiều chỗ, quần rách tướp, bê bết bùn đất. Anh ngồi yên khoảng hai phút, cố lấy lại hơi thở bình thường trong khi nhìn lại lên con đường trên cao. Mất gần một giờ anh mới lần hết quãng đường mà một hòn đá chỉ cần ba giây là xong. Tuy vậy vẫn còn có một cái lợi: từ trên đường sẽ không một ai có thể nhìn thấy anh. Anh nhìn qua thung lũng trước mặt, lúc này từ thung lũng bất cứ ai cũng có thể phát hiện ra anh vì thế không còn phương án nào khác nữa.

Adam dùng mắt để ước lượng và kiểm tra lại bằng bản đồ. Bản đồ không tác dụng lắm nhưng anh vẫn ước lượng được khoảng cách đến dải đá bên kia thung lũng khoảng hơn hai dặm gì đó. Ít nhất tấm bản đồ cũng hứa hẹn với anh là ở đó có một con đường khuất phía sau dải đá kia. Adam xem xét đất đai ở đây: cả một cánh đồng xanh mướt, không hề có mô đất nào che khuất tầm nhìn, rồi đến một con sông rộng và nông. Anh nhớ là mình đã ước lượng là có thể đi qua cánh đồng và tới được con đường kia trong khoảng hai mươi phút. Sau khi kiểm tra lại xem bức tranh Thánh có còn nằm trong túi không anh bắt đầu bước đi một cách loạng choạng.

*

* *

Romanov không hề rằng nói lời nào kể từ khi ba người bọn hắn bị tống cổ một cách chẳng lấy gì làm vinh dự khỏi chiếc xe du lịch. Valcheck và người lái xe cũng không phát biểu một ý kiến nào. Romanov biết cô gái đã bắt được quả tang hắn thâu cáy, cho nên hắn không dám mạo hiểm để xảy ra một vụ xúc phạm ngoại giao nào nữa, nếu không chắc chắn sự việc sẽ được báo cáo ngay về Moscow. Nhưng Romanov sẽ không bao giờ quên con bé có cái tên đàn ông ấy.

Solothurn cách đây khoảng bốn mươi dặm về phía ngược lại, người lái xe không thể phóng hết quãng đường ấy trong vòng hai mươi phút bởi vì Romanov khẳng khẳng bắt anh ta đi chậm lại mỗi khi vượt qua những chiếc xe tải theo hướng ngược lại bọn họ. Họ kiểm tra từng người ngồi trên những chiếc xe chạy phía bên kia đường để phòng trường hợp Scott vẫy xe xin đi nhờ. Đó là một việc cần thiết nhưng cũng có nghĩa là sẽ phải mất ba mươi phút mới quay lại đến Solothurn được. Ít nhất thì Romanov cũng cảm thấy tin rằng Scott không đi về hướng biên giới Đức - trừ phi hắn có thể cải trang thật tốt hoặc náu trong một cái hòm xe nào đó.

Vừa đến Solothurn, Romanov ra lệnh cho người lái xe bỏ xe lại giữa thị trấn trong khi họ đi lên cao hơn để xem có thể đoán được là Scott đã đi về hướng nào không. Tất cả những người dân địa phương mà bọn hắn hỏi thăm đều nói là không hề nhìn thấy một ai giống với Adam đi qua đây sáng nay. Romanov bắt đầu phân vân không hiểu hắn ta nên nhằm tới biên giới phía

nào, vừa lúc ấy hắn nhìn thấy người lái xe đá quả bóng lại cho một thằng bé. Romanov nhìn xuống chân núi và suýt nữa quất mắng thằng bé thì nó quay lại và đá rất mạnh quả bóng về phía mình. Romanov bắt dính quả bóng và đá vào gôn. Romanov quay lại chỗ tay lái xe và sắp hết to gọi anh ta thì quả bóng lại xuất hiện ngay trước chân. Hắn giận dữ nhặt lên và ném mạnh về phía thằng bé thì nhìn thấy vẻ hy vọng trên khuôn mặt đang ngoác miệng cười. Romanov giơ cao quả bóng lên đầu, thằng bé vội chạy đến nhảy lên cổ với lấy quả bóng, nhưng cổ đến đâu nó cũng không thể nào với được.

Hắn nói chậm bằng tiếng Đức:

- Sáng hôm nay cháu có thấy người lạ nào đến đây không?

Thằng bé đáp:

- Có, có. Nhưng ông ta chẳng đá trúng quả nào cả.

Romanov hỏi:

- Ông ta đi đâu rồi?

Thằng bé nói:

- Lên trên núi.

Mặc cho thằng bé thất vọng Romanov buông rơi quả bóng và bắt đầu chạy, Valcheck và người lái xe chạy theo sau.

Thằng bé chạy theo và kêu lên:

- Nein, nein. Không.

Romanov quay lại và thấy thằng bé đứng ngay chỗ lúc nãy Adam đã đứng để vẫy xe, tay nó chỉ lên phía khe núi.

Romanov vội quay lại bảo người lái xe:

- Chạy về đem xe đến đây. Tôi cần cái ống nhòm và bản đồ.

Người lái xe chạy xuống chân núi, thằng bé chạy theo sau. Một phút sau chiếc Mercedes lướt đến cạnh Romanov, người lái xe nhảy ra đưa ống nhòm cho hắn trong khi Valcheck trái tẩm bản đồ lên mũi xe.

Romanov chỉnh ống nhòm và bắt đầu quan sát khắp những ngọn núi phía xa. Một phút sau ống kính mới dừng lại ở một cái chấm màu nâu đang lên lên ngọn núi xa nhất.

Romanov buông một tiếng cộc lốc:

- Súng

Adam biết rõ cái gì vừa xuyên vào vai mình và viên đạn được bắn ra từ đâu. Theo trực giác anh tiếp tục lăn tròn cho đến khi chạm vào cái cây gần nhất. Sau đó mới bắt đầu thấy đau. Mặc dầu viên đạn đã giảm gần hết sức mạnh vì khoảng cách quá xa như vậy nhưng nó vẫn nhói lên như răn cắn, máu bắt đầu từ vết thịt bị xé chảy dọc theo áo khoác. Adam quay lại nhìn về phía sau. Không nhìn thấy bóng ai nhưng anh biết chắc là Romanov đang đứng đó chờ để nã một phát thứ hai.

Adam khó nhọc quay lại và nhìn lên trên đỉnh dốc. Chỉ còn khoảng ba mươi mét nữa là đến bờ dốc phía bên kia, có nghĩa là đến nơi tạm thời an toàn. Nhưng anh sẽ phải chạy qua đỉnh dốc, phơi mình khá lâu trước những phát súng nguy hiểm đang rình. Thậm chí nếu có thoát được thì Romanov vẫn có thể dùng xe đuổi kịp trong vòng ba mươi phút.

Nhưng dù sao đây cũng là cơ hội duy nhất còn lại. Adam bò chậm, rất chậm từng phân lên đỉnh dốc, nhờ những bụi cây mà anh vẫn có thể dùng làm vật che chắn. Anh lê kiểu cua bò, chân nào tay nấy. Sau khi bò được mười mét, Adam biết rằng độ dốc sẽ phản lại anh và Romanov sẽ dễ dàng nhắm vào cái mục tiêu phẳng di chuyển rất chậm. Anh trườn khoảng bốn lần nữa rồi dừng lại.

Mày không thể nào giơ súng mãi như thế được. Adam nghĩ thầm. Anh chậm rãi đến đến hai trăm.

Romanov chĩa ống nhòm vào bụi cây. Đột nhiên Adam bật dậy và chạy trốn, như đó là hai mươi mét cuối cùng của vòng chung kết Olympic.

Khẩu súng nhắm vào cái điểm đang chuyển động trong khi Adam quăng mình qua đỉnh dốc. Viên đạn thứ hai sượt qua đầu anh.

Romanov bật chửi thề và nhìn qua ống nhòm. Hắn quay lại tấm bản đồ trải rộng. Valcheck cũng đi vòng qua xe đến đứng canh. Romanov bắt đầu cân nhắc một phương án khác:

- Trong mười phút hắn sẽ tới con đường kia - hắn chỉ vào giữa một đoạn đường chỉ màu đỏ chạy giữa Neuchatel và biên giới Pháp - Trừ phi bị trúng viên đạn đầu tiên sẽ khiến hắn khó khăn hơn. Vậy mất bao nhiêu phút thì tới được đó?

Người lái xe nhìn bản đồ và trả lời:

- Hai mươi lăm, nhiều nhất là ba mươi phút, thưa thiếu tá.

Romanov quay lại nhìn về phía dãy núi:

- Ba mươi phút, Scott. Đó là tất cả thời gian mày còn được sống.

Chiếc xe rô máy phóng đi thẳng bé liên chạy thật nhanh về nhà. Nó hỗn hển kể cho mẹ nghe tất cả những chuyện vừa nhìn thấy. Mẹ nó mỉm cười vẻ hiểu biết. Chỉ có trẻ con mới hay tưởng tượng ra những chuyện như thật như vậy.

*

* *

Adam nhìn lên và nhận ra con đường chỉ còn cách khoảng một dặm. Anh chạy chậm nhưng không thay đổi tốc độ và mỗi lúc thấy càng khó khăn hơn. Anh lo lắng muốn đứng lại xem xét vết thương, nhưng muốn chờ ra đến đường đã. Viên đạn xuyên qua phần mềm làm anh đau đớn vô cùng. Chỉ cần viên đạn chệch xuống một inch nữa thôi là anh sẽ không thể nào đi được nữa. Anh yên tâm khi thấy máu chỉ chảy thành một vệt nhỏ trên chiếc áo khoác. Anh gập chiếc khăn tay làm bốn lần rồi đặt vào dưới áo sơ mi, chỗ vết thương. Anh biết mình không thể mạo hiểm đến một bệnh viện được. Nếu đêm đến và có thể tìm được một hiệu thuốc nào đó thì có lẽ anh có thể tự băng bó lấy.

Adam nhìn lại bản đồ. Bây giờ anh chỉ còn cách biên giới Pháp vài cây số nữa thôi. Vì thế, với vết thương này thì vượt biên giới sang Pháp càng nhanh càng tốt thì tốt hơn là theo kế hoạch cũ đi tiếp với Basle và Bremerhaven.

Anh bắt đầu tuyệt vọng vẫy mọi chiếc xe đi qua, không buồn để ý đến biển số nước nào nữa. Anh cảm thấy mình có thể an toàn trong vòng hai mươi phút nữa nhưng sau đó sẽ phải trốn lại vào núi. Không may làm sao, càng lúc càng ít xe chạy về phía biên giới Pháp hơn là những xe chạy về phía Basle và tất cả đều chẳng hề chú ý đến bàn tay anh vẫy. Anh đang lo là thời gian mỗi lúc càng gần đến lúc phải quay lại trốn vào núi thì một chiếc Citroen màu vàng tạt vào lề cách đó mấy mét.

Adam vừa đến cạnh chiếc xe thì một người phụ nữ ngồi ở ghế trước đã nhào ra cửa sổ. Adam hỏi, cổ phát âm từng từ một rõ ràng:

- Các - vị - đi - đâu - đấy?

Người lái xe cũng thò đầu ra nhìn Adam từ đầu đến chân và nói bằng giọng Yorkshire:

- Chúng tôi đi Dijon, có giúp gì được anh không, anh bạn?

Adam yên tâm vì bề ngoài tả tơi của mình không khiến cho họ bỏ chạy, anh nói:

- Vâng, làm ơn cho đi nhờ.

- Vậy ngồi ở đằng sau với con gái tôi.

Adam làm theo. Chiếc Citroen phóng đi. Adam nhìn qua cửa sổ sau kiểm tra: anh nhẹ người thấy con đường đằng sau vắng tanh không một bóng người.

Người đàn ông sang số ba và nói:

- Jim Hardcastle.

Jim là người có vẻ cởi mở với nụ cười ấm áp in đậm trên khuôn mặt mập mạp hồng hào.

Mái tóc màu vàng sẫm chải thẳng vuốt ra sau và bị ẹp phẳng xuống bằng kem Brylcreem. Ông mặc áo khoác bằng vải tuytso và chiếc sơ mi hở cổ để lộ ra một mảng lông ngực màu hung hung. Adam thấy dường như ông không hề bận tâm về vòng bụng của mình bao giờ. Ông hích khuỷu tay về phía người phụ nữ ngồi bên cạnh, nói tiếp:

- Còn đây là vợ tôi, Betty.

Người phụ nữ quay lại, cũng một đôi má hồng hào và nụ cười nũng nịu như vậy. Tóc bà nhuộm vàng nhưng chân tóc vẫn lộ ra từng đám đen nhánh.

Jim Hardcastle nói thêm, hầu như sau khi nghĩ ngợi kỹ càng:

- Và ngồi bên cạnh anh là con gái chúng tôi, Lynda. Nó vừa tốt nghiệp xong và mới vào làm việc cho Hội đồng hành chính của quận tôi, đúng không con, Linda?

Linda gật đầu nũng nịu.

Adam nhìn cô gái vừa mới tập trang điểm cho nên không thành công lắm. Đôi lông mày tô đậm và màu son hồng không ăn nhập mấy với nhau khiến Adam nghĩ rằng điều khiến cô bé trở nên hấp dẫn có lẽ là do đang ở tuổi mười mấy là cùng.

- Còn tên anh là gì, anh bạn?

Adam nhớ lại cái tên trong hộ chiếu mới của mình, nói:

- Dudley Hulme. Các vị đang đi nghỉ hè à? - Anh nói thêm, cố không nghĩ đến cái vai đang đập thon thót.

Jim nói:

- Vừa đi làm, vừa đi chơi. Nhưng đoạn hành trình này là dành cho tôi và Betty. Chúng tôi bay đến Geneva hôm thứ bảy và thuê chiếc xe này để đi du lịch vòng quanh Italia. Đầu tiên chúng tôi đến Simplon trước. Đó là một thành phố hấp dẫn, chỉ sau Hull thành phố quê hương tôi mà thôi.

Lẽ ra Adam phải hỏi tỉ mỉ thêm, nhưng Jim không để anh chen vào câu nào.

- Anh thấy đấy, tôi làm nghề sản xuất mù tạt. Tôi là giám đốc xuất khẩu của công ty Colman và hiện nay đang trên đường đi dự hội nghị hàng năm của IMF. Có lẽ anh đã từng nghe thấy tên đó - Adam gật đầu có biết - Liên đoàn Mù tạt Thế giới,

Adam suýt bật cười nhưng vì vai đau nhói nên anh phải giữ vẻ mặt nghiêm nghị.

- Năm nay người ta bầu tôi làm chủ tịch IMF, anh có thể nói rằng đó là một địa vị khá cao trong ngành sản xuất mù tạt. Và nếu như tôi đã quan trọng như thế thì đó cũng là vinh dự cho Công ty Colmal. Đó là thứ mù tạt ngon nhất thế giới - ông nói thêm, dường như ông nói câu đó hàng trăm lần mỗi ngày. Là Chủ tịch tôi sẽ phải điều khiển toàn bộ hội nghị và sẽ chủ tọa bữa tiệc hàng năm của liên đoàn. Đêm nay tôi sẽ đọc bài chào mừng các vị đại biểu đến từ khắp các nước trên thế giới.

Adam nhăn mặt khi chiếc xe gập ồ gà, nói:

- Hấp dẫn thật đấy.

Jim nói:

- Chắc chắn là thế. Người ta sẽ không thể tưởng tượng ở đó sẽ có bao nhiêu nhà sản xuất mù tạt - Ông ngừng lại một tý để gây ấn tượng - Một trăm bốn ba. Chắc chắn là nhà Frogs có một vài thứ khá, thậm chí nhà Krauts cũng không quá tệ nhưng vẫn không thể có ai qua mắt được Colman. Tôi vẫn bảo là mù tạt Anh là thứ ngon nhất. Cũng có thể giống nghề của anh vậy. Tiện thể anh làm nghề gì?

Adam nói:

- Tôi là quân nhân.

- Điều gì đã khiến một quân nhân vấy xe đi nhờ tại biên giới Thụy Sĩ vậy?

Adam nói:

- Liệu tôi có thể nói với ông một chuyện bí mật được không?

Jim nói:

- Yên tâm đi. Họ nhà Hardcastle chúng tôi biết giữ mồm giữ miệng lắm.

Adam nói:

- Tôi là một Đại úy của Trung đoàn Hoàng gia. Tôi được thả xuống bờ biển Brindisi ở Italia từ Chủ nhật tuần trước mang hộ chiếu giả và mười bảng Anh. Tôi phải có mặt ở chỗ đóng quân ở Aldershot vào nửa đêm thứ bảy này.

Nhìn thấy vẻ mặt khoái chí của Jim, Adam nghĩ có lẽ đến Robin cũng phải tự hào về anh. Bà Hardcastle quay lại để nhìn vào mặt anh. Jim nói:

- Từ lúc anh mở miệng nói tôi đã biết ngay anh là sĩ quan rồi. Anh không thể coi tôi là thằng ngốc được đâu. Bản thân tôi hồi chiến tranh cũng từng là thượng sĩ của Quân đội Hoàng gia. Nghe cũng chẳng to tát gì đâu, nhưng tôi cũng có đóng góp cho đất nước đấy chứ. Dudley, anh có chiến đấu trận nào không?

- Một tí ti hồi ở Malaysia.

Jim nói:

- Tôi không tham gia cuộc chiến tranh ấy. Sau khi chiến tranh thế giới kết thúc tôi về nhà làm nghề sản xuất mù tạt. Vậy việc trở về Anh thì có khó khăn gì?

- Có khoảng tám người chúng tôi đang cố gắng trở về Aldershot và có hàng ngàn lính Mỹ tìm cách ngăn cản chúng tôi.

Jim dài giọng:

- Bọn Mỹ à. Chúng bao giờ cũng nhẩy vào dây máu ăn phần khi mà chúng ta sắp thắng đến nơi rồi. Toàn là huân chương với vinh quanh thôi. Không, tôi muốn hỏi là có khó khăn gì thật sự không kia?

- Vâng, các sĩ quan biên phòng đã được thông báo là có tám sĩ quan Anh đang định lườn qua biên giới để vào Pháp và người Thụy sĩ muốn tóm được chúng tôi. Năm ngoái chỉ có hai trong số mười hai sĩ quan là về được đến nơi đóng quân. Cả hai đều đã phải lẩn trốn nhiều tuần.

Jim nói:

- Bọn Thụy sĩ còn tệ hơn cả bọn Mỹ nữa kia. Thậm chí chúng chẳng thèm tham gia một cuộc chiến tranh nào - chúng chỉ vui mừng lừa lấy tiền của cả hai bên. Anh bạn, chúng sẽ không bắt được anh đâu, hãy tin tôi. Tôi sẽ để mắt đến việc này.

- Ông Hardcastle, nếu ông đưa được tôi qua khỏi biên giới thì tôi tin rằng tôi sẽ tự tìm được đường về Aldershot.

- Anh bạn, coi như chuyện đó đã xong.

Đồng hồ chỉ nhiên liệu lóe sáng đỏ. Romanov hỏi:

- Khi đèn sáng lên như thế thì còn chạy được bao nhiêu kilomet nữa.

Người lái xe đáp:

- Khoảng hai mươi kilomet, thưa thiếu tá.

- Vậy thì chúng ta vẫn có thể tới được biên giới Pháp chứ?

Người lái xe đề nghị:

- Có lẽ an toàn hơn thì chúng ta nên dừng lại đâu đó để lấy thêm xăng>

Romanov đáp:

- Bây giờ không phải là lúc có thể an toàn được. Chạy nhanh hơn nữa đi.

- Vâng, thưa thiếu tá.

Người lái xe nói, anh ta nghĩ đây không phải là lúc nói rằng nếu anh ta cho xe chạy đến tốc độ tới hạn thì thậm chí nhiên liệu sẽ hết nhanh hơn nữa.

Romanov nói:

- Tại sao sáng nay không đổ xăng, đồ ngu?

- Tôi cũng đã định đổ xăng vào lúc ăn trưa.

Romanov nói:

- Vậy thì vì lợi ích của anh, chỉ còn việc cầu nguyện để chúng ta có thể đến được biên giới nữa thôi. Nhanh nữa lên.

Chiếc Mercedes phóng lên với tốc độ một trăm bốn mươi kilomet một giờ và Romanov chỉ thấy yên tâm khi nhìn thấy một tấm biển chỉ rõ chỉ còn mười cây nữa là họ đến được cửa khẩu. Một phút sau hắn mỉm cười khi thấy tấm biển chỉ còn năm cây số. Bỗng động cơ rên lên và như cố sức quay theo tốc độ mà bộ chế hòa khí yêu cầu. Kim đồng hồ chỉ tốc độ tụt xuống rất nhanh trong khi động cơ vẫn còn tiếp tục rên rĩ. Quán tính của bánh răng đưa chiếc xe đi tiếp được gần một kilomet nữa trước khi hoàn toàn đứng lại.

Romanov thậm chí không buồn quay lại nhìn người lái xe, hắn nhảy ra khỏi xe và bắt đầu chạy bộ nốt quãng đường ba kilomet còn lại để tới cửa khẩu.

Khi lướt qua một tấm biển báo hiệu rằng họ chỉ còn cách cửa khẩu hai kilomet. Jim bỗng nói:

- Tôi nảy ra một ý định.

Adam nói, vai cứ giật nảy lên từng hồi:

- Điều gì kia, thưa ông?

- Khi nào đến lượt chúng ta đưa hộ chiếu ra cho họ kiểm tra, anh hãy quàng tay qua vai Linda và hôn nó. Còn lại mặc tôi.

Bà Hardcastle quay lại nhìn sát vào mặt Adam hơn trong khi cô gái đỏ bừng mặt. Adam nhìn cô Linda mặc váy ngắn môi tô son hồng và cảm thấy bối rối vì tình huống cha cô vừa đẩy họ vào. Jim nói kiên quyết:

- Dudley, đừng có cãi. Hứa với anh là kế hoạch trong đầu tôi sẽ thành công.

Adam không nói gì nữa, Linda cũng vậy. Một phút sau khi họ đến cửa khẩu của Thụy sĩ, Adam nhìn thấy có hai trạm kiểm tra hải quan nằm cách nhau khoảng một trăm mét. Các lái xe đều tránh sang bên làm thành một hàng lần lượt đi qua buồng hải quan và một lái xe đang giận dữ. Jim đánh xe đến sát đằng sau anh chàng người Pháp đang hoa chân múa tay. Ông nói:

- Dudley, đưa hộ chiếu cho tôi.

Adam bèn đưa cho ông tấm hộ chiếu của người nhạc công.

Adam muốn hỏi tại sao ông ta lại chọn đường này. Jim nói:

- Tôi chọn đường này vì khi đến lượt chúng ta kiểm tra hộ chiếu thì viên sĩ quan hải quan sẽ vui mừng cho chúng ta đi qua mà không rắc rối gì nhiều.

Như để chứng minh cho lý luận của ông, phía sau họ các xe đã nhanh chóng xếp hàng, nhưng phía trước vẫn vang lên tiếng cãi cọ giận dữ. Adam vẫn cảnh giác nhìn cửa sổ phía sau chờ sẽ nhìn thấy Romanov xuất hiện. Quay lại anh yên tâm nhìn thấy người ta yêu cầu đánh chiếc xe tải trước mặt họ vào lề đường để chờ.

Jim nhanh nhẹn đánh xe đến buồng hải quan, nói:

- Ôm lấy cổ nhau đi, cả hai.

Cho đến tận lúc đó Adam vẫn giấu hai bàn tay trong áo khoác bởi vì chúng sây sát và thâm tím quá nhiều. Nhưng anh vẫn làm theo lời Jim bảo và ôm lấy Linda, hôn lên môi cô, một mắt vẫn mở để chờ Romanov. Anh ngạc nhiên thấy cô bé tách môi anh ra và bắt đầu đưa lưỡi thăm dò trong miệng. Adam nghĩ đến chuyện phản đối nhưng nhận ra không thể nào làm như vậy mà vẫn lịch sự hoặc tin cậy.

Jim đưa bốn tấm hộ chiếu và nói:

- Vợ, con gái và chàng rể tương lai.

Viên sĩ quan bắt đầu kiểm tra.

- Có vấn đề gì không, thưa ông?

Viên sĩ quan lật lật mấy tấm hộ chiếu và nói:

- Ông không có gì phải lo đâu. Hy vọng không làm phiền các vị.

Jim nói:

- Không, không. Thậm chí chúng không để ý nữa kia.

Ông chỉ qua vai và cười phá lên.

Viên sĩ quan nhún vai và đưa trả mấy tấm hộ chiếu, nói:

- Đi đi.

Anh ta vẫy tay ra hiệu cho họ đi tiếp.

- Jim sắc như mù tạt - đó là tên mà ở Hull họ gọi sau lưng tôi.

Ông quay lại phía Adam:

- Anh có thể thôi rồi đấy. Dudley, cảm ơn anh.

Adam cảm thấy Linda miễn cưỡng rời ra.

Cô bẽn lẽn liếc nhìn anh rồi quay lại cha:

- Nhưng chúng ta còn phải qua cửa khẩu của Pháp nữa kia mà, đúng không?

Viên sĩ quan chỉ huy tốp sĩ quan hải quan nói:

- Chúng tôi đã luôn chú ý và tôi có thể đoán chắc với ông là hẳn không đi qua cửa khẩu này.

Nếu hắn có đi qua thì nhất định một trong các nhân viên của chúng tôi sẽ nhận ra. Nhưng tôi cho là ông muốn kiểm tra lại một lần nữa.

Romanov nhanh nhẹn đi tới và đưa cho từng người tấm ảnh chụp Adam nhưng không một ai nhớ là có kiểm tra một người nào giống thế cả. Mấy phút sau Valcheck cũng đến và khẳng định là trong tất cả các xe đang xếp hàng chờ làm thủ tục cũng không hề thấy Adam đâu, anh ta cũng thông báo là chiếc Mercedes đã được đẩy vào garage của đồn biên phòng.

Valcheck hỏi:

- Bây giờ quay lại vùng núi lúc nãy chứ, thưa thiếu tá?
- Khoan đã. Tôi muốn thật chắc chắn là hắn chưa lọt qua được cửa khẩu này.

Viên trưởng nhóm sĩ quan hải quan nhô ra khỏi trạm kiểm soát:

- Có gì không?

Romanov cau có nói:

- Không. Có vẻ ông đúng.
- Tôi nghĩ nhiều chứ. Nếu có ai trong số các nhân viên của tôi hôm nay để cho tên người Anh đó lọt qua cửa khẩu này thì hắn nên bắt đầu đi kiếm việc mới đi là vừa.

Romanov gật đầu:

- Còn nhân viên nào tôi chưa gặp không?
- Có lẽ không - trừ vài người đang ăn sáng. Ông có thể tìm thấy họ trong quầy bar cách đây một trăm mét về phía cửa khẩu Pháp.

Trong bar chỉ có bốn nhân viên hải quan và một cô phục vụ. Hai nhân viên hải quan đang chơi bi-a trong khi hai người kia ngồi uống cà phê ở một chiếc bàn phía trong. Romanov lại rút tấm ảnh chụp ra một lần nữa đưa cho hai người chơi bi-a xem. Cả hai đều khó chịu lắc đầu và quay lại chọn những quả bóng màu.

Hai người đi ra quầy. Valcheck đưa cho Romanov một tách cà phê và một chiếc sandwich, hắn cầm cà phê và bánh đi về phía chiếc bàn có hai nhân viên hải quan cuối cùng ngồi. Một trong hai người đang kể cho anh bạn đồng nghiệp nghe chuyện gặp một tay lái xe tải người Pháp định giở trò buôn lậu đồng hồ Thụy Sĩ qua cửa khẩu. Romanov đẩy tấm ảnh qua bàn, hỏi:

- Hôm nay các anh có thấy người này đi qua đây không?

Không ai tỏ vẻ nhận ra, người trẻ tuổi lại nói chuyện tiếp tục. Romanov nhắm ngum cà phê và bắt đầu suy tính xem nên chạy đến Basle hay là gọi người đến tiếp viện để truy quét vùng đồi núi này. Rồi hắn nhận thấy anh chàng kia vẫn đang nhìn tấm ảnh. Romanov hỏi lại xem anh ta có nhìn thấy Scott không?

Viên sĩ quan trẻ tuổi nói, hơi vội vã quá:

- Không, không.

Nếu là ở Moscow thì Romanov đã có thể bắt anh ta phải nói "có" ngay, nhưng ở đây hẳn cũng phải giữ chút phép lịch sự. Hẳn khẽ hỏi:

- Lâu chưa?

Viên sĩ quan hỏi:

- Ông nói gì kia?

Romanov nhắc lại bằng giọng quả quyết hơn:

- Lâu chưa?

Mồ hôi bắt đầu túa ra trên trán viên sĩ quan, anh ta nói:

- Không phải hẳn.

- Nếu như không phải là hẳn thì anh biết là không phải hẳn từ bao giờ?

Viên sĩ quan lưỡng lự:

- Hai mươi phút. Có lẽ ba mươi phút.

- Xe tải à?

- Một chiếc Citroen, tôi nghĩ vậy.

- Màu?

- Vàng.

- Các hành khách khác?

- Ba người. Trông như một gia đình. Người mẹ, người cha, cô con gái. Hẳn ngồi ghế sau cùng với cô con gái. Người cha nói là họ đã đính hôn.

Romanov không hỏi thêm câu nào nữa.

Jim Hardcastle tiếp tục cuộc nói chuyện đơn phương trong hơn một giờ. Ông ta nói:

- Thật ra IMF tổ chức hội nghị hàng năm ở các thành phố khác nhau. Năm ngoái ở Denver, Colorado và sang năm sẽ ở Perth, Australia. Vì thế tôi sẽ được đi lang thang khá nhiều. Nhưng đã làm nghề xuất khẩu thì nhất định phải quen với việc đi khắp đó đây.

- Tôi chắc là ông phải quen rồi.

Adam nói, cố hiểu những lời vô bổ ấy trong khi vai vẫn đau nhức nhối.

Jim nói tiếp:

- Dĩ nhiên là tôi chỉ làm chủ tịch trong một năm nay thôi. Nhưng tôi đã có những kế hoạch

để đảm bảo rằng những người đã bỏ phiếu cho mình sẽ không nhanh chóng quên cái năm 1966.

Adam nói:

- Họ sẽ không thể nào quên được nhanh đâu.
- Tôi sẽ cho họ thấy Colman cũng đã có một năm xuất khẩu đáng ghi nhớ.
- Tuyệt thật đấy.

Ông ta nói và cười phá lên:

- Phải, nhưng cũng phải thừa nhận rằng phần lớn sản phẩm của chúng tôi bị bỏ lại trên bàn ăn.

Adam cũng cười phá lên nhưng cảm thấy rõ ràng là bà Hardcastle và Linda đã nghe câu đùa đó nhiều lần.

- Dudley, tôi muốn mời anh dự bữa tiệc mừng chủ tịch nghiệp đoàn, với tư cách là bạn của tôi. Chắc chắn là vợ tôi tán thành điều đó.

Bà Hardcastle gật đầu, Linda cũng bẽn lễn gật đầu theo.

Adam nói:

- Không thể có gì làm tôi vui mừng hơn như thế.

Nhưng e rằng chỉ huy của tôi sẽ không hài lòng nếu biết rằng tôi dừng lại trên đường quay về Anh để ăn tiệc. Mong ông hiểu cho.

Jim nói:

- Dĩ nhiên là tôi hiểu, nếu như chỉ huy của ông cũng là loại người như thủ trưởng của tôi ngày xưa. Tuy vậy nếu có dịp nào đến Hull thì nhớ gọi điện cho tôi.

Ông lấy một tấm danh thiếp trong túi áo trên và quài tay ra sau đưa cho Adam.

Adam đọc những dòng chữ in nổi trên tấm danh thiếp và bắn khoăn không hiểu MIFT là cái gì, nhưng không hỏi.

Khi xe bắt đầu đi vào ngoại ô, Jim hỏi:

- Anh muốn xuống chỗ nào ở Dijon này?

Adam đáp:

- Chỗ nào khá trung tâm là được, miễn là tiện cho ông.
- Vậy thì bao giờ anh thấy tiện thì cứ hô lên. Dĩ nhiên là tôi bao giờ cũng đảm bảo rằng đó là một bữa ăn không có mù tạt.

Đột nhiên Adam nói:

- Ông có thể cho tôi xuống góc phố kia được không?

- Ồ, thế à?

Jim có vẻ buồn vì mất một người chịu chuyện hay ho đến thế. Ông miễn cưỡng đỗ xe lại bên vệ đường.

Trước khi chui ra khỏi xe, Adam cúi xuống hôn lên má Linda. Sau đó anh bắt tay ông bà Hardcastle. Jim nói:

- Rất vui vì được gặp anh. Nếu như anh thay đổi ý kiến thì hãy đến khách sạn tìm chúng tôi...ờ kìa, vai anh có máu chảy ư, anh bạn?

- À, đó chỉ là vài vết sây xước khi nhảy dù thôi. Không có gì đáng ngại cả. Bọn Mỹ chớ có nghĩ rằng chúng có thể vượt qua được tôi.

Jim nói:

- Không, không thể được, dĩ nhiên rồi. Thôi, chúc may mắn nhé.

Chiếc xe rời đi, Adam đứng lại trên hè phố nhìn theo họ. Anh mỉm cười cố vẫy theo rồi quay đi, nhanh chóng bước xuôi phố và tìm một khu vực có các cửa hàng. Chỉ một lúc sau anh đã vào đến trung tâm thành phố và nhẹ người vì thấy các cửa hiệu vẫn còn mở cửa. Anh bắt đầu nhìn quanh tìm một chữ thập xanh trên bảng hiệu. Phải đi thêm khoảng năm mươi mét nữa mới tìm được một cái, anh lưỡng lự bước vào.

Một người đàn ông cao, tóc cắt ngắn mặc một chiếc áo khoác bằng da dài đứng trong góc nhà, lưng quay ra cửa. Rồi ông ta quay lại nhìn mặt nhìn vị thuốc muốn mua và vuốt chòm ria.

Adam bước đến chỗ người bán hàng cố nói thật tự tin:

- Ông có nói được tiếng Anh không?

- Hy vọng là có thể *lói* được.

Adam giải thích:

- Tôi cần một ít iod, băng vải, gạc và một miếng băng dính. Tôi bị ngã đập vai vào đá nhọn.

Người bán hàng nhanh chóng đặt những thứ được yêu cầu lên bàn, vẻ mặt không thích thú lắm. Ông ta nói:

- Đây là những thứ ông yêu cầu, nhưng ông sẽ thấy chúng có tên khác. Tất cả là hai mươi ba francs.

- Tiền Thụy sĩ có được không?

- Dĩ nhiên.

Adam hỏi:

- Quanh đây có khách sạn nào không?

- Ngay sau góc đường kia có một cái, hoặc là bên kia quảng trường cũng có.

Adam cảm ơn và đưa tờ ngân phiếu Thụy sĩ sau đó rời hiệu thuốc đi tìm một cái khách sạn. Đúng như người bán hàng nói, khách sạn Pháp ở ngay gần đấy. Anh bước lên bậc thềm để vào khách sạn và thấy có rất nhiều người đứng chờ để nhận phòng. Adam vắt chiếc áo khoác lên bên vai bị thương và bước thẳng vào phía trong, vừa đi vừa nhìn tấm biển treo trên tường. Sau đó anh bước thẳng qua hành lang như một khách trọ đã ở đây lâu ngày và đi theo chỉ dẫn xuống một cầu thang hẹp, sau đó đi tiếp đến ba tấm biển chỉ dẫn khác. Cánh cửa thứ nhất có hình một người đàn ông, cánh cửa thứ hai có hình đàn bà, cánh cửa thứ ba có hình một chiếc xe đẩy.

Anh ngáp ngừng mở cánh cửa thứ ba và ngạc nhiên thấy trong đó chỉ là một căn phòng hình vuông với một bồn vệ sinh cao dựa sát tường.

Adam khóa trái cửa lại và buông áo khoác rơi xuống sàn nhà. Anh đứng nghỉ hồi lâu rồi bắt đầu chậm rãi cởi áo xuống tận thắt lưng. Sau đó mở đầy một chậu nước ấm.

Adam thấy cảm ơn những buổi huấn luyện cấp cứu bất tận, hồi đó anh chưa bao giờ tin sẽ có một lúc nào đó có tác dụng. Hai mươi phút sau cái đau bắt đầu dịu đi và thậm chí anh còn cảm thấy dễ chịu.

Anh cúi xuống đưa tay phải nhặt chiếc áo khoác và cố vắt lại lên vai. Chính lúc đó bức tranh Thánh từ trong túi áo rơi xuống sàn gạch. Khi bức tranh chạm vào nền gạch men, tiếng kêu phát ra khiến Adam sợ nó bị vỡ mất. Anh lo lắng nhìn xuống đất rồi từ từ quỳ xuống.

Bức tranh tách làm đôi tựa như một cuốn sách mở.

*

* *

CHƯƠNG 15

Chiều hôm ấy khi Adam quay lại khách sạn nước Pháp có lẽ không mấy ai nhận ra người đàn ông rón rén bước vào khách sạn một giờ trước đó.

Anh mặc áo sơ mi mới, quần mới, cà vạt và áo gió đúng mốt nhất nước Anh ít nhất là trong một năm nữa. Thậm chí chiếc áo khoác đi mưa cũng bị thải vì bức tranh Thánh đã nằm gọn trong túi trong của chiếc áo gió. Hình như tiệm quần áo đổi tiền cho tấm séc du lịch của anh với giá khá rẻ mạt nhưng điều đó không làm anh bận tâm mấy.

Adam đặt một phòng đơn cho mình theo tên của Dudley Hulme, mấy phút sau anh đã

ở trong thang máy để đi lên tầng ba.

Thậm chí điện thoại réo chưa đến tiếng chuông thứ hai Lawrence đã nhắc máy.

Adam nói:

-Tớ đây.

Lawrence hỏi ngay:

-Cậu đang ở đâu?

Adam nói:

-Tớ phải hỏi cậu trước.

Lawrence nói:

-Tớ hiểu cậu nghĩ gì, nhưng...

-Không nhưng gì cả. Bây giờ cậu phải hiểu rằng có kẻ nào đó trong số những người cậu gọi là nhóm công tác ấy có liên hệ trực tiếp với Romanov, bởi vì chính Romanov và đồng bọn của hắn là người đứng đón tớ ở khách sạn đó chứ không phải là người của cậu.

-Hiện nay chúng tớ đã biết điều đó.

Adam:

-Chúng tớ ư? “Chúng tớ” đó là những ai? Bởi vì lúc này tớ đang khó mà hiểu nổi ai đang đứng về phía mình.

-Cậu đừng tin rằng...

-Bao giờ cậu nhìn thấy bạn gái mình bị giết, bao giờ cậu bị một kẻ giết người chuyên nghiệp săn đuổi khắp châu Âu, bị bắn và bị...

-Bị bắn?

-Phải, hôm nay anh bạn Romanov của cậu đã nã đạn vào tớ. Lần sau tớ sẽ quay người kiểu khác để đạn không trúng vào vai.

Lawrence nói:

-Không thể có lần sau nữa. Bởi vì chỉ cần cậu cho tớ biết cậu đang ở đâu tớ sẽ đưa cậu về an toàn.

Trong óc anh bỗng vang lên những lời của Robin “Anh cần phải cân nhắc xem nên cho anh ta biết đến đâu”, khiến Adam khựng lại không nói cho Lawrence biết đích xác mình đang ở đâu.

-Adam, vì Chúa, tùy cậu thôi. Nếu không tin tớ thì cậu sẽ tin ai? Tớ thừa nhận là mọi việc có vẻ như bọn tớ bỏ rơi cậu. Nhưng chuyện đó sẽ không lặp lại nữa.

Một hồi lâu im lặng, sau đó Adam nói:

-Tớ đang ở Dijon.

-Sao lại ở Dijon?

-Bởi vì người duy nhất cho tớ đi nhờ lại đang đi dự một hội nghị về mù tạt ở Dijon.

Lawrence không khỏi mỉm cười:

-Hãy cho tớ điện thoại, tớ sẽ gọi lại cậu trong vòng một giờ.

Adam nói:

-Không, tớ sẽ gọi lại cho cậu sau một giờ.

-Adam, cậu cần phải tỏ ra tin tớ một tý chứ.

-Không phải bây giờ tớ mới biết cậu đang cần cái gì. Tớ không thể tin bất cứ ai cả.

Adam đặt ống nghe xuống và nhìn vào bức tranh Thánh mở dưới sàn. Điều anh lo lắng không phải chữ ký của Stoeckle hay Seward. Điều sinh tử chính là ngày tháng ghi trên đó – 20 Tháng Sáu năm 1966.

Khi viên công chức cao cấp rời Century House, người gác cổng hỏi:

-Tam biệt, thưa người. Lại một đêm nữa làm việc tận đến khuya ư?

Lão nhận câu chào của người gác cổng bằng cách giơ chiếc dù lên cao hơn một tý. Đúng là lại một đêm nữa làm việc đến tận khuya, nhưng ít nhất lão cũng đã lần lại được dấu vết Scott. Lão bắt đầu thật sự kính phục anh ta. Nhưng tại sao người ta lại không tóm được Scott ở Geneva vẫn là điều phải lý giải nhiều hơn so với những thông tin được Lawrence cung cấp chiều nay.

Lão đứng trên thềm gạch về phía đường Old Kent, nổi bật trong chiếc áo khoác đen và chiếc quần kẻ sọc, sốt ruột gõ cán dù cho đến khi vấy được một chiếc taxi.

-Hiệu sách Dillon, phố Mallet.

Lão nói với người lái xe trước khi chui vào ghế sau. Đã bảy rưỡi nhưng vẫn chưa muộn quá và mấy phút nữa cũng chẳng khiến mọi chuyện khác đi nhiều lắm. Pemberton đã đồng ý ngồi trực ở bàn cho đến khi nào chấp nối được những đầu mối bị lỏng lẻo và chắc chắn lần này sẽ không còn gì sai sót nữa. Lão tự cho phép mình nhăn nhúm mỉm cười khi nghĩ lại chuyện tất cả đã chấp nhận phương án lão đưa ra... Thật là lợi cả đôi đường vì đảm bảo sẽ đủ giờ để bố trí những người giỏi nhất vào vị trí và trong khi đó vẫn giấu kín được Scott khỏi mọi con mắt. Hy vọng đây là lần cuối cùng họ sẽ chờ đợi lão tiến hành đúng như phương án nguyên thủy đã đề xuất.

Người lái xe cho xe đỗ trước cửa nhà Dillon và nói:

-Tám shilling, thưa sếp.

Lão đưa tiền cho anh ta và cho thêm một đồng sáu penny rồi đứng nhìn lên cửa sổ của hiệu sách trường đại học, chờ cho chiếc taxi chạy đi. Lúc chiếc taxi đã rẽ sang đường Cower lão mới bắt đầu bước đi. Mấy giây sau đến một đường phố nhánh lão mới rẽ sang đó. Ridgmount

Gardens là một phố nhỏ mà ngay đến các tay lái xe taxi ở London cũng phải nghỉ một lúc mới ra. Lão đi tiếp mấy mét nữa rồi biến mất vào cầu thang dẫn xuống một tầng hầm. Lão tra chìa khóa vào một chiếc ổ khóa hiệu Yale quay một vòng rồi bước vào đóng cửa lại.

Trong hai mươi phút sau đó lão gọi hai cú điện thoại, một quốc tế và một nội địa. Sau đó tắm một cái. Không đầy hai giờ sau lão đã bước ra khỏi phố Ridgmount Gardens trong bộ comple màu nâu, tóc rẽ ngôi ngược lại lúc này. Lão đi bộ quay lại nhà Dillon và vẫy một chiếc taxi khác.

Vừa trèo vào taxi lão vừa bảo người lái xe:

-Bảo tàng Bristish.

Lão nhìn đồng hồ. Gần tám giờ mười. Lúc này ắt Scott đã chuẩn bị sẵn sàng mặc dầu người của lão cũng đã trên đường trở lại Dijon bởi vì kế hoạch là cho phép chậm lại hai giờ.

Chiếc taxi đỗ lại trước bảo tàng Bristish. Lão trả tiền rồi bước mười hai bậc lên thềm nhà Bảo tàng, chiêm ngưỡng kiến trúc Byzantine như tuần nào lão cũng làm trước khi bước xuống và gọi một chiếc taxi khác.

-Bệnh viện.

Chiếc taxi quay một vòng cua chữ U rồi chạy về hướng tây.

Thằng con hoang khốn kiếp. Nếu như Scott đừng có mở cái phong bì ấy ra thì bức tranh Thánh đã trở về với bàn tay người chủ chính đáng của nó.

Người lái xe hỏi”

-Tôi cho xe lên cửa chính chứ ạ?

-Phải.

Mấy giây sau lão đã sai bước đi thẳng vào bệnh viện rồi đứng nhìn tấm bảng trên tường làm như đang tìm vào khoa nào đó. Bao giờ lão cũng chỉ mất ba phút để đi từ Bệnh viện Middlesex đến phố Charlotte. Tới nói lão đứng ngoài cửa và bấm nút máy đàm thoại nội bộ.

Một giọng vang lên nghi ngờ:

-Ông có phải thành viên không?

-Phải.

Trong lúc đó Adam gọi điện và cẩn thận lắng nghe từng lời của Lawrence.

Adam nói:

-Tớ sẽ liều một lần nữa. Nhưng nếu lần này lại là Romanov thì tớ sẽ đưa bức tranh Thánh cho hẳn với danh nghĩa cá nhân, cùng với nó sẽ là một mẫu giấy về đất đai mà người Mỹ có trả bao nhiêu tiền cũng không mua lại được.

Khi Adam đặt ống nghe xuống Lawrence cùng với Sir Morris tua đi tua lại đoạn băng để nghe.

Sir Morris nói:

-Tôi cho rằng chìa khóa là ở chữ “*giấy tờ về đất đai*”.

Lawrence nói:

-Tôi tán thành điều đó. Nhưng đất đai nào có thể có giá trị đến thế đối với cả Mỹ lẫn Nga?

Sir Morris bắt đầu chậm rãi quay quả địa cầu bên cạnh bàn làm việc.

Romanov hỏi:

-Tiếng vo vo ấy có nghĩa là gì? Không lại hết nhiên liệu lần nữa?

Người lái xe nói:

-Không, đó là thiết bị gọi kiểu mới. Điều đó có nghĩa là họ chờ tôi về cất xe.

Romanov khẽ nói:

-Quay lại chỗ trạm xăng vừa đi qua cách đây vài dặm.

Romanov lại bắt đầu sốt ruột nhìn bảng đồng hồ mong nhìn thấy cái trạm xăng hiện ra phía chân trời. Mặt trời đang lặn rất nhanh, hắn sợ rằng chỉ một tiếng nữa thôi trời sẽ tối sập xuống. Họ đã đi qua Dijon khoảng chín mươi kilomet, suốt dọc đường cả hắn lẫn Valcheck đều không thấy bóng dáng chiếc Citroen màu vàng đầu.

Vừa thấy trạm xăng, Romanov nói với người lái xe:

-Đổ xăng cho đầy, trong khi tôi gọi cho Geneva.

Hắn chạy đến trạm điện thoại trong khi Valcheck vẫn kiểm tra mọi chiếc xe đi ngang qua.

Điện thoại được nối:

-Chúng tôi vừa nhận được một cú điện thoại nữa của Mentor. Thiếu tá cách Dijon bao xa?

Các thành viên câu lạc bộ ngồi túm tụm trong căn phòng tối mờ mờ, lão bước qua căn phòng tới chiếc bàn không có ai ngồi kê sát cột nhà trong góc. Lão ngồi xuống chiếc ghế da bên cạnh bàn rồi hốt hoảng nhìn quanh, bao giờ lão làm cũng như vậy trong khi người ta bùng đến cho lão ly whisky malt như thường lệ. Khi ly rượu đã được bùng đến đặt trước mặt, lão nhắm nháp và nhìn quanh xem có khuôn mặt lạ nào trong căn phòng tối om này không. Không dễ chút nào vì lão không muốn lấy kính ra đeo lên. Cuối cùng mắt lão đã quen với thứ ánh sáng mờ mờ hắt ra từ ngọn đèn fluo đỏ treo trên quầy bar. Và lão chỉ nhận ra toàn khuôn mặt quen thuộc đang nhìn mình đầy hy vọng. Nhưng lão chờ đợi một cái gì đó mới mẻ hơn kia.

Ông chủ quán tiến đến gần và thì thào:

-Có một tay khá ngon lành cho ông.

-Ai vậy?

Lão ngẩng lên nhìn những khuôn mặt trong quán rượu một lần nữa.

Ông chủ quán nói:

-Đang cúi xuống chiếc máy hát tự động trong góc đằng kia kìa.

Lão nhìn về phía cái máy hát. Một khuôn mặt tươi cười đang mỉm cười với lão. Lão hồi hộp mỉm cười với lão. Lão hồi hộp mỉm cười đáp lại.

Người chủ quán hỏi:

-Tôi làm như vậy có đúng không?

Lão chỉ hỏi gọn lỏn:

-Có an toàn không đấy?

-Không vấn đề gì đâu. Một anh chàng trung lưu, vừa mới tốt nghiệp đại học. Hắn chỉ muốn kiếm ít tiền bỏ túi thôi.

Lão nhấp một ngụm whisky.

Ông chủ quán đi về phía cái máy hát. Lão nhìn ông ta nói chuyện với chàng thanh niên. Anh ta uống cạn cốc của mình, lưỡng lự một tí rồi đi thẳng qua căn phòng đông đúc để đến chỗ lão.

Chàng thanh niên nói:

-Tôi tên là Piers.

Lão đáp:

-Còn tôi là Jeremy.

Piers nói:

-Một cái tên hay.Bao giờ tôi cũng rất thích cái tên Jeremy.

-Uống chút gì chứ?

Piers nói:

-Vâng, cho tôi xin một Martini nguyên chất.

Lão gọi một ly Martini nguyên chất và một Whisky malt nữa. Người bồi bàn vội vã quay đi. Lão nói:

-Tôi chưa nhìn thấy anh ở đây bao giờ.

-Không, đây mới là lần thứ hai tôi đến đây. Tôi đã từng làm việc ở Soho nhưng sau đó mọi sự thô thiển quá. Không bao giờ biết được là mình sẽ gặp ai.

Bồi bàn đem rượu đến và viên công chức cao cấp nhấp một ngụm lớn.

Piers hỏi:

-Ngài có muốn nhảy một chút không?

Giọng nói ở đằng kia đầu dây:

-Việc này rất khẩn cấp. Anh có ghi âm không đấy?

-Tôi vẫn đang nghe đây.

-Nam cực hiện đang ở Dijon và hắn đã phát hiện ra trong bức tranh Thánh có cái gì.

-Hắn có cho bọn họ manh mối nào không?

-Không. Hắn chỉ nói với Pemberton là hắn đang giữ một mẫu giấy tờ về đất đai vô cùng quan trọng mà dù cho chúng ta có trả đến bao nhiêu tiền cũng không thể mua lại được.

Giọng kia nói:

-Quả thật là vậy.

Người gọi nói:

-Người Anh nghĩ rằng chìa khóa là ở chữ “giấy tờ về đất đai”.

Giọng nói ở đầu kia đáp:

-Họ nhầm rồi. Quan trọng là chữ “mua lại” kia.

-Sao anh lại chắc chắn như vậy?

-Bởi vì Đại Sứ Nga ở Washington đã yêu cầu được gặp tổng thống vào ngày hai mươi tháng Bảy và ông ta sẽ đem đến một đồng vàng trị giá bảy trăm triệu đô la vàng.

-Vậy chúng ta đang đứng ở chỗ nào?

-Đang trên đường đến Dijon, như vậy chúng ta sẽ có thể đặt tay lên bức tranh Thánh đó trước cả người Nga lẫn người Anh. Rõ ràng là người Nga cảm thấy tự tin là chẳng mấy lúc sẽ chiếm được bức tranh, vì thế tôi cuộc là lúc này họ cũng đang trên đường đến Dijon.

-Nhưng tôi đã đồng ý làm theo kế hoạch của người Anh.

-Trung tá, chớ quên là ông đang làm việc cho bên nào.

-Vâng, thưa ngài. Nhưng chúng ta sẽ xử lý như thế nào với Nam Cực một khi đã chiếm được bức tranh Thánh.

-Chúng ta chỉ đeo đuổi bức tranh Thánh thôi. Một khi nó đã là của chúng ta thì Nam cực có thể cho qua cũng được.

Adam nhìn đồng hồ: Bảy giờ hơn mấy phút.

Đã đến lúc phải đi, bởi vì anh đã quyết định không làm theo những lời chỉ dẫn của Lawrence định sẽ chờ chúng đến, không như kế hoạch của Lawrence. Anh khóa cửa buồng ngủ và quay lại bàn lễ tân trả tiền phòng và tiền điện thoại.

-Cám ơn.

Anh nói với cô lễ tân và định quay đi.

-Chào anh.

Adam lạnh toát cả người.

Tiếng nói lại cất lên oang oang:

-Dudley. Gần như không thể nào nhận ra anh được nữa. Đã thay đổi ý định rồi ư?

Một bàn tay đập mạnh lên vai Adam – ít nhất thì cũng không phải là vai trái. Adam tròn mắt nhận ra Jim Hardcastle.

Adam nói, lòng thầm ước mình có tài biến báo như cha của Robin.

-Không. Tôi nghĩ là ở thành phố này người ta đã nhận ra tôi cho nên tôi chỉ thay đổi quần áo và nấu chín trong mấy giờ thôi.

Jim nói:

-Vậy thì tại sao lại không đến dự tiệc với những nhà làm mù tạt chúng tôi? Ở đó sẽ không ai tìm thấy anh.

Adam nói:

-Ước gì tôi có thể làm như vậy. Nhưng tôi không dám chậm trễ thêm chút nào nữa.

Jim tỏ vẻ thông cảm:

-Tôi có thể làm gì cho anh không?

-Không, tôi phải đến... Tôi có một cái hẹn ngay ở ngoại ô thành phố này và tôi phải đến đó trong vòng một giờ nữa.

Jim nói:

-Giả như tôi có thể tự mình đưa anh tới đó được. Tôi muốn làm tất cả những gì có thể được để giúp một người lính, nhưng hôm nay thì kẹt thật sự - có lẽ suốt đêm mất.

-Jim, đừng bận tâm làm gì. Sẽ ổn cả thôi.

Linda đã từ lâu đến đứng cạnh bố và lắng nghe chăm chú:

-Bố, con có thể đưa anh ấy đi được.

Cả hai quay phắt lại nhìn Linda. Cô mặc một chiếc áo dài bằng lụa màu đen bó chặt lấy người, cổ trễ hết mức và ngắn hết mức, mái tóc vừa gội đổ xuống vai. Cô bé ngược mắt lên đầy hy vọng.

-Con vừa mới lấy được bằng lái xe xong, đừng có khùng thế.

Cô bé đáp ngay:

-Có bao giờ có một việc gì đấy đáng làm là bố lại coi con như trẻ con.

Jim lưỡng lự:

-Chỗ hẹn của anh có xa không?

Adam nói:

-Chỉ năm phút đi xe. Có lẽ năm sáu dặm gì đấy. Nhưng không sao đâu, tôi có thể đi taxi rất dễ mà.

-Con gái nói đúng đấy – Jim nói và lấy chìa khóa xe trong túi áo ra, quay lại Linda dặn thêm:

-Nhưng nếu con mà nói với mẹ thì bố sẽ giết đấy.

Jim bắt tay Adam và lắc thật mạnh.

-Nhưng không sao đâu mà...

-Anh bạn, tôi không muốn nghe như thế đâu. Chớ bao giờ quên rằng chúng ta cùng chiến tuyến. Chúc may mắn nhé.

Adam miễn cưỡng đáp:

-Cám ơn ông rất nhiều.

Jim giục:

-Con gái, tốt nhất là con hãy đi trước khi mẹ con quay lại.

Linda sung sướng nắm tay Adam và kéo anh ra bãi đỗ xe.

Khi hai người đã ngồi trong xe cô hỏi:

-Đi hướng nào ạ?

Adam nhìn xuống mẫu giấy ghi những lời chỉ dẫn của Lawrence:

-Đường Auxerre.

Linda cho xe chạy chậm chậm, hình như thoát tiên không tin chắc vào chiếc xe lăm, nhưng khi ra đến ngoại ô Adam bảo cô nên đi nhanh lên một chút. Cô gái đặt tay lên đầu gối Adam và nói:

-Em hồi hộp quá.

Adam vội vắt chéo hai chân:

-Quả vậy, tôi nhận thấy cô đang hồi hộp. Nhớ rẽ sang trái – anh nhắc khi nhìn thấy tấm biển chỉ rẽ sang trái.

Linda cho xe rời khỏi đường cái để rẽ vào một đường làng nhỏ hơn khi Adam chăm chú tìm ngôi nhà như Lawrence đã tả. Họ phải chạy tiếp hai dặm nữa mới thấy ngôi nhà hiện ra.

Adam nói:

-Cho xe tránh sang bên đường. Và tắt đèn đi.

Linda phanh xe lại và khấp khởi nói:

-Cuối cùng thì cũng...

Adam nói và nắm tay nắm cửa:

-Cảm ơn cô rất nhiều.

Linda hỏi:

-Em liệu mình chỉ để thế thôi sao?

-Tôi không muốn cô đi dự tiệc quá trễ.

-Bữa tiệc ấy sẽ chỉ vui đến như một cuộc khiêu vũ của những thanh niên Đảng Bảo Thủ là cùng thôi mà.

-Nhưng mẹ cô sẽ lo lắng đấy.

-Dudley, anh thật quá nghiêm chỉnh đấy.

-Hiện nay tôi đang ở vào một hoàn cảnh không bình thường, nhưng nếu cô ở lại đây lâu hơn nữa thì sẽ nguy hiểm cho cô đấy.

Mặt Linda xám ngoét:

-Anh không nói đùa đấy chứ?

Adam nói:

-Ước gì tôi không nói đùa. Cô cần phải quay lại, về khách sạn ngay và không bao giờ được để lộ câu chuyện này với bất cứ ai, đặc biệt là mẹ cô.

Linda nói, lần đầu tiên tỏ ra hoảng hốt thật sự:

-Vâng. Em sẽ làm như vậy.

Adam nói:

-Cô là một cô gái kỳ diệu.

Anh quàng tay ôm và tặng cô một cái hôn dài nhất, nồng nàn nhất mà cô chưa từng biết. Sau đó Adam rời khỏi xe nhìn cô lóng ngóng mãi mới quay được xe rồi chạy về phía Dijon.

Adam nhìn đồng hồ: vẫn còn một tiếng rưỡi nữa mới đến giờ hẹn và lúc đó chắc chắn trời đã tối mịt. Anh loạng choạng đi về phía sân bay và nhìn những ngôi nhà cháy xém dọc hai bên đường. Dường như đây là một thành phố ma và Adam tin chắc chưa có một ai ở đấy bởi vì họ chưa thể đủ thì giờ triển khai kế hoạch của Lawrence.

Nhìn sang bên kia đường bằng Adam phát hiện ra một chỗ lý tưởng để trốn trong khi chờ đợi để xem cái nào trong hai kế hoạch anh đã chuẩn bị sẽ trở thành cần thiết.

Trung úy phi công Alan Banks tạ ơn Chúa vì đêm hôm đó trăng sáng vàng vạc. Anh đã từng hạ cánh chiếc Beaver nhỏ trở đầy lính chiến trong những điều kiện xấu hơn thế này, nhiều khi mà đường băng chỉ được soi sáng mờ mờ như mặt biển Hắc hải.

Banks lượn vòng theo chu vi sân bay và nghiên cứu cẩn thận hai đường băng. Đã lâu lắm sân bay này không hoạt động, do đó không hề có một dịch vụ dẫn đường nào kể cả bản đồ chi tiết mặt đất.

Viên trung úy phi công phá vỡ mọi điều luật học trong sách giáo khoa, kể cả việc tìm cách hạ xuống một sân bay vô danh trong khi đã báo với người Pháp là sẽ đổ xuống Paris. Chẳng dễ gì mà giải thích được việc bay chệch khỏi một sân bay đến hàng trăm dặm.

Banks quay lại nói với viên đại úy đang ngồi xổm đằng sau cùng với năm người nữa:

-Nếu hạ xuống đường băng phía đông nam thì dễ dàng hơn. Ông muốn đến gần hangar ở đâu – anh chỉ tay ra ngoài cửa sổ.

Viên đại úy đáp:

-Đỗ chỗ nào thật dễ nhìn, ít nhất là cách hai trăm mét. Chưa biết được cái gì sẽ chờ đón chúng ta.

Cả sáu lính cơ động (SAS) tiếp tục nhìn kỹ phía ngoài cửa sổ. Họ chỉ nhận được mệnh lệnh ngắn gọn là đón một người Anh đơn độc có tên là Scott hiện đang chờ ở đây sau đó cất cánh thật nhanh. Điều đó nghe có vẻ thật dễ dàng, nhưng chắc chắn là chẳng hề dễ dàng như vậy, nếu không họ đã chẳng được điều đến.

Viên phi công cho chiếc Bearver vòng sang hướng nam và bắt đầu chúc mũi xuống đất. Anh mỉm cười nhận ra một chiếc Spitfire cháy xém bị bỏ lại bên đường băng. Giống hệt như chiếc máy bay của cha anh vẫn dùng hồi chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng rõ ràng là cái này chẳng bao giờ về được tới nhà. Anh hạ độ cao một cách vững vàng và khi cái máy bay nhỏ chạm đất nó nảy bật lên, không phải vì phi công thiếu kinh nghiệm mà là vì mặt đất lồi lõm một cách khủng khiếp.

Trung úy phi công Banks cho máy bay dừng lại cách hangar khoảng hai trăm mét sau đó quay hẳn một vòng để viên đại úy có thể quan sát được thật nhanh bốn phía. Anh nhấn nút tắt động cơ cánh quạt và tắt đèn. Tiếng cánh quạt vù vù nhỏ dần thành chỉ còn tiếng vo ve nho nhỏ. Họ đến sớm bốn mươi phút.

Cách đó bốn trăm mét, nấp trong buồng lái của chiếc Spitfire, Adam nghi ngờ nhìn những kẻ mới đến. Anh không thể chạy tới chiếc máy bay trên mặt đất tro bụi dưới ánh trăng quá sáng thế này. Mắt anh dán chặt vào chiếc máy bay không dấu hiệu và chờ xem trên đó có những ai. Phải ít nhất mười lăm phút nữa mặt trăng mới có thể bị đám mây che khuất. Mấy phút nữa trôi qua, Adam nhìn thấy sáu người nhảy ra khỏi cửa thân máy bay và nằm bẹp trên mặt đường bê tông. Họ mặc đúng những bộ quần áo lính cơ động nhưng Adam chưa thể tin được vì anh vẫn còn nhớ rành rành hình ảnh Romanov trong bộ quần áo lái xe. Cả sáu người lính nằm im không nhúc nhích. Adam cũng nằm yên như vậy trong khi chưa xác định đó là người của bên nào.

Cả sáu người lính nằm trên mặt đất đều ghét ánh sáng trăng cũng như mặt đất trống trải. Viên đại úy nhìn đồng hồ: còn ba mươi sáu phút nữa. Anh ta giơ hiệu và họ bắt đầu bò về phía hangar, nơi Pemberton nói là Scot sẽ chờ ở đó. Họ sẽ phải bò khoảng hai mươi phút mới qua

được quãng cách này, mỗi lúc càng tin chắc rằng lời cảnh cáo của Pemberton về một kẻ thù rình rập đâu đó là không đúng.

Cuối cùng một đám mây lớn che khuất mặt trăng khiến cả vùng sân bay tối sầm. Viên đại úy lính cơ động nhìn đồng hồ: năm phút nữa thì đến giờ hẹn. Anh ta là người đầu tiên chạm tay vào cửa hangar đẩy ra và oằn người há hốc miệng. Viên đạn ghim đúng giữa trán trước cả khi anh ta kịp sờ vào khẩu súng.

Người thứ hai hét lên ra lệnh:

-Chạy đi.

Bốn người kia bật dậy trong chớp mắt, lia súng quét thành một vòng cung phía trước và chạy đến ẩn vào ngôi nhà.

Vừa nghe thấy tiếng hét Adam bèn nhảy ra khỏi buồng lái của chiếc Spitfire và lao qua quãng đường bê tông về phía chiếc máy bay nhỏ đã khởi động sẵn cánh quạt chờ cất cánh. Anh nhảy lên cánh và leo vào bên cạnh viên phi công đang kinh ngạc, anh hét lên:

-Tôi là Adam Scott, người các anh cần đón.

Người phi công chìa tay ra bắt:

-Tôi là trung úy phi công Alan Banks, anh bạn.

Adam nhận ra mọi sự thật kinh hãi và thầm nghĩ: chỉ một sĩ quan Anh mới bắt tay nổi trong một tình huống như thế này.

Cả hai quay lại nhìn trận chiến.

Người phi công nói:

-Chúng ta nên đi ngay thôi. Tôi được lệnh đem anh về Anh nguyên vẹn.

-Không thể về được, một khi chưa chắc chắn là sẽ không ai trở về nữa.

-Xin lỗi, anh bạn. Tôi được lệnh là cứu anh. Còn những người kia được lệnh tự lo lấy cho mình.

Adam nói:

-Chờ họ một phút nữa thôi.

Họ tiếp tục chờ cho đến khi cánh quạt quay tít đạt tốc độ cực đại. Đột nhiên tiếng súng ngừng bật. Adam nghe rõ cả tiếng tim mình đập thùm thụp trong lồng ngực. Người phi công nói:

-Chúng ta nên đi thôi.

Adam đáp:

-Tôi biết. Nhưng tôi cần phải biết thêm một điều nữa đã.

Nhưng cơn ác mộng kinh hoàng khiến cho Adam phát hiện ra hắc trước khi viên phi công

nhìn thấy. Anh nói:

-Đi thôi.

Viên phi công hỏi:

-Gì cơ?

-Đi thôi.

Anh ta đẩy cần lái về phía trước, chiếc máy bay bắt đầu chậm chạp chạy dọc đường băng mấp mô.

Đột nhiên một bóng đen chạy theo xả súng bắn vào họ. Viên phi công quay lại nhìn và chỉ thấy bóng một người rất cao với mái tóc bạch kim sáng lên trong ánh trăng.

Adam nói:

-Nhanh lên, ông bạn. Nhanh lên.

Viên phi công nói:

-Hết cỡ rồi.

Đạn nhả xối xả, lần này những viên đạn ghim vào bụng máy bay. Một tiếng nổ thứ ba phát ra, nhưng lúc này máy bay đã chạy nhanh hơn người kia. Adam thở phào nhẹ nhõm khi cuối cùng chiếc máy bay rời khỏi mặt đất.

Anh quay nhìn lại và thấy Romanov đang xả súng bắn vào một người nào đó không mặc quần áo lính SAS.

Trung úy phi công Banks nói:

-Bây giờ họa chúng có bazoka mới bắn trúng được chúng ta.

Adam quay lại:

-Cừ lắm. Cừ lắm.

Viên phi công cười vang:

-Và cứ nghĩ đến vợ tôi đang chờ tôi về nhà tối nay để đi xem phim.

Adam hỏi:

-Vậy anh sẽ xem phim gì?

-*Người đàn bà kiều diễm của tôi.*

Trung úy phi công Alan Banks nhìn ra ngoài khuôn cửa sổ nhỏ hẹp trong khi chiếc máy bay bay lên một cách vững vàng.

Adam hỏi, cảm giác nhẹ nhõm tràn ngập khắp người:

-Bây giờ chúng ta đi đâu?

-Tôi đã hy vọng là chúng ta có thể về đến Anh, nhưng lúc này e rằng chỉ có thể cố bay càng xa càng tốt mà thôi.

Adam lo lắng hỏi:

-Anh nói thế nghĩa là thế nào?

Alan Banks trở ngón tay vào cây kim nhỏ màu trắng đang chỉ gần điểm báo hết nhiên liệu.

-Chúng ta còn đủ xăng để về đến Northolt nếu những viên đạn này không chọc thủng bình xăng.

Trong khi Adam nhìn thì chiếc kim nhỏ màu trắng tiếp tục xuống dần đến vạch đỏ nằm ngang và chỉ trong nháy mắt cánh quạt bên trái đã bắt đầu ngừng quay.

-Tôi sắp phải hạ cánh xuống một cánh đồng chứ không dám mạo hiểm bay tiếp để đổ xuống một sân bay nào đó ở gần đây. Còn may là đêm nay trăng thật sáng.

Không hề báo trước chiếc máy bay đầu nghiêng chúc mũi xuống. Viên trung úy phi công nói:

-Tôi sẽ cố bay đến cánh đồng đằng kia.

Giọng anh vẻ hồ hững lạ lùng, anh chỉ tay về phía một đám đất phía tây. Anh hét to:

-Giữ cho chặt.

Chiếc máy bay bắt đầu lượn vòng xoáy ốc lao xuống. Mảnh đất đột nhiên trông nhỏ lạ lùng trong khi chiếc máy bay lao đến mỗi lúc một gần.

Adam nắm chặt tay ghế và nghiêng răng. Viên phi công nói:

-Yên tâm. Chiếc Beavers này đã từng hạ cánh ở những chỗ tồi tệ hơn thế này nhiều.

Khi những bánh xe của máy bay chạm vào mặt đất màu nâu anh nói tiếp:

-Cái đồ bùn chết tiệt. Tôi đã đoán mà.

Anh chửi thề trong khi máy bay trượt trong đất nhão, chiếc máy bay đột nhiên chúc mũi về phía trước. Mất mấy giây Adam mới nhận ra là mình còn sống nhưng đang chới với lộn ngược đầu trong ghế. Anh hỏi:

-Làm thế nào bây giờ?

Không có tiếng trả lời.

Adam cố gượng cựa quậy tới lui cho đến khi chạm được vào thành máy bay, chân đạp lên cần lái. Vừa bám được vào thành máy bay, anh liền cúi thắt lưng an toàn và ngã vật lên nóc máy bay.

Anh có đứng lên và nhẹ người vì không thấy gãy xương chỗ nào. Anh vội vã nhìn xung quanh nhưng vẫn không thấy bóng dáng người phi công đâu. Adam bò ra khỏi máy bay, một khi đặt chân xuống đất anh mới thấy vui mừng vì mặt đất an toàn. Quờ quạng hồi lâu anh

mới tìm thấy Alan Banks cách đây khoảng ba mươi mét, nằm ngửa bất động.

Adam hỏi:

-Anh có sao không?

-Tôi không sao. Chắc là tôi bị bắn khỏi máy bay. Anh bạn, xin lỗi vì cú hạ cánh này. Phải thừa nhận là cầu thả. Cần phải tập nhiều lần nữa mới được.

Adam phá lên cười trong khi người phi công chậm chạp ngồi dậy.

Banks hỏi:

-Sau đây làm gì bây giờ?

-Anh có đi được không?

Alan loạng choạng đứng dậy, nói:

-Tôi nghĩ là được. Mẹ kiếp. Chỉ có điều mắt cá bị trật nhất định sẽ làm tôi đi chậm hơn nhiều. Tốt hơn là anh đi trước đi đừng chờ tôi. Cái bọn đầy súng ống đó chỉ cách chúng ta khoảng ba mươi dặm là cùng

-Nhưng anh sẽ làm thế nào?

-Cha tôi đã hạ cánh xuống một trong những cánh đồng đầm máu trong chiến tranh thế giới thứ hai mà vẫn mò được về đến Anh mà không bị bọn Đức tóm được. Adam, tôi nợ anh một món nợ lớn đấy, bởi vì nếu như có thể quay lại thì tôi sẽ có thể bắt hẩn câm miệng lại.

Adam bắt giắc sờ vào bức tranh Thánh và yên tâm thấy nó vẫn nằm yên trong túi áo. Những lời của người phi công chỉ làm anh thêm quyết tâm trở về Anh.

Adam hỏi:

-Đi đường nào bây giờ?

Banks ngược nhìn chòm Đại Hùng tinh:

-Tôi sẽ đi về phía đông, có vẻ tiện hơn. Vậy anh nên đi về phía tây, anh bạn ạ. Rất hay là được làm quen với anh.

Nói xong anh ta trườn đi.

-Thưa thiếu tá, không biết tôi có thể chịu đựng được bao lâu nữa.

Romanov nói:

-Phải cố gắng chịu đựng, Valcheck. Quan trọng là phải cố gắng. Lúc này không thể dừng lại được. Chắc chắn là chiếc máy bay rơi cách đây không xa. Tôi thấy nó rơi ở đằng kia mà.

-Tôi tin anh. Nhưng ít nhất hãy nói cho tôi chết bình yên bên vệ đường còn hơn là phải chịu đựng đau đớn trong cái xe này.

Romanov nhìn người đồng đội bị thương ở bụng. Tay Valcheck đầy máu. Áo sơ mi và quần

của anh đã uớt dầm, tay anh luôn ôm lấy bụng giống như một đứa trẻ làm vể ốm. Người lái xe cũng trúng đạn, nhưng phát đạn găm vào lưng trong khi anh ta định bỏ chạy. Nếu như anh ta không chết ngay thì hẳn Romanov đã phải tự mình bắn thêm một phát nữa vào giữa hai vai anh ta. Nhưng Valcheck là chuyện khác. Không ai có thể nghi ngờ về lòng dũng cảm của anh. Valcheck chính là người đầu tiên nã đạn vào giữa bụng bọn người Anh, thế rồi bọn người Mỹ nhảy vào. Nhờ có Mentor mà Romanov biết chắc rằng hẳn và đồng đội sẽ có mặt trước tiên. Nhưng bây giờ nhất định phải cảnh cáo cho Mentor biết rằng còn có một kẻ nữa đã báo cho bọn Mỹ biết. Dù sao thì Romanov cũng phần nào thỏa mãn vì đã lừa được bọn Mỹ bắn vào bọn Anh trong khi hẳn và Valcheck chờ để bắt lấy kẻ sống sót. Kẻ sống sót cuối cùng là một người Mỹ đã liên tục bắn vào Valcheck trong khi hai người đang tìm đường chạy thoát.

Romanov tính toán thấy hẳn có khoảng một giờ trước khi người Pháp, người Anh và người Mỹ có thể đến để thu dọn các xác chết trên một sân bay bỏ hoang. Ý nghĩ của Romanov quay về thực tại khi tiếng rên của Valcheck đập vào tai. Anh ta van xin:

-Hãy ra khỏi cách rừng này đi. Bây giờ tôi không còn hy vọng sống được bao nhiêu nữa đâu.

Romanov nhắc lại:

-Cố chịu đựng, cố chịu đựng. Chúng ta không Scott lắm nữa đâu.

Valcheck nói:

-Hãy mặc cho tôi chết yên lành.

Romanov nhìn sang và nhận ra rằng chỉ mấy phút nữa là có thể hẳn đã phải kẹt ở đây với một cái xác chết. Mặc mọi cố gắng của Valcheck, lúc này máu bắt đầu chảy như suối xuống sàn xe.

Romanov nhận thấy quăng trống giữa những bụi cây phía trước. Hẳn bật đèn pha và cho xe rời khỏi đường rẽ vào một con đường gồ ghề lầy lội. Hẳn lái xe thật sâu vào rừng cho đến khi cây cối trở nên dày đặc rồi mới dừng lại, tắt đèn và chạy vòng qua đằng trước để mở cửa xe.

Valcheck chỉ đi được có hai ba bước đã ngã khụy xuống đất, tay vẫn ôm chặt bụng. Romanov cúi xuống giúp anh dựa vào một thân cây to.

-Hãy để mặc tôi chết, thiếu tá. Đừng vì tôi mà để phí chút thì giờ nào nữa.

Romanov nhăn mặt hỏi:

-Cậu muốn chết như thế nào? Từ từ và đau đớn, hay nhanh chóng và yên ả?

-Cứ mặc tôi. Cứ để tôi chết từ từ. Nhưng anh nên đi ngay trong khi còn có thể theo hút được Scott.

-Nhưng nếu bọn Mỹ tìm được cậu, có thể chúng sẽ buộc cậu phải nói.

-Thiếu tá biết rõ tôi mà.

Romanov nhận lời trách cứ, hẳn đứng dậy và sau một thoáng suy nghĩ bèn chạy ra xe.

Valcheck bắt đầu cầu nguyện may ra có ai đó sẽ tìm được anh. Anh chưa bao giờ muốn nhận

nhiệm vụ này, nhưng Yuri cần đặt thêm một đôi mắt bên cạnh Romanov và Yuri là một người không thể qua mặt được, Valcheck sẽ không khai, nhưng anh vẫn còn muốn sống.

Viên đạn từ khẩu Makarow chín ly xuyên thẳng từ thái dương qua đầu Valcheck. Anh ngã gục trên mặt đất và trong nhiều giây sau đó, xác anh vẫn run lên bần bật và quằn quại trên nền đất nâu thẫm.

Sáng hôm sau khi thức dậy lão lại cảm thấy cảm giác tội lỗi quen thuộc. Một lần nữa lão thề rằng đây là lần cuối cùng. Điều đó chẳng bao giờ thích thú như lão nghĩ và nỗi hối hận dai dẳng đeo theo lão trong nhiều giờ sau đó.

Chi phí cắt cổ cho việc giữ một căn hộ sang trọng, tiền taxi và hóa đơn cho câu lạc bộ gần như có thể ngăn cản lão. Nhưng lão luôn luôn trở lại như một con cá hồi trở về tổ của nó dưới đáy biển.

Lão ngâm mình trong bọt xà phòng và nghĩ đến Scott. Lão biết lẽ ra lão phải cảm thấy tội lỗi vì cái chết của anh ta. Cái chết đó, cũng giống như bao nhiêu cái chết trước đó.

Nhưng Mentor không bao giờ quên tên gã sĩ quan trẻ tuổi đã bỗng nhiên ngồi ở phía cuối giường khi lão tỉnh dậy sáng hôm sau và cái nhìn đầy khinh miệt mà gã đã chiếu vào lão.

*

* *

CHƯƠNG 16

Adam nằm sấp trên đáy chiếc xà lan rộng, đầu tựa về một bên. Anh luôn cảnh giác lắng nghe từng tiếng động lạ nhỏ nhất.

Người lái xà lan đứng sau tay lái đếm đủ ba trăm francs Thụy Sĩ đến lần thứ hai. Số tiền đó nhiều hơn số anh ta hy vọng kiếm được trong một tháng. Một người phụ nữ nhón chân vui sướng nhìn những tờ ngân phiếu qua vai anh ta.

Chiếc xà lan chạy xuôi dòng kênh với tốc độ đều đặn và Adam không thể nhìn thấy chiếc máy bay gãy vụn nữa.

Đột nhiên từ tí xa anh linh cảm thấy như vang lên một tiếng động giống tiếng súng nổ. Thậm chí trong khi anh căng tai lắng nghe người phụ nữ cũng cúi xuống như một con chuột đang sợ hãi. Chiếc xà lan vẫn chậm rãi rẽ nước trong đêm, Adam lo âu lắng nghe xem có thấy một âm thanh không bình thường nào không. Nhưng anh chỉ nghe thấy tiếng nước vỗ nhẹ vào thành tàu. Đám mây lớn đã tan, vầng trăng tròn vành vạnh lại tỏa ra sáng ngời ngời trên cả dòng sông. Nhìn hai bên bờ, Adam dễ dàng nhận thấy là chiếc xà lan không đi nhanh lắm. Thậm

chí anh còn có thể chạy nhanh hơn thế này. Nhưng dầu cho chuyển đi này ngón nốt số tiền còn lại anh vẫn sung sướng vì có thể thoát được. Adam lại nằm bẹp xuống và cuộn tròn dưới mũi thuyền. Anh sờ vào bức tranh Thánh, kể từ lúc phát hiện ra bí mật giấu bên trong bức tranh, cứ mỗi phút anh lại làm như vậy. Suốt nửa giờ liền anh không hề động dậy, tuy nhiên vẫn biết rằng chiếc xà lan khó mà đi xa hơn được năm dặm.

Mặc dầu mọi thứ xung quanh hiện ra thật huyền ảo Adam vẫn hoàn toàn tỉnh táo. Lúc này con sông đã mở rộng ra hơn nhiều.

Người lá xà lan luôn để mắt đến anh. Ông ta đứng, tay nắm chặt tay lái. Khuôn mặt lấm lem dầu mỡ không sạch hơn chiếc áo lao động trên người là mấy – dường như những vết dầu mỡ sẽ chẳng bao giờ sạch nổi. Thỉnh thoảng ông ta cũng rời tay khỏi tay lái nhưng chỉ để lấy chiếc tẩu ra khỏi miệng, ho, khạc, nhổ rồi lại ngậm lại cái tẩu.

Ông mỉm cười buông cả hai tay ra khỏi tay lái và ôm lấy hai bên đầu ra hiệu Adam nên ngủ đi. Nhưng Adam lắc đầu, nhìn đồng hồ. Đã quá nửa đêm và anh muốn rời khỏi chiếc xà lan trước khi trời sáng.

Anh đứng dậy, vươn vai và hơi loạng choạng. Vai đã đỡ hơn nhiều, mặc dầu vậy vẫn luôn đau nhói. Anh bước đến giữa xà lan và đứng cạnh tay lái chỉ xuống nước hỏi:

-La Seine? Sông Xen à?

Người lái tàu lắc đầu lờ lờ:

-Không. Kênh Bourgogne.

Adam lại chỉ về phía trước:

-Quelle ville? Thành phố nào đấy?

Người lái tàu bỏ cái tẩu thuốc ra nói:

-Ville? Ce n'est pas une ville. C'est Sombern timer. Đấy không phải là thành phố, đấy là Sombern timer.

Nói rồi ông ta lại nhét chiếc tẩu vào giữa hai hàm răng.

Adam quay lại chỗ của mình ở mũi tàu, loay hoay cố tìm một tư thế dễ chịu để có thể nghỉ ngơi một lát. Cuối cùng anh dựa mình vào mạn tàu, gục đầu lên một cuộn chảo cũ và cho phép mình nhắm mắt.

Sir Morris nói:

-Anh biết Scott rõ hơn tất cả chúng tôi, vậy mà anh không hề cảm thấy anh ta đang ở đâu hoặc sắp tới đây sẽ làm gì, đúng không?

Lawrence thừa nhận:

-Đúng vậy, thưa ngài. Điều duy nhất chúng ta biết chắc chắn là anh ta có hẹn đến kiểm tra sức khỏe vào chiều thứ hai này, nhưng có điều tôi nghĩ là anh ta sẽ không thể có mặt được.

Sir Morris bỏ qua câu nói của Lawrence, ông ta nói tiếp:

-Nhưng một ai đó đã có thể tiến gần được đến Scott thậm chí mặc dầu chúng ta đã không hợp nhóm D4. Bức tranh Thánh đó nhất định chưa một bí mật mà chúng ta đã không đánh giá được tầm quan trọng.

Lawrence nói:

-Nếu như Scott còn sống thì bây giờ sẽ không có gì có thể thuyết phục được anh ta là chúng ta không có lỗi trong chuyện này.

Sir Morris nói:

-Vậy nếu không phải là chúng ta thì ai là kẻ có lỗi? Bởi vì một kẻ nào đó đã vô cùng liều lĩnh để tìm hiểu những hành động tiếp theo của chúng ta như vậy có nghĩa là chúng đã vô cùng mạo hiểm trong suốt hai mươi tư giờ vừa rồi. Dĩ nhiên ngoại trừ đó là chính anh.

Viên Thư kí thường trực đứng lên và quay lại nhìn qua cửa sổ về phía đường Ky binh.

Lawrence không rời mắt khỏi bức chân dung Nữ hoàng đặt trên góc bàn viết, nói:

-Ngay cả nếu kẻ đó là tôi đi chăng nữa thì cũng không giải thích được tại sao người Mỹ cũng đến đó.

Sir Morris nói:

-Ồ, điều đó thì đơn giản thôi. Bucsh đã báo cáo thẳng cho bọn Mỹ. Tôi hoàn toàn tin chắc là ông ta sẽ làm như vậy kể từ khi ông ta mới bắt đầu tham gia vào nhóm chúng ta. Chỉ có điều tôi không lường được là người Mỹ sẽ tiến sâu đến đâu mà không thông báo cho chúng ta.

Lawrence nói:

-Vậy chính là ngài đã nói với Bucsh?

Sir Morris nói:

-Không. Anh chẳng chịu rời cái bàn giấy này ra mà cứ đoán mò mẫm. Tôi báo cáo với Thủ Tướng, mà các nhà chính trị thì luôn dễ dàng trao các thông tin cho người khác nếu họ cần nhắc thấy điều đó sẽ làm họ thắng một điểm. Công bằng mà nói tôi biết rõ Thủ tướng sẽ nói với Tổng thống Mỹ. Nếu không thì tôi đã không báo cáo với ông ta. Điều quan trọng hơn là anh có nghĩ Scott có còn sống không?

Lawrence nói:

-Còn, tôi nghĩ vậy. Tôi có đầy đủ lý do để tin rằng người đã băng qua bãi bê tông để đến chỗ chiếc máy bay đang chờ của chúng ta chính là Adam. May mắn là cảnh sát Pháp hợp tác hơn người Thụy Sĩ nhiều, họ thông báo là chiếc máy bay bị rơi xuống một cánh đồng cách Dijon mười hai dặm về phía bắc nhưng tại hiện trường máy bay rơi người ta không tìm thấy cả người phi công lẫn Scott.

Sir Morris nói:

-Và nếu điều người Pháp nói về quang cảnh trận chiến ở sân bay là đúng thì Romanov đã trốn thoát và đã vượt lên trước chúng ta vài giờ rồi.

Lawrence nói:

-Có thể.

Sir Morris hỏi:

-Vậy anh có nghĩ rằng cũng có thể họ bắt được Scott rồi và hiện đã chiếm được bức tranh không?

Lawrence nói:

-Vâng thưa ngài, tôi e rằng điều đó hoàn toàn có thể. Nhưng tôi không thể quả quyết dứt khoát được.

Nếu không vì cái vai đập thon thót thì có lẽ Adam đã không tỉnh dậy nhanh chóng đến thế. Chiếc xà lan chột quay đi một góc chín mươi độ và bắt đầu đi về hướng đông khiến anh giật mình tỉnh dậy. Anh nhìn người lái xa lan và ra hiệu là lòng sông bây giờ đã rộng hơn cho nên ông có thể dễ dàng ghé sát vào bờ để anh nhảy lên. Ông lão nhún vai không hiểu trong khi chiếc xà lan vẫn tiếp tục trôi đi.

Adam nhìn lên hai bờ, mặc dầu trời tối nhưng anh vẫn có thể nhìn rõ lòng sông. Anh ném một hòn đá sang bên cạnh và thấy nó chìm nhanh xuống đáy. Trông cứ như là có thể vớt nó lên. Anh bắt lực nhìn lên, người lái tàu vẫn đang nhìn qua đầu mình về phía xa.

-Mẹ kiếp.

Adam vắng tục và lấy bức tranh Thánh trong túi áo gió ra và giơ lên cao quá đầu. Anh đứng trên thành xà lan tựa như một đội trưởng đứng cạnh sân đề nghị trọng tài cho vào thay cầu thủ. Sau khi được phép, Adam nhảy xuống nước. Chân anh chạm vào đáy sông kêu thụt một tiếng, anh nín thở mặc dầu thực ra nước chỉ đến đầu gối.

Adam đứng dưới sông, tay vẫn giơ cao bức tranh Thánh lên quá đầu trong khi chiếc xà lan trôi qua lội đến chỗ bờ gần nhất, anh nín thở mặc dầu thực ra nước chỉ đến đầu gối. Anh bước lên bờ mặt đỏ và chậm chạp nhìn bốn phía để cố xác định phương hướng. Chẳng mấy chốc anh đã xác định được chòm Đại hùng tinh rồi bắt đầu đi về hướng tây. Sau khi loạng choạng đi được khoảng một giờ thì anh thấy phía xa khoảng một dặm có ánh đèn. Chân ướt sũng và lạnh buốt, anh lão đảo đi qua cánh đồng về phía ban mai đầu tiên đang lấp ló.

Mỗi lần gặp một hàng rào hay một cánh cổng anh lại trèo qua hoặc chui qua, hết như một người lính La Mã quyết nhắm thẳng đến đích. Lúc này anh đã nhận ra đường nét bên ngoài của một ngôi nhà, và khi đến gần thì anh nhận ra đó chỉ là một nếp nhà tranh. Adam nhớ lại hình ảnh của một “trang trại nông thôn” trong cuốn sách giáo khoa hồi nhỏ. Một con đường rải đá cuội dẫn đến một cánh cổng gỗ khép hờ tựa như không bao giờ cần đến một cái khóa. Adam gõ nhẹ lên cổng và đứng ngay chỗ sang nhất để nếu có ai ra mở cửa thì sẽ nhìn thấy anh ngay.

Một người phụ nữ nông dân trạc ba mươi tuổi ra mở cửa. Chị mặc một chiếc áo dài len màu đen và quần chiếc tạp dề trắng muốt. Hai má hồng hào và vòng eo đầy đà chứng tỏ chị làm ăn

phát đạt.

Khi nhìn thấy Adam đứng dưới cánh cổng chị rất ngạc nhiên – Chị nghĩ rằng đó là nhân viên bưu điện. Nhưng anh nhân viên bưu điện chẳng mấy khi xuất hiện trong chiếc áo gió gọn gàng và quần dài ướt sũng như thế này.

Adam mỉm cười nói với chị ta:

-Người Anh. – Và nói thêm – Tôi bị ngã xuống sông.

Người phụ nữ phá lên cười và ra hiệu cho Adam đi theo vào bếp. Adam bước theo và thấy một người đàn ông ăn bận rõ ràng là để chuẩn bị đi vắt sữa. Người đàn ông ngược lên và khi nhìn thấy anh đi vào cùng vợ mình đang cười ngặt nghẽo, một nụ cười ấm áp nở trên khuôn mặt bác ta – nụ cười thân thiện hơn là thù nghịch. Thấy nước trên quần áo Adam rõ ràng rùng rùng xuống nền nhà, chị phụ nữ nhanh nhẹn rút chiếc khăn tắm trên mắc áo phía bên lò sưởi đưa cho anh ta và nói:

-Enlevez – moi – ca. (Đưa cho tôi).

Adam quay lại bác nông dân hỏi ý, nhưng ông ta chỉ gật đầu và ra hiệu bằng cách chỉ xuống quần mình.

Người phụ nữ nhắc lại:

-Enlevez – moi – ca. (Đưa nó cho tôi).

Adam cởi giày và tất nhưng người phụ nữ vẫn tiếp tục chỉ tay cho đến khi anh tụt nốt chiếc quần dài ra, chị vẫn chưa thôi cho đến khi cuối cùng anh phải cởi hết sơ mi và đồ lót rồi quần chiếc khăn tắm ngang thắt lưng. Chị nhìn miếng băng lớn trên vai Adam nhưng không nói gì mà chỉ nhanh nhẹn nhặt mọi thứ trừ chiếc áo gió rồi đem nhấn vào thùng giặt trong khi anh đứng cạnh lò sưởi lau khô người.

Adam quần chiếc khăn tắm quanh người, người chồng ra hiệu cho anh ngồi vào bàn rồi rót cho anh một cốc sữa lớn và một cốc khác cho mình. Adam ngồi xuống cạnh bác ta, vắt chiếc áo rất ướt trên thành chiếc ghế. Một mùi thơm lừng bay ra từ chiếc chảo người vợ đang rán, một lát thịt xông khói dày cộp vừa cắt từ chiếc đùi lợn treo lủng lẳng dưới ống khói bám đầy bồ hóng.

Người chồng nâng cao cốc, nói:

-Wilston Churchill.

Adam uống một hơi dài rồi cũng giơ lên rất kịch:

-Charles De Gaulle.

Nói rồi anh uống một hơi hết chỗ sữa ấm nóng trong cốc, làm như đây là lần đầu tiên ra mắt câu lạc bộ.

Bác nông dân lại cầm bình sữa rót đầy hai cốc.

Adam quay lại nói với người đàn bà đang đặt trước mặt anh một đĩa trứng rán lớn với thịt

lợn muối:

-Merci. (Cám ơn)

Chị gật đầu đưa cho anh con dao và cái đĩa, nói:

-Mangez. (Ăn đi)

Adam nhắc lại trong khi chị cắt cho anh một khoanh bánh mì hình chữ nhật và đặt trước mặt anh:

-Merci, merci. (Cám ơn, cảm ơn)

Adam bắt đầu thưởng thức những thức ăn nóng sốt, đây là bữa ăn đầu tiên của anh kể từ sau bữa tối mà anh đã gọi bằng tiền của Robin.

Không hề báo trước, bác nông dân đột ngột đứng dậy và chìa tay ra. Adam cũng vui vẻ bắt tay, chỉ có điều nhớ ra là vai mình đang rất đau. Bác nông dân nói:

-Je dois travailler à la laiterie. (Tôi phải đi vắt sữa đây)

Adam gật đầu nhưng vẫn đứng trong khi ông chủ đi ra. Nhưng bác nông dân vẫy tay ra hiệu:

-Mangez. (Ăn đi)

Ăn xong miếng cuối cùng Adam còn vét thật sạch đĩa rồi mới đưa cho chị vợ. Lúc này chị đang bận rộn cầm cái ấm trên lò ra rót cho anh một tách cà phê nóng bỏng. Anh ngồi xuống và bắt đầu nhắm nháp.

Một cách gần như máy móc, Adam đập đập vào túi áo để chắc chắn là bức tranh Thánh vẫn nằm yên chỗ cũ. Anh rút bức tranh ra và ngắm nghía Thánh George và Con Rồng. Anh lật nó ra sau, lưỡng lự một lúc rồi ấn vào vành vương miện bạc phía sau. Bức tranh tách đôi như một cuốn sách mở, để lộ hai vật nhỏ được gắn vào bên trong khung tranh.

Anh liếc nhìn vợ người nông dân, chị đang vò bít tất của anh. Quần đùi đã giặt xong và phơi bên cạnh chiếc quần dài trên giá phơi cạnh lò sưởi. Chị lấy chiếc bàn là bên cạnh lò sưởi ra bắt đầu hơi nóng, không hề chú ý đến việc của Adam xem xét bức tranh.

Một lần nữa Adam nhìn vào trong lòng bức tranh Thánh tách đôi trước mặt. Điều thật trớ trêu là người phụ nữ đang là dùm anh chiếc quần dài kia có thể hiểu rõ từng chữ trong tấm giấy da dê này nhưng lại không thể nào nói lại cho anh biết ý nghĩa của nó. Toàn bộ bề mặt trong của bức tranh được phủ một tấm giấy da dê được dán chặt vào khung gỗ và chỗ nhỏ hơn cái khung mỗi chiều không tới một centimet. Adam quay lại để nhìn rõ hơn. Những chữ nguệch ngoạc bằng mực đen dưới tờ giấy và dấu đóng khiến cho tờ giấy có vẻ là một chứng từ pháp lý. Mỗi lần đọc, anh lại hiểu được thêm một tí. Thoạt tiên Adam ngạc nhiên vì văn bản được viết bằng tiếng Pháp nhưng khi đọc đến ngày tháng ghi ở cuối tờ giấy – 20 tháng Sáu năm 1867 – rồi nhớ ra một trong những bào giảng lịch sử quân sự hồi ở Sandhurst rằng sau thời Napoleon khá lâu, hầu hết các văn bản quốc tế đều được viết bằng tiếng Pháp. Adam đọc lại chậm chạp tờ tài liệu một lần nữa.

Vốn tiếng Pháp của anh chỉ đủ cho anh hiểu có vài từ được viết bằng nét chữ rất đẹp. Dưới

hàng chữ Hoa Kỳ là chữ William Seward viết rất to và nguệch ngoạc ngang qua hình một con đại bàng hai đầu. Bên cạnh đó là chữ kí của Edward de Stoeckle bên dưới một hình vương miện giống như chiếc vương miện tinh xảo bằng bạc gắn sau bức tranh. Adam kiểm tra lại một lần nữa. Nhất định đây phải là một thứ văn bản thỏa thuận gì đó được kí kết giữa Nga và Hoa Kỳ vào năm 1867.

Rồi anh tiếp tục nhìn những từ quen khác có thể cho thấy rõ hơn một chút về thỏa thuận đó. Anh đọc thấy một dòng viết: Sept millions deux cent mille dollars d'or (7.2 millions), và ở một dòng khác là: Sept cent douze millions huit cent mille dollars d'or (721.8 millions) le 20 Juin 1966.

Anh nhìn lên tấm lịch treo trên tường. Hôm nay là ngày 17 tháng Sáu năm 1966. Nếu tờ giấy này là thật thì chỉ còn ba ngày nữa là tài liệu không có chút giá trị pháp lý nào. Không ngạc nhiên tại sao hai cường quốc mạnh nhất thế giới đều cố hết sức để đoạt bức tranh đó. Adam trầm nghĩ.

Anh đọc lại từng dòng cố tìm thêm có điều gì nữa không, anh đọc lại từng chữ thật chậm.

Anh dừng mắt ở một từ giống nhau trong cả hai thứ tiếng.

Đó là từ duy nhất anh không nói cho Lawrence biết.

Adam tự hỏi không biết bức tranh Thánh này rơi vào tay Georing trong hoàn cảnh nào. Nhất định hẳn đã để lại bức tranh cho cha anh mà không hề hay biết – bởi vì nếu biết điều thật sự quan trọng này được giấu trong bức tranh thì hẳn có thể mặc cả đổi lấy tự do cho mình với một trong hai bên.

-Voila, voila. (Đây, đây)

Chị vợ bác nông dân giơ tay vẫy và đặt đôi tất, chiếc quần đùi và chiếc quần dài trước mặt anh. Không biết anh đã chìm đắm trong phát hiện tối quan trọng này bao lâu rồi? Chị nhìn xuống bản hợp đồng đặt ngược, mỉm cười. Adam nhanh chóng gấp bức tranh Thánh lại và chăm chú ngắm nghía tác phẩm kì diệu. Khung gỗ được cắt tuyệt khéo, bây giờ anh không thể phát hiện ra chỗ ghép nữa. Anh nhớ lại những lời trong di chúc của cha:

“Nhưng nếu mở phong bì ra mà con tìm thấy một cái gì đó khiến con bị dính dáng đến những chuyện bẩn thỉu thì hãy hủy nó đi đừng chần chừ”. Anh không cần phải nghĩ lại xem cha sẽ phản ứng thế nào nếu gặp trường hợp tương tự. Chị vợ bác nông dân vẫn đang đứng chống nạnh nhìn anh về bối rối.

Adam nhanh chóng bỏ lại bức tranh vào túi áo gió và xỏ chân vào quần dài.

Không biết cảm ơn người phụ nữ nông dân thế nào về lòng mến khách vô tư và hồn hậu của chị, vì thế anh bước lại chạm nhẹ lên vai và hôn lên cả hai má. Chị đỏ bừng mặt và đưa cho anh một cái túi ni lông nhỏ. Anh nhìn vào và thấy có ba quả táo và một miếng pho mát lớn. Chị lấy mép tạp dề chùi một vết nhỏ trên mép anh và tiễn anh ra cửa.

Adam cảm ơn chị rồi bước ra ngoài vào một thế giới khác hẳn.

*

*

*

PHẦN 3

NHÀ TRẮNG - WASHINGTON DC

Ngày 17 tháng 06 năm 1966

CHƯƠNG 17

Nhà trắng Washington DC

Ngày 17 tháng 06 năm 1966

- Tôi không muốn là vị Tổng thống khốn khổ đầu tiên trong lịch sử Mỹ phải trao trả lại một bang của nước Mỹ chứ không phải là thành lập ra nó.

Viên ngoại trưởng nói:

- Thưa Tổng thống, tôi thông cảm với điều đó. Nhưng...

- Về mặt pháp lý thì vị trí của chúng ta ra sao, ông Dean?

- Thưa Tổng thống, chúng ta cũng không mạnh gì hơn. Abraham Brunweld, chuyên gia có uy tín nhất về hồ sơ hiện nay khẳng định rằng thời hạn thuê chín mươi chín năm ràng buộc cả hai phía. Hợp đồng thuê do Edward de Stoeckle thay mặt nước Nga và ngoại trưởng lúc đó là William Seward đại diện cho phía Mỹ ký kết.

Tổng thống quay lại phía Nicholas Katzenbach, chuyên viên phụ trách pháp luật của mình hỏi:

- Thỏa ước ấy có thể đến nay vẫn còn hiệu lực chứ?

Viên Chương lý nói:

- Thưa Tổng thống, chắc chắn là vẫn còn hiệu lực. Nhưng chỉ với điều kiện là họ phải đưa ra được bản gốc. Nếu họ đưa được bản gốc ra thì Liên Hiệp Quốc và tòa án quốc tế ở Hague sẽ không có cách nào khác là phải ủng hộ yêu cầu của Nga. Nếu không thì người ta sẽ không tin vào bất kỳ thỏa ước quốc tế nào do chúng ta đã ký hoặc sẽ ký trong tương lai nữa.

Tổng thống nói:

- Điều mà ông đang đòi hỏi tôi phải làm là nằm xuống và vẫy đuôi như một con chó tha mồi Lambrader đoạt giải ba trong cuộc thi chứ gì.

Viên Chương lý nói:

- Thưa Tổng thống, tôi hiểu tình cảm của ngài. Nhưng trong việc này tôi có trách nhiệm lưu ý Tổng thống về tính pháp lý của vấn đề.

- Trời ơi, chẳng lẽ lại có một tiền lệ ngu ngốc như vậy cho một nguyên thủ quốc gia hay sao?

Dean Rusk nói xen vào:

- Người Anh sẽ đối mặt với Trung Quốc năm 1999 trong một vấn đề tương tự như vậy về Đất Mới Hồng Kông. Họ đã sẵn sàng chấp nhận thực tế của tình hình và thực chất họ đã nói với chính phủ Trung Quốc là muốn tiến tới một thỏa thuận với Trung Quốc về vấn đề này.

Tổng thống nói:

- Đó chỉ là một ví dụ và tất cả chúng ta đều biết người Anh và chính sách ngoại giao “fair play” (chơi đẹp) của họ.

Rusk nói tiếp:

- Cũng vậy, năm 1898 người Nga đã đạt được Hiệp ước thuê cảng Lữ Thuận ở miền Bắc Trung Quốc trong thời gian chín chín năm. Cảng này có tầm quan trọng sống còn đối với họ bởi vì khác với Vladivostok, quanh năm nó không bị đóng băng.

- Tôi chẳng có một ý niệm nào về việc người Nga có một cảng ở Trung Quốc.

- Thưa Tổng thống, họ không còn nữa. Năm 1955 người Nga trả lại Lữ Thuận cho Mao Trạch Đông như một cử chỉ thiện chí giữa những người cộng sản.

Tổng thống nói:

- Ông có thể tin chắc là người Nga sẽ không trao lại mảnh đất ấy cho chúng ta như một cử chỉ bày tỏ thiện chí! Tôi có còn một giải pháp nào khác không?

Viên Ngoại trưởng trả lời:

- Chỉ thiếu một hành động quân sự để ngăn chặn người Nga đòi bồi thường theo quyền của họ nữa thôi, thưa Tổng thống.

- Vậy là năm 1867 có một ông Johnson mua đất của người Nga và năm 1966 một ông Johnson khác phải bán lại nó. Tại sao Seward và Tổng thống lúc đó đã chấp nhận một ý kiến mới nghe đã thấy nực cười như vậy?

Viên Chương lý bỏ kính xuống, nói:

- Hồi đó giá mua đất đặt ra là bảy phẩy hai triệu đô la và lạm phát lúc đó thật sự không đáng kể. Andrew Johnson không bao giờ có thể hình dung được sau này người Nga muốn chuộc lại đất đó cao hơn 99 lần so với giá trị ban đầu, có nghĩa là bảy trăm mười hai phẩy tám triệu đô la

bằng vàng đã được ghi thành một điều kiện hãn hoi. Trên thực tế các năm lạm phát đã làm giá đặt ra rẻ đi. Và người Nga đã chất đủ số tiền vào ngân hàng New York để chứng tỏ điều đó.

Tổng thống nói:

- Vậy thì chúng ta cũng chẳng hy vọng họ sẽ không trả tiền đúng thời hạn.
- Thưa Tổng thống dường như là không.
- Nhưng tại sao Sa hoàng Alexander trước hết lại muốn cho thuê cái mảnh đất khi họ còn gáy ấy? Điều đó cứ làm tôi suy nghĩ mãi.
- Thời gian ấy ông ta gặp rắc rối với bộ trưởng trong chính phủ về việc bán vùng đất thuộc Nga ở Đông Á này. Sa hoàng nghĩ là sẽ dễ thuyết phục nhóm bộ trưởng đó bằng cách giải thích rằng đó chỉ là một hợp đồng cho thuê lâu năm với điều khoản sẽ mua lại chứ không phải là bán đứt.
- Thế tại sao Nghị viện không phản đối?

Rusk giải thích:

- Sau khi Nghị viện đã phê chuẩn Hiệp ước chính, việc sửa đổi không nhất thiết phải được Hạ nghị viện thông qua, bởi vì Chính phủ Hoa Kỳ không phải chi tiêu gì tiếp theo nữa. Mãi mai thay, Seward rất tự hào về việc ông ta đã đòi được một giá cao như vậy trong điều khoản tiền chuộc. Lúc ấy ông ta có đủ mọi lý do để tin rằng người Nga không có khả năng chuộc lại đất.

Tổng thống nhìn qua cửa sổ Phòng Bầu dục về phía tượng Washington, nói:

- Còn bây giờ thì số tiền đó chỉ bằng giá trị dầu mỏ khai thác được ở đó trong một năm, chưa kể đến sự hỗn loạn về quân sự sẽ dấy lên ở đất nước này một khi người ta đã nắm chắc trong tay bản sao của hiệp ước. Đừng bao giờ quên rằng tôi là vị Tổng thống đã yêu cầu Nghị viện chi hàng tỷ đô la để lập một hệ thống báo động nhanh tại vùng biên giới ấy, để nhân dân Mỹ có được giấc ngủ bình yên.

Không vị cố vấn nào dám phản đối ý kiến của vị tổng thống do mình bầu ra.

- Vậy đối với những chuyện này người Anh có hành động gì không?
- Thưa Tổng thống, như thường lệ, họ hành động vì quyền lợi sát sườn. Người Anh nghĩ rằng họ đã nắm trong tay hiệp ước hòa bình và dường như họ rất tự tin rằng sẽ hót tay trên được bức tranh Thánh của người Nga, như vậy họ có thể trở thành Đấng cứu thế của chúng ta.

Tổng thống nói:

- Kể cũng hay khi đến lượt người Anh cứu chúng ta. Nhưng trong khi ấy chẳng lẽ chúng ta cứ ngồi chết dí một chỗ chờ người Anh cố giải quyết khó khăn cho chúng ta hay sao?
- Thưa Tổng thống, không phải như vậy đâu. CIA đã nhảy vào cuộc hơn một tháng nay rồi.

Không ai cười cả.

- Vậy tôi phải làm gì tiếp theo đây? Ngồi chờ người Nga lấy bảy trăm mười hai triệu đô la

bằng vàng từ Ngân hàng New York chuyển vào Kho bạc Mỹ trước nửa đêm thứ Hai ư?

Rusk nói:

- Muốn như vậy họ còn phải đưa ra được bản gốc thỏa ước cho chúng ta nữa. Mà họ chỉ còn có sáu mươi giờ nữa để làm việc đó mà thôi.

Tổng thống hỏi:

- Thế lúc này bản gốc của chúng ta đang ở đâu?

- Nó nằm sâu ở đâu đó trong hầm ngầm của Lầu Năm góc. Chỉ có hai người biết rõ nơi nó lưu trữ. Kể từ hội nghị Yalta bản hiệp ước đó chưa bao giờ được đưa ra xem xét cả.

- Tại sao trước đây người ta chưa bao giờ nói tới chuyện này? Ít ra thì tôi cũng đã có thể ngăn chặn được các chi phí lớn như vậy.

- Trong hơn năm mươi năm chúng ta vẫn tin là bản của người Nga đã bị hủy. Năm tháng qua đi, Nga chấp nhận nó như *một việc đã rồi*. Nhưng hẳn là trong tháng vừa rồi vị lãnh đạo cấp cao của họ đã phát hiện ra một điều gì đó khiến ông ta tin chắc bản của họ chỉ bị thất lạc mà thôi.

- Lạy Chúa, tháng sau thì chúng ta đã ngồi chơi xơi nước mất rồi.

Ngoại trưởng nói:

- Đúng như vậy.

- Dean, ông có hình dung ra việc gì nếu đúng nửa đêm thứ hai tới người Nga xuất hiện trước văn phòng ông với bản gốc thỏa ước đó không? Lúc đó tất cả những gì tôi có thể làm được là chấp tay lạy trời mà thôi.

*

* *

CHƯƠNG 18

Khi cánh cửa ngôi nhà tranh đóng lại sau lưng Adam thì trước mắt anh hiện ra quang cảnh ngoại ô của một thành phố nhỏ. Bởi vì lúc đó còn rất sớm nên anh cảm thấy an toàn khi rảo bước đến *Trung tâm Thành phố*. Nhưng khi trên đường phố bắt đầu xuất hiện bóng các công nhân đi làm ca sớm thì anh đi chậm lại. Adam quyết định không đi thẳng vào trung tâm mà quan sát xem có chỗ nào để ẩn nấp để cân nhắc các bước tiếp theo. Anh dừng lại ở một bãi đỗ

xe nhiều tầng và nghĩ rằng có lẽ sẽ không tìm được một chỗ nào tốt hơn để vạch ra kế hoạch hành động.

Adam bước qua cửa ra ở tầng trệt và đi đến thang máy dẫn lên khu đỗ xe ở tầng bốn. Anh chạy theo các bậc thang xuống tầng thẳm nhất, thận trọng mở các cánh cửa đi vào tầng hầm và thấy ở đó hầu như trống rỗng và được chiếu sáng rất kém. Adam chọn tầng hầm bởi vì nghĩ rằng chỉ khi nào các tầng khác chật cứng người ta mới cho xe đậu ở đây. Anh đi men xung quanh tầng hầm và nghiên cứu cách bố trí của nó. Có hai chiếc xe đỗ ở góc phía xa với lớp bụi dày chứng tỏ chúng đã nằm đấy một thời gian khá lâu. Anh ngò xồm xuống và nấp sau một chiếc xe và thấy mình khá an toàn trước tầm mắt của mọi người trừ những người tò mò nhất.

Adam chợt tưởng tượng ra biết đâu ai đó có thể gửi xe trong tầng hầm và để quên lại chìa khóa điện. Nghĩ vậy anh kiểm tra lại cửa hai chiếc xe nhưng cả hai đều được khóa kỹ. Anh lại ngò xuống, để vạch ra một kế hoạch nghiêm túc làm sao có thể ra được đến bờ biển khi trời xẩm tối.

Đang suy nghĩ miên man bỗng có tiếng sột soạt làm Adam giật mình. Anh nhìn quanh khu tầng hầm tối tăm. Một người đàn ông xuất hiện, kéo theo một cái thùng rác gần đấy. Adam nhìn rõ ông ta mặc chiếc áo khoát màu nâu bẩn thỉu dài phết đất, chẳng khó gì không nhận ra đó là chiếc áo của người công nhân trước đấy. Anh không rõ mình phải làm gì nếu người đó đi tiếp về phía mình. Nhưng khi ông ta tiến đến gần, Adam thấy ông ta khá già và còng. Môi ngậm một mẫu thuốc lá. Người công nhân quét dọn dừng lại trước anh, phát hiện thấy một bao thuốc lá, ông nhặt nó lên kiểm tra, tin chắc là nó đã trống rỗng trước khi vứt vào sọt rác. Sau đó là giấy kẹo, lon pepsi – cola và một tờ Le Figero cũ, tất cả đều được cho vào sọt rác. Mắt ông ta sục sạo xung quanh phòng để tìm xem còn có rác hay không nhưng vẫn không phát hiện ra Adam đang khom lưng nấp sau chiếc xe xa nhất. Hải lòng khi đã làm xong nhiệm vụ ông ta kéo lê cái thùng rác trên sàn nhà và đẩy ra phía cửa. Adam thở phào nhưng chỉ sau khoảng hai phút ông già lại quay lại đi đến tường phía bên kia và mở một cánh cửa mà trước đó Adam không hề phát hiện ra. Ông ta cởi áo khoát màu nâu dài ra và thay bằng một cái áo khoác xám cũng ở tình trạng không tốt đẹp hơn mấy nhưng ít ra cũng làm cho bộ dạng tử tế hơn. Sau đó ông biến mất khỏi cửa. Một lát sau Adam nghe tiếng cửa đóng sập lại.

Người công nhân vệ sinh đã kết thúc ngày làm việc của mình.

Adam chờ một lát rồi đứng dậy vươn vai. Anh rón rén men theo tường đến chiếc cửa nhỏ. Anh khẽ mở cửa lấy chiếc áo dài nâu ra khỏi đĩnh treo rồi quay lại chỗ cũ ở góc hầm. Anh cúi người xuống khi chiếc xe đầu tiên của buổi sáng xuất hiện. Người lái xe của một vòng rất thành thạo đánh xe vào góc phía xa khiến Adam cảm thấy tin chắc đây là thói quen hằng ngày của anh ta. Một người đàn ông nhỏ nhắn linh lợi với bộ ria màu chì và chiếc áo màu hồng kẻ sọc bánh bao, Tay xách chiếc cặp da nháy ra khỏi xe. Sau khi đã khóa cửa xe anh ta đi nhanh về phía cửa ra. Adam đợi cho cánh cửa nặng nề đóng lại rồi mới đứng dậy khoác chiếc áo nâu ra ngoài áo bludong của mình. Vai áo khá chật còn tay áo thì ngắn cùn nhưng ít ra cái đó cũng làm anh trông giống như một công nhân làm việc ở đây.

Suốt một giờ sau đó anh quan sát các xe tiếp tục đến một cách thưa thớt. Tất cả các chủ xe đều khóa cẩn thận và kiểm tra mọi thứ trước khi bước ra khỏi cửa hầm, đem theo chìa khóa.

Phía xa có tiếng đồng hồ gõ mười tiếng, Adam quyết định chả làm được gì hơn nếu cứ dợi loanh quanh ở đây. Anh đã toan rón rén bước ra khỏi chỗ nấp và tìm cách đi qua căn hầm để đi đến cửa ra thì một chiếc xe Rover với tấm biển đăng ký Anh đi tới của một vòng khiến Adam chới mắt vì ánh đèn pha. Anh nhảy sang một bên cho chiếc xe đi qua nhưng nó đã phanh kít lại bên cạnh, người lái xe thò đầu qua cửa hỏi, nhấn mạnh từng từ với giọng đặc Anh:

- Đố - ở - đây - được - chứ?

- Oui, monsieur (Vâng, thưa ông)

Người đàn ông khoát tay một vòng và tiếp tục hỏi kiểu như đang nói chuyện với một người đàn độn:

- Các - tầng - khác - đều - ghi - là - bãi - đỗ - riêng - cả. Đố - ở - đâu - cũng - được - à?

- Oui. Bert - ay - mest - paak - you.

Adam đang chờ nghe một câu mắng “vớ vẩn!”. Nhưng người đàn ông lại nói “Hay lắm” rồi bước ra khỏi xe, đưa cho Adam chìa khóa và tờ mười Francs.

- Merci.

Adam nói, bỏ tờ bạc vào túi và đưa tay lên trán chào rồi hỏi, bắt chước kiểu nhấn từng chữ của anh ta:

- Mấy - giờ - ông - quay - lại?

- Lâu nhất là một tiếng.

Người đàn ông vừa đáp vừa đi ra cửa.

Adam đứng cạnh chiếc xe đợi dăm phút nữa không thấy anh ta quay lại. Anh mở cửa và đặt túi thực phẩm xuống ghế trước rồi đi vòng qua phía bên kia, ngồi vào ghế, vặn chìa khóa điện và kiểm tra đồng hồ nhiên liệu. Còn khoảng hơn một nửa bình xăng. Anh rờ máy lái chiếc xe lên dốc cho đến khi xe chạm sần tầng một, ở đấy anh phải dừng lại. Cần phải có hai Francs để barie nhắc lên cho đi qua. Cô gái ngồi trong xe sau miễn cưỡng đổi cho anh tờ mười Francs vì nhận ra là nếu không làm như vậy thì cô cũng chẳng thể đi lọt.

Adam vừa nhanh chóng lái xe ra đường vừa tìm tấm biển chỉ dẫn “Đi được mọi hướng”. Chỉ vài phút sau anh tìm ra được phương hướng và thoát ra khỏi trung tâm thành phố rồi lái xe vào đường số sáu đi Paris.

Adam ước lượng may lắm thì anh có được hai giờ đồng hồ nữa. Đến lúc đó cảnh sát chắc chắn sẽ thông báo về vụ đánh cắp ô tô. Anh vẫn tin là có đủ xăng để đến được Paris nhưng rõ ràng không thể hy vọng đến được Calais.

Phần lớn thời gian chạy xe Adam luôn di trên làn chính và đồng hồ tốc độ luôn chỉ dưới tốc độ hạn chế có năm kilomet một giờ. Hết một giờ Adam đã chạy được gần chín mươi kilomet. Anh mở cái túi chị vợ người nông dân đưa cho lấy ra một quả táo và một miếng pho mát. Đầu óc lại nhớ tới Heidi, suốt hai ngày qua thỉnh thoảng anh lại nghĩ đến cô.

Giá như anh đừng bao giờ mở cái phong bì đó ra.

Mất một giờ Romanov mới phát hiện ra đối thủ của mình đang leo lên một quả đồi chỉ cách đường cái vài trăm mét. Hắn mỉm cười khi biết chắc rằng co thể tóm cổ Scott trước khi anh ta đến được đường cái. Khi Romanov chỉ còn cách vài mét thì viên trung úy không quân quay lại và mỉm cười với người lạ mặt.

Ba mươi phút sau, khi Romanov bỏ Banks lại sau một bụi cây, hắn buộc phải công nhận là viên sỹ quan phi công trẻ này cũng can đảm như Valchek. Nhưng hắn không thể hí thời gian hơn nữa để phán đoán xem Scott đi về hướng nào.

Romanov đi về phía tây.

Mãi đến lúc nghe tiếng còi hú, Adam mới choàng tỉnh khỏi trạng thái mơ màng. Anh nhìn chiếc đồng hồ nhỏ đặt trên chiếc bảng đồng hồ : mới được khoảng hơn một giờ rưỡi. Chẳng lẽ cảnh sát Pháp lại có thể nhanh chóng đến thế sao ? Chiếc xe cảnh sát giờ đây đang nhanh chóng áp sát bên trái nhưng Adam vẫn giữ nguyên tốc độ - chỉ có điều tim anh đập nhanh không tưởng tượng nổi – cho đến khi chiếc xe cảnh sát vượt qua xe anh.

Từng ây số trôi qua Adam bắt đầu tự hỏi liệu có thông minh hơn không khi rẽ sang một con đường vắng vẻ hơn, nhưng rồi anh quyết định liều phóng đến Paris càng nhanh càng tốt.

Anh vẫn cảnh giác với những tiếng còi rú trong khi tiếp tục lái xe theo các biển chỉ dẫn để vào Paris. Cuối cùng khi tới ngoại ô thành phố, anh đánh xe vào đại lộ Hospital và còn cảm thấy yên tâm đôi chút để cản quả táo thứ hai. Trong hoàn cảnh bình thường, lẽ ra anh có thể thưởng thức những công rình diễm lệ dọc trên hai bờ sông Seine nhưng hôm nay mắt anh luôn liếc vào chiếc gương hậu.

Adam quyết định sẽ bỏ xe lại trong một bãi đỗ xe công cộng lớn. Nếu may mắn có thể nhiều ngày nữa người ta sẽ tìm thấy nó.

Adam sẽ sang phố Rivoli và ngay lập tức nhìn thấy một rừng biển ngữ nhiều màu sắc thấp thoáng phía trước. Khó mà chọn được một chỗ nào tốt hơn vì anh chắc chắn đó là một bãi đỗ xe dành cho người nước ngoài.

Adam cho chiếc Rover chạy đến góc xa nhất của bãi. Sau đó anh ăn vội miếng pho mát cuối cùng rồi khóa cửa xe lại. Anh bắt đầu đi về phía cửa ra nhưng mới đi được mấy mét bỗng hiểu ra rằng những người đi nghỉ đang cuộc bộ kia sẽ buồn cười chiếc áo nâu dỏ hơi mà anh đã quên khuấy mất. Cần phải quay lại để quăng nó vào hòm xe, nghĩ như vậy anh nhanh chóng cởi áo ra và gấp lại thành một gói vuông vắn nhỏ. Khi chỉ còn cách chiếc xe vài mét thì Adam nhìn thấy một viên cảnh sát trẻ. Anh ta đang kiểm tra biển số của chiếc xe Rover và đọc các chữ và số vào máy bộ đàm. Adam chậm rãi quay bước trở ra, mắt vẫn không rời viên cảnh sát. Chỉ cần đi được sáu, bảy bước nữa là anh đã mất hút trong đám đông.

Năm, bốn, ba, hai, anh ngoái lại trong khi người đàn ông vẫn tiếp tục nói vào máy bộ đàm. Chỉ còn một bước thôi... “Ôi!” người phụ nữ kêu lên khi anh dẫm phải chân chị ta.

Theo bản năng Adam thốt lên bằng tiếng mẹ đẻ:

- Xin lỗi.

Viên cảnh sát lập tức ngược mắt nhìn Adam, anh ta kêu lên tiếng gì đó vào máy bộ đàm rồi chạy lại phía anh.

Adam vút cái áo nâu xuống đất và vội vã quay lại, suýt nữa xô ngã một người phụ nữ và nhào ra cửa. Khs1ch du lịch đứng chật cứng trên bãi xe, họ đến để chiêm ngưỡng Louvre. Adam biết khó mà chạy hết tốc lực qua đám người đông nghịt này. Khi anh chạy tới lối vào bãi đỗ xe thì tiếng còi của viên cảnh sát đuổi sát sau chỉ vài bước. Anh chạy băng qua phố Rivoli, qua chiếc cổng vòm dẫn đến một quảng trường lớn.

Cũng lúc đó một cảnh sát khác từ phía bên phải lao tới khiến Adam chỉ còn cách chạy lên các bậc thang trước mặt. Lên đến bậc cao nhất anh ngoái lại thấy ít nhất có ba cảnh sát đang đuổi theo mình, Adam vội lao qua cánh cửa tự động và vượt qua một nhóm khách du lịch người Nhật đang đứng vây quanh bức tượng của Rodin ở hành lang. Anh xông qua người soát vé đang sững sờ vì kinh ngạc và chạy dọc theo một hành lang dài bằng đá hoa cương.

Có tiếng gọi to phía sau lưng:

- Monsieur, monsieur, votre billet? - Thưa ông, vé của ông đâu?

Đến đỉnh cầu thang anh rẽ phải, chạy qua *Gian trưng bày các tác phẩm "66" của các thế kỷ*. Từ gian trưng bày các tác phẩm hiện đại như Pollock, Bacon, Hocney, anh chạy sang gian Trường phái ấn tượng như Monet, Manet, Courbet, tuyệt vọng cố tìm một lối ra. Đến Thế kỷ thứ Mười tám là Fragonard, Goya, Wattaur, vẫn không có dấu hiệu của một lối ra nào. Adam chạy qua một Cổng vòm lớn và bước vào Thế kỷ Mười bảy – Murillo, Van Dyck, Pousin – trong khi đó mọi người dừng xem tranh và quay lại xem đâu là nguyên nhân của sự náo loạn như vậy. Chạy sang Thế kỷ Mười sáu – Raphael, Caravaggio, Michelangelo, Adam bỗng nhận ra mình chỉ còn hai thế kỷ tranh để mình đi qua mà thôi

Rẽ phải hay trái đây? Anh chọn bên phải và lọt vào một phòng lớn hình vuông, có ba cửa ra. Adam chạy chậm lại trong chốc lát để chọn một lối thoát tốt nhất, bỗng anh thấy căn phòng này toàn là tranh Thánh Nga. Anh dừng lại cạnh một cái khung rỗng có đề dòng chữ "Nous regrettons que ce tableau soit soumis à la restauration" (Rất tiếc là bức tranh này đang được đưa đi phục chế lại)

Viên cảnh sát đầu tiên đã chạy vòng phòng lớn và chỉ còn cách có vài bước, Adam chạy bổ đến cửa ra xa nhất. Lúc này anh chỉ còn hai lối để lựa chọn. Anh lao sang phải: thấy một cảnh sát khác đang lao thẳng đến mình. Bên trái: hai người nữa. Phía trước cũng có một người.

Adam dừng lại giữa phòng trưng bày tượng Thánh của Bảo tàng Louvre, hai tay giơ cao quá đầu. Xung quanh anh là một vòng vây cảnh sát, súng lăm lăm trên tay.

*

* *

CHƯƠNG 19

Sir Morris nhất ống nghe trên bàn lên.

Người nữ thư ký nói:

- Thưa ngài, có điện khẩn từ Paris gọi.

- Cảm ơn Tessa.

Sir Morris lắng nghe kỹ báo cáo trong lúc đầu óc ông nhanh chóng chuyển dịch lại một tin giật gân. Ông nói với Bộ ngoại giao Pháp ở đầu dây bên kia:

- Merci, merci. Bao giờ bố trí xong kế hoạch cần thiết để đưa anh ta về chúng tôi sẽ liên lạc với các ngài ngay. Nhưng bây giờ xin các ngài canh giữ thật chặt giúp.

Sir Morris nghe một lát nữa rồi nói:

- Và nếu anh ta có tài sản nào thì xin hãy giữ lại thật kỹ giúp chúng tôi... Xin cảm ơn các ngài một lần nữa.

Người nữ thư ký đã ghi từng từ của cuộc đàm thoại bằng tốc ký, như bà đã từng làm mười bảy năm nay.

Một khi cảnh sát đã còng tay Adam và điệu anh vào chiếc xe đang chờ sẵn thì anh ngạc nhiên cảm thấy họ rất thoải mái và hầu như thân mật với anh. Một người cảnh sát áp giải đẩy anh vào xe. Phía trước có một xe cảnh sát và phía sau cũng có một xe nữa. Hai vệ sĩ lái mô tô dẫn đường tốp xe hộ tống phía trước. Adam cảm thấy mình giống như một hoàng thân đến thăm thành phố hơn là một tội phạm bị truy cứu về hai tội giết người, hai vụ ăn cắp xe hơi và tội đi du lịch với căn cước giả. Liệu có thể nào cuối cùng đã có ai đó làm sáng tỏ là anh vô tội không?

Vừa đến Sureté trên đảo Cité, lập tức người ta ra lệnh cho anh moi hết mọi thứ trong túi ra. Một đồng hồ đeo tay, một quả táo, bốn mươi bảng Anh bằng séc du lịch, tám Francs và một hộ chiếu Anh mang tên Dudley Hulme. Người kiểm soát trạm lịch sự yêu cầu anh cởi bỏ áo vest và quần dài, đó là lần thứ hai trong ngày anh phải cởi bỏ quần áo. Sau khi Adam đã làm theo yêu cầu, người kiểm soát cẩn thận kiểm tra từng túi áo, thậm chí lần từng nếp gấp. Về mặt anh ta cho thấy anh ta đã không tìm được cái cần tìm.

Viên sĩ quan hỏi bằng tiếng Anh, chậm rãi nhưng chuẩn xác:

- Ông có tài sản nào khác không?

Adam nghĩ thật là một câu hỏi ngớ ngẩn. Tự các vị đã thấy cả rồi. Anh trả lời:

- Không.

Viên sĩ quan kiểm tra chiếc áo gió một lần nữa nhưng cũng biết là không có gì hơn. Anh ta nói cộc lốc:

- Ông có thể mặc lại quần áo.

Adam mặc áo sơ mi, quần dài và áo gió vào nhưng viên sĩ quan giữ lại cravat và dây giày. Anh ta giải thích:

- Chúng tôi sẽ trả lại mọi thứ khi ông được thả.

Adam gật đầu và xỏ hai chân vào giày, chúng lúc lắc một cách bất tiện mỗi khi anh bước đi. Sau đó anh được giải đến một xà lim nhỏ đặt cùng trên tầng nhà đó, bị khóa trái lại và bỏ đó một mình. Anh ngó quanh căn phòng bố trí đơn sơ. Một cái bàn gỗ đặt ở giữa phòng, phía sau có hai ghế gỗ. Mắt anh nhìn lên chiếc giường cá nhân đặt ở góc phòng với tấm đệm cũ bằng lông ngựa. Anh không thể xác định căn phòng này là một xà lim bởi vì ở đây không có song sắt. Adam cởi áo gió vắt lên thành ghế và nằm xuống giường. Ít ra thì thể này cũng hơn chán mấy nơi mình ngủ hai đêm trước. Chẳng lẽ mới có hai đêm thôi kể từ khi anh ngủ trên sàn nhà khách sạn của Robin ở Geneva hay sao?

Mấy phút sau Adam đi đến một quyết định. Đó là khi nào viên sĩ quan quay lại anh sẽ yêu cầu được gặp luật sư. Anh nói thành tiếng: Luật sư tiếng Pháp là cái quái gì nhỉ?

Khoảng nửa giờ sau, cuối cùng viên sĩ quan cũng quay lại. Anh ta đem theo một cái khay gồm xúp nóng, một khoanh bánh mỳ nướng, một đĩa trông như thịt bò rán có gia vị, rau thơm rắc phía trên và một cốc rượu vang đầu tận miệng. Adam thắc mắc không rõ họ nhằm lẫn anh với một người nào khác hay đơn giản đây là bữa ăn cuối cùng dành cho tử tù trước giờ hành hình. Anh đi theo viên sĩ quan ra phía cửa, nói nhấn mạnh từng từ:

- Tôi yêu cầu được nói chuyện với luật sư.

Nhưng viên sĩ quan chỉ nhún vai:

- Je ne comprend pas l'Anglais (Tôi không hiểu tiếng Anh)

Nói rồi anh ta đóng sầm cửa lại.

Adam ngồi xuống ăn mọi thứ đặt trên bàn, thầm cảm ơn người Pháp luôn chăm lo đến chuyện ăn uống tử tế dù ở hoàn cảnh nào.

Một giờ sai Sir Morris thông báo cho mọi người biết tin tức về Scott rồi im lặng quan sát từng người đang ngồi quanh bàn. Nếu không cảm thấy chắc chắn là cuối cùng Adam đã an toàn thì ông ta sẽ không bao giờ cho nhóm họp D4 nữa. Matthews vẫn tỏ vẻ không hề xúc động gì. Busch im lặng một cách khác thường trong khi Snell trái lại trông hầu như có vẻ nhẹ người vì tin tức đó. Lawrence là người duy nhất tỏ ra thực sự hài lòng.

Sir Morris tiếp tục nói :

- Scott đang bị giữ ở Bộ Nội vụ gần Cung điện Bauvais, và tôi đã liên lạc với tùy viên quân sự của chúng ta ở Sứ quán...

Lawrence nói xen vào:

- Đại tá Pollard...

Sir Morris nói tiếp:

- Đại tá Pollard được cử đến bằng xe của đại sứ và sẽ đưa Scott về thẩm vấn tại Sứ quán của chúng ta ở Faubourg St.Honoré. Sureté lúc này có gọi khẳng định là đại tá Pollard đã đến nơi.

Sir Morris quay lại số Hai:

- Đêm nay ông sẽ bay đi Paris và tổ chức việc thẩm vấn.

- Vâng, thưa ngài.

Lawrence ngược nhìn lên sếp, nụ cười nở trên khuôn mặt.

Sir Morris gật đầu. Tuyệt lắm, ông nghĩ và nhìn khắp lượt những người ngồi quanh bàn nhưng nửa giờ nữa sẽ rõ ai trong số họ thờ hai chúa.

Ông rời ghế đứng dậy nói:

- Tốt lắm. tôi nghĩ rằng hôm nay tôi không cần đến bất cứ ai trong số các ông nữa.

Mentor mỉm cười khi ông Morris rời khỏi phòng. Nhiệm vụ của hắn đã hoàn thành. Quá đơn giản khi chỉ cần đọc ngược được một đoạn tốc ký.

Chiếc Jaguar màu đen mang biển Ngoại giao đoàn đến cục cảnh sát sớm hơn dự kiến mấy phút. Giao thông trên đường không đến nỗi quá căng thẳng như viên đại tá dự đoán. Lúc Pollard nhảy ra khỏi cửa xe viên thanh tra đang đứng ở bậc thang, anh ta nhìn lên lá cờ Anh bay phấp phới và thấy toàn bộ sự việc có vẻ hơi bị cường điệu.

Pollard, một người đàn ông thấp, béo mập, mặc đồ quần áo đen, thắt cravat trung đoàn, tay cầm ô trông giống như nhiều người Anh vẫn cự tuyệt không chịu thừa nhận là mình có thể đi ra nước ngoài được.

Viên sĩ quan dẫn Pollard đi thẳng vào căn phòng nhỏ nơi Adam đang bị giam giữ.

- Tôi là Pollard, đại tá Pollard. Tùy viên quân sự Anh thường trực tại Paris. Rất lấy làm tiếc là anh đã trải qua sự khổ ải như thế này, anh bạn thân mến. Nhưng phải làm rất nhiều giấy tờ thủ tục mới có thể đưa được anh ra khỏi đây. Những quy tắc chặt chẽ thật là chết tiệt.

Adam bật dậy khỏi giường bắt tay viên đại tá, nói :

- Tôi hiểu. Bản thân tôi cũng đã từng phục vụ trong quân đội mà.

- Tôi biết. Trung đoàn Wessex Hoàng gia có phải không?

Adam gật đầu, cảm thấy tự tin hơn chút ít. Đại tá nói tiếp:

- Nhưng yên tâm đi, bây giờ mọi chuyện đã được giải quyết. Cảnh sát Pháp vừa qua rất hợp tác với chúng ta và để đồng ý để tôi đưa về Sứ quán.

Adam nhìn vào cravat của viên đại tá

- Trung đoàn Công tước York?

Pollard chỉ tay vào ngực áo sơ mi nói:

- Cái gì? Chắc chắn là không phải rồi, Jacket Xanh.

- A, đúng rồi.

Adam nói, anh hài lòng khi sự nhầm lẫn của mình được thông cảm.

- Bây giờ tôi nghĩ chúng ta đi thôi. Tôi biết anh sẽ yên tâm khi nói người ta sẽ không buộc tội anh gì cả.

Viên đại tá không thể biết rõ Adam đã nhẹ người đến thế nào.

Viên sĩ quan đưa cả hai người trở lại căn phòng lớn, tại đó Adam chỉ phải ký và nhận lại đồ đạc cá nhân của mình. Anh đút mọi thứ vào túi trừ cái đồng hồ anh đeo vào tay và xỏ nhanh vào giày rồi buộc dây lại. Anh không ngạc nhiên khi người ta không trả hộ chiếu của Dudley Hulme.

Viên đại tá nói, bắt đầu có vẻ lo lắng:

- Này anh bạn, đừng có loay hoay lâu quá nhé.

Adam nói:

- Không quá một phút đâu. Tôi cũng nôn nóng muốn rời khỏi nơi đây chẳng kém gì ông đây.

Anh kiểm tra lại dây giày trước khi đi theo đại tá Pollard và viên sĩ quan ra chiếc Jaguar đang chờ sẵn. Lần đầu tiên anh nhận thấy viên đại tá đi hơi tập tễnh. Người lái xe mở cửa sẵn cho anh. Adam chột cười lớn.

Viên đại tá hỏi:

- Có gì mà buồn cười thế, anh bạn?

- Không. Chỉ có điều là người lái xe lúc này mời tôi vào xe không thân mật chút nào cả.

Adam bước vào phía sau chiếc xe Jaguar, viên đại tá ngồi bên cạnh Pollard nói:

- Về Sứ quán.

Chiếc xe lao vút đi

Adam rợn người khi nhìn lá cờ Vương quốc Anh treo ngược đang bay phấp phật trước gió.

*

* *

CHƯƠNG 20

Adam tỉnh dậy và thấy mình trần truồng.

Anh nhìn quanh căn phòng đơn sơ nhưng khác với lúc ở nhà giam Pháp, lần này anh không thể thấy được mọi thứ phía sau mình: Tay, chân và người bị trói chặt bằng giấy ni lông vào một chiếc ghế đặt giữa phòng khiến anh không thể cử động được.

Khi nhìn lên Adam chỉ thấy được viên đại tá Pollard đang đứng bên cạnh. Vừa yên tâm khi thấy anh đã tỉnh lại, hắn liền nhanh chóng quay gót ra khỏi phòng.

Adam quay đầu lại và nhìn thấy tất cả quần áo của mình được đặt trên giường tít tận góc cuối phòng. Anh cố dịch chuyển chiếc ghế nhưng chỉ lúc lắc được nó sang hai bên, sau vài phút anh chỉ tiến được về phía cửa có vài inch. Anh dùng hết sức cố nói lỏng sợi dây quanh cổ tay, cọ xát chúng vào ghế nhưng hai tay bị trói quá chặt nên chỉ nói lỏng được chút ít.

Sau mấy phút cố gắng không có kết quả, Adam phải dừng lại vì có tiếng mở cửa. Romanov đang bước vào. Theo sau hắn là một tên mà Adam không nhận ra. Tên thứ hai cầm một vật trông như hộp xì gà và ngồi xuống đầu đó phía sau Adam. Pollard đi sau tay cầm một bảng nhựa lớn.

Romanov nhìn lên thân hình trần truồng của Adam và mỉm cười khoái trá vì đang làm nhục anh. Hắn nói với một giọng nhẹ nhàng:

- Tên tôi là Alexander Petrovich Romanoy.

Adam nhìn thẳng vào địch thủ:

- Hoặc là Emmanuel Rosenbaum.

Hắn nói thêm trong khi bắt đầu xoay chiếc ghế:

- Rất tiếc vì chúng ta không thể bắt tay nhau được. Nhưng tôi thấy trong hoàn cảnh hiện nay thì mọi sự cẩn trọng nhất định là rất cần thiết. Trước hết tôi muốn chúc mừng ông vì đã lẩn tránh được khỏi tay tôi lâu đến thế. Nhưng bây giờ thì ông đã hiểu là tai mắt của tôi ở London cũng có thể gọi một cú điện thoại nhanh không kém người của các ông.

Adam hỏi:

- Tai mắt của các ông?

- Đừng có ngây thơ, đại úy. Ông phải hiểu vị trí của ông hiện nay không được hỏi mà chỉ trả lời câu hỏi thôi.

Adam nhìn chăm chú lên viên gạch trên tường phía trước tỏ ra không thêm để ý đến sự vòng vo của Romanov.

Hắn nói một cách gay gắt:

- Pollard, hãy đưa đại úy Scott ra giữa phòng. Hình như ông đã dịch chuyển được ít nhất là

nửa mét định tẩu thoát.

Pollard tuân lệnh, hần để tấm bảng nhựa lên sàn nhà rồi đẩy Adam cùng chiếc ghế lên giữa tấm bảng.

Romanov nói:

- Cảm ơn.

Hần nói tiếp:

- Tôi nghĩ là ông đã gặp đại tá Pollard của chúng tôi. Tất nhiên đó không phải là một đại tá. Nhưng đó là một cái lon mà ông ta rất thích được đeo cho nên có dịp là chúng tôi phong chức cho ông ta ngay. Thực ra vị đại tá chân chính của chúng ta đã từng phục vụ cho quân đội Anh nhưng Hoàng gia và đất nước chỉ cho ông ta làm một anh lính trơn. Sau mười tám năm phục vụ trở về ông ta cũng vẫn là một người lính trơn. Mặc dù có một vết thương ở chân mà chẳng may lại không phải do kẻ thù của Triều đình gây ra cho nên ông ta không thể nào đòi được đồng lương hưu ít ỏi. Điều đó đã làm ông ta sống rất khó khăn. Nhưng như tôi đã giải thích, ông ta vẫn luôn luôn muốn được là một đại tá.

Romanov nói tiếp:

- Ông có ý tốt khi hỏi ông ta có phải phục vụ trong Trung đoàn Công tước York không. Nhưng bởi vì đại tá tài ba của chúng tôi đã phục vụ trong trung đoàn Jacket Xanh cho nên đó là cái cravat mà ông ta cảm thấy an toàn khi đeo.

Mắt Adam vẫn dán chặt vào tường.

- Bây giờ tôi thú nhận rằng chúng tôi đã nhầm lẫn treo ngược lá cờ Anh. Mặc dù Pollard lẽ ra phải phát hiện được điều đó mới phải, nhưng chúng tôi cũng phải cảm ơn là ông cũng đã không nhận ra trước khi cửa xe đã được khóa lại.

Rồi Adam cảm thấy chiếc xyranh đâm vào lưng. Như anh muốn... anh bắt đầu nói. Sau đó sự đau buốt lan khắp cơ thể, rồi thành linh anh không biết gì nữa.

Chiều hôm ấy khi đến sân bay Orly Lawrence mong được ngồi ăn tối với người bạn cũ của mình trong phòng riêng yên tĩnh của Sứ quán. Anh gặp đại tá Pollard tại rào chắn. Câu nói đầu tiên của Lawrence là:

- Scott ra sao rồi?

- Tôi đang hy vọng ông sẽ cho tôi biết.

Pollard nói và dỡ vali cho Lawrence. Lawrence đứng khựng lại giữa đường nhìn chằm chằm viên sĩ quan cao lớn mặc đầy đủ quân phục Long Kỳ binh Ngự Lâm Hoàng gia. Anh nói:

- Ông nói thế nghĩa là thế nào?

Pollard nói:

- Nghĩa là thế thôi. Theo đúng hướng dẫn của ông trong bức thư, tôi đến Ile de la Cité để đón Scott nhưng khi đến nơi người ta cho biết là trước đó hai mươi phút có người mang tên tôi đã đón ông ta đi. Chúng tôi liên lạc với văn phòng của ông ngay tức khắc nhưng vì ông đang trên đường đến đây nên Đại sứ đã lệnh cho tôi đi thẳng ra sân bay trong khi ông ấy gọi cho ngài Morris.

Lawrence lão đảo suýt ngã. Viên đại tá vội chạy đến cạnh. Lawrence nắm bắt:

- Chắc chắn cậu ấy nghĩ là lại do mình.

Viên đại tá ngơ ngàng chẳng hiểu anh muốn nói gì.

Khi Adam tỉnh dậy Romanov đang đứng một mình. Hắn tiếp tục nói tựa như Adam chưa bao giờ ngắt đi cả:

- Đôi khi một người quá tự hào thường không muốn để lộ sự yếu đuối của mình trước đao phủ hoặc trước mặt đồng bào mình, nhất là trước mặt một kẻ phản bội. Ông hãy nói cho tôi biết ông để bức tranh Thánh ở đâu.

Adam gay gắt hỏi:

- Tại sao tôi phải nói? Đó là sở hữu hợp pháp của tôi?

- Không phải vậy, đại úy Scott. Vật ông đã lấy ra ở ngân hàng Geneva là nguyên bản của một bức tranh Thánh vô giá do chính tay Rublev vẽ, và nó là tài sản quốc gia. Nếu bức tranh Thánh vô giá đó xuất hiện ở bất cứ cửa hàng bán đấu giá hoặc phòng tranh nào trên thế giới thì lập tức chúng tôi có quyền đòi lại như một báu vật quốc gia bị lấy cắp đem bán.

Adam toan nói:

- Nhưng làm sao có thể là... ?

Romanov nói:

- Bởi vì chính ông là người đang giữ nguyên bản bức tranh mà Sa hoàng đã gửi lại công tước Hesse giữ hộ và suốt hơn năm mươi năm qua chúng tôi chỉ giữ phiên bản mà thôi.

Mắt Adam mở to đầu hoài nghi khi Romanov lấy từ túi áo trong của chiếc áo khoác hắn đang mặc ra bức tranh Thánh Goerge và Con Rồng. Romanov ngừng lại rồi lật bức tranh lại; một nụ cười thỏa mãn hiện trên nét mặt khi mắt Adam nhận ra dấu vết chiếc vương miện đã bị mất ở phía sau. Romanov nói tiếp:

- Cũng như ông, tôi chỉ có quyền mượn phiên bản này, nhưng nếu ông cho tôi biết nguyên bản hiện ở đâu, tôi sẽ coi trời cho ông và đổi phiên bản này lấy nguyên bản. Không ai biết gì hết và ông vẫn có khả năng tự lo liệu để kiếm được một món lời đáng giá.

Adam cười khẩy nói:

- Đổi đèn cũ lấy đèn mới hả?

Mắt Romanov nheo lại đe dọa:

- Scott, tôi tin ông hiểu mình đang giữ một kiệt tác vô giá. Một khi ông chưa chịu trả lại bức tranh Thánh đó thì ông sẽ gây ra những rắc rối khôn lường cho đất nước mình và rốt cục ông sẽ vào tù. Việc ông cần làm là nói cho tôi biết bức tranh Thánh ở đâu và rồi ông sẽ được tự do.

Adam không thềm lắc đầu nữa:

- Thế thì đã đến lúc cho phép ông biết một vài thông tin chắc ông sẽ quan tâm.

Romanov vừa nói vừa rút một tờ giấy trong chiếc phong bì hắc lấy trong túi áo trong ra. Adam thực sự thắc mắc không đoán được chuyện gì. Romanov chậm rãi mở ra và giơ lên cao cho Adam chỉ thấy được mặt sau. Hắc nói tiếp:

- Tờ giấy này tiết lộ lời tuyên án của thẩm phán Nikitchenko trong phiên tòa ở Nga năm 1946, lời tuyên án tử hình đối với thiếu tá Vladimir Kosky nào đó từng làm giám thị Nga trực ban trong đêm tên tướng Đức Hermann Goering chết.

Hắc lật tờ giấy lại để Adam thấy được.

- Như ông đã thấy đây, thiếu tá Kosky bị buộc tội đã hợp tác với kẻ địch để ăn tiền. Người ta đã chứng minh hắc phải chịu trách nhiệm trực tiếp trong vụ chuyển thuốc độc cyanua vào xà lim tên tướng Đức đêm hắc tự tử chết.

Mắt Adam mở to, Romanov nói:

- A, tôi hiểu là bài mình đã có con át chủ bài. Bây giờ tôi nghĩ cuối cùng ông sẽ cho tôi biết bức tranh Thánh ở đâu bởi vì người Anh các ông có một câu ngạn ngữ, nếu tôi không nhầm là: trao đổi sòng phẳng không phải là trộm cắp. Bức tranh Thánh của ông đổi lấy bức tranh Thánh của tôi, cộng với lời phán xét pháp lý cuối cùng sẽ minh oan cho cha ông.

Adam nhắm mắt lại, lần đầu tiên đau đớn nhận ra Romanov không biết chuyện gì phía sau bức tranh Thánh.

Romanov bước tới nhìn thẳng vào Adam, nói:

- Đã đến lúc tôi phải đi ăn tối. Tôi cũng định mời cả ông nữa nhưng có lẽ dạ dày của ông chưa thích hợp cho việc đó.

Romanov đi ra, viên đại tá Pollard bước vào, Romanov và đại tá trao đổi mấy câu gì anh không hiểu được. Rồi hắc bước ra khỏi phòng, tay đóng nhẹ cánh cửa lại.

Pollard tiến lại gần Adam cho anh uống nước. Anh uống hết chai nước và thực sự ngạc nhiên khi thấy mình hồi sức nhanh chóng như vậy. Mặc dù các giác quan đã trở lại bình thường Adam vẫn nghi ngờ không rõ mình có sống sót qua một lần nữa không.

- Ồi, ngã mất.

Adam nói và thỉnh linh cúi đầu ra trước. Pollard nhanh chóng cúi trối cho anh và nhìn anh gục xuống nằm phủ phục. Anh nhổ nước bọt mấy lần và vẫn nằm trong tư thế cũ cho đến khi viên đại tá kéo nhẹ anh trở lại ghế. Khi đã ngồi xuống, Adam nắm chặt hai chân ghế rồi lấy hết sức bình sinh cúi người về phía trước quật mạnh chiếc ghế xuống đầu tên đại tá mất cảnh giác.

Pollard đổ vật xuống đất trước mặt Adam.

Adam vẫn ngồi quì gối trước xác viên đại tá, không rõ tiếp theo phải làm gì. Anh mừng thầm là mình đang ở trong phòng cách âm. Anh chờ mấy giây để lượng xem sức lực mình còn lại bao nhiêu rồi nhặt chai nước lăn lóc trên đất lên uống hết không còn một giọt. Sau đó anh bò đến giường, mặc quần đùi, đi tất và chiếc áo sơ mi không mấy trắng trẻo vào, tiếp đó là quần dài và đi giày. Anh định mặc áo khoác nhưng thấy lớp lót bên trong đã bị xé ra từng mảnh liền thay đổi ý định và đi lom khom như một ông già về phía tên đại tá, cởi chiếc áo khoác vải tuyết mác Harris của hắn ra mặc vào người. Vai hơi rộng nhưng hông lại ngắn.

Adam bước ra cửa cảm thấy gần như hân hoan. Anh vặn quả đấm và đẩy cửa ra. Cách cửa hé mở - không thấy có chuyện gì - hé tí nữa - vẫn không có gì. Anh nhìn qua khe hở nhưng chỉ thấy hành lang tối đen, Adam mở rộng cánh cửa, cái bản lề cửa bỗng rít lên như tiếng lốp xe đang chạy phanh chất đường. Sau khi đã chắc chắn không có ai quay lại, anh đánh bạo bước ra hành lang.

Adam đứng dựa sát vào tường chăm chú quan sát dọc hành lang hẹp không có cửa sổ, chờ cho mắt quen với bóng tối. Anh nhìn thấy một tia sáng lơ mờ chiếu qua ô cửa kính ở phía đầu kia hành lang bèn rón rén đi về phía đó. Anh đi tiếp, dò dẫm như một người mù chậm chậm tiến bước cho đến khi thấy một luồng sáng khác chiếu qua khe cửa bên phải cách cánh cửa của anh còn đến quãng mười mét. Anh thận trọng tiến tới cửa đầu tiên, chỉ còn một bước nữa bỗng cánh cửa bật mở. Một người đàn ông nhỏ nhắn mặc chiếc áo blu màu trắng và bộ quần áo nấu bếp xanh bước ra. Adam đứng im ép sát người vào tường trong khi người đầu bếp rút từ trong túi bao thuốc lá và hộp diêm ra và đi về phía kia. Khi tiến đến ô cửa kín hắn mở cửa và đi ra. Adam nhìn bóng người dựa vào tấm cửa kính. Hắn quẹt diêm, diều thuốc lá cháy đỏ lên, đám khói đầu tiên nhả ra, thậm chí anh còn nghe thấy cả tiếng thở dài.

Adam rón rén đi qua căn phòng giờ đây đã biết đó là bếp. Anh đi về phía cánh cửa dẫn ra ngoài nhà, từ từ vặn quả đấm cửa và đợi cho bóng người kia bước đi. Bản lề cánh cửa này cũng chẳng được ai tra dầu mỡ bao giờ. Người đàn ông quay lại mỉm cười vừa đúng lúc Adam vung tay trái đấm mạnh vào bụng hắn. Hắn gục xuống, anh lại dồn hết sức vung tay phải giáng một quả nữa vào cằm. Người đàn ông ngã vật xuống đất trong khi Adam lấy làm mừng vì thấy hắn nằm im không nhúc nhích.

Anh kéo cái thân hình mềm nhũn qua bãi cỏ, để hắn sau một bụi cây và quì xuống cạnh đó cố quan sát xem mình đang ở đâu. Chỉ thấy phía trước là một bức tường cao, cạnh đó là một cái sân rải đầy sỏi. Dưới ánh trăng bức tường đổ bóng dài trên những viên cuội nhỏ. Có lẽ đến hai mươi mét... Tập trung hết sức lực còn lại, anh chạy tới bức tường và đứng ép vào như một con hà bám vào đá, bất động trong bóng tối. Chậm rãi và im lặng, anh đi men từng bước theo bức tường cho tới khi ra đến trước tòa dinh thự. Hai cánh cửa lớn bằng gỗ sơn xanh trước lối vào đang mở rộng, cứ cách vài giây một chiếc xe con lại chạy lướt qua anh. Adam ngoảnh lại nhìn vào cửa trước, anh thấy một người đàn ông to béo ngực đeo đầy huân chương đang đứng trên bậc tam cấp bắt tay chào từng khách ra về.

Có một vài khách đi bộ về. Cạnh cổng hai cảnh vệ có vũ trang đang đứng nghiêm chăm chú chào từng chiếc xe hoặc từng khách đi qua.

Adam chờ cho chiếc BMW to tướng với lá cờ Tây Đức phấp phới trên mũ từ từ đi qua cổng. Lợi dụng chiếc xe che chắn, Adam đi ra giữa đường, sau đó theo sát chiếc xe, anh bước đi qua hai cảnh vệ ra đường.

- Bonsoir.

Anh khẽ chào trong khi chiếc xe tiến đến. Chỉ còn cách đường một mét nữa thôi. Anh tự nhủ: Đi, chỉ đi thôi, không được chạy. Đi, đi cho đến khi khuất hẳn ngoài tầm nhìn của bọn chúng. Hai người lính gác chào lại anh một cách lễ phép. Không được ngoảnh lại. Phía sau có một chiếc xe nữa tiến ra nhưng mắt anh vẫn nhìn thẳng phía trước.

- Tu cherches une femme? (Anh đang tìm đàn bà ư?)

Một giọng nói vang lên từ khoảng tối cạnh ngôi nhà. Adam đã rẽ vào một đường phố một chiều khá tối tăm. Mấy người đàn ông trông khó đoán được tuổi đang đi lang thang xuôi ngược trên lề đường. Anh nghi ngại nhìn họ rồi bước vào bóng tối.

- Cá...i gì kia?

Adam vừa nói vừa bước mạnh xuống đường, các giác quan anh căng thẳng vì câu hỏi bất ngờ.

- Người Anh, đúng không? Anh đang tìm gái hả?

Câu nói đặc giọng Pháp. Adam hỏi, vẫn chưa nhìn rõ người phụ nữ:

- Cô nói được tiếng Anh chứ?

- Làm nghề này thì phải biết nhiều thứ tiếng, anh yêu ạ. Nếu không thì sẽ chết đói ngay.

Adam cố gắng nghĩ thật mạch lạc:

- Bao nhiêu một đêm?

Cô gái nói:

- Eh bien, nhưng bây giờ chưa đến nửa đêm, vậy em phải đòi hai trăm phơ rãng.

Mặc dù không có tiền, Adam vẫn hy vọng ít ra cô gái cũng đưa được anh đến nơi an toàn.

- Hai trăm cũng được.

Cuối cùng cô gái cũng bước ra khỏi bóng tối, nói:

- D'accord, (Được).

Adam kinh ngạc thấy hóa ra cô gái thật là quyến rũ.

- Anh hãy nắm lấy tay em và khi chúng ta đi qua cảnh sát anh chỉ việc nói "Ma femme" (vợ tôi) thôi.

Adam vấp chân chúi người ra trước.

- Ô, em nghĩ anh đã uống nhiều quá đấy, anh yêu. Đừng ngại, anh có thể dựa vào em, được

không?

Adam nói trong khi anh cố theo kịp cô gái một cách khó khăn:

- Không đâu, tôi chỉ mệt thôi.
- Anh vừa dự chiều dài ở Sứ quán ra, n'est-ce pas (có đúng không)?

Adam thấy chột dạ.

- Đừng ngạc nhiên, anh yêu. Đa số khách quen em đều từ Sứ quán ra cả. Họ không thể mạo hiểm có tình nhân cố định, tu comprends (anh hiểu chứ)?

Adam nói:

- Tôi tin cô.
- Nhà của em ở ngay sau góc phố kia kìa.

Cô gái nói để anh yên tâm. Adam tin anh có thể đi xa đến đó nhưng khi họ đến được tòa nhà và nhìn thấy cầu thang Adam phải hít vào một hơi thật sâu.

Anh định bước vào cửa trước...

- Anh yêu, em sống ở tầng trên. Quang cảnh xung quanh đẹp lắm – rồi cô gái nói ra vấn đề thiết thực – nhưng em không biết nói với anh như thế nào, nhà này không có thang máy.

Adam không nói gì nhưng anh tựa người vào tường thở mạnh. Cô gái nói:

- Anh fatigué (mệt) rồi.

Khi họ lên đến tầng hai thì gần như cô phải kéo lê Adam qua những bậc thang cuối cùng.

- Em thấy đêm nay anh không dậy nổi đâu, anh yêu – cô vừa nói vừa mở cửa phòng và bật đèn – tại buổi chiều dài đấy.

Cô bước vào, đi mấy bước nữa và bật thêm một đèn khác.

Adam lão đảo đi trên chiếc ghế duy nhất anh thấy và ngồi phịch xuống. Sau đó cô gái đi vào phòng trong. Adam cố sức không ngủ thiếp đi trước khi cô quay ra.

Khi cô gái đứng dưới ánh đèn trước khung cửa, lần đầu tiên Adam được ngắm cô kỹ càng. Mái tóc vàng cắt gọn gàng và lượn sóng, chiếc áo bludông đỏ và váy đen ngắn đến đầu gối bó sát người. Chiếc thắt lưng nhựa trắng to bản nổi bật trên vòng eo nhỏ nhắn. Cô đi đôi tất lưới đen, trong điều kiện bình thường đôi chân tuyệt đẹp này chắc hẳn phải làm anh rạo rực.

Cô gái khẽ lúc lắc đôi mông tiến đến cạnh Adam và quì xuống. Đôi mắt cô xanh biếc một cách kỳ lạ.

- Anh có thể đưa em hai trăm bây giờ được không?

Cô dịu dàng hỏi, tay vuốt nhẹ trên đùi anh.

Adam nói ngắn gọn:

- Tôi không có đồng nào cả.

- Cái gì?

Cô nói, lần đầu tiên nghe có vẻ giận dữ. Thọc tay vào túi áo trong của anh. Cô rút ra một cái ví dày cộp rồi dí vào mặt Adam, hỏi:

- Vậy thì cái gì đây? Em không chơi thể đâu nhé.

Anh mở ví ra, trong ví đầy tiền Pháp và mấy tờ tiền Anh. Adam đoán chắc viên đại tá vừa được trả tiền mặt cho việc phục vụ vừa rồi của hẳn.

Adam rút ra hai tờ một trăm phơ răng trịnh trọng giơ lên.

- Có thể chứ.

Cô gái nói và biến mất vào phòng trong.

Adam nhanh chóng kiểm tra cái ví thấy có một bằng lái xe và hai thẻ tín phiếu mang tên thật của viên đại tá Albert Tomkins. Anh liếc nhìn xung quang: một chiếc giường đôi kê đầu quay vào tường chiếm phần lớn diện tích căn phòng. Cách chiếc ghế anh đang ngồi chỉ có một thứ đồ gỗ nội thất duy nhất là chiếc bàn trang điểm và một chiếc ghế con với miếng đệm nhung đỏ phía trên.

*

* *

CHƯƠNG 21

Khi Adam tỉnh giấc mặt trời đã chiếu qua ô cửa sổ nhỏ của căn phòng ngủ. Thoạt tiên mọi thứ xung quanh làm anh chói mắt, anh chớp mắt và cố nhớ lại những gì đã xảy ra đêm qua. Thế rồi anh nhớ lại tất cả và rùng mình vì những kí ức đó. Adam ngồi sát ra mép giường và cố đứng lên nhưng cảm thấy vô cùng chóng mặt và yếu ớt nên lại ngồi xuống. Ít ra thì anh cũng đã trốn thoát. Anh nhìn quanh phòng nhưng không thấy hoặc không nghe tiếng cô gái đâu. Bỗng anh nhớ đến cái ví.

Anh ngồi bật dậy. Phải mất mấy giây anh mới thu hết sức lực để đứng dậy được và cố bước đi. Mặc dù anh đi chưa vững nhưng cũng đã tốt hơn mong đợi rất nhiều. Chỉ sự phục hồi nhanh chóng mới đáng kể chứ không phải là tốc độ nhanh, Adam mĩa mai nghĩ. Đến được cạnh lò sưởi, anh quì gối lục lọi đồng củi nhưng chiếc ví của viên đại tá đã không cánh mà bay. Anh vội quay lại chỗ cái áo Jacket vắt trên thành ghế. Adam kiểm tra túi áo trong: một cái bút máy, một cái lược răng chỉ còn một nửa, một hộ chiếu, bằng lái xe, mấy thứ giấy tờ khác nhưng không có ví. Anh lục cái túi ngoài: một chùm chìa khóa, một con dao gấp, mấy đồng xu cả tiền Anh lẫn tiền Pháp, nhưng tất cả chỉ có thế. Adam văng tục và đổ vật xuống sàn nhà rồi cứ ngồi như vậy không nhúc nhích cho đến khi nghe có tiếng chìa quay trong ổ khóa.

Cửa ra vào mở ra, cô gái bước vào, tay xách chiếc giỏ đi chợ. Cô mặc chiếc váy hoa khá đẹp và chiếc áo blu đông trắng khiến trông cô giống như một người đi lễ nhà thờ buổi sáng Chủ nhật. Chiếc giỏ chất đầy thực phẩm.

- Anh thức dậy rồi à, anh yêu? Est-ce-que tu prends le petit déjeuner (Anh ăn sáng chứ?)

Anh nhìn cô hơi ngạc nhiên.

Cô chăm chú nhìn lại anh.

- Ngay cả gái gọi cũng cần ăn sáng chứ, n'est-cepas? (Đúng không?). Đôi khi đó là bữa duy nhất trong ngày đấy.

Adam lạnh lùng hỏi:

- Cái ví của tôi đâu rồi?

Cô gái chỉ tay nói:

- Trên bàn ấy.

Adam nhìn quanh phòng và thấy cái ví được để ở chỗ dễ nhìn thấy nhất. Cô gái trách:

- Anh không việc gì phải giấu nó đi đâu. Mặc dù em là một con đĩ thật, nhưng em không nghĩ mình là một con ăn cắp.

Nói xong cô bước vào bếp vặn để cửa mở toang.

Cô hỏi to:

- Cà phê và bánh sừng bò nhé?

Adam nói:

- Tuyệt vời – Rồi anh dừng lại một chút. – Tôi xin lỗi. Tôi thật là ngu ngốc.

Cô gái nói:

- Thôi đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa. Ca n'est rien (Không sao cả đâu).

Adam nói:

- Tôi vẫn chưa biết tên cô.

- Tên làm việc của em là Brigitte, nhưng đêm qua anh không yêu cầu em phục vụ, sáng nay cũng vậy. Vậy anh có thể gọi tên thật của em là Jeanne.

- Jeanne, tôi có thể tắm được không?

- Cửa phòng tắm ở góc nhà ấy, nhưng anh đừng tắm lâu quá nhé, nếu không bánh sừng bò sẽ nguội mất.

Adam đi vào nhà tắm, thấy Jeanne đã để sẵn tất cả những gì mà một người đàn ông có thể cần đến: kem cạo râu, xà phòng, vải mềm, khăn tắm – và một hộp Durex to tướng.

Sau khi cạo râu và tắm nước nóng – những lạc thú mà Adam đã gần như quên hẳn – anh thấy hầu như đã bình phục nếu không kể đến còn hơi yếu mệt đôi chút. Anh quấn chiếc khăn tắm ngang thắt lưng trước khi đi vào bếp gặp Jeanne. Thức ăn đã bày sẵn trên bàn và Jeanne đang dỡ chiếc bánh sừng bò nóng dòn từ lò nướng ra.

- Thân hình đẹp đấy chứ - Cô vừa nói vừa xoay tròn, đưa mắt nhìn chăm chú và đặt chiếc đĩa trước mặt anh. Khá hơn những gã mà em vớ được nhiều.

Adam ngồi vào bàn đối diện cô và mỉm cười nói:

- Em cũng có đến nỗi tồi lắm đâu.

Jeanne nói:

- Rất sung sướng về lời khen của anh. Em bắt đầu nghĩ về anh rồi.

Adam chậm rãi phết mứt vào bánh, hồi lâu không nói câu nào.

Jeanne nhìn anh ăn ngấu nghiến mấy mẫu bánh cuối cùng còn lại trong đĩa, hỏi:

- Anh ăn lần gần nhất là khi nào vậy?

- Trưa hôm qua. Nhưng sau đó tôi đã gột sạch dạ dày mình rồi.

- Say chứ gì? Không nên uống nhiều như vậy.

Adam nói:

- Tôi nghĩ “nốc” là từ đúng nhất – Rồi anh nhìn cô gái – Jeanne, em vẫn có thể làm việc chứ?

Cô gái nhìn đồng hồ:

- Hai giờ chiều nay em sẽ có một khách quen. Sau đó sẽ phải ra phố lúc năm giờ - Vậy là phải làm việc sáng nay thôi.

Cô gái nói rất thiết thực, Adam đáp:

- Không, không, anh không định nói chuyện đó.

Jeanne nói:

- Anh có thể nhanh chóng làm cho người con gái, nói thế nào bằng tiếng Anh nhỉ - mặc cảm. Anh không phải là một trong những người kì cục ấy chứ?

Adam cười đáp:

- Không, không phải như vậy. Nhưng tôi xin trả thêm cho em hai trăm phơ rắng nữa để em phục vụ tôi.

- Một việc hợp pháp chứ?

- Hoàn toàn hợp pháp.

- Alars, vậy em phải đổi kế hoạch một chút. Anh cần em bao lâu?

- Một đến hai giờ đồng hồ là cùng.
- Cao hơn giá công việc của em hiện giờ nhiều. Em sẽ phải làm gì đây.
- Tôi muốn trong vòng một giờ đồng hồ mọi người đàn ông Paris đều mê mết em. Nhưng riêng lần này em không được tiếp họ, với bất kì giá nào.

Lawrence nói với nhóm D4:

- Scott vừa mới liên lạc với tôi mấy phút trước đây.

Sir Morris lo lắng hỏi:

- Anh ta nói gì?
- Chỉ nói là đang vận ngược đồng hồ.

Snell hỏi:

- Ông nghĩ là anh ta nói vậy có nghĩa là gì?

Lawrence nói:

- Tôi cho là anh ta đang quay lại Geneva.

Matthews hỏi:

- Tại sao lại là Geneva?

Lawrence đáp:

- Tôi không chắc chắn lắm nhưng anh ta nói phải làm gì đó với cô gái Đức hoặc là ngân hàng nhưng tôi không thể tin điều đó được.

Hồi lâu không ai nói gì nữa. Rồi Busch hỏi:

- Ông có xác định được nơi gọi không?

Lawrence nói:

- Chỉ biết khu vực thôi. Đâu đó ở trên biên giới Đức – Thụy Sĩ.

Sir Morris nói:

- Tốt. Vậy là chúng ta lại vào việc rồi. Ông đã thông báo cho Interpol chưa?
- Thưa ngài rồi ạ, và tôi cũng báo cáo tóm tắt riêng cho cảnh sát Đức, Pháp và Thụy Sĩ – Lawrence nói thêm. Đó cũng là báo cáo thật duy nhất anh nói ra từ khi cuộc họp bắt đầu.

Jeanne cần bốn mươi phút để chuẩn bị và khi thấy thành quả lao động của cô Adam huyết lên

một tiếng. Anh nói:

- Không ai sẽ nhìn thấy tôi lần thứ hai cho dù tôi có lấy hết tiền trong ngăn kéo tủ quần áo trước mặt họ đâu nhé.

Jeanne nhoẻn miệng cười, nói:

- Đó là một ý kiến hay.

- Còn bây giờ thì em biết rõ em sẽ phải làm gì rồi chứ?

- Em biết rõ rồi. – Jeanne nhìn vào chiếc gương dài ngắm lại mình lần cuối. – Chúng ta đã tập dượt như bài tập quân sự tới bốn lần rồi còn gì nữa.

Adam nói:

- Tốt, em nói cứ như em sắp sửa ra nghênh chiến với quân địch ấy. Vậy thì chúng ta sẽ bắt đầu với cái mà trong quân đội gọi là “tiến lên tìm diệt địch” nhé.

Jeanne kiểm được chiếc túi ni lông trong ngăn kéo bếp. Trên túi in mỗi một chữ “Céline”. Cô đưa cho Adam. Anh gấp chiếc túi làm bốn và nhét vào túi áo jacket trong khi đi ra hành lang. Jeanne khóa cửa phòng rồi hai người cùng đi xuống cầu thang ra ngoài hè phố.

Adam vẫy một chiếc taxi, Jeanne nói với người lái xe:

- Vườn hoa Tuileries.

Khi họ đến nơi Adam trả tiền xe rồi bước lên vỉa hè đến cạnh Jeanne. Anh nói:

- “Bonne chance” (Chúc may mắn).

Adam đứng lại ở góc công viên để Jeanne đi trước quãng hai mươi mét. Mặc dù cảm thấy chưa bình phục hẳn anh vẫn theo kịp. Nặng trĩu vào mặt khi Adam nhìn cô đi qua mấy luống hoa rực rỡ. Chiếc váy hoa màu tím và chiếc áo sẫm màu trắng bó sát người của Jeanne khiến cho hầu như mọi người đàn ông đi qua đều phải ngoái lại nhìn. Thậm chí có người còn đứng lại giữa đường nhìn theo cho tới khi cô đi khuất hẳn.

Từ cách xa hơn hai mươi mét Adam vẫn thấy Jeanne luôn bị nghe những câu hỏi chặn lại, đại thể như: “Je payerais n’importe quoi” (Tôi sẽ trả tiền, bao nhiêu cũng được). Đối với một “putain” (gái làm tiền) bình thường như Jeanne, cô đã phải miễn cưỡng từ chối vì Adam đã dặn trước là phải bỏ qua mọi lời cám dỗ. Cô phải đóng được vai kịch của mình và với hai trăm phờ rãng cô chỉ phải nghe những lời xúc phạm đó thôi.

Jeanne đã đi đến phía bên kia công viên không hề ngoái cổ lại. Cô đã được căn dặn không nhìn quanh trong bất cứ hoàn cảnh nào. Cứ đi thẳng, Adam đã nói với Jeanne như vậy. Adam vẫn phía sau cô cách hai mươi mét khi cô đi đến đường Tuileries. Jeanne đợi chờ đèn tín hiệu bật xanh để đi qua đường phố rộng và chú ý luôn đi giữa đám đông.

Đến giữa đường, Jeanne rẽ sang phải và điện Louvre hiện ra trước mặt. Cô đã ngượng ngịu thú nhận với Adam là trước đây chưa bao giờ đến cung điện này.

Jeanne bước lên bậc tam cấp đi vào tiền sảnh. Khi cô đến được cửa quay thì Adam cũng bắt

đầu bước lên bậc cuối cùng. Cô tiếp tục bước lên dọc cầu thang bằng đá hoa cương trong khi Adam kín đáo theo sát phía sau.

Khi lên đến bậc trên cùng Jeanne đi qua tượng Thần Chiến Thắng có cánh cửa của Samothrace. Cô tiếp tục đi vào gian phòng lớn đầu tiên đầy người xem và bắt đầu nhẩm đếm. Cứ mỗi lần đi qua một phòng tranh cô nhận thấy ở đó luôn luôn có ít nhất một người bảo vệ đứng loanh quanh ở gần lối ra. Một nhóm học sinh phổ thông đang xem *Bữa tối cuối cùng* của Giovanni nhưng Jeanne bỏ qua bức tranh này và đi thẳng về phía trước. Sau khi vượt qua sáu người bảo vệ cô đến được phòng tranh mà Adam đã mô tả rất kỹ.

Jeanne cố ý bước vào giữa phòng và dừng lại vài giây. Một người đàn ông bắt đầu không để ý đến tranh nữa. Bằng lòng với ấn tượng vừa gây được, cô bước nhanh lại người bảo vệ, anh này vuốt lại chiếc áo jacket của mình và mỉm cười. Với vẻ vô tư Jeanne hỏi:

- Dans quelle direction se trouve la peinture du seizième siècle? (Phòng tranh thế kỷ thứ mười bảy đi đường nào?)

Người bảo vệ quay người để chỉ. Trong lúc anh ta quay đi Jeanne tát mạnh vào mặt anh và lấy hết sức gào lên:

- Quelle heure! Pour qui est-ce que vous me prenez? (Bây giờ là mấy giờ! Anh tóm lấy tôi để làm gì?)

Chỉ có một người duy nhất đang đứng trong Phòng Tranh Thánh không quay lại để xem cảnh tượng trên.

- Je vais parler à la Direction (Tôi sẽ nói với Ban Giám Đốc).

Cô nói to và đi nhanh về phía lối ra chính. Màn kịch chỉ diễn ra không đầy ba mươi giây. Người bảo vệ choáng váng đứng im như tượng bối rối nhìn theo.

Jeanne tiếp tục đi qua ba thế kỷ tranh nữa nhanh hơn cả H.G.Wells. Cô rẽ trái bước vào phòng tranh thế kỷ mười bảy như được chỉ dẫn rồi rẽ trái lần nữa để đi vào một hành lang dài. Ít phút sau cô gặp Adam ở đầu cầu thang bằng đá hoa cương dẫn xuống tiền sảnh.

Khi họ cùng đi xuống các bậc cầu thang, Adam đưa cho cô chiếc túi xách có chữ Celine và hai người chuẩn bị bước tiếp bỗng hai người bảo vệ đứng ở phía dưới giơ tay ra hiệu cho họ dừng lại. Cô thì thầm:

- Anh có định chạy không?

Adam nói quả quyết:

- Nhất định là không rồi. Em đừng nói gì cả nhé.

- *Madame, excusez-moi, mais je dois fouiller votresac* (Xin lỗi bà, tôi cần kiểm tra chiếc túi xách của bà).

Jeanne nói:

- *Allez-y pour tout ce que vous y trouvez!* (Các ông cứ lấy ra tất cả những gì thấy trong đó).

Adam nói và lấy bức tranh Thánh của Sa hoàng trong túi ra giơ lên trước mặt người bảo vệ, anh này tỏ vẻ ngạc nhiên trước đồ vật được trình diện. Hai nhân viên khác ập đến đứng hai bên Adam.

Bằng một thứ tiếng anh ngọng nghịu người bảo vệ lớn tuổi hỏi Adam liệu có thể mời một chuyên gia phòng tranh đến xem xét bức tranh không. Anh nói:

- Rất sẵn lòng. Tôi sẽ rất thích thú khi được nghe thêm ý kiến nhận xét của một người nữa.

Người bảo vệ lớn tuổi trông bắt đầu có vẻ nghi hoặc. Nhưng rồi anh ta nói với giọng không phải là thiếu thiện cảm:

- *Je dois vous demnamder de me suivre.* (Mời ông đi theo tôi).

- Anh ta nhanh chóng dẫn họ đến một căn phòng nhỏ bên cạnh phòng tranh. Người bảo vệ đặt bức tranh Thánh lên chiếc bàn lớn choán gần hết căn phòng. Adam ngồi xuống ghế, Jeanne chưa hết bối rối cũng ngồi xuống bên cạnh anh.

- Tôi sẽ quay lại ngay, thưa ông.

Người bảo vệ lớn tuổi đi gần như chạy trong khi hai người kia vẫn đứng im gần cửa. Adam vẫn chưa muốn nói với Jeanne mặc dù anh thấy mỗi lúc cô một lo lắng thêm. Anh nhìn cô hơi mỉm cười.

Cuối cùng cửa bật mở, một người đàn ông lớn tuổi có vẻ như một học giả đi trước người bảo vệ lúc này bước vào.

Người đàn ông nhìn Adam nói, ông ta là người đầu tiên không công khai tỏ ra quan tâm đến Jeanne.

- *Bonjour, monsieur.* Tôi được biết ông là người Anh.

Rồi không nhìn họ nữa, ông cầm bức tranh lên xem.

Ông nghiên cứu tranh một lúc khá kỹ trước khi nói khiến Adam cảm thấy hơi thoáng lo lắng:

- Tuyệt vời đấy nhỉ. Đúng không?

Một trong hai nhân viên bảo vệ sờ tay vào dùi cui.

Ông ta nhắc lại:

- Thật tuyệt vời. Tôi thử mạnh dạn đoán nhé, - Ông ta do dự- cuối thế kỷ thứ mười chín, một tám bảy mươi, có khả năng là một tám tám mươi. Đẹp quá. Bức chúng tôi từng có ở Louvre này không được như vậy.

Ông ta đưa lại bức tranh cho Adam và nói thêm:

- Ông hãy hiểu đây là phiên bản. Nguyên tác bức tranh *Thánh George và con Rồng* của Sa hoàng hiện đang trưng bày tại Cung điện Mùa đông ở Leningrad. Tôi đã thấy nó rồi – Ông ta nói có vẻ hơi tự mãn.

- Chấn chấn là ông đã thấy rồi.

Adam nén thở nói và cất bức tranh vào chiếc túi ni lông. Ông già cúi xuống sát mặt Jeanne và nói trước khi lê bước đi ra:

- Cũng khá buồn cười là dù chỉ mấy tuần trước có người đã hỏi về bức tranh Thánh của Sa hoàng đấy.

Adam là người duy nhất không tỏ ra ngạc nhiên.

Viên chỉ huy tốp bảo vệ nói:

- Tôi chỉ...

- Làm nhiệm vụ của ông thôi – Adam nói nốt câu rồi nói thêm với vẻ hơi khen ngợi – Một sự thận trọng tự nhiên, tôi hiểu là thế. Tôi rất khâm phục cách làm việc vừa rồi của các ông.

Jeanne chăm chú nhìn hai người, hoàn toàn không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Người bảo vệ nói, giọng ông ta nghe đã hết căng thẳng:

- Ông thật tốt bụng quá, *monsieur*.

Rồi ông ta mỉm cười với Jeanne và nói thêm:

- Hy vọng là ông bà sẽ còn trở lại đây.

Ông ta tiễn cả hai ra tận cổng điện Lourve, khi họ bước qua cửa ông ta đứng nghiêm chào.

Adam và Jeanne bước xuống các bậc cầu thang đi ra đường phố Paris đầy ánh nắng. Jeanne hỏi:

- Nào, bây giờ thì em có thể biết được mọi chuyện chưa?

Adam không giải thích mà nói lảng:

- Em thật là tuyệt vời.

Jeanne nói:

- Em biết rồi, nhưng tại sao anh lại phải trình diễn giải thưởng Oxcia bên cạnh em trong khi bức tranh là của anh?

- Đúng vậy. Nhưng anh đã để nó lại để họ giữ hộ qua đêm. Và nếu không có sự trình diễn xuất sắc của em thì có thể phải khá lâu mới thuyết phục được các nhà chức trách hiểu bức tranh Thánh đó là của anh.

Nhìn vào mặt Jeanne Adam biết cô chẳng hiểu gì. Jeanne khoác tay Adam, nói:

- Anh biết không, đây là lần đầu tiên em đến điện Lourve.

Adam cười to, nói:

- Em là vật vô giá đấy.

Cô quay mặt lại anh, nói:

- Làm gì được như thế. Hai trăm phơ răng là giá mà chúng ta đã thỏa thuận, cho dù bức tranh có là của anh hay không.

- Đúng vậy. – Adam cầm chiếc ví của viên đại tá và rút ra hai tờ một trăm phơ răng, rồi anh ta lại rút thêm một tờ một trăm nữa. – Phần thưởng thêm vì em đã phục vụ xuất sắc.

Cô hoan hỉ bỏ tiền vào túi rồi nói:

- Em nghĩ em sẽ xả hơi một tối.

Adam ôm cô và hôn lên hai má làm như cô là một vị tướng Pháp vậy.

Jeanne hôn lên môi anh và mỉm cười:

- Chéri, anh yêu, lần sau tới Paris anh nhớ đến thăm em. Em còn nợ anh một lần đấy, ở nhà em nhé.

- Tại sao ông lại chắc chắn như vậy?

- Bởi vì Nam Cực cung cấp cho Pemberton quá nhiều thông tin.

- Ông nói thế nghĩa là thế nào?

- Anh nói với tôi rằng Pemberton đã nói rằng hắn sẽ không bao giờ gọi điện lại nếu như các anh cho hắn leo cây lần nữa. Không những hắn không gọi điện lại mà hắn còn muốn đánh lạc hướng các anh nữa. Hắn nói sẽ làm gì?

- Quay lại Geneva. Chuyện gì đó liên quan đến cô gái Đức và ngân hàng nữa.

- Con bé Đức thì đã chết, còn ngân hàng đóng cửa nghỉ cuối tuần. Nhất định hắn đang trên đường về Anh.

Adam nói với cô gái ngồi sau quầy:

- Tôi muốn thuê một chiếc xe và sẽ gọi điện lại đầu đó dọc bờ biển. Hiện tôi vẫn chưa quyết định sẽ dừng lại ở cảng nào.

Cô gái đáp:

- Được ạ, thưa ông. Xin ông làm ơn điền vào tờ khai này, với lại chúng tôi cần có bằng lái xe của ông nữa.

Adam dốc hết đám tờ giấy trong túi trong ra và đưa cho cô gái tấm bằng lái xe của tên đại tá. Anh chậm rãi điền vào tờ khai và bắt chước chữ kí của tên đại tá mà anh nhìn thấy trên tấm thẻ thành viên câu lạc bộ Play Boy. Anh đưa tiền mặt, hy vọng điều đó sẽ làm cô ta kiểm tra nhanh hơn.

Cô gái cầm nắm tiền và cẩn thận đếm từng tờ trước khi kiểm tra bằng lái và so sánh với chữ kí trong tờ khai. Adam nhẹ người khi thấy cô ta không nhận ra sự không phù hợp về ngày tháng

năm sinh. Anh cất lại cả mớ giấy tờ của Albert Tomkins cùng với chiếc ví vào túi áo trong khi cô gái quay lại lấy chìa khóa điện treo trên tấm bảng phía sau:

Cô nói:

- Xe Citroen màu đỏ đậu ở tầng một, anh đưa chìa khóa điện cho người bảo vệ. Anh ta đánh xera khỏi chỗ đỗ và giao cho anh.

Khi người bảo vệ đưa lại chìa khóa cho anh, Adam đưa cho anh ta mười tờ francs. Đúng bằng số tiền mà người khác đã đưa cho anh ta để nếu có một người Anh có bề ngoài giống như Adam đến thuê một chiếc xe thì báo ngay cho người ấy biết. Người ấy còn hứa gì nữa nhỉ? Thêm một trăm nữa nếu anh có thể gọi điện báo tin trong vòng năm phút kể từ khi nhìn thấy Scott.

*

* *

PHẦN BỐN

KREMLIN - MOSCOW

Ngày 19 tháng 6 năm 1966

CHƯƠNG 22

Adam quay kính xe xuống, ngay lập tức làn không khí mùa hè ấm áp ủa vào. Anh đã quyết định rời khỏi đường chính đến Calais và chọn đường số Một đi Boulogne. Cần phải xét đến khả năng Romanov cho người theo dõi tại tất cả các cảng dọc bờ biển eo Măng sơ mặc dù Adam cũng không tin lắm là Lawrence hoặc người Mỹ biết rằng anh đã trốn thoát.

Chỉ khi đã đi hết vùng ngoại ô thủ đô nước Pháp Adam mới chắc rằng mình có thể chạy trung bình bảy mươi cây số giờ trên quãng đường còn lại. Nhưng điều không lường trước được là anh sắp phải vượt qua hơn một trăm cua rơ xe đạp đang chạy thành những vệt đủ màu, đỏ, xanh, đen, vàng nhấp nhô trước mặt. Trong khi vượt lên anh có thể xác định họ đang đạp với tốc độ trung bình bốn mươi dặm một giờ.

Vốn đang theo dõi cúp bóng đá thế giới tại Anh đang đến gần, anh nhận ra quốc kỳ các nước Pháp, Đức, Ý và cả Bồ Đào Nha nữa. Adam phải bóp còi inh ỏi liên tục để vượt qua một tốp bốn

người, họ mặc áo phong xanh, trắng, đỏ cùng với một chiếc xe dẫn đường của đội Anh đi phía trước. Lát sau anh bỏ xa tốp dẫn đầu và lại có thể sang số bốn và dận ga như cũ.

Adam bật radiô trong xe, dò một lúc mới bắt được sóng Buổi phát thanh Trong nước của đài BBC. Anh sửa lại tư thế ngồi cho thoải mái để nghe bản tin tiếng Anh, lần đầu tiên sau nhiều ngày gần như mù tin tức. Vẫn là tin tức về các duộc đình công dài ngày, lạm phát cao và khả năng của đội Anh trong trận đấu giao hữu thứ hai tại Lord sắp tổ chức. Sau một ngày nghỉ ngơi, việc nghe bản tin này làm cho anh cảm thấy như đã trở về nhà và do đó suýt nữa lái chệch ra ngoài đâm vào hàng cây bên lề đường.

Phát thanh viên thông báo một tin không vui, đã tìm thấy xác viên phi công trẻ hang RAF tại một cánh đồng gần quốc lộ Auxtre – Dijon sau khi máy bay của anh ta bị tai nạn trong một tình huống không rõ ràng. Cho đến hiện giờ vẫn chưa có chi tiết nào đáng tin cậy. Adam chửi rủa và đập mạnh vào tay lái khi anh nghĩ Alan Banks cũng đã trở thành nạn nhân của Romanov. Anh vỗ vào bức tranh rồi lại nguyên rửa nó.

Nhà ngân hàng già nua nói:

- Anh thật là ngốc nghếch khi liên lạc với ta, anh bạn trẻ. Lúc này anh đâu còn là vị anh hùng của Nga nữa.

- Lão già, hãy nghe đây. Tôi chẳng cần nhất thiết phải là vị anh hùng Nga, bởi vì rất có thể tôi sẽ không bao giờ trở lại đó nữa.

- Anh phải coi chừng: Mẹ Nga có móng tay dài lắm đấy.

- Nhờ có tầm nhìn xa trông rộng của ông tôi, tôi có đủ khả năng cắt đứt chúng. – Người gọi điện thoại nói, tay mân mê chiếc mề đay vàng đeo trên ngực. – Có điều là tôi cần biết chắc ông không nói cho họ biết tôi để cái kéo ở đâu thôi.

Poskonov hỏi:

- Tại sao ta lại phải im lặng kia chứ?

- Bởi vì nếu trong vòng hai mươi bốn giờ nữa mà tôi vẫn không chạm tay được đến Thánh George thì tôi sẽ gọi điện lại cho ông và cung cấp mọi chi tiết cần thiết để ông có thể hy vọng nhận được cái bắt tay đầy vàng, nhiều hơn tất cả những gì có thể mong đợi ở các ông chủ hiện nay của ông.

Nhà ngân hàng già nua không nói thêm câu nào.

Chợt viên bí thư Sứ quán lao vào phòng không hề gõ cửa. Romanov lấy tay che ống nói quát lên:

- Tôi đã nói anh không được cắt ngang khi tôi nói chuyện kia mà.

- Nhưng chúng ta đã phát hiện được dấu vết của Scott.

Romanov quảng ống nói xuống. Ở Nga nhà ngân hàng già tua lại băng ghi âm. Poskonov mỉm cười nghe lại từng lời nói của Romanov một lần nữa và kết luận, hẳn chỉ để lại cho ông ta một con đường duy nhất. Ông đặt vé bay đi Geneva.

- Robin đấy à?

- Batman. Anh đi đến đâu rồi?

Adam nói:

- Anh mới ra được đến ngoại ô Paris và đang trên đường trở về nhà. Em vẫn làm theo kế hoạch đã bàn trên xe chứ?

- Hẳn rồi – Adam lặp lại trên cô gái – Nhưng bao giờ thì em về tới nhà?

- Dàn nhạc sẽ đi từ Dunkerque bằng phà vào lúc sáu giờ rưỡi tối nay. Anh có thể đến cùng đi với chúng em được không?

Adam nói:

- Không, anh phải về bằng đường khác. Nhưng Robin này, khi anh tới London em có thể thu xếp cho anh ngủ qua đêm không?

- Xem ra đó là một đề nghị em không thể nào từ chối được.

Cô gái nói, sau khi đọc địa chỉ của mình và để anh có đủ thời gian ghi lại, cô hỏi tiếp:

- Em sẽ chờ anh vào lúc mấy giờ đây?

- Khoảng nửa đêm.

- Anh có hay bắt các cô gái chờ lâu như thế không?

Viên sĩ quan trẻ đứng ở buồng đàm thoại đã nghe thấy gần hết cuộc hội thoại. Anh ta mỉm cười khi nhớ lại câu nói của thiếu tá Romanov:

- Người nào đem được bức tranh Thánh về cho tôi thì sẽ không phải lo lắng gì về tương lai của mình.

Adam nhảy lên xe tiếp tục lái cho đến ngoại ô Beauvais, tại đây anh quyết định tạt vào lề đường để ăn nhanh bữa trưa.

Theo bảng giờ phà đặt được ở quầy tính tiền của nhà hàng Hertz, anh chọn chuyến phà khởi hành từ Boulogne lúc ba giờ chiều, như vậy chắc chắn sẽ đến kịp với một giờ đồng hồ dự phòng.

Adam ngồi lách vào một hốc nhà dưới cửa sổ để thưởng thức bữa ăn mà bất cứ quán ăn Anh nào cũng sẽ gọi đó là bữa ăn của thợ cày. Chỉ có điều sau mỗi miếng anh nhận ra là thợ cày Pháp đòi hỏi chủ quán một tiêu chuẩn ăn cao hơn nhiều nông dân Anh có thể mơ đến.

Trong khi đợi cà phê anh moi hết giấy tờ của Albert Tomkin xem xét lại cẩn thận. Anh thú vị khi phát hiện ra mình còn phải đòi tiền trợ cấp thất nghiệp cho bao nhiêu tuần nữa.

Qua cửa sổ quán ăn anh nhìn thấy tốp đầu các cua rơ xe đạp lướt qua. Các vận động viên căn hết cơ bắp thể hiện quyết tâm duy trì vị trí của mình trong tốp dẫn đầu. Khi họ đạp qua Beauvais, Adam buồn cười nhận thấy họ đang vượt qua tốc độ hạn chế. Hình ảnh cuộc đua

khiến Adam nhớ đến chuyện người ta đang chờ anh làm thủ tục cuối cùng là khám sức khỏe vào trưa mai tại Văn phòng Bộ ngoại giao.

Romanov đọc lại lần nữa bức điện đã giải mã. “Scott đang quay lại Geneva. Hãy kiểm tra cô gái Đức và ngân hàng”. Hắn nhìn lên người sĩ quan cấp cao hơn vừa đưa cho mình bức điện. Hắn nói:

- Mentor nghĩ tôi ngây thơ vậy sao? Một điệp viên từ Amsterdam đã cho biết hiện giờ hắn đang trên đường tiến đến bờ biển Pháp.

- Vậy tại sao Mentor lại muốn ông đi theo hướng ngược lại?

Romanov lạnh lùng nói:

- Bởi vì chắc chắn hắn cũng là kẻ đã báo tin cho người Mỹ - Hắn quay sang viên đại tá đang đứng bên cạnh – Chúng ta đã biết không phải là Dunkerque, vậy còn những khả năng nào nữa?

Viên đại tá nhìn lên tấm bản đồ trải trên bàn trước mặt:

- Cherbourg, Le Havre, Dieppe, Boulogne hoặc Calais. – Ông ta nói thêm. – Tôi cam đoan là Calais.

Romanov nói:

- Thật không may, đại úy Scott hoàn toàn không đơn giản như vậy. Và vì xa lộ dẫn ông đến thẳng Calais nên tên đại úy đó đã lường trước chúng ta sẽ giăng bẫy trên lộ trình ấy. Tôi nghĩ là anh bạn của chúng ta sẽ cố chạy về Boulogne hoặc Dieppe trước.

Hắn kiểm tra lại bảng giờ phà do người bí thư thứ hai đem đến.

- Chuyển phà đầu tiên Scott có thể bắt kịp sẽ rời Boulogne đến Newhaven vào lúc năm giờ.

Romanov cũng kiểm tra cả đường Calais và Le Havre:

- Tốt lắm. Phà Calais đã khởi hành lúc mười hai giờ trưa nay và vì lúc hắn gọi cho cô bạn gái là sau mười hai giờ, vì thế hắn không có hy vọng đi kịp chuyến đó. Còn tàu Le Havre sẽ không khởi hành trước bảy giờ mười lăm tối nay và hắn sẽ không liều lĩnh ở lại lâu như vậy. Tôi cho rằng chúng ta có thể tóm hắn trên bờ biển. Thưa đại tá, tôi nghĩ một lần nữa đại úy Scott lại ở trong tầm tay của chúng ta.

Adam rời khỏi quán ăn và chỉ mấy phút sau đã đuổi kịp các cua rơ trong khi họ đang gắng sức guồng tới Abbeville. Anh lại nghĩ đến Romanov. Chắc hẳn là điệp viên của hắn có thể giăng bẫy tại các sân bay, nhà ga, xa lộ và các cảng. Nhưng hắn là không thể rả người ở năm mươi địa điểm một lúc.

Adam rời khỏi lộ trình Abbeville đi về hướng Boulogne nhưng vẫn cho xe chạy ở giữa đường để tránh các cua rơ đang nhấp nhô phía trước. Thậm chí một lần anh đã phải đạp gấp chân phanh khi hai cua rơ Ý và Anh va vào nhau ngay trước mặt anh. Cả hai đang phóng với tốc độ ghê người đã bị quăng xuống đất một cách không thương tiếc. Vận động viên người Anh vẫn

nằm lìm đi trên đường.

Adam cảm thấy có lỗi vì đã không dừng lại giúp đỡ người đồng hương nhưng sợ rằng nếu dừng lại có thể sẽ không kịp chuyển phà. Nhìn thấy chiếc xe dẫn đường cho đội Anh vẫn chạy trước Adam liền vọt lên chạy song song nó. Anh vẫy tay cho người lái xe đẹp sang bên.

Người đàn ông ngồi sau tay lái có vẻ ngạc nhiên nhưng vẫn dừng xe lại, quay cửa kính xuống. Adam, vượt lên trước, nhảy ra khỏi xe và chạy đến cạnh chiếc xe dẫn đường. Anh chỉ tay về hướng Paris hét:

- Có một người trong đoàn anh gặp tai nạn cách đây khoảng một dặm.

- Cảm ơn anh bạn.

Người lái xe nói và cho xe quay lại nhanh chóng lao đi.

Adam tiếp tục lái với tốc độ vừa phải cho đến khi vượt qua tất cả các cửa rào. Sau đó một lần nữa anh lại cho xe chạy ở số bốn. Một biển báo cho biết chỉ còn cách Boulogne ba mươi hai ki lô mét nữa. Vẫn còn ba giờ đồng hồ đồng hồ đồng hồ thoải mái. Anh bắt đầu tưởng tượng mình sẽ ra sao nếu có thể sống sót qua ngày thứ Hai. Cuộc sống của anh lại trở về thường nhật như ngày nào? Chạy thể dục trong công viên, phỏng vấn tại Văn phòng Bộ Ngoại giao, tập luyện với viên thượng sĩ và thậm chí đến cả việc được ghi nhận vai trò của anh trong việc trao bức tranh Thành vào bàn tay an toàn. Vấn đề là anh vẫn chưa quyết định được an toàn ấy là đâu.

Một chiếc trực thăng trông như con ếch ương xanh lướt qua trên đầu Adam, giờ đây, đó là phương tiện tốt nhất để anh trở về Anh. Nếu có nó thậm chí anh còn có thể có mặt tại phố Harley kịp giờ để khám sức khỏe tại Văn phòng Bộ Ngoại giao.

Adam quan sát chiếc trực thăng vòng lại và bay thẳng về phía sau lưng anh. Anh đoán chắc là có một sân bay quân sự ở đâu đó gần đây, nhưng không nhớ ra đó là sân bay nào. Lát sau anh nghe tiếng phành phạch của cánh quạt khi chiếc trực thăng bay ngang qua đường ở một độ cao khá thấp. Adam nắm chặt vô lăng đến nỗi các khớp ngón tay anh trắng bệch ra khi một ý nghĩ không thể có được lóe lên trong óc. Trong khi đó chiếc trực thăng lại vòng lại và bay thẳng về phía anh.

Adam quay kính xuống và cúi người trên vô lăng nhìn lên bầu trời. Có ba bóng người đang ngồi trong buồng lái. Anh giận dữ nắm tay vào vô lăng khi hiểu ra bọn chúng thật dễ dàng tìm ra một chiếc xe hơi thuê dưới cái tên có thể nhận ra ngay lập tức. Anh còn hình dung rõ cả nụ cười hoan hỉ của Romanov khi ngồi trên “con dao phay” bay lượn trên đầu anh.

Một biển báo thấp thoáng phía trước chỉ dẫn đường phụ rẽ vào một cái làng có tên là Fleureville. Anh nhấn ga đưa kim đồng hồ tốc độ lên tới hơn chín mươi kilômét giờ để chiếc xe nhỏ lướt trên con đường làng. Chiếc trực thăng cũng ngoặt sang phải bám riết lấy xe anh.

Adam rẽ ngoặt sang trái và hút chết khi tránh được chiếc máy cày đang từ một cánh đồng mới cày nhô ra. Anh tiếp tục rẽ phải và lại chạy vào đường đi Boulogne, cố nghĩ tiếp theo phải làm gì. Mỗi lần nhìn lên chiếc trực thăng bay trên đầu anh lại cảm thấy mình như con rối đang nhảy nhót theo sợi dây điều khiển của Romanov.

Một biển báo chỉ dẫn phía trước có đường hầm lấp lóa phía trước, Adam cố gạt qua ý định thật kịch tính là thử làm cho chiếc máy bay đâm nhào xuống. Chẳng cần thiết phải nhắc rằng chính anh mới là kẻ mới vào nghề.

Thoạt tiên khi nhìn đường hầm anh ước lượng nó dài khoảng sáu đến bảy mươi mét. Mặc dù đường hầm khá rộng nhưng một chiếc xe buýt hai tầng cũng không thể đi qua lọt và hành khách phải đi bộ qua cầu.

Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi Adam cảm thấy an toàn. Anh đạp phanh và dừng chiếc Citroen khoảng mười lăm mét cách đầu cuối đường hầm. Chiếc xe lách sang bên gần như sượt vào tường. Anh bật đèn bên, chúng nhấp nháy trong bóng tối. Trong vài giây anh nhìn các xe đi sau chạy chậm lại và an toàn vượt qua.

Cuối cùng Adam nhảy ra khỏi xe chạy đến cuối đường hầm, đứng nép sát vào tường. Chiếc trực thăng đang bay lượn đầu đó nhưng đã quay lại và bay thẳng về phía đường hầm. Adam nhìn nó bay vào qua đầu, mấy giây sau lại nghe tiếng quay trở lại. Trong khi chờ đợi Adam thấy có hai người đang định vẫy xe đi nhờ bên kia đường nói chuyện với nhau, rõ ràng là không hề biết gì về hoàn cảnh gay go của anh.

Anh tuyệt vọng nhìn về phía hai thanh niên và kêu lên:

- Các anh định vẫy xe đi nhờ đấy à?

- Vâng.

Họ đồng thanh đáp. Adam lão đảo đi qua đường tới gặp họ.

- Anh có sao không?

Adam nghe tiếng một trong hai người hỏi nhưng không phân biệt được ai hỏi vì mắt vẫn chưa quen với bóng tối. Anh giải thích ngắn gọn:

- Không sao đâu. Bữa ăn trưa nay tôi uống hơi nhiều rượu và bây giờ có cuộc đua xe đạp nên đường đầy cảnh sát. Chắc chắn tôi sẽ bị bắt nếu cứ đi tiếp. Ai đó trong số các anh lái được xe không?

Người thanh niên cao hơn nói:

- Tôi chỉ có bằng lái Canada thôi. Với lại chúng tôi định đi Paris còn xe của anh thì lại chạy về hướng ngược lại.

Adam giải thích:

- Đó là của hãng Hertz, sáng nay tôi thuê nó ở phố St, Ferdinand và phải trả lại vào lúc bảy giờ tối nay. Trong tình trạng hiện nay tôi nghĩ là mình khó mà làm nổi điều đó.

Hai thanh niên nhìn anh một cách ái ngại.

- Tôi sẽ biếu mỗi người các anh một trăm francs nếu các anh giúp tôi trả lại nó an toàn cho hãng. Các anh thấy đấy, tôi không thể mất bằng lái được. Tôi là một thương gia đi du lịch mà.

Adam giải thích. Cả hai đều không nói gì.

- Giấy tờ của tôi đầy đủ cả, tôi cam đoan như vậy.

Adam đưa bằng lái cho người cao hơn, anh ta đi qua đường lợi dụng ánh đèn xe để xem bằng lái của Albert Tomkin và giấy bảo hiểm rồi quay sang trao đổi với bạn.

Adam nghe thấy tiếng cánh quạt chiếc trực thăng kêu phành phạch trên lối vào đường hầm. Cuối cùng người thanh niên cao hơn nói:

- Chúng tôi không cần mấy trăm francs nhưng cần một mẫu giấy ông giải thích tại sao chúng tôi lại thay mặt ông trả xe cho hãng Hertz ở Paris.

Adam rút cây bút của viên đại tá ra, cảm thấy mình trông tỉnh táo quá, anh liền ngả người lên mũi xe viết vội mấy chữ vào phía sau tờ hợp đồng của hãng Hertz.

- Anh có muốn trở về Paris với chúng tôi không?

Adam hơi lưỡng lự. Không biết họ có nghe thấy tiếng chiếc trực thăng không?

- Không. Tôi phải đi Boulogne.

- Chúng tôi có thể chở anh đến Boulogne mà vẫn còn đủ thời gian đưa xe về Paris.

- Ôi, các anh thật là chu đáo quá. Nhưng thôi, tôi có thể tự lo được và tôi cũng thấy rất yên tâm là chiếc xe sẽ được trả lại càng sớm càng tốt.

Người thanh niên cao hơn nhún vai trong khi bạn anh ta mở cửa xe ném ba lô của họ lên ghế sau. Adam nán lại trong đường hầm khi họ hổ máy. Anh nghe thấy tiếng chiếc trực thăng đổi hướng. Chắc hẳn nó đang sà xuống thấp để hạ cánh tại một cánh đồng gần đó.

Đi đi, lạy chúa hãy đi đi, anh muốn gào to khi chiếc xe vọt lên chạy về phía Boulogne. Anh nhìn thấy nó chạy được quãng hơn một trăm mét rồi rẽ vào cổng một trang trại, lùi lại và quay về phía đường hầm. Họ bấm còi khi lướt qua anh trong bóng tối và mất hút về hướng Paris. Ada, quì xuống thở phào nhẹ nhõm và sắp nhồm người dậy để đi về hướng Boulogne bỗng anh thấy hai bóng người xuất hiện ở phía đầu kia của đường hầm. Anh thấy bóng hai người cao gầy nổi bật trên nền trời xanh trong sáng. Họ đứng nhòm ngó vào đường hầm. Adam ngồi im không nhúc nhích, anh cầu trời cho họ không nhìn thấy mình.

Rồi bỗng một người đi về phía anh trong khi người kia đứng im tại chỗ. Adam biết anh không còn hy vọng thoát được nữa. Anh cứ quì tại chỗ nguyên rửa sự ngu xuẩn của mình. Chỉ mấy giây nữa thôi là chúng sẽ thấy rõ anh.

- Marvin, đừng mất thời giờ quý báu nữa. Chúng ta biết là tên người Anh khốn kiếp ấy đã chạy về hướng Paris rồi.

- Tôi vừa nghĩ có lẽ là...

Người có tên là Marvin bắt đầu nói với ngữ điệu miền Nam kéo dài.

- Để chuyện nghĩ ngợi đấy cho tở. Bây giờ phải quay lại trực thăng trước khi hấn sống mất.

Khi Marvin chỉ còn cách Adam hai mươi mét bỗng hấn đứng lại, quay người và chạy về chỗ cũ.

Adam vẫn ngồi cắm rễ một chỗ đến mấy phút. Mồ hôi lạnh toát ra khắp người khi anh nhận thấy kẻ truy đuổi mình vừa rồi không phải là Romanov. Nếu một trong hai người kia không nhắc anh như một “tên người Anh khốn kiếp” thì chắc hẳn Adam đã vui mừng. Anh bỗng đau đón nhận thức được sự thật phũ phàng. Anh đang bị bỏ rơi không có bạn bè.

Adam không cử động cho đến khi nghe tiếng chiếc trực thăng bay lên trên đầu mình. Anh ngẩng lên và thấy bóng chiếc máy bay Mỹ đang bay qua cổng vòm đường hầm về phía Paris.

Anh lảo đảo bước ra ngoài trời và giơ tay che mắt. Năng lượng như gay gắt hơn mấy phút trước. Bước tiếp theo phải làm gì đây? Anh chỉ còn không đầy một giờ đồng hồ nữa để bắt kịp tàu thủy nhưng không có phương tiện nào trong tay. Anh không tin chắc mình có thể xin đi nhờ xe, tìm được một chỗ đỗ ô tô buýt hoặc đơn giản là đi khỏi đường chính càng xa càng tốt. Mắt anh tiếp tục nhìn lên trời. Còn bao lâu nữa trước khi bọn chúng đuổi kịp chiếc xe và nhận ra là không có anh trong đó?

Các cửa rơi lại bắt đầu vượt qua trong khi anh lảo đảo chạy về phía Boulogne. Anh tiếp tục chạy thậm chí còn đủ sức giơ tay chào các cửa rơi Anh khi họ đập qua. Chiếc xe dẫn đầu của đội Anh chạy đến sát phía sau, Adam giơ ngón tay cái lên chào và ngạc nhiên khi chiếc xe dừng lại trước mặt.

Người lái xe quay kính cửa xuống.

- Có phải anh là người chặn xe tôi ở Abbeville không?

Adam nói:

- Đúng vậy. Bạn anh đã hỏi phục chưa?

- Chưa. Anh ấy đang nằm nghỉ ở đằng sau. Bị dẫn dây chằng. Chiếc xe của anh bị làm sao vậy?

Adam nói:

- Bị hỏng cách đây khoảng một dặm.

Anh nhún vai vẻ thản nhiên. Người thanh niên nói:

- Thật không may. Anh có muốn đi cùng bọn tôi không? Chặng này chúng tôi chỉ đi đến Boulogne thôi nhưng anh cứ nhảy lên đi nếu điều đó có ích.

- Cảm ơn.

Adam nói với vẻ thanh thản của một chàng híppi râu xồm trước lời mời đi nhờ, Người lái xe cúi xuống mở cửa cho anh.

Trước khi bước lên xe, một lần nữa Adam nheo mắt nhìn lên bầu trời. Chiếc trực thăng đã mất tăm, mặc dù anh biết chẳng mấy chốc nữa nó sẽ quay lại. Chúng sẽ nhanh chóng hiểu ra địa điểm duy nhất nơi có thể xảy ra việc chuyển xe.

Người lái xe mặc quần áo đi đường giơ một tay ra:

- Tên tôi là Bob. Tôi là chỉ đạo viên của đội Anh.

Anh thân mật bắt tay người thanh niên.

- Tôi là Adam.

- Anh đi đâu vậy?

Adam nói:

- Boulogne. May ra tôi có thể đến kịp đó vào lúc ba giờ.

Bob nói:

- Chúng tôi phải đến đó vào quăng hai giờ rưỡi. Bắt buộc phải như vậy. Chặng chiều nay khởi hành vào lúc ba giờ.

Adam hỏi, chỉ tay ra sau vai.

- Người đồng đội của anh có đua tiếp được không?

Chỉ đạo viên nói:

- Không. Anh ấy sẽ không thi đấu trong cuộc đua này nữa. Thông thường dân đây chẳng phải hai đến ba tuần mới bình phục. Tôi phải để anh ta lại Boulogne và tự mình tham gia chặng cuối cùng. Có bao giờ anh đua xe đạp không?

- Không. Tôi có tập chút ít nhưng không đi xe đạp nhiều từ khi em gái tôi đi xe ba bánh bị tai nạn.

- Chúng tôi vẫn có khả năng đoạt huy chương đồng.

Bob nói khi họ vượt qua mấy cửa rào người Anh nữa.

Adam giơ ngón tay cái lên ra hiệu khen ngợi họ sai đó ngoái lại nhìn qua cửa sau. Anh mừng thầm vì khi họ vào đến ngoại ô Boulogne vẫn không thấy bóng dáng chiếc trực thăng đâu. Bob cẩn thận đưa anh đến tận bến tàu.

- Hy vọng các anh đoạt huy chương đồng – Adam nói khi anh nhảy ra khỏi xe. – Và xin cảm ơn lần nữa. Chúc các anh may mắn trong chặng đua tiếp.

Adam xem lại đồng hồ. Còn hai mươi phút nữa là tàu khởi hành. Không hiểu sao còn nhiều thời gian như vậy. Anh đi đến quầy bán vé đứng vào hàng người không đông lắm, chờ mua một chiếc vé hành khách, Adam luôn nhìn quanh kiểm tra xem có ai đang theo dõi mình không nhưng dường như chẳng ai tỏ ra mấy may quan tâm đến anh cả. Sau khi mua vé xong anh tiến lẹo con tàu và vừa mới cất tiếng huýt sáo bài hát “Ngày hôm qua” sai cả giai điệu bỗng thấy một chấm đen xuất hiện phía xa xa. Không thể nhầm lẫn được, nghe âm thanh ấy cũng đủ biết.

Adam nhìn chiếc cầu tàu dẫn khách lên boong giờ đây chỉ còn cách anh vài mét và nhìn lại chấm đen đang to dần trên bầu trời. Anh xem lại đồng hồ. Còn mười hai phút nữa con tàu sẽ rời bến – vẫn đủ để bọn truy lung kịp hạ cánh chiếc trực thăng và lên boong tàu.

Nếu anh lên đó và người Mỹ lên theo thì chắc chắn họ sẽ tìm thấy anh. Nhưng nếu người Mỹ lên tàu và mắc lại đó thì anh có đủ thời gian để chạy đến Dieppe trước khi chuyển tàu sắp tới ở

đó khởi hành...

Adam chạy gấp tới đám đông đang đi quanh quần chò đợi chặng đua xe đạp tiếp theo sắp bắt đầu. Trong khi đó chiếc trực thăng lướt đến và bắt đầu bay lượn hết như cánh chim ưng săn chuột.

- Tôi tưởng là anh nói đang cố lên kịp chuyển tàu này?

Adam quay lại hai tay nắm chặt thành quả đấm nhưng hóa ra đó là người chỉ đạo viên đội Anh lúc này đã mặc quần áo của rơ.

Adam đáp:

- Tôi thay đổi ý kiến rồi.

Bob nói, vẻ mặt đầy hy vọng:

- Cảm phiền anh lái chiếc xe giúp bọn tôi chặng này có được không?

Adam hỏi:

- Chặng này đi đến đâu?

Chỉ đạo viên đội Anh nói:

- Dunkerque.

Adam cố nhớ lại xem Robin nói tàu của cô rời bến Dunkerque lúc mấy giờ.

Loa phóng thanh thông báo:

- Six minutes. (Sáu phút).

Adam trả lời:

- OK.

Chỉ đạo viên đội Anh nói:

- Tốt quá. Vậy thì anh đi theo tôi.

Adam chạy theo anh ta về phía chiếc xe dẫn đầu.

- Quatre minutes. (Bốn phút)

Adam nghe rõ tiếng Bob mở khóa xe đưa cho anh chìa khóa. Anh nhìn về phía con tài. Hai người Mỹ xuất hiện ở phòng bán vé.

- Deux minutes. (Hai phút)

Adam nhảy lên ghế lái nhìn lại con tàu và thấy Marvin cùng đồng bọn đang bước lên cầu tàu.

- Une minute. (Một phút).

- Lái xe đến Dunkerque anh chỉ cần để lại chìa khóa ở trạm kiểm soát của Anh. Chúng tôi sẽ gặp lại anh khi đến đó.

Adam nói:

- Chúc may mắn.
- Cảm ơn.

Bob nói và chạy đến vạch xuất phát nhập vào đội của mình.

- Trente seconds. (Ba mươi giây).

Adam quan sát chiếc cầu tàu đang rút lên trong khi người phát hiệu lệnh khởi hành giờ súng lên trời.

- Chuẩn bị xuất phát, kéo...

Con tàu nổi một hồi còi dài và hai người Mỹ bắt đầu cuộc hành trình đến Dover. Một giây sau tiếng súng lệnh phát nổ, Adam cài số cho xe chạy về hướng Dunkerque.

*

* *

CHƯƠNG 23

Adam ngồi trong quán cà phê nhỏ cạnh bến tàu chờ chiếc xe du lịch. Anh đã để chiếc xe của đội đua lại ở trạm kiểm soát và bây giờ sẵn sàng để lên tàu. Nhưng anh vẫn còn cần phải chắc chắn là Robin cũng có mặt trên chuyến tàu ấy. Tận đến lúc chỉ còn mười phút nữa là tàu rời bến chiếc xe du lịch mới xịch đến, Adam đón Robin bước từ xe xuống.

Robin nói:

- Chỉ có điều anh đừng có ngồi cách xa em thôi, được không?

Adam cười phá lên và vòng tay ôm choàng qua gần hết người cô. Anh nói:

- Gặp em thật là tuyệt quá.

- Anh biết không, em nghĩ là anh đang trên đường về Anh bằng một con đường bí hiểm nào đó, bằng tên lửa do thám hoặc thậm chí bằng cái gì đó độc đáo hơn nữa kia.

Adam nói:

- Anh cũng muốn được như vậy, nhưng bọn Mỹ đã đón đầu được đúng lúc anh quyết định lên tàu.

Cô nói:

- Bọn Mỹ ư?
- Lên tàu rồi anh sẽ giải thích mọi chuyện cho em.

Không một ai trong hai người chú ý đến tên điệp viên trẻ tuổi đã bám theo Robin từ lúc cô còn ở Berlin. Hắn ngồi ở một buồng điện thoại phía đầu kia bến tàu và đang quay số gọi một cú điện thoại quốc tế.

- Nếu là một tuần trước đây thì em sẽ chẳng bao giờ tin một lời nào của anh cả. Nhưng có hai việc.

- Việc gì?

- Thứ nhất là một quan chức cao cấp của Bộ Ngoại giao đã trả lại hộ chiếu cho Dudley Hulme ở Amsterdam. Vì thế em nhớ ra là phải đưa giấy tờ cho anh ngay.

Cô lục lọi trong túi xách một lát rồi đưa ra một cuốn hộ chiếu xanh đậm. Adam hân hoan cầm lại giấy tờ hỏi:

- Thế còn việc thứ hai.

- Em rất không vui khi đối mặt với ngài Romanov và em không có nguyện vọng lặp lại chuyện đó nữa.

Adam nói:

- Còn anh thì định sẽ phải gặp lại hắn.

Robin hỏi:

- Tại sao?

- Vì anh sẽ giết hắn.

Romanov và Pollard đến Dover năm phút trước khi phà cập bến. Chúng sốt ruột chờ đợi. Romanov bố trí chỗ ngồi sao cho có thể quan sát được qua cửa sổ phòng làm thủ tục hải quan và theo dõi được chuyến phà khi cập bến Dover. Hắn tìm được một chỗ ngồi lý tưởng phía sau chiếc máy bán cà phê tự động, từ đó có thể quan sát được mọi người đến và rời khỏi phòng hải quan mà không bị ai nhìn thấy. Romanov nói:

- Trong trường hợp hắn có hành động khác thường và không đi ra đường chính anh phải chặn cửa xe ra và báo ngay cho tôi biết nếu thấy có gì đó khác thường.

Viên đại tá để Romanov nấp sau chiếc máy bán cà phê tự động còn hắn chọn cho mình một chỗ trên bến cảng, nơi có thể theo dõi được tất cả xe cộ đi vào khu làm thủ tục hải quan cách cổng ra chừng năm mươi mét. Nếu Scott rời phà bằng xe con của Pollard, vẫn đủ thời gian chạy lại báo cho Romanov biết trước khi Scott có thể làm xong thủ tục và lái xe đến cổng chính. Ít ra thì đây cũng là một địa điểm khiến Scott có thể liêu nấp sau các gốc cây được. Cả hai ngồi chờ.

Viên thuyền trưởng bật radio liên lạc giữa phà và bờ, tìm băng số chín và nói rành mạch vào chiếc micrô nhỏ:

- MV Chantilly gọi giám đốc cảng Dover. Nghe rõ không?

Anh ta chờ một lát rồi bật chiếc công tắc trước mặt, sau đó nghe thấy tiếng trả lời:

- Giám đốc cảng gọi MV Chantilly. Nghe rõ.

- Thuyền trưởng báo cáo. Chúng tôi có trường hợp khẩn cấp. Một hành khách bị ngã từ xuống cấp cứu xuống boong tàu và bị nhiều vết thương ở tay chân – Adam rên lên trong khi viên thuyền trưởng nói tiếp – Adam rên lên trong khi viên thuyền trưởng nói tiếp – Tôi cần một xe cứu thương đợi sẵn ở cầu tàu để đưa nạn nhân đến bệnh viện gần nhất khi phà cập bến. Hết và thôi liên lạc.

Robin nói với giọng dịu dàng mà trước đó Adam chưa bao giờ được nghe:

- Anh yên, mọi việc sẽ ổn thỏa. Khi chúng ta đến bờ mọi người sẽ lo để đưa anh đến bệnh viện ngay.

Viên thuyền trưởng nói ngắn gọn:

- Tôi phải trở lại cầu chỉ huy đây. Tôi sẽ bố trí hai nhân viên đem cáng đến cho cô.

Robin nói:

- Cảm ơn thuyền trưởng. Anh giúp đỡ chúng tôi chu đáo quá.

- Thưa cô, mọi việc sẽ hoàn toàn ổn thỏa. Cô đã dặn anh cô chưa?

Robin nói:

- Thưa thuyền trưởng rồi ạ.

- Tốt, vậy thì cô có thể khuyên anh ấy rằng sau này nếu có lúc nào định lên tàu thì tốt nhất là nhớ chú ý uống in ít thôi nhé.

Robin thở dài nói:

- Tôi đã dặn rồi. Thuyền trưởng không tin được tôi đã cố nói bao nhiêu lần đấy, nhưng tôi e anh ấy lại giống tính cha tôi thôi.

Adam ôm lấy chân tiếp tục rên rĩ.

Viên thuyền trưởng vừa nhìn xuống vết thương trên vai Adam vừa nói:

- Chúng ta hãy hy vọng, cuối cùng vết thương không đến nỗi nghiêm trọng lắm. Chúc may mắn.

- Một lần nữa, xin cảm ơn thuyền trưởng.

Sau khi cánh cửa ca bin đã khép lại Robin nói:

- Cho đến giờ thì mọi việc vẫn tiến triển tốt đẹp. Chúng ta hy vọng phần hai của kế hoạch cũng sẽ tốt đẹp như vậy. Mà này, anh thở ra nặng mùi lắm.

- Em còn mong gì nữa sau khi bắt anh nốc hàng đồng whisky vào mồm trong vòng hai mươi phút và sau đó lại bắt anh nôn hết ra quần áo?

Hai thủy thủ thận trọng nâng Adam lên băng ca, sau đó khiêng anh lên boong. Họ chờ ở đầu cầu tàu và nhẹ nhàng đặt anh xuống sàn boong trong khi một sĩ quan hải quan cùng đi với một nhân viên nhập cảnh chạy về phía họ. Robin xuất trình hộ chiếu của Adam. Nhân viên nhập cảnh giở từng trang và đối chiếu với ảnh.

Robin nói:

- Ảnh chụp đẹp đấy chứ, nhưng tôi e là người ta sẽ phải thêm ở phía dưới “những vết sẹo khác thường” vào lần cấp giấy sau.

Cô đột ngột giật chăn ra để lộ vết cắt sâu trên vai Adam. Trông anh thật yếu ớt. Nhân viên hải quan hỏi:

- Ông ta có đem gì theo để kê khai luôn?

Adam không thể ngăn mình không sờ vào bức tranh Thánh.

- Không. Tôi không cho anh ấy mua bất cứ chai rượu nào trong chuyến đi này. Và tôi sẽ chịu trách nhiệm về việc kiểm tra tư trang của anh ấy cùng với tư trang của tôi khi rời khỏi phà.

Viên sĩ quan bỗng nhận ra đám đông người đang đứng im chờ đợi trước cầu tàu để xuống bến, anh ta nói:

- Được thôi. Cảm ơn cô. Vậy thì tốt nhất cô hãy lo để ông ta được đưa đến bệnh viện.

Hai thuyền viên khiêng Adam xuống cầu tàu. Một nhân viên đặt tay liên tục kiểm tra vết thương. Adam vẫy Robin khi họ đặt anh vào xe cứu thương.

Romanov phát hiện ra Robin khi cô đi qua phòng hải quan. Hắn reo lên với viên đại tá:

- Bây giờ tôi biết chính xác đại úy Scott hy vọng rời tàu như thế nào rồi, và chúng ta phải đợi khi hắn không ngờ nhất. Anh hãy đi thuê một chiếc xe đi London ngay.

Chiếc xe cứu thương vọt qua cổng hải quan, trên xe bật đủ các loại đèn và kéo còi hú. Khi họ đến được bệnh viện Vitoria Hoàng gia người nhân viên y tế nhận thấy dọc đường bệnh nhân của anh ta phục hồi nhanh chóng đến mức không thể tin được. Anh ta bắt đầu cảm thấy có lẽ viên thuyền trưởng đã quá quan trọng hóa ca cấp cứu này.

Romanov đứng cạnh cổng mỉm cười trong khi theo dõi chiếc xe du lịch chở các nhạc công nô ra từ miệng phà tối đen và xếp hàng chờ làm thủ tục hải quan.

Romanov đưa mắt sục sạo khắp chiếc xe du lịch, hắn nhanh chóng nhận ra Robin Beresford.

Đúng như hần dự đoán, chiếc đàn công tơ bass dựng đứng bên cạnh cô chặn cho hần không thấy được người ngồi bên cạnh. Romanov lẩm bẩm.

- Mà không giở được cái trò đó ra với tao lần thứ hai đâu.

Vừa lúc đó viên đại tá quay lại, mặt đỏ nhừ.

- Xe đâu?

Romanov hỏi, mắt vẫn không rời chiếc xe du lịch. Viên đại tá nói:

- Tôi mới chỉ đặt tạm một xe. Nhưng họ cần bằng lái xe quốc tế của ngài. Tôi quên mất là Scott đã lấy mất bằng của tôi và tất cả các giấy tờ khác.

Romanov nói:

- Anh đứng đây để ý xem Scott có tìm cách ra khỏi chiếc xe du lịch không.

Hần chạy đến bàn của hãng Avis.

Trong lúc đó Adam nằm trên xe lăn đang được đưa vào một phòng nhỏ, nơi có bác sĩ trực xem xét.

Người bác sĩ trẻ cúi xuống bệnh nhân mấy phút. Anh xem xét cẩn thận trước khi có kết luận. Cuối cùng anh vừa rửa sạch vết thương trên vai Adam vừa nói:

- Vết cắt khá nghiêm trọng. Ông có thể quay cánh tay được không?

Adam quay tay một vòng tròn rồi lại duỗi ra.

- Tốt lắm. Ít ra cũng không bị gãy xương.

Bác sĩ tiếp tục rửa vết thương và nói:

- Tôi sẽ bôi một ít lốt lên vết cắt, có thể hơi xót đấy.

Anh ta rửa sạch cả hai khuỷu tay trước khi dán băng dính lên. Anh hỏi, mắt vẫn nhìn chăm chú lên vết thương trên vai đang lành dần.

- Vết thương không phải là bị hôm nay phải không?

- Vâng.

Adam đáp, không giải thích gì cả.

- Dù sao thì ông cũng đã từng trải qua những cuộc chiến tranh. Tôi sẽ tiêm cho ông một mũi chống nhiễm trùng uốn ván.

Mặt Adam tái đi. Viên bác sĩ nói:

- Thật là buồn cười, rất nhiều người lớn không muốn nhìn thấy cái kim tiêm mới lạ.

Adam rên lên.

- Nào, bây giờ thì cũng không đến nỗi đau lắm chứ?

Bác sĩ vừa dỡ dành vừa cuốn một cuốn băng lớn trên vai Adam. Cuối cùng anh ta hỏi:

- Có ai đón anh không?

Adam nói:

- Có cảm ơn anh. Vợ tôi đang chờ.

- Tốt lắm. Vậy thì bây giờ anh có thể đi được rồi nhưng về đến nhà anh phải thông báo cho bác sĩ riêng biết chuyện này.

Romanov ngồi vào ghế lái xe và nhìn theo chiếc xe du lịch đang rời khỏi khu hải quan. Hẳn lái xe theo sau qua cổng chính tiến vào xa lộ A2 đi London.

Pollard lo lắng hỏi:

- Liệu dọc đường có bị vượt mất hẳn không?

- Lần này thì không.

Romanov nói, không giải thích gì. Suốt dọc đường đến thủ đô không một lần hẳn để chiếc xe du lịch mất hút tầm mắt.

Adam đi ra cổng bệnh viện và kiểm tra thấy không có ai theo dõi mình. Những người duy nhất anh nhìn thấy là một người đàn ông mặc áo khoác len xanh đang đi dạo bên kia đường và một cô y tá tất tưởi chạy qua, mắt lo lắng nhìn vào đồng hồ đeo tay. Khá yên tâm anh gọi tắc xi đưa đến nhà ga Priory Dover để mua vé đi London. Anh hỏi:

- Mấy giờ chuyến tàu tới khởi hành?

Người soát vé nhìn đồng hồ nói:

- Tàu thủy vừa cập bến cách đây quãng bốn mươi phút nhưng họ còn cần một số thời gian để hành khách làm thủ tục.

Adam đi ra sân ga, mắt cảnh giác xem có ai có vẻ khả nghi không. Anh không để ý tới một người đàn ông tóc đen mặc áo khoác len xanh đang dựa người vào cửa chớp nhà hàng W.H.Smith đọc tờ Evening Standard.

Adam nghĩ tới Robin lúc này đang an toàn trên đường về nhà. Tàu đi London chạy vào ga, chở đầy hành khách vừa trên tàu thủy xuống. Adam đi ra khỏi bóng tối để nhảy lên tàu, anh chọn một buồng có đầy những thanh niên choai choai chắc là vừa qua một ngày tắm biển trở về. Chắc chắn không có ai muốn ngồi chung với bọn này. Anh ngồi vào chiếc ghế trống duy nhất ở góc xa và ngồi yên lặng nhưng mắt vẫn luôn quan sát qua cửa sổ.

Khi tàu chạy đến Canterbury không có thêm người khách nào khác bước vào buồng trừ người soát vé, anh ta lặng lẽ bỏ qua việc một thanh niên chìa cho mình chiếc vé xe khi được đề nghị kiểm tra vé. Adam cảm thấy hoàn toàn an toàn trong góc buồng đặc biệt này, ngay cả khi

nhận thấy người đàn ông mặc áo khoác len xanh đi qua cửa và nhìn vào rất kỹ lưỡng.

Adam chợt bừng tỉnh khỏi dòng suy nghĩ miên man khi nghe tiếng kêu ca ầm ĩ của một gã thanh niên mà trong suốt hành trình từ đầu đến giờ có vẻ là đại ca của nhóm. Hắn khịt mũi rất to kêu:

- Trong buồng này có mùi hôi quá.

Một tên đồng bọn ngồi cạnh Adam nói và cũng bắt chước khịt mũi.

- Tớ cũng thấy thế, Terry.

- Và tớ nghĩ cái mùi ấy sát cạnh tớ.

Adam liếc nhìn gã thanh niên mặc áo jacket đen bằng da với những chiếc khuy nhỏ lóng lánh. Dòng chữ “Heil Hitler” chạy ngang qua lưng. Hắn đứng dậy mở cửa sổ.

- Có lẽ không khí trong lành ngoài trời sẽ cải thiện hơn chẳng.

Hắn nói và ngồi xuống. Cùng lúc cả bốn tên đều khịt mũi. Tên đầu đảng kết luận:

- Khịt, khịt,... Tớ nghĩ mùi hôi ngày càng nặng hơn.

Adam nói:

- Chắc là tôi đấy.

Bọn chúng ngừng khịt mũi, bắt đầu nhìn vào góc buồng một cách nghi ngờ, thoáng im lặng trước đòn tấn công của Adam. Anh nói thêm không để cho bất cứ đứa nào kịp nói:

- Sau bài tập judo tôi không kịp tắm.

Đứa ngồi trước anh hỏi:

- Anh biết khá về judo đấy chứ?

Adam đáp:

- Cũng tầm tạm.

Terry hung hăng hỏi:

- Ông thất bại nào? – Rồi hắn cười khẩy nói thêm – Nào, nói đi, đại bại chứ gì, tôi biết trước.

- Tôi chẳng thất một cái đại nào gần tám năm nay rồi – Adam thản nhiên nói – Nhưng vừa qua tôi được phong Đệ nhị Huyền đại.

Vẻ e ngại lộ trên ba trong bốn khuôn mặt.

- Tôi cũng đang nghĩ phải bắt đầu tập judo đây – Tên trưởng nhóm nói tiếp, tay duỗi thẳng – Cần bao lâu để có thể chơi judo kha khá được?

- Tôi vẫn tập ba giờ một ngày trong suốt mười hai năm mà vẫn chưa đạt trình độ Olympic đâu.

Adam đáp trong khi nhìn người đàn ông tóc đen mặc áo khoác len xanh đi qua buồng lần nữa. Lần này hẳn ta nhìn thẳng vào mặt Adam trước khi nhanh chóng đi khỏi. Adam tiếp tục nói:

- Tất nhiên phẩm chất duy nhất thực sự phải có một khi cậu nghiêm túc muốn bắt đầu tập judo là sự can đảm, và không ai dạy được cho cậu cái đó đâu. Hoặc là cậu can đảm, hoặc là không, có vậy thôi.

Terry hung hăng nói:

- Tôi can đảm. Tôi chẳng sợ gì và cũng chẳng sợ ai hết.

Hắn nói, nhìn Adam chằm chằm. Adam nói:

- Tốt lắm. Vậy thì cậu sẽ có dịp chứng minh lời tuyên bố vừa rồi trước khi chuyển đi này kết thúc.

Tên mặc áo “Heil Hitler” nói:

- Ông có ý nói gì? Ông định gây gỗ hoặc làm trò gì đó đại loại ở đây hả?

Adam lạnh lùng đáp:

- Không. Đơn giản là lúc này tớ đang bị một tên thám tử tư theo dõi, hắn đang muốn bắt được tớ đang ngủ với vợ khách hàng của hắn.

Lần đầu tiên trong suốt chuyến đi cả bốn đứa bỗng ngồi im nhìn Adam với vẻ bắt đầu kính nể. Tên cầm đầu hỏi:

- Thế còn ông?

Adam gạt đầu về tiết lộ bí mật. Terry ranh mãnh hỏi:

- Chắc là một miếng ngoạm ngon lành chứ gì?

Adam đáp:

- Không tồi lắm. Hoàn toàn không tồi chút nào cả.

Tên cầm đầu vỗ bàn tay trái lên bắp tay phải trong khi giơ nắm đấm lên một cách hăng hái:

- Vậy thì ông hãy chỉ tên thám tử ấy để bọn này thanh toán hắn trong đêm nay cho.

Adam nói:

- Thế thì hơi mạnh quá. Nhưng nếu các cậu hoãn hắn lại được một lát để tôi xuống tàu tại Đông Waterloo thì ít ra tôi cũng đủ thời gian để báo trước cho cô ấy.

Tên trùm nói:

- Ông anh ơi, đừng nói nữa. Thằng cha nhìn lén của ông anh sẽ được đưa đến ga Charing Cross và được buộc chặt như một gói bưu phẩm của hãng Đường sắt Anh đấy.

Ba đứa kia cười phá lên và Adam bắt đầu nhận ra mới có một tuần mà Romanov đã biến

được anh thành kẻ bịa chuyện chẳng kém bố Robin trước kia là mấy.

- Hẳn kia kìa.

Adam thì thầm khi gã mặc áo len xanh đi qua lần thứ ba. Cả bọn nhìn ra hành lang nhưng chỉ thấy lưng hắn đang đi khuất. Adam xem đồng hồ nói.

- Mười một phút nữa tàu sẽ đến Đông Waterloo. Tôi đề nghị lúc đó chúng ta sẽ hành động... nếu các cậu vẫn nghĩ đến điều đó.

Cả bốn tên trong đội vệ binh mới thành lập của anh cúi người hăm hở chuẩn bị tư thế.

Mấy phút sau Adam rời khỏi buồng, vặn để cửa mở rộng. Anh bắt đầu bước về phía ngược lại với lối gã áo len xanh đi qua. Khi đến cuối toa anh quay lại thấy lúc này gã đàn ông đang đi nhanh theo sau anh. Khi đi qua căn buồng có cửa mở gã mỉm cười giơ tay lên để Adam chú ý nhưng một đôi cánh tay mặc áo da đã thò ra và gã mất hút vào buồng kèm theo mấy tiếng kêu ú ớ. Cánh cửa buồng đóng sập lại và rèm cũng buông nhanh xuống.

Con tàu từ từ tiến vào ga Đông Waterloo.

Khi chiếc xe du lịch tiến đến phố Wigmore và dừng lại phía ngoài trụ sở Dàn nhạc Giao hưởng Hoàng gia, Robin vẫn vô cùng căng thẳng. Có một chiếc xe Ford màu xanh vẫn bám theo họ ít nhất là ba mươi dặm và khi nhận ra điều đó cô ngồi im không dám động đậy.

Khi mang chiếc công tơ bass ra khỏi xe, cô ngoái lại và nhìn thấy chiếc Ford đã tắt hết đèn pha đỗ dưới lòng đường cách đó quãng năm mươi mét. Romanov đứng trên vỉa hè trông như con thú bị nhốt trong chuồng đang muốn lao ra ngoài. Một người đàn ông khác mà Robin không biết mặt vẫn trên xe sau tay lái. Adam đã dặn cô không được nhìn quanh bất kỳ hoặc dừng lại lúc nào mà cứ đi thẳng vào trụ sở Dàn nhạc. Mặc dù vậy cô cũng không cưỡng lại được nhìn thẳng vào mắt Romanov và lắc đầu. Romanov vẫn tĩnh bơ đứng nhìn ra phía trước.

Khi nhạc công cuối cùng rời khỏi xe, Romanov và viên "đại tá" đưa mắt nhìn sục sạo khắp bên trong xe và cuối cùng là khoang hành lý, bất chấp sự phản đối của người lái xe. Robin lo lắng đứng trong một cửa sổ trên gác nhìn chúng nhảy vào chiếc Ford xanh lái đi. Cô tiếp tục nhìn theo chiếc xe cho đến khi đèn sau mờ dần và mất hút trong đêm tối.

Viên đại tá ngoặt khỏi phố Wigmore chạy để phóng về phía phố Backer và dừng lại đối diện trước cửa ga Barker. Romanov nhảy khỏi xe đi vào một buồng điện thoại và bắt đầu giở danh bạ điện thoại từ vần A đến vần D. Chỉ có một Robin Beresford có đăng ký cùng với địa chỉ đúng như tên điệp viên trẻ đã đọc cho hắn. Hắn quay số và sau mười lần gọi không có ai trả lời, hắn mỉm cười vì biết chắc cô sống một mình. Hắn không ngạc nhiên.

Khi Romanov trở lại xe, viên đại tá hỏi:

- Bây giờ ta làm gì?

- Phố Argyle, NW3 ở đâu?

Viên đại tá nói:

- Chắc là đâu đó gần phố Hampstead. Nhưng trước hết tôi phải kiểm tra lại bản đồ giao thông London từ A đến Z đã. Kế hoạch thế nào đây?

Romanov nói:

- Thay vì cho việc chờ cô Beresford ra khỏi nhà, chúng ta sẽ chờ cô ta đi vào nhà.

Quãng ba mươi phút sau Robin rời khỏi cửa sau trụ sở Dàn nhạc. Cô đi vòng vèo quanh quảng trường Portman rồi bước thật nhanh đến góc phố. Mặc dù luôn tự nhủ là Romanov sẽ không quay lại nhưng trong suốt thời gian đó Robin vẫn không kim nổi cơn run. Cô vẫy một xe taxi và thở phào nhẹ nhõm khi thấy chiếc xe xích đến chỉ trong nháy mắt. Robin kiểm tra người lái và ghế ngồi sau như Adam hướng dẫn rồi lên xe.

Chỉ ít phút sau khi Robin vẫy taxi, Romanov cũng đến trước cửa một nhà. Tấm biển gắn trên tường cho thấy cô Beresford sống ở tầng bốn.

Tự chiếc cánh cửa cũng chứng minh cho việc bất cứ tên trộm cao thủ nào ở Moscow cũng như Romanov đều không mấy khó khăn gì để lọt vào trong chốc lát. Viên đại tá nhanh chóng chạy tới bên Romanov rồi cả hai tên tiếp tục im lặng đi lên cầu thang đến tầng bốn.

Romanov bật ổ khóa Yale còn nhanh hơn Robin mở bằng chìa của cô. Sau khi đã vào trong nhà hắn nhanh chóng xem xét bố trí nội thất căn phòng và tin chắc là không có ai nữa trong đó.

Viên đại tá đứng bần chồn không yên bên cạnh.

- Bình tĩnh lại đi ngài đại tá. Tôi không cho là cô ấy bắt chúng ta phải đợi quá lâu đâu.

Viên đại tá cười với vẻ lo lắng.

Chiếc tắc xi xích đến cạnh ngôi nhà Robin chỉ. Cô nhảy khỏi xe và trả cho người tài xế khá hậu vì đã quá nửa đêm khá lâu và vì cuối cùng cô cảm thấy đã an toàn. Dường như cả năm trời bây giờ cô mới về nhà. Cô chỉ mong được tắm nước ấm và ngủ một giấc đầy mắt.

Adam bước ra khỏi ga Đông Waterloo vào lúc quá nửa đêm một chút, anh vui mừng khi thấy xe điện ngầm vẫn còn hoạt động. Anh không đi đến Charing Cross vì không biết chắc người của bên nào đang chờ đón mình ở đó. Anh xuất trình vé tháng đi West Indian cho người soát vé và đợi loanh quanh ở sân ga cho đến khi cuối cùng đoàn tàu cũng chạy tới.

Giữa Đông Waterloo và nơi anh định tới còn có mấy ga nữa, ngay cả vào lúc đêm khuya này đoàn tàu cũng dừng bánh ở các ga đó quá lâu. Đến Embankment có mấy tay chơi đêm bước lên, đến quảng trường Leicester còn thêm nhiều người nữa. Mỗi ga Adam lại lo lắng chờ đợi, giờ đây anh mới nhận ra đây là chuyến tàu cuối cùng. Anh chỉ hy vọng Robin ngoan ngoãn làm đúng những điều đã được chỉ dẫn. Anh nhìn xung quanh toa mình đang ngồi. Trên toa đầy những người làm việc ca đêm, bồi bàn, y tá, người đi ăn tiệc trở về, bọn say rượu, có cả cảnh

sát giao thông nữa. Cuối cùng tàu chạy tới ga của anh vào lúc mười hai giờ bốn mươi.

Người soát vé chỉ cho Adam đường đi. Anh thấy nhẹ người vì có thể đi ra cửa rất nhanh chóng bởi vì không còn ai xung quanh trong đêm khuya như thế này để hỏi đường nữa. Anh chậm rãi tiến đến số nhà hai mươi ba. Căn hộ tối om. Anh đẩy cánh cổng quay, bước thẳng vào lối đi, tay rút chùm chìa khóa trong túi ra và tra chiếc chìa tròn trĩnh vào ổ khóa. Adam thận trọng đẩy cửa và sau đó đóng lại nhẹ nhàng sau lưng mình.

Quá mười hai giờ mười một chút, chuyến tàu cuối cùng từ Dover vào ga Charing Cross. Không thấy Adam đâu, Lawrence bảo lái xe đưa mình trở lại Cheyne Walk. Anh không hiểu được tại sao người điệp viên do tự tay anh lựa chọn không báo cáo gì cả. Khi Lawrence trở lại căn hộ, anh tra chìa khóa vào ổ khóa, hy vọng Adam đã đợi sẵn ở trong.

*

* *

CHƯƠNG 24

Hắn đẩy cánh cửa, chậm rãi bước lên lối vào trong bóng tối dày đặc. Khi đến góc nhà, hắn lần tìm viên đá thứ ba bên trái. Xác định được đúng đó là viên đá nơi thường cất chiếc chìa khóa dự bị, hắn đẩy nó sang bên và mò tìm trong đất. May quá, chiếc chìa khóa vẫn y nguyên chỗ cũ. Như một tên trộm hắn tra nhẹ chìa vào ổ khóa rồi khép cánh cửa lại và rón rén đi vào sảnh, bật đèn và bắt đầu leo lên cầu thang. Lên đến tầng trên, hắn tắt đèn phòng lớn, vặn quả đấm cửa phòng ngủ và đẩy cánh cửa. Vừa bước vào phòng bỗng một cánh tay xiết chặt lấy cổ họng và quật hắn xuống đất bằng một sức mạnh ghê gớm. Hắn cảm thấy một cái đầu gối ấn mạnh trên lưng và một cánh tay bị bẻ quật ra sau lưng thế Nelson. Hắn nằm sấp úp mặt xuống sàn nhà không cựa quậy được, ngay cả thở cũng rất khó khăn. Đèn bật sáng trưng và vật đầu tiên mà Adam nhìn thấy là viên đại tá. Hắn van xin:

- Đại úy Scott, đừng giết tôi, đừng giết tôi.

Adam lạnh lùng nói:

- Tao không có ý định đó đâu, ngài Tomkins ạ. Nhưng trước hết lúc này ông chủ đáng kính của mày đang ở đâu?

Adam tiếp tục ấn mạnh đầu gối vào giữa lưng viên đại tá và bẻ ngược cánh tay lên thêm chút nữa cho đến khi hắn la lên the thé:

- Sau khi biết là cô gái sẽ không về nhà nữa ông ta đã trở về Sứ quán.

– Đúng như ta đã dự định.

Adam nói nhưng không nói lỏng tay trong khi anh nói rõ cho viên đại tá nghe những việc hần cần phải làm.

– Nhưng không thể thế được. Tôi muốn nói là nói ông ấy nhất định phải chú ...á... Viên đại tá cảm thấy tay hần bị quặt ra sau lưng cao hơn.

Adam nói:

- Mày có thể tiến hành toàn bộ thao tác đó trong vòng không đến mười phút mà hần thì chẳng cần biết gì hết. Tuy nhiên tao thấy sẽ công bằng là mày đáng được thưởng nếu cố gắng.

– Cảm ơn ông.

Viên đại tá xun xoe nói:

- Nếu mày đem đến đây vật tao yêu cầu và làm theo lời chỉ dẫn đến nơi đến chốn thì để đổi công mày sẽ được trả lại hộ chiếu, bằng lái xe, giấy tờ, ví và sự bảo đảm sẽ không bị xử tội phản bội. Nhưng mặt khác, nếu đến chín giờ ba mươi ngày mai mày không quay lại với thứ tao yêu cầu thì trong vòng ba mươi phút tất cả các giấy tờ trên sẽ được đặt trước bàn ông Lawrence Pemberton ở Bộ Ngoại giao cùng với báo cáo về các nguồn thu nhập khác mà mày không báo cáo với ngành thuế.

– Xin ông đừng làm điều đó, thưa đại úy Scott.

Adam nói:

- Khi chuông đồng hồ điểm mười giờ.

Viên đại tá mếu máo:

- Nhưng thưa ông đại úy, mong ông hãy nghĩ lại, lúc đó điều gì sẽ xảy ra với tôi?

Adam nói:

- Tao đã xem xét việc này rồi, và đã rút ra hai kết luận.

– Như thế nào, thưa ông đại úy Scott?

Adam không hề nói lỏng tay ra, nói:

- Hiện nay tội gián điệp có thể bị kết án tù từ mười tám đến bốn hai năm tùy theo ý Thánh Thượng, vậy với hạnh kiểm tốt mày có thể được ra tù trước khi thể kỷ này kết thúc, vừa kịp để đến nhận điện mừng của Nữ hoàng. Trông viên đại tá có vẻ hoảng.

Hần lấp bắp:

- Còn điều thứ hai?

– Ồ, rất đơn giản là nếu mày thông báo co Romanov biết chuyện viếng thăm ban đêm của tao thì để trả công, hần sẽ bố trí cho mày sống những ngày còn lại trong một ngôi nhà nhỏ thuộc một khu ngoại ô không lấy gì đáng ao ước lắm. Bởi vì, ngài Tomkins thân mến của tôi ạ,

ngài cũng biết rõ ngài chỉ là một tên gián điệp cỡ rất nhỏ. Tao cũng không chắc nếu bản thân mình vút lại với hai sự lựa chọn đó thì sẽ cảm thấy cái nào là rùng rợn hơn. – Tôi sẽ làm việc đó cho ông, thưa đại úy Scott, ông có thể tin cậy ở tôi.

– Tao có thể tin mày, Tomkins. Bởi vì nếu mày cho Romanov biết dù một bí mật nhỏ nào của chúng ta, mày sẽ bị bắt ngay trong vòng ít phút. May lắm thì mày chỉ có thể tìm cách tẩu thoát bằng cách chạy lên tầng hàng không. Nhưng tao đã kiểm tra rồi, không có chuyển nào trước xẩm tối ngày mai.

– Tôi sẽ chuyển nó cho ông lúc chín giờ ba mươi ngày mai đúng giờ quy định. Ông có thể tin điều đó. Nhưng lạy Chúa, ông hãy sẵn sàng cho tôi chuộc tội. Adam nói: - Tao sẽ làm như hứa cũng như trả tất cả giấy tờ cho mày, Tomkins ạ. Adam đỡ viên đại tá từ từ đứng dậy và đẩy hắn về phía cầu thang. Anh bật đèn rồi ấn hắn đi xuống cầu thang cho đến khi họ tiến đến cửa trước. Adam nói:

- Chìa khóa đâu?

Nhưng ông đã lấy hết chìa khóa của tôi rồi, thưa đại úy Scott.

– Chìa khóa xe cơ, mày ngu thế?

Viên đại tá nói:

- Nhưng thưa ông đây là xe thuê.

Adam nói:

- Tao sẽ thuê xe mày.

– Nhưng thưa ông làm thế nào tôi trở về London kịp giờ được ạ?

– Tao không biết, nhưng mày vẫn còn có cả đêm để đi bằng phương tiện nào đó. Thậm chí mày có thể đi bộ vẫn còn kịp. Chìa khóa đâu?

Adam nhắc lại, lại bẻ tay viên đại tá ra sau bả vai. Viên đại tá nói với giọng cao hơn một nốt:

- Trong túi áo trái của tôi ấy.

Adam thọc tay vào túi chiếc áo khoác mới của hắn rút chùm chìa khóa xe ra. Anh mở cửa, đẩy viên đại tá ra lối đi và áp giải hắn tới vỉa hè, và nói:

- Mày đi đi và đứng sang phía bên kia đường. Mày không được trở lại ngôi nhà cho đến khi tao đến cuối đường. Tao có phải nói rõ thêm không?

– Hoàn toàn rõ ạ, thưa ông đại úy Scott.

– Tốt. – Adam nói, lần đầu tiên thả hắn ra

– Tomkins, còn một điều nữa. Trong trường hợp mày nghĩ đến trò chơi hai mạng thì hãy biết là tao đã báo cho Văn phòng Bộ Ngoại giao để họ đặt Romanov dưới sự giám sát. Adam hy vọng anh nói với một giọng thuyết phục.

– Ông quả đã lường được hết mọi việc. Viên đại tá rầu rĩ nói.

Adam đáp:

- Tất nhiên, tao cho là vậy. Thậm chí tao còn tìm được thời gian cất điện thoại của mày trong khi đợi mày quay lại rồi kia. Adam đẩy viên đại tá qua đường rồi mới bước lên xe thuê. Anh quay cửa sổ xe xuống.

- Hẹn gặp lại mày đúng chín giờ ba mươi sáng mai. Anh nói thêm và cài chiếc xe Ford chạy số một. Viên đại tá đứng run rẩy trên vỉa hè bên kia đường trong khi Adam chạy xe đến cuối phố. Hắn vẫn đứng đó cho đến khi Adam rẽ trái đi về trung tâm London. Lần đầu tiên kể từ khi Heidi chết, Adam cảm thấy Romanov đang chạy trốn. Thật là vinh dự lớn cho ngân hàng nhỏ bé của chúng tôi. Ông Bischoff nói một cách hài lòng khi nhìn nhà ngân hàng quan trọng nhất của phương Đông đang ngồi trong phòng giám đốc cùng uống trà chiều với mình.

Poskonov nói:

- Không hoàn toàn như vậy, ngài Bischoff thân mến của tôi. Sau bằng ấy năm quan hệ tôi mới là người cảm thấy vinh dự. Và ngài thật thông cảm với tôi cho nên đã mở cửa ngân hàng cả vào ngày Chủ nhật. Còn bây giờ ta vào việc. Vừa qua Romanov có ký vào một mẫu đơn tuyên bố từ bỏ quyền sở hữu tài sản đó không?

Bischoff nói: - Ồ, có chứ. Anh ta thậm chí không thèm đọc cả các điều khoản kể cả ba điều thêm mà ngài yêu cầu chúng tôi ghi vào.

- Vậy thì của cải thừa kế của anh ta sẽ đương nhiên được trả lại cho nhà nước Nga chứ? – Đúng vậy, thưa ngài Poskonov, và chúng tôi sẽ chuyển đến....

- ... Sẽ đại diện cho chúng tôi trong tất cả các giao dịch hối đoái tiền tệ mà chúng tôi tiến hành với phương Tây.

Bischoff nói: - Xin cảm tạ ngài. Và chúng tôi sẽ rất sung sướng được phục vụ các ngài kể cả những yêu cầu nhỏ nhất. Nhưng nếu Romanov trở lại ngân hàng và đòi được giải thích về tài sản thừa kế của anh ta thì sao?

Chủ tịch ngân hàng lo lắng hỏi. Nhà ngân hàng Nga quả quyết nói: - Anh ta sẽ không trở lại nữa đâu. Ngài có thể tin lời tôi. Còn bây giờ tôi muốn xem có những gì trong các hộp đó.

Bischoff nói: - Vâng, tất nhiên ạ. Xin mời ngài đi theo tôi. Hai vị chủ tịch ngân hàng đi thang máy riêng xuống tầng trệt và sau đó Bischoff dẫn khách xuống hầm ngầm. – Bây giờ tôi sẽ mở khóa năm hộp mang tên Romanov bằng chìa khóa của ngân hàng nhưng chỉ riêng ngài mới mở được chúng bằng chìa khóa của anh ta.

- Cảm ơn. Poskonov nói và chờ cho Bischoff mở năm chiếc hộp và trở lại lối ra của hầm ngầm.

Bischoff nói: - Ngài cứ xem bao lâu tùy thích. Nhưng đến sáu giờ cánh cửa lớn sẽ tự động khóa lại cho đến chín giờ sáng mai, và sẽ không có gì ngoài vũ khí hạt nhân mới bày được nó ra. Vào lúc năm giờ bốn lăm sẽ có một hồi chuông cảnh báo nhắc nhở ngài là chỉ còn mười lăm phút nữa.

Ông già nói: - Tuyệt. Trong suốt sự nghiệp tài chính của mình chưa bao giờ ông bị nhắc nhở trước mười lăm phút về một điều gì đó. Bischoff trao cho Poskonov chiếc phong bì đựng chìa khóa của Romanov. Khi cánh cửa thép nặng nề đã đóng lại phía sau, ông lão nhìn lên đồng hồ trên tường. Ông còn hơn hai giờ nữa để phân loại những gì có thể được chuyển đi và những gì phải để lại. Lương hưu nhà nước cấp và huân chương hạng hai dường như không phải là phương án tối ưu đối với Poskonov. Ông vặn chìa khóa mở hộp nhỏ thứ nhất và đọc những giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với những vùng đất đã được quốc hữu hóa nhiều thập kỷ nay và rên lên. Hộp thứ hai đựng cổ phần của các công ty một thời từng làm ăn phát đạt bây giờ đã bị “bóc vỏ” đúng như nghĩa đen của từ đó. Poskonov thất vọng khi thấy hộp nhỏ thứ ba chỉ cất một di chúc chứng minh mọi thứ thuộc quyền sở hữu của cha Romanov và những người thừa kế trực hệ của ông ta. Phải chăng ông ta đã chờ đợi bằng ấy thời gian để khám phá ra câu chuyện vàng bạc châu báu mà ông già đã nói với mình chỉ là một con số không ngoài những tưởng tượng hảo huyền. Poskonov mở hòm lớn thứ nhất nhìn vào. Bên trong có mười hai ngăn nhỏ. Ông cẩn thận mở nắp ngăn thứ nhất ra và bủn rùn chân tay khi thấy toàn là đá quý đang chiếu sáng lấp lánh trước mặt. Ông thọc cả hai tay vào hòm để các viên ngọc rơi qua kẽ ngón tay mình hết như dừa trẻ nghịch sỏi trên bãi biển. Ngăn thứ hai đựng đầy ngọc trai, ngăn thứ ba đựng toàn tiền vàng và vàng thỏi, tất cả các báu vật trên có thể làm lóa mắt người xem, kể cả ông già như Poskonov. Ông không xác định được mình phải mất bao nhiêu lâu để xem hết các ngăn còn lại nhưng khi chuông cảnh báo reo lên thì ông vẫn còn lơ lửng trên chín tầng mây say sưa với kho báu mới tìm thấy. Ông nhìn đồng hồ. Vẫn còn đủ thời gian để bỏ mọi thứ vào ngăn và hôm sau ông sẽ quay lại để lấy đi chỉ một lần và mãi mãi những gì ông đã nhận được sau hơn năm mươi năm phục vụ cho đất nước. Khi chiếc nắp cuối cùng được đẩy lại, ông xem đồng hồ trên tường: sáu giờ kém sáu phút. Cũng đủ thời gian để ngó qua hòm bên cạnh và xem xem liệu có tìm được cái gì giá trị tương đương không. Ông vừa vặn chìa khóa vừa liếm môi phấp phồng khi mở chiếc hòm lớn ra. Vừa nâng nắp hòm lên ông vừa tự hứa chỉ liếc qua một tý thôi. Khi nhìn thấy cái tử thi, ông choáng người quay ngoắt lại ngã vật xuống đất, tim nghẹt lại. Chín giờ sáng hôm sau người ta phát hiện ra cả hai cái xác. Chuông điện thoại reo vang. Adam chộp lấy máy trước khi âm thanh nhức óc anh lần thứ hai.

Giọng một cô gái dịu dàng: - Thưa ông, chuông báo thức ạ. Tám giờ rồi.

- Cảm ơn. Adam đáp, đặt nhẹ ống nghe xuống. Việc báo thức không còn cần thiết nữa vì anh đã ngồi trên giường xem xét để đề ra một kế hoạch được hơn một tiếng đồng hồ rồi. Cuối cùng Adam đã tìm được cách để kết liễu đời tên Romanov. Anh bật dậy khỏi giường, kéo rèm nhìn sang Sứ quán. Không rõ hắc dật đã lâu chưa. Anh quay trở lại bên giường cầm điện thoại lên bấm số mà Robin đã cho. Chuông reo vài lần, mãi mới có tiếng một bà già trả lời:

- Bà Beresford đây.

- Chào bác Beresford. Cháu là Adam Scott. Cháu là bạn của Robin. Cháu gọi đến xem đêm qua cô ấy đã trở về nhà an toàn chưa thôi ạ.

Mẹ Robin nói: - Ô, cảm ơn. Bác thật ngạc nhiên đến mức vui mừng vì được gặp nó trước ngày nghỉ cuối tuần. Nó thường ngủ ở căn hộ mỗi khi về muộn. Bác e là nó đang ngủ. Cháu có muốn bác đánh thức nó không?

Adam nói: - Không ạ. Bác đừng làm cô ấy mất giấc. Cháu chỉ gọi để hẹn cô ấy đi ăn trưa thôi. Bác nói giúp với cô ấy là cháu sẽ gọi lại.

Bà trả lời: - Nhất định là bác sẽ nói vậy. Cảm ơn cháu đã gọi cho bác. Adam để lại ống nói vào máy và mỉm cười. Mỗi mảnh của trò chấp hình đều đã được đặt cẩn thận vào vị trí nhưng không có sự trợ lực của viên đại tá thì anh vẫn thiếu một mảnh góc có tính quan trọng sống còn. Adam bắt đầu đặt những thứ của Tomkins gồm hộ chiếu, các giấy tờ cá nhân và chiếc ví vào một phong bì lớn. Anh lấy bức tranh Thánh trong túi áo jacket của hắn ra, giơ lên cẩn thận xem xét vành vương miện bằng bạc của Sa hoàng. Sau đó anh mở con dao gấp và bắt đầu tháo chiếc vương miện ra một cách chầm rãi và hết sức khéo léo. Ba mươi phút sau Adam đang đứng trong thang máy đi xuống tầng hầm khách sạn. Khi bước ra Adam đi đến nơi sáng sớm hôm nay anh đã để chiếc Cortina xanh. Anh mở khóa cửa xe ném chiếc áo jacket cũ của viên đại tá lên ghế rồi khóa cửa, kiểm tra lại tất cả các cửa khác trước khi lên thang máy trở lại tầng trệt. Người phụ trách cửa hàng quần áo nam đứng dưới cổng vòm khoát tay ra hiệu hết giờ nhưng Adam vẫn cố tìm một chiếc áo sơ mi trắng, chiếc quần vải mềm xám và chiếc áo khoác xanh rồi mặc thử trong phong thay quần áo nhỏ. Lúc chín giờ hai ba phút, Adam thanh toán hóa đơn với khách sạn Công viên Hoàng gia và bảo người gác cổng đánh chiếc xe Ford xanh từ khu để xe lên. Anh đứng đợi ở lối vào khách sạn. Mấy phút trôi qua anh bắt đầu lo viên đại tá sẽ không quay lại, Nếu thất bại Adam biết cú gọi tiếp sẽ là cho Lawrence chứ không phải Romanov. Dòng suy nghĩ miên man của anh bị gián đoạn bởi tiếng còi xe hơi. Người gác cổng vừa nói vừa trả lại chìa khóa cho Adam:

- Xe của ông đang đợi ở dốc ra.

- Cảm ơn. Adam nói và đưa cho anh ta mấy đồng bảng Anh cuối cùng trong ví viên đại tá. Anh bỏ chiếc ví vào phong bì rồi niêm phong lại trước khi xem lại đồng hồ một lần nữa. Anh lo lắng đứng đợi thêm hai phút trước khi nhận ra viên đại tá đang thở phà phò đi lên dốc dẫn đến lối vào khách sạn. Tay hắn nắm chặt một chiếc túi xách nhỏ. Viên đại tá nói trước khi tiến đến cạnh Adam:

- Thừa ông đại úy Scott, tôi đã làm việc đó. Nhưng tôi phải trở về ngay nếu không hắn sẽ phát hiện ra mất. Hắn nhanh chóng đưa chiếc túi xách cho Adam, anh mở mặt trên nhìn vào đồ vật bên trong và nói:

- Mày là người biết giữ lời hứa và như tao đã cam kết, mày sẽ tìm lại đủ các thứ cần thiết trong này. Anh đưa chiếc phong bì niêm kín cùng với chùm chìa khóa xe, không nói gì thêm và chỉ ra chiếc xe thuê. Viên đại tá chạy đến chiếc xe, nhẩy vào và lái xe nhanh xuống dốc rời khỏi khách sạn Công viên Hoàng gia trước khi rẽ trái chạy đến phố công viên Khách sạn Kensington. Adam xem lại đồng hồ: Chín giờ ba lăm. Anh hỏi người gác cổng:

- Làm ơn cho tôi một chiếc taxi. Người lái taxi quay cửa kính xuống nhìn Adam có ý hỏi đi đâu.

- Quảng trường Chesham SW 1. Cửa hàng đồ gỗ. Adam ngắm nghía gian hàng khoảng mười phút trong khi người thợ hoàn thành đơn đặt hàng đặc biệt của anh. Anh nhìn kết quả với vẻ hài lòng, trả cho anh ta hai bảng rưỡi rồi đi bộ trở lại đường Hoàng Đế để gọi taxi.

- Ngài định đi đâu ạ?

- Tháp London. Mọi người trong nhóm D4 đã ngồi vào chỗ chuẩn bị để họp vào lúc chín giờ ba mươi, Busch công kích ngay khi Lawrence chưa kịp ngồi xuống ghế:

- Làm thế quái nào mà lần này ông lại để sống mất anh ta được?

Lawrence nói: - Lỗi tại tôi. Tôi đã cài người ở tất cả các bến cảng từ Newhaven đến Harwich nhưng khi thấy Romanov và tên cấp dưới của hắn rời đường ke tại Dover để chạy vào xa lộ theo đuôi chiếc xe buýt thì người của tôi lại cho rằng chắc chắn hắn phải thấy Scott. Anh nói tiếp: -

Tôi đã chỉ thị cho viên sĩ quan nhập cảnh phụ trách chung ở cảng bí mật cho phép Scott rời tàu. Ý định của tôi là đón anh ta ngay ở khu vực thủ tục hải quan. Đường như kế hoạch đó không thể bị trở ngại bởi chúng ta đã giám sát chặt Romanov. Song Scott đã tiếp tục qua mặt cả Romanov và người của chúng ta ở Dover. Busch vẫn không khoan nhượng:

- Nhưng chúng ta đã có một cơ hội thứ hai khi Scott lên tàu hỏa. Lawrence nhìn vào người Mỹ đợi xem anh ta có thừa nhận hai nhân viên CIA của anh ta cũng để sống mất Scott ở Dover không. Anh nhấn mạnh:

- Người của tôi cũng đã ở trên tàu hỏa. Nhưng anh ta chỉ có một dịp tiếp xúc với Scott khi anh ta đứng một mình, song đúng lúc đó anh ta bị một bọn du côn say rượu túm lấy và đánh cho một trận nhừ tử. Đó là một bọn thanh niên choai choai đường như vừa nghỉ mát ở bờ biển trở về. Matthews nhìn xuống tập giấy trước mặt mình nói:

- Có lẽ chúng ta tuyển mộ nhân viên không đủ trình độ. Lawrence lảng lảng không trả lời. Snell nói:

- Vậy là cho đến giờ chúng ta có thể nói: Scott cùng bức tranh Thánh của Sa hoàng và Romanov vẫn còn lẩn quẩn đâu đó ở London có phải không? Lawrence thừa nhận: - Hẳn vậy. Snell giả định:

- Vậy là chưa phải tất cả đã mất hết. Có thể Scott vẫn đang cố bắt liên lạc với ông. Lawrence nói khê: - Tôi nghĩ là không. Busch hỏi: - Tại sao ông lại chắc chắn là như vậy? - Bởi vì Scott biết có một người trong số chúng ta trong phòng này là kẻ phản bội và anh ta nghĩ người đó là tôi.

- Chào ngài Đại sứ. Tôi là Adam Scott, tôi muốn nói chuyện với thiếu tá Romanov. Một giọng lịch sự đáp lại: - Chào ông Scott. Chúng tôi không có thiếu tá Romanov làm việc ở Sứ quán.

- Tôi cũng không tin là không có ông ta ở đây như ngài nói.

- Nhưng nếu ông vui lòng để lại số điện thoại của ông thì tôi sẽ tìm hiểu thêm.

- Tôi sẽ chờ. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu ngài nhanh chóng tìm được Romanov một khi anh ta biết ai đang gọi cho mình. Đầu giây bên kia im lặng một lúc lâu và Adam chỉ mong cho đồng shilling vừa bỏ vào hộp gọi điện thoại vẫn còn đủ hiệu lực. Cuối cùng có một tiếng “cách”, Adam nghe tiếng người nói:

- Ai gọi đấy? Giọng nói vang lên không giấu được vẻ nghi ngờ. Adam nói ngắn gọn: - Hẳn ông biết rất rõ tôi là ai rồi. Tôi muốn làm một thỏa thuận.

- Thỏa thuận? Romanov nhắc lại, giọng hần từ nghi ngờ chuyển sang ngạc nhiên. - Tôi sẽ đổi lại bức tranh Thánh của tôi

- mà như ông đã kiên quyết khẳng định là không có giá trị gì đối với tôi

- để lấy phiên bản của ông. Nhưng tôi cũng cần ông đưa cả các tư liệu minh oan được cho cha tôi.

- Làm sao tôi biết được ông sẽ không lừa dối tôi. Adam nói:

- Đúng là ông không biết được. Nhưng ông có còn gì để mất đâu? Điện thoại bắt đầu kêu píp píp báo sắp hết tiền. Romanov nói:

- Cho biết số điện thoại của ông. Adam nói: - 738-9124. - Tôi sẽ gọi lại ông sau. Vừa kịp đường dây ngắt. Hắn hỏi tên điệp viên người địa phương ngồi đối diện:

- Bao nhiêu lâu thì có thể xác định vị trí số 738-9124? Tên điệp viên đáp: - Khoảng mười phút. Nhưng có thể đó là một cái bẫy. - Đúng vậy. Nhưng chỉ còn mười chín giờ nữa là hết thời hạn để đưa bức tranh Thánh sang Mỹ, tôi không còn sự lựa chọn nào nữa. Romanov quay lại phía tên điệp viên: - Giao thông ở London sáng thứ Sáu thường như thế nào? - Một trong những thời gian tắc nập nhất trong tuần. Sao ông hỏi vậy? Romanov trả lời: - Bởi vì tôi cần một chiếc xe mô tô và một người lái siêu hạng. Adam không thể làm gì người phụ nữ trung niên đang chiếm buổi điện thoại. Tại vì trong khi anh sốt ruột đi ra kiểm tra lại cây cầu thì bà ta bước vào. Chắc chắn bà rất thắc mắc tại sao anh chàng kia không sử dụng chiếc buồng không có người bên cạnh. Anh lo lắng nhìn đồng hồ: mười giờ bốn lăm. Anh biết mình không thể liều lĩnh đợi quá mười một giờ một phút nào bởi vì tin chắc rằng lúc đó Romanov đã truy ra nơi anh vừa gọi. Người đàn bà gọi đến mười hai phút nữa rồi mới đặt ống nói xuống. Khi bước ra khỏi buồng, bà ta nhìn Adam và mỉm cười ấm áp. Chỉ còn ba phút và có lẽ anh hủy bỏ kế hoạch ban đầu của mình và gọi cho Lawrence. Anh bắt đầu quan sát đội vệ binh khi họ đi tuần tra qua cổng Traitor (kẻ phản bội) - cái tên thật là phù hợp làm sao. Adam đã chọn được một vị trí mà từ đó anh có thể thấy rõ cả hai đầu chiếc cầu kéo và cảm thấy mình không thể bị bắt ngờ.

Trong trường hợp xấu nhất ở đây còn có một con kênh bao quanh tứ phía. Lần đầu tiên trong đời Adam mới biết được năm phút có thể dài như thế nào. Khi chuông điện thoại reo anh có cảm giác như đó là hồi chuông báo động. Anh lo lắng cầm máy lên, mắt không rời đường cái. - Scott? - Đúng vậy. - Bây giờ tôi có thể thấy rõ ông bởi vì tôi chỉ cách ông khoảng một phút nữa. Tôi sẽ đứng ở đầu Cầu Tháp. Hãy bảo đảm ông đứng đó với bức tranh Thánh. Nếu ông không có bức tranh Thánh tôi sẽ đốt các giấy tờ chứng minh cho sự vô tội của cha ông ngay trước mắt ông. Đường dây tắt. Adam vui mừng vì một mảnh nữa trò xếp hình đã được đặt đúng chỗ. Anh bước ra khỏi buồng điện thoại, quan sát dọc đường cái. Một chiếc BMW lướt tới đỗ lại ở đầu cầu. Người lái mặc áo khoác da ngồi trong tư thế sẵn sàng nhưng dường như chỉ quan tâm đến dòng xe cộ lướt qua chân tháp. Người đàn ông ngồi sau anh ta đang nhìn thẳng vào Adam. Adam bắt đầu chậm rãi đi bộ đến đầu cầu. Anh đưa tay vào túi áo để kiểm tra bức tranh Thánh có còn ở đó không. Khi còn quãng ba mươi mét cách đầu cầu thì người thứ hai kia nhảy xuống

xe và bắt đầu đi về phía anh. Lúc mắt hai người chạm vào nhau Romanov đứng lại giữa đường giơ lên một cái khung gỗ nhỏ hình vuông. Adam không đáp lại bằng động tác tương tự mà chỉ đơn giản vỗ vào túi áo bên của mình và tiếp tục đi. Hai người tiến lên phía trước để gặp nhau giống như các hiệp sỹ thời cổ cho đến khi chỉ còn cách nhau vài bước. Họ đứng lại gần như cùng một lúc và đối mặt nhau. Romanov nói: - Cho xem bức tranh đã. Adam dừng lại rồi chậm rãi rút bức tranh Thánh trong túi ra nâng lên trước ngực để Romanov có thể thấy được Thánh George đang nhìn hấn trừng trừng. Romanov nói: - Lật lại. Adam làm theo, Romanov không giấu được vẻ vui mừng khi nhìn thấy vành vương miện nhỏ bằng bạc của Sa hoàng nằm ở phía sau. Adam nói: - Đền lượt ông. Romanov giơ bức tranh Thánh của hấn ra phía trước tựa như đang vung kiếm lên. Bức kiệt tác lấp lánh dưới ánh mặt trời mùa hè. Adam nói tiếp: - Cả tài liệu nữa. Romanov lấy trong áo ra một bó hồ sơ và từ từ mở ra. Adam nhìn lời tuyên án chính thức của tòa án trong vài giây rồi chỉ tay trái vào phía bên kia cầu nói: - Tiến lại phía tường và để bức tranh Thánh cùng với tập tài liệu ở đấy. Bây giờ đến lượt Romanov làm theo lệnh của Adam, anh ta tiếp tục tiến lại bức tường phía bên kia cầu để đặt bức tranh Thánh vào giữa bức tường. Adam hô: - Đi chậm qua cầu. Hai người đàn ông cùng nhau song song đi qua cầu, luôn giữ khoảng cách không dưới hai mét cho đến khi dừng lại trước mỗi bức tranh Thánh của đối phương. Khi bức tranh đã ở trong tầm tay, Romanov giật lấy, bỏ chạy và nhảy lên chiếc mô tô không hề ngoái lại. Chưa đầy một giây sau chiếc BMW đã mất hút trong dòng xe cộ dày đặc. Adam không nhúc nhích. Mặc dù bức tranh Thánh mới ra khỏi tầm nhìn của anh hơn một giờ đồng hồ, anh vẫn thấy nhẹ nhõm vì đã trả lại được nguyên bản. Anh xem lại các giấy tờ chứng minh cha mình vô tội rồi cất chúng vào túi áo trong. Mặc mấy khách du lịch đang đứng lại nhìn. Adam làm mấy động tác thư giãn. Bỗng có ai đập mạnh vào lưng, anh giật mình hoảng hốt quay lại. Một bé gái đang đứng nhìn anh: - Chú và bạn chú có diễn lại màn kịch lúc nãy nữa không? Chiếc BMW xịch đến trước Sứ quan ở phố Công viên Cung Kensington, Romanov nhảy xuống xe, chạy lên bậc tam cấp xộc thẳng vào phòng làm việc của Đại sứ không cần gõ cửa. Viên Đại sứ chẳng cần phải hỏi cũng biết hấn có đạt được kết quả không. Romanov vừa nói vừa đưa bức tranh Thánh cho ông ta. - Mọi việc diễn biến như tôi đã định. Hấn hoàn toàn bị bắt ngờ. Viên Đại sứ lật bức tranh lại để thấy chiếc vương miện nhỏ bằng bạc của Sa hoàng. Mọi hoài nghi trước đó của ông ta giờ đây tan biến hết. - Tôi sẽ ra lệnh gửi ngay bức tranh Thánh đi Wasington bằng bưu kiện ngoại giao. Không được lãng phí thêm chút thời gian nào nữa. Romanov nói: - Ước gì tôi có thể trực tiếp chuyển nó đi. - Thiếu tá, hãy thỏa mãn với việc đã hoàn thành xuất sắc phần việc của mình trong chiến dịch này. Viên Đại sứ ấn nút điện cạnh bàn làm việc, ngay lập tức hai người đàn ông xuất hiện. Một người cầm túi bưu kiện ngoại giao mở rộng trong khi người kia đứng im bên cạnh. Viên Đại sứ đưa bức tranh ra và nhìn bức tranh được đặt vào túi. Romanov thầm nghĩ trông hai sứ giả cứ như không hề quan ngại, sẵn sàng chuyển cả chiếc bàn làm việc của ngài Đại sứ đi vậy. Viên Đại sứ nói: - Một máy bay ở sân bay Heathrow sẽ đưa các anh bay thẳng đến Washington. Mọi giấy tờ cần thiết làm thủ tục hải quan đã được giải quyết. Các anh sẽ đến sân bay Quốc gia quãng năm giờ chiều theo giờ Washington nên có thể tạo điều kiện thuận lợi cho các đồng sự của chúng ta ở Mỹ kịp thời gian hoàn tất các thủ tục của họ theo hiệp ước. Hai người đàn ông gật đầu, niêm phong bưu kiện ngoại giao trong sự hiện diện của viên Đại sứ rồi đi ra. Romanov bước lại cửa sổ theo dõi chiếc xe công vụ chở hai sứ giả chạy vào đường cao tốc Kensington về phía sân bay Heathrow. - Một li vết ka, thiếu tá? - Cảm ơn. Romanov đáp, vẫn không rời khỏi cửa sổ cho đến khi chiếc xe

chạy khuất. Viên Đại sứ đi vào phòng bên cạnh lấy trong tủ lạnh ra hai cốc, một chai rượu và rót cho Romanov một cốc vodka đầy. Ông ta nói và nâng cốc rượu lên: - Thật không cường điệu chút nào khi nói cậu đã góp phần đưa nước ta thành một quốc gia hùng mạnh nhất thế giới. Chúng ta hãy uống chúc mừng sự hồi hương của nhân dân Aleuts trở về thành những công dân Nga. Romanov hỏi: - Khả năng đó ra sao? Viên Đại sứ nói: - Tôi nghĩ rồi đây anh sẽ biết ý nghĩa chiến công của mình. Sau đó ông ta tiếp tục nói với Romanov về bản thông báo tóm tắt ông mới nhận được sáng nay. Romanov mừng thầm vì ông ta không hề biết tình thế ngàn cân treo sợi tóc của hắn vừa qua. Viên Đại sứ nói tiếp: - Tôi đã hẹn gặp ngoại trưởng vào lúc ba giờ chiều nay để thông báo tóm tắt cho ông ta. Chúng ta có thể tin rằng người Anh bao giờ cũng chỉ có lợi khi “chơi đẹp” thôi. Tôi được biết ông ta chẳng hài lòng chút nào vì không được đóng vai trò người tạo ra lễ hội như hy vọng. Người Anh có một số ý nghĩ thật lạ đời về việc làm thế nào có thể giữ cho hệ thống của họ hoạt động được liên tục... Romanov cười to và nâng cốc hỏi: - Chúc mừng Aleuts. Nhưng lúc này chuyện gì đang xảy ra ở Wasington? – Đại sứ của ta đã yêu cầu gặp ngoại trưởng Mỹ vào lúc tám giờ tối nay. Ông ta cũng sẽ tổ chức một cuộc họp báo tại Sứ quán sau cuộc gặp đó. Chắc anh sẽ thấy buồn cười khi biết tổng thống Mỹ đã hủy bỏ chuyến đi Texas vào ngày nghỉ cuối tuần này và yêu cầu các mạng lưới truyền thông bố trí cho ông ta nói chuyện với “Đồng bào Mỹ thân mến” về một vấn đề quốc gia hệ trọng. Romanov vừa nói vừa tự rót cho mình một cốc vodka nữa. – Mà chúng ta chỉ vừa đạt được trước đó có vài giờ? – “Đầu xuôi đuôi lọt”, như câu ngạn ngữ của Anh. Chúng ta cũng cảm ơn sự khác biệt về thời gian giữa Anh và Hoa Kỳ bởi vì không có cái đó chúng ta sẽ không bao giờ đến kịp giờ quy định. Romanov rung mình với ý nghĩ mọi việc đã được giải quyết vào phút chót như thế nào, hắn nốc một ngụm hết cốc vodka thứ hai. – Thiếu tá phải ở đây dùng cơm trưa với tôi. Mặc dù có chỉ thị anh phải về ngay nhưng bí thư của chúng tôi đảm bảo là chuyến máy bay đầu tiên rời Heathrow sẽ không cất cánh trước tám giờ tối nay. Tôi ghen tỵ với anh về buổi đón tiếp anh sẽ được hưởng khi trở về nước ngày mai đây. – Tôi còn cần 1000 bảng Anh để... Viên Đại sứ nói: - À, được. Tôi đã để sẵn cho anh. Ông ta mở khóa chiếc ngăn kéo nhỏ bàn làm việc của mình lấy ra một tập tiền mỏng gói bằng giấy bóng. Romanov đút vào túi áo và cùng đi ăn trưa với viên Đại sứ. Busch nhảy bổ vào văn phòng Lawrence kêu lên: - Romanov đã chiếm được bức tranh Thánh. Lawrence há hốc mồm, nét thất vọng hiện rõ trên mặt. Anh hỏi: - Tôi vừa nhận được tin từ Wasington. Người Nga đã yêu cầu gặp gỡ chính thức với ngoại trưởng Mỹ vào tám giờ tối nay. Lawrence nói: - Tôi không tin chuyện ấy. Busch nói: - Còn tôi thì tin. Chúng tôi luôn luôn biết tên bạn khốn kiếp của ông là một kẻ phản bội thối tha, y như cha hắn vậy. Không thể giải thích khác được. Lawrence nói: - Tôi mong như vậy, có lợi hơn cho hắn. Chuông điện thoại trên bàn làm việc của Lawrence bỗng réo vang. Anh chớp lấy nó như người chết đuối với được cọc. Cô thư ký nói: - Bác sĩ John Vance muốn nói chuyện với ông. Nói rằng ông dặn ông ấy gọi lại. Vance? Vance nào nhỉ? Lawrence cố nhớ lại cái tên ấy nhưng không nhớ được. Anh nói: - Bảo ông ta nói đi. Một giọng nói vang lên: - Chào ông Pemberton. – Chào bác sĩ Vance. Tôi có thể giúp ông điều gì ạ? – Ông có yêu cầu tôi gọi điện cho ông sau khi khám sức khỏe cho Scott. – Scott? Lawrence nhắc lại, không tin vào tai mình nữa. – Vâng, Adam Scott. Chắc là ông vẫn còn nhớ. Ông muốn ông ta hoàn tất việc khám sức khỏe để tuyển vào ban ông. Lawrence lặng đi không nói nên lời. Vị bác sĩ nói tiếp: - Tôi đã bào cho ông ta chứng nhận sức khỏe tốt. Ông ấy có một vài vết thương thâm tím khá nặng nhưng không sao cả, chỉ mấy ngày nữa là khỏi thôi. Lawrence nhắc lại: - Vết thương và thâm tím? – Có vậy tôi mới nói, ông bạn thân mến ạ. Nhưng

ông đừng lo cho Scott. Ông ta sẽ bình phục để đủ sức bắt đầu làm việc bất cứ lúc nào. Tôi báo vậy để ông biết nếu ông còn cần đến ông ta. Lawrence nhắc lại: - Nếu tôi còn cần đến ông ta? Có thể là lúc này Scott còn ở chỗ ông chăng? Vance nói: - Không. Ông ấy đã đi khỏi quãng mười phút rồi. Lawrence hỏi: - Ông ta có tình cò nói với ông là đi đâu không? - Không, ông ta không nói rõ. Chỉ nói qua là phải đi tiễn bạn ở sân bay. Sau khi cà phê được dọn đi, Romanov xem lại đồng hồ. Hắn còn dư thời gian để đến cuộc hẹn và kịp ra máy bay. Hắn cảm ơn viên Đại sứ vì đã giúp đỡ rất nhiều rồi tạm biệt ông ta, chạy xuống bậc tam cấp của Sứ quán và bước vào ghế sau chiếc xe màu đen. Người lái xe đi ngay không nói gì vì anh ta đã được dặn kỹ nơi viên thiếu tá muốn tới. Trong suốt lộ trình ngắn ngủi không ai nói với ai câu nào, đến phố Charlotte người lái xe cho xe đỗ lại lề đường, Romanov bước ra, nhanh chóng qua đường tiến đến cánh cửa hắn đang cần tìm và ấn nút chuông. Một giọng nói vang lên qua máy đàm thoại nội bộ: - Ông có phải là hội viên không? Romanov nói: - Phải. Cánh cửa mở cách một tiếng, hắn đi xuống cầu thang. Mất mấy giây mắt hắn mới quen dần với ánh đèn. Rồi hắn nhận ra viên cố vấn đang ngồi một mình sau chiếc bàn nhỏ cạnh cột nhà ở góc xa của văn phòng. Romanov gật đầu, người đàn ông đứng dậy đi qua sàn nháy rồi bước qua mặt hắn và bước vào nhà vệ sinh duy nhất, Romanov đi theo. Sau khi đã vào trong. Yên tâm, hai người cùng đi đến một phòng vệ sinh và mở cửa. Romanov rút một nghìn bảng Anh trong túi ra đưa cho người đàn ông đang ngồi trên bệ xí. Mentor mở gói giấy ra với vẻ tham lam, hắn cúi xuống xem và bắt đầu đếm. Hắn không nhận thấy Romanov đang duỗi các ngón tay ra. Romanov lật người hắn lại. Hắn mất mấy giây để nhặt mấy tờ mười bảng rơi trên nền nhà. Sau khi đã nhặt đủ một trăm tờ hắn đút hết vào túi áo Mentor. Sau đó Romanov lần lượt cởi các cúc quần của Mentor cho đến khi chiếc quần tụt xuống tận mắt cá. Hắn nâng nắp bệ xí đặt gã ngồi lên bệ. Động tác cuối cùng là xoay hai chân lão hội viên thật rộng hết cỡ mà chiếc quần đã tụt xuống cho phép va tách xa hai bàn chân ra. Sau đó Romanov vẫn để cửa khóa trái mà bò qua cái khe rộng phía dưới để ra ngoài. Hắn nhanh chóng kiểm tra lại việc dàn cảnh. Từ bên ngoài người ta chỉ thấy đôi chân xoay rỗng và chiếc quần tụt xuống. Sáu mươi giây sau Romanov trở lại xe để chạy tới sân bay Heathrow. Hai giờ trước khi chuyển bay của Hãng Hàng không Nga cất cánh, Adam đến sân bay Heathrow. Anh chọn một vị trí quan sát tốt chỉ cách nơi Romanov sẽ phải đi qua để ra sân bay có bốn mươi mét. Adam cảm thấy tự tin là anh sẽ không bao giờ phải chạm đến bậc thang của Aeroflot. Romanov làm thủ tục tại bàn của hãng Hàng không Anh lúc hơn sáu giờ một chút. Hắn không thể không nói là đi trên máy bay của Hãng Hàng không Anh thì thích hơn máy bay của Hãng Hàng không Nga, mặc dù hắn biết Yuri sẽ cau mày trước sự ngạo mạn đó. Chỉ có điều hắn không tin rằng sẽ có ngày nào ai đó có thể bình luận về điều này. Sau khi đã nhận thẻ lên máy bay, hắn lên thang máy đi đến phòng đợi ngồi chờ đến lượt. Bao giờ cũng vậy, vào lúc một chiến dịch kết thúc, điều mong muốn nhất của hắn là được về nhà. Hắn rời chỗ ngồi để rót một cốc cà phê, khi đi qua chiếc bàn giữa phòng hắn liếc thấy dòng tít của tờ báo London Evening Standard đập vào mắt. Dòng chữ to tướng: “Ngày nghỉ cuối tuần ở Texas của Tổng thống Mỹ bị hủy bỏ - Một điều bí hiểm”. Romanov giật lấy tờ báo trên bàn đọc đoạn đầu nhưng nó không có thông tin gì hơn ngoài những điều mà hắn biết. Thậm chí không một suy luận nào trong đoạn tin cho phép tiến gần đến sự thật. Romanov không thể đợi để xem trang đầu tờ Sự thật số ra ngày hôm sau trong đó hắn sẽ biết câu chuyện hắn đã được thu dệt lại. Theo chuẩn mực phương Tây đó là sự độc quyền. “Hãng Hàng không Anh xin thông báo chuyển bay 117 chuẩn bị cất cánh. Xin mời các hành khách đi vé hạng nhất qua cổng số 23”. Romanov rời phòng đợi

để đi qua hành lang dài đến nửa dặm để ra máy bay. Lúc sáu giờ năm mươi hắn đi qua đoạn sân rải nhựa để đến chiếc máy bay đang đợi khách. Chiếc máy bay chở bức tranh Thánh chắc sẽ hạ cánh xuống sân bay Wasington trong vòng hai giờ nữa. Romanov bước lên cầu thang vào máy bay, bước qua chân một hành khách ngồi bên cạnh và mừng thầm vì được ngồi cạnh cửa sổ. Cô tiếp viên hỏi: - Các ngài có uống chút gì trước khi bay không ạ? Người ngồi cạnh nói: - Cho tôi xin cà phê đen. Romanov cũng gật đầu đồng ý. Mấy phút sau người tiếp viên trở lại mang theo hai tách cà phê và giúp người ngồi cạnh Romanov kéo chiếc bàn ăn từ thành ghế ra. Romanov né người sang bên khi cô tiếp viên đặt tách cà phê trước chỗ hắn. Hắn uống một ngụm cà phê nóng quá nên lại để xuống bàn. Người ngồi bên cạnh lấy trong túi ra một gói đường xắc ca rin, gạt hai mảnh vào tách cà phê nóng đang bốc khói. Việc gì phải lo lắng như vậy. Cuộc đời ngắn ngủi lắm – Romanov thầm nghĩ. Hắn nhìn chăm chú qua cửa sổ theo dõi chiếc máy bay hãng Hàng không Nga bắt đầu chạy ra đường băng và mỉm cười với ý nghĩ chuyến bay của mình tiện nghi hơn biết bao nhiêu. Hắn nhấp tách cà phê lần thứ hai thấy rất vừa ý. Hắn uống một hớp dài, bắt đầu cảm thấy mơ màng. Cũng chẳng lạ vì cả tuần vừa qua hắn mất ngủ ghê gớm kia mà. Hắn ngả người tựa lưng vào thành ghế nhắm mắt lại. Giờ đây hắn sẽ được nhận mọi vinh dự Nhà nước sắp dành cho hắn. Cùng với việc Valchek rõ ràng bị gạt qua lề đường, hắn có thể còn qua mắt cả Zaborski nữa. Còn nếu điều đó không thành thì ông nội hắn đã dành cho hắn một phương án khác. Hắn chỉ rời London với một hối tiếc duy nhận: không giết được Scott. Nhưng chắc người Mỹ sẽ lo liệu điều đó. Lần đầu tiên trong tuần hắn không bắt mình phải cưỡng lại cơn buồn ngủ... Mấy phút sau người hành khách ngồi cạnh Romanov cầm tách cà phê của Romanov lên để cạnh tách của mình. Sau đó anh ta lật lại cái bàn nhỏ vào thành ghế và phủ chiếc khăn len lên đùi Romanov. Anh ta nhanh nhẹn lấy chiếc kính râm của Hãng hàng không Anh đeo lên mặt Romanov để che đôi mắt mở trừng trừng của hắn. Anh nhìn thấy cô tiếp viên đang đứng cạnh mình. Cô mỉm cười hỏi: - Tôi có thể giúp gì cho ông được không? – Không, cảm ơn. Ông ta chỉ nói là không muốn bị quấy rầy trong suốt chuyến bay bởi vì tuần vừa qua đã phải làm việc rất căng thẳng. Cô tiếp viên nói: - Tất nhiên được ạ - Cô lấy hai tách cà phê đi và nói thêm – Chỉ mấy phút nữa là máy bay sẽ cất cánh. Người đàn ông suốt ruột gõ ngón tay lên bàn. Cuối cùng người tiếp viên trưởng xuất hiện và đến bên cạnh ông ta: - Thưa ngài, có điện khẩn từ văn phòng gọi cho ngài. Ngài phải trở về Nhà trắng ngay. Ông ta thừa nhận: - Tôi cũng đang chờ điều đó. Adam nhìn về chiếc máy bay Nga cất cánh và lượn nửa vòng để bay về phương Đông. Anh không hiểu được tại sao Romanov không đáp chuyến này. Chắc chắn hắn ta cũng không lên máy bay Hãng Hàng không Anh. Chợt Adam lẩn vội vào bóng tối. Anh nhìn chăm chăm không tin vào mắt mình. Lawrence đang rào bước qua đường nhựa, một nụ cười mãn nguyện thoáng hiện trên mặt

*

* *

ĐOẠN KẾT

Phố New Bond Sotheby's London W1 ngày 18 tháng Mười năm 1966

Đoạn kết

- Đã bán cho quý ông ở giữa phòng với giá năm nghìn bảng Anh. Bây giờ chúng tôi chuyển sang lô 32.

Người rao bán đấu giá vừa nói vừa nhìn xuống cái sàn được tôn cao trước gian phòng đầy người. Khi người nhân viên đặt bức tranh nhỏ lên chiếc giá gỗ bên cạnh anh ta nói to:

- Bức tranh *Thánh George và con Rồng*.

Người rao giá nhìn lướt qua các chuyên gia, người chơi tranh nghiệp dư và khán giả. Anh hỏi về chờ đợi:

- Các vị trả giá bao nhiêu cho tác phẩm kỳ diệu của nghệ thuật Nga này?

Robin nắm chặt tay Adam.

- Kể từ khi đối mặt với Romanov em chưa bao giờ cảm thấy hồi hộp như thế này.

Adam nói:

- Em đừng làm anh nhớ lại chuyện đó nữa.

Người rao giá nói tiếp:

- Tất nhiên đây không phải là nguyên bản hiện đang treo tại Cung điện Mùa đông, tuy nhiên đây là phiên bản tuyệt vời do một họa sĩ triều đình Nga vẽ vào khoảng năm 1914 – Anh ta nói thêm, mắt nhìn vào bức tranh nhỏ với nụ cười tán thưởng- Tôi có thể rao giá trước được không ạ? Giá mở đầu là tám nghìn.

Mấy giây trôi qua, đối với Adam và Robin thì dường như dài vô tận.

- Cảm ơn ông.

Cuối cùng người rao giá nói, mắt nhìn về phía một người ra hiệu muốn dấu tên đang đứng đầu đó phía trước phòng.

Cả Robin lẫn Adam đều không thấy được tấm biển đặt giá ở đâu. Họ đã mất một giờ đồng hồ ngồi phía sau phòng xem các mặt hàng bán đấu giá trước đó để rồi khó mà biết được cuối cùng chúng sẽ về tay ai.

Robin hỏi:

- Tay chuyên gia nói có thể bán được bao nhiêu?

Adam nhớ lại:

- Đâu khoảng từ mười đến hai mươi nghìn.
- Chín nghìn.

Người rao giá nói, mắt nhìn về phía tấm biển đặt giá xuất hiện phía bên phải phòng.

Robin nói:

- Em vẫn nghĩ thật buồn cười là có lúc nào đó người Nga đã đồng ý việc trao đổi này.

Adam hỏi:

- Tại sao vậy? Sau khi người Mỹ đã lấy được cái hiệp ước ấy ra thì không có gì hại cả khi để cho người Nga được lấy lại nguyên bản của họ và đổi cho anh phiên bản mà về pháp lý thuộc quyền sở hữu của anh. Quả là mẩu mực về sáng kiến ngoại giao, thế mới gọi là Lawrence sáng chói.

Người rao giá nói:

- Vị ở phía trước phòng đặt mười nghìn. Xin cảm ơn ngài.
- Anh sẽ làm gì với số tiền này?
- Mua một chiếc công tơ bass mới, sắm quà cưới cho em gái, còn lại đưa hết cho mẹ anh.
- Mười một nghìn, một vị ở lối đi giữa - người rao giá nói. Cảm ơn bà.

Robin nói khẽ:

- Chẳng tiền bạc nào có thể trả lại cuộc sống cho Heidi cả.

Adam gật đầu tán thành vẻ suy tư.

- Cuộc gặp với bố mẹ Heidi vừa qua như thế nào?
- Ông ngoại trưởng đã trực tiếp gặp họ tuần trước. Cũng chẳng giúp gì được nhưng ít ra thì ông ấy cũng khẳng định được là anh đã nói đúng sự thật.
- Người rao giá lại nhìn về phía trước phòng:
- Mười hai nghìn.
- Anh đã gặp ngoại trưởng chưa?
- Adam đáp:
- Trời ơi. Anh còn quá tầm thường để gặp Ngoại trưởng. Anh thật may mắn gặp được Lawrence là tốt rồi, mặc kệ ông Ngoại trưởng.

Robin cười:

- Em cho rằng anh được xếp một chỗ trong Văn phòng Bộ Ngoại giao là quá hạnh phúc rồi.

Adam vừa nói vừa cười khúc khích:

- Đồng ý. Nhưng là một chỗ trống phát sinh bất ngờ.
- Anh nói “bất ngờ” nghĩa là thế nào?

Robin hỏi và thấy bất mãn vì hầu như Adam chẳng hề trả lời thẳng vào những câu hỏi của cô trong nửa giờ qua.

- Điều anh có thể trả lời em là một trong những đội viên cũ của Lawrence đã “về hưu non”.
- Sự thật về Romanov cũng thế sao?
- Robin hỏi, cố khám phá mọi điều đã xảy ra kể từ khi họ gặp nhau lần cuối cùng.
- Mười ba nghìn - Người rao giá nói, mắt nhìn về phía một quý bà ngồi ở lối đi giữa.
- Robin nói:
- Rốt cuộc đảng nào hắn cũng không thể sống sót lâu hơn nữa một khi bọn chúng phát hiện lúc ở trên cầu anh đã đánh tráo để đưa lại nguyên bản cho người Nga trong khi Romanov lại biếu anh phiên bản.

Adam nói một cách vô tư:

- Từ lúc ấy đến giờ người ta không nghe tin gì về hắn nữa. Và tất cả các nguồn tin của chúng ta đều cho hay là sếp Yuri sắp bị thay thế bởi một người nào đó cũng có tên là Yuri.
- Mười bốn nghìn - Người rao giá nói, mắt anh dừng lại vẫn trước quý ông ngồi ở phía trước.
- Khi anh đưa ra các hồ sơ chứng minh cha anh không phải là người đã chuyển lên thuốc độc vào xà lim cho Goering thì ra sao?
- Adam nói:

- Sau khi có những tài liệu do chính Nga xác nhận, Lawrence đã chính thức đến thăm viên đại tá trung đoàn trưởng và cung cấp cho ông ta những bằng chứng thuyết phục.

Robin nói:

- Phản ứng của họ ra sao?
- Người ta sắp tổ chức lễ tưởng niệm cha anh và giao nhiệm vụ cho một tay tên là Ward vẽ chân dung cha anh treo ở nhà ăn trung đoàn. Mẹ anh được mời đến cắt băng khánh thành trong sự hiện diện của tất cả các sỹ quan đã từng phục vụ với cha anh.

Người rao giá nói và nhấc chiếc búa nhỏ lên vài phân:

- Vậy là mười bốn nghìn cho lần đặt giá thứ nhất.

Robin nói:

- Chắc là mẹ anh sung sướng đến ngây ngất ấy nhỉ.

Adam nói:

- Mẹ anh không cầm được nước mắt. Bà ấy chỉ nói được: “Mẹ mong cho cha có thể sống lại để thấy cảnh này”. Thật mỉa mai. Giá như cha anh cứ bóc bóc thư ấy ra.

Người rao giá nói, lần này thì khua tít chiếc búa nhỏ lên:

- Mười bốn nghìn cho lần đặt giá thứ hai.

- Em có muốn dự bữa tiệc trưa trong buổi lễ kỷ niệm ở nhà hàng Ritz không? – Adam nói, anh sung sướng vì cuộc đấu giá diễn ra suôn sẻ.

- Không, cảm ơn.

Adam nhìn người bạn gái đồng cam cộng khổ với mình một cách ngạc nhiên.

- Sẽ không vui lắm nếu mỗi lần hỏi anh câu gì, em chỉ được trả lời bằng bản thông báo vắn tắt của Văn phòng Bộ Ngoại giao thôi.

Adam có vẻ ngượng ngập, anh nói:

- Anh xin lỗi.

Robin nói:

- Như vậy là không công bằng. Bây giờ anh đang trong cuộc, cho nên không dễ dàng gì. Vậy chắc là em sẽ phải chết xuống mồ mà vẫn không biết rõ hiệp ước nào đã giấu ở bên trong bức tranh Thánh ấy.

Adam ngoảnh mặt đi không nhìn vào cô gái đã từng cứu sống mình.

- Hay là em sẽ tìm ra sự thật vào năm 1996, khi hồ sơ văn phòng được công bố?

Adam từ từ quay lại nhìn vào mặt cô:

- Alas...

Anh vừa bắt đầu nói thì chiếc búa của người rao giá đập xuống bàn nghe đánh thịch. Cả hai người đều ngẩng lên.

- Bức tranh đã được bán cho quý ông ở phía trước với giá mười bốn nghìn bảng Anh.

- Một cái giá không đến nỗi tệ lắm.

Adam mỉm cười nói. Robin khẽ đáp:

- Theo em đó là một giá hời.

Adam quay lại cô cười giễu cợt.

- Rốt cuộc thì – cô nói thầm – anh hãy tưởng tượng xem, cái bang thứ bốn mươi chín ấy cũng có thể được đem bán nếu nó rơi vào nhà bán đấu giá đấy.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>